

WILLIAM
HULKNER

Sanctuary

Thánh địa
TỘI ÁC

Tiểu thuyết



vh

Nhà xuất bản
Văn học



Thánh Địa Tội Ác

William Faulkner

Dịch giả: **TRẦN NGHI HOÀNG**

NXB: Văn học

Phát hành: **Công ty Sách Bách Việt**

Năm: **2012**

Dựa theo nguyên tác: **Sanctuary - Random House - 1931**

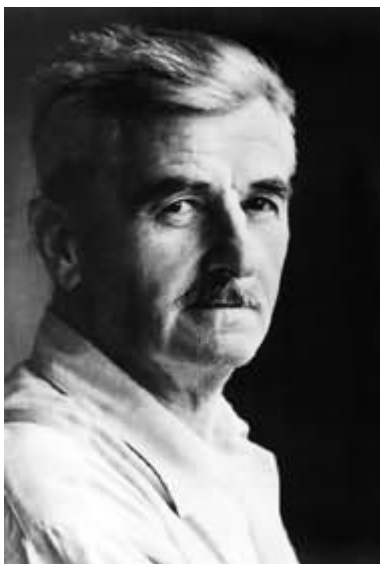
Nguồn sách và ảnh: **[VCTVEGROUP]**

Chuyển thể ebook: **amylee**

tve-4u.org

William Cuthbert Faulkner

(tên khai sinh là Falkner)



Là một nhà văn nổi tiếng người Mỹ, ông được trao giải Nobel Văn học vào năm 1949. Sánh vai với Mark Twain, Robert Penn Warren, Flannery O'Connor, Truman Capote, Eudora Welty, Thomas Wolfe, Harper Lee và Tennessee Williams, ông trở thành một trong những nhà văn quan trọng nhất của nền văn học miền Nam nước Mỹ.

William Faulkner, một trong những nhà văn vĩ đại nhất của thế kỷ XX, sinh ngày 25/09/1897 tại New Albany, Mississippi. Ông xuất bản cuốn sách đầu tiên, *The Marble Faun* vào năm 1924, một tuyển tập những bài thơ nhưng lại giống như biên niên sử văn học về cuộc sống ở các tiểu bang của miền Nam nước Mỹ, đặc biệt về địa danh hư cấu Yoknapatawpha, khung cảnh cho một số tiểu thuyết sau này của ông. Chẳng hạn như cuốn *Sanctuary* (1931), *The Hamlet* (1940), *The Town* (1957) và *The Mansion* (1959), ông miêu tả tỉ mỉ đời sống nội chiến ở miền Nam, chú trọng vào cuộc đời các nhân vật (đặc biệt là những thành viên trong gia đình Snopes) và sự thay đổi đạo đức trong một xã hội đang ngày càng suy đồi. Những tiểu thuyết khác của ông bao gồm *The Sound and the Fury* (1929), *As I Lay Dying* (1930), *Light in August* (1932), *Absalom! Absalom!* (1936), *The Unvanquished* (1938), *Intruder in the Dust* (1948), *Requiem for a Nun* (1951), *A Fable* (1954) và *The Reivers* (1962).

Hai tác phẩm sau cùng đã đem lại cho ông giải thưởng Pulitzer cao quý. Đồng thời ông cũng là tác giả của nhiều tập truyện ngắn, thơ và tiểu luận.

Bằng việc kết hợp chủ nghĩa tượng trưng với tiểu thuyết dòng ý thức, ông đã sáng tạo nên một phương pháp viết tiểu thuyết mới. Vào năm 1949, ông đã vinh dự nhận giải Nobel Văn học.

William Faulkner mất tại Byhalia, Mississippi, ngày 06/07/1962.

Thánh địa tội ác là một cuốn tiểu thuyết đi sâu vào nghiên cứu bản chất của tội ác, chứa đựng nhiều yếu tố ly kỳ, bí ẩn, dựa trên những truyền thuyết dân gian của địa phương và vụ bắt cóc có thật xảy ra với Temple Drake, thiếu nữ mười bảy tuổi, vô cùng trong sáng ngây thơ nhưng đã bị dẫn dắt vào thế giới ngầm tại Memphis - nơi cô bị những tên xã hội đen giam giữ.

Xuyên qua khe hở của những bụi rậm bao bọc quanh con suối, Popeye quan sát người đàn ông đang uống nước. Một đường mòn dẫn từ con đường đến suối. Popeye quan sát người đàn ông - một người cao, gầy, không đội mũ, mặc chiếc quần bằng vải flannel xám và khoác trên tay chiếc áo khoác bằng len sần sùi - bắt đầu từ lúc anh ta xuất hiện từ đường mòn cho tới khi quỳ xuống bên dòng suối uống nước.

Dòng suối bắt nguồn từ chỗ rễ sỏi và chảy lên trên những xoáy cát. Nó được bao bọc bởi lũ cây mây, thạch nam và bách già cỗi, được viền bởi những tia sáng mặt trời không biết từ hướng nào rọi tới. Đâu đó, ẩn trong chốn bí mật gần đây, một con chim hót lên ba tiếng rồi ngưng.

Ở suối, người đàn ông uống nước nghiêng mặt vào dòng nước với vô vàn tia lấp lánh. Khi ngước lên, anh ta nhìn thấy phản chiếu cái mũ của Popeye, mặc dù không hề nghe thấy một tiếng động nào.

Anh đã nhìn thấy, đối diện với mình, bên kia con suối một gã đàn ông nhỏ bé, hai bàn tay của hắn thọc trong túi áo khoác, một điều thuốc nghiêng xuống cằm. Bộ trang phục màu đen đi cùng áo khoác thắt eo cao. Chiếc quần đóng đầy bunn của hắn xấn lên một đoạn trên đôi giày cũng lấm lem bunn. Mặt hắn kỳ quặc, thiếu máu, cứ như là bị nhìn xuyên qua ánh đèn điện; dưới cái nắng tĩnh lặng, cái mũ của hắn nghiêng nghiêng, hai cánh tay mảnh khảnh chống nạnh, hắn có nét hần học, nông cạn của dấu in trên thiếc mạ.

Phía sau hắn, con chim lại hót ba nhịp đơn điệu liên tục lặp lại: âm thanh vô nghĩa vọng ra từ tiếng thở dài và sự yên bình theo sau một cách tĩnh lặng đó dường như để cô lập chốn ấy, thoát ra sau một giây kế tiếp là âm thanh của một chiếc ô tô băng qua rồi tắt lịm phía xa.

Người đàn ông uống nước đã quỳ xuống cạnh con suối.

“Tao tin rằng mày có một khẩu súng lục trong túi”, gã đàn ông hần học nói.

Bên kia con suối, Popeye đã xuất hiện và dò xét người đàn ông đang uống nước bằng đôi mắt giống như hai cục cao su đen mềm. “Tao đang hỏi mày đấy”, Popeye nói. “Cái gì đang nằm trong túi của mày?”

Áo khoác của người đàn ông nọ vẫn còn vắt trên cánh tay. Anh đưa tay kia về phía áo khoác, lôi ra từ một túi cái mũ phớt nhàu nát, từ túi kia một cuốn sách. “Túi nào?”, anh ta hỏi.

“Đừng đưa tao xem”, Popeye nói. “Nói thôi.”

Người đàn ông kia dừng tay. “Nó là một cuốn sách.”

“Sách gì?”, Popeye hỏi.

“Chỉ là một cuốn sách thôi. Loại mà một số người vẫn đọc.”

“Mày đọc sách à?”, Popeye hỏi.

Bàn tay người đàn ông bắt động phía trên chiếc áo khoác. Từ hai bên bờ suối, hai người canh chừng nhau. Điều thuốc tỏa hơi khói yếu ớt bay ngang mặt Popeye, một bên mặt của hắn nghiêng nghiêng tương phản với làn khói giống như một chiếc mặt nạ được khắc chạm với hai biểu cảm cùng lúc.

Từ chiếc túi bên hông, Popeye lấy ra một chiếc khăn tay bẩn thỉu và trải lên mặt đất bên cạnh gót chân. Rồi hắn ngồi xuống, đối diện người đàn ông bên kia suối. Lúc ấy là khoảng bốn giờ chiều tháng Năm. Họ ngồi như vậy, đối diện nhau bên hai bờ suối, suốt hai giờ đồng hồ. Thỉnh thoảng con chim lại hót từ phía đầm lầy, như thể nó làm việc theo giờ vậy và hai lần nữa tiếng những chiếc ô tô vô hình chạy dọc theo đường chính vang lên rồi tắt lịm phía xa. Con chim lại cất tiếng hót.

“Dĩ nhiên anh không biết tên của nó”, người đàn ông bên kia con suối nói. “Tôi không cho là anh biết chút gì đó về chim, ngoại trừ chim hót trong lồng ở phòng khách của khách sạn hoặc con chim có giá bốn đô la nằm trên một cái đĩa.” Popeye không nói gì. Hắn ngồi xổm trong bộ com lê đen chật bó, khạc nhổ xuống con suối, túi áo khoác bên phải của hắn xệ xuống sát vào hông, gói thuốc cong queo co rúm trong bàn tay nhỏ như tay búp bê. Hắn nhổ xuống dòng suối. Làn da xanh xao, nhợt nhạt. Cái mũi khoằm mờ nhạt và hoàn toàn không có cảm. Mặt của hắn giống như mặt của một con búp bê

bằng sáp để quá gần lửa nóng và bị bỏ quên. Vắt ngang qua áo gi lê là một sợi dây bạc giống như mạng nhện. “Nhìn đây”, người đàn ông kia nói. “Tên tôi là Horace Benbow. Tôi là luật sư ở Kinston. Tôi từng sống ở Jefferson, phía xa kia; bây giờ, tôi đang trên đường tới đó. Bất cứ ai trong vùng này cũng có thể nói với anh rằng tôi vô hại. Nếu vấn đề là rượu whiskey thì tôi chẳng quan tâm anh sản xuất hay mua bán bao nhiêu đi chăng nữa. Tôi chỉ dừng ở đây để uống nước. Tất cả những gì tôi muốn làm là đến thị trấn, đến Jefferson.”

Đôi mắt của Popeye tựa như hai cục cao su được nhào nặn và in lại những vết mờ nhạt của vân tay.

“Tôi muốn đến Jefferson trước khi trời tối”, Benbow nói. “Anh không thể giữ tôi lại đây như thế này.”

Không lấy điều thuốc ra khỏi miệng, Popeye phun nó vào lòng suối.

“Anh không thể giữ tôi lại như thế này”, Benbow nói. “Giả sử tôi thoát ra và bỏ chạy.”

Popeye dán đôi mắt như cao su của hắn lên Benbow. “Mày muốn bỏ chạy à?”

“Không”, Benbow trả lời.

Popeye dờ hai mắt của hắn đi: “Ừ, vậy thì đừng làm”.

Benbow lại nghe thấy tiếng chim, cố gắng nhớ lại tên địa phương của nó. Trên con đường cái phía xa, tiếng một chiếc ô tô khác lại vang lên, rồi tắt lịm. Mặt trời đã dần khuất bóng. Popeye lấy chiếc đồng hồ quả quýt từ túi quần ra, nhìn vào nó và bỏ lại túi, thông nhẹ như một đồng xu.

Nơi lối đi từ dòng suối nhập vào con đường nhánh phủ cát, có một cái cây vừa mới bị đốn hạ không lâu, chắn ngang đường. Hai người đàn ông đã leo qua cái cây đổ và đi tiếp, đường cái giờ ở phía sau họ. Trong cát có hai vết lõm xuống song song khá nông, nhưng không phải dấu chân người. Nơi ngã rẽ từ chỗ nước suối ngầm qua con đường, Benbow đã thấy vết bánh xe chạy nhanh. Popeye đi phía trước anh ta, bộ com lê bó chặt và chiếc mũ cứng ngắc - tất cả đều góc cạnh, giống như một cái trụ đèn hiện đại.

Qua hết cát, con đường đã hiện ra, quanh co, vượt khỏi cánh rừng. Trời đã gần tối. Popeye ngoái đầu, nhìn nhanh qua vai. “Nhanh cái chân lên”, hấn nói.

“Tại sao chúng ta không đi tắt qua đồi?”, Benbow hỏi.

“Xuyên qua rừng cây đó hả?”, Popeye hỏi. Hấn giật mạnh cái nón, ánh mắt độc ác, u ám trong cảnh chạng vạng khi nhìn xuống ngọn đồi nơi khu rừng nằm đó như một cái hồ đen tuyền. “Lạy Chúa.”

Trời sắp tối hẳn. Dáng đi của Popeye rất chậm chạp. Bây giờ hấn bước kề bên Benbow và Benbow có thể liên tục trông thấy cái mũ thình lình quay mạnh từ bên này qua bên kia lúc Popeye nhìn đây đó với kiểu hấn học đê tiện. Cái mũ chỉ tới cằm của Benbow.

Rồi một cái bóng mờ ảo với tốc độ cực nhanh lao về phía trước, đâm vào hai người và lướt đi lặng lẽ trên cặp cánh căng, để lại một luồng gió nhẹ giữa mặt bọn họ, Benbow nhận thấy cả cơ thể Popeye bật sát vào anh ta, bàn tay của hấn quắp vào áo khoác của Benbow. “Nó chỉ là một con cú”, Benbow nói. “Không có gì đâu, chỉ là một con cú thôi mà.” Rồi anh ta nói: “Họ gọi con hồng tước Carolina đó là chim bói cá. Chính là nó. Vậy mà lúc ở dưới kia, tôi không thể nhớ ra”, Popeye đang núp vào anh, bầu vào áo anh và tiếng rít qua kẽ răng của hấn giống như một con mèo. Nó có mùi đen tối, Benbow suy nghĩ, nó có mùi giống như cái chất màu đen tuôn ra từ mồm của Bovary⁽¹⁾ và chảy xuống mạng che mặt của cô ta vào lúc người ta nhắc đầu cô nàng lên.

Một giây sau đó, bên trên khu rừng lờm chờm đen kịt, căn nhà sáng lên với cái đèn lồi thò, tương phản với bầu trời tăm tối.

* * *

Căn nhà đã bị bùn lầy nước đọng tàn phá nên trông càng hoang vắng, trơ trụi nhô ra ở một lùm tuyết tùng nhỏ không được cắt xén. Nó đã từng là một mốc ranh giới, với cái tên địa phương là Old Frenchman, được dựng lên trước Nội Chiến; một loại nhà theo kiểu đồn điền nằm giữa dải đất rộng có những cánh đồng bông gòn, vườn tược và bãi cỏ xanh mà từ lâu đã biến thành rừng hoang, mọi người trong vùng lân cận đã kéo nó xuống dần từng mảnh để làm củi sưởi trong năm mươi năm hoặc thỉnh thoảng bí mật đào xới với

sự lạc quan rằng người xây căn nhà này đã chôn vùi một món vàng ở đâu đó khi Grant đi ngang qua vùng này trong chiến dịch Vicksburg của ông ta.

Ba người đàn ông đang ngồi trên những chiếc ghế ở cuối hiên nhà. Ở sâu trong cái hành lang trống, ánh đèn yếu ớt hắt ra. Hành lang chạy thẳng ra phía sau căn nhà. Popeye leo lên những bậc thang, ba người đàn ông nhìn hắn ta và người đồng hành của hắn. “Đây là ông giáo sư,” hắn nói, không dừng bước. Hắn vào trong nhà, tới chỗ hành lang. Hắn tiếp tục đi xuyên ra phía hiên sau, rẽ ngoặt và bước vào căn phòng có ánh đèn. Đó là nhà bếp. Một người phụ nữ đang đứng chỗ bếp lò. Cô ta mặc chiếc váy hoa liền thân bạc màu. Dưới chân là một đôi giày leo núi của đàn ông, không thắt dây, lỏng thong khi cô ta di chuyển. Cô ta quay nhìn Popeye, rồi trở lại nhìn cái bếp lò, nơi một chảo thịt đang xì xèo.

Popeye đứng ngay cửa. Cái mũ của hắn nghiêng nghiêng ngang mặt. Hắn lấy ra một điều thuốc từ túi quần, không lôi cả gói, vo kẹp, vuốt kéo, đặt nó vào mồm và bật một que diêm vào móng tay cái. “Có một con chim ngoài sân trước”, hắn nói.

Người phụ nữ không nhìn xung quanh. Cô ta đang đảo thịt. “Tại sao lại nói với tôi?”, cô ta hỏi. “Tôi không phục vụ khách của Lee.”

“Đó là một giáo sư”, Popeye nói.

Người phụ nữ quay lại, một cái nĩa sắt lủng lơ trên tay. Phía sau bếp lò, trong bóng tối, là một thùng gỗ. “Ai cơ?”

“Giáo sư”, Popeye nói. “Anh ta mang theo một cuốn sách.”

“Anh ta làm gì ở đây?”

“Tôi không biết. Tôi không nghĩ là phải hỏi. Có thể để đọc cuốn sách.”

“Anh ta đã đến đây?”

“Tôi tìm thấy anh ta ở chỗ con suối.”

“Anh ta cố tìm cái nhà này ư?”

“Tôi không biết”, Popeye nói. “Tôi không nghĩ là phải hỏi.”

Người phụ nữ vẫn nhìn hắn. “Tôi sẽ gửi anh ta đến Jefferson trên xe tải”, Popeye nói. “Anh ta bảo muốn đến đây.”

“Tại sao kể cho tôi mấy chuyện này?”, người phụ nữ hỏi.

“Cô là người nấu ăn. Anh ta sẽ muốn được ăn gì đó.”

“Phải”, người phụ nữ nói. Cô ta quay lại cái bếp lò, “Tôi là người nấu ăn. Tôi nấu ăn cho đám mời chài, đám ăn bám và đám gia súc. Đúng vậy. Tôi phải nấu ăn.”

Ở bên cánh cửa, Popeye theo dõi người phụ nữ, điều thuốc cong queo vắt ngang mặt hắn. Hai bàn tay hắn để trong túi quần. “Cô có thể bỏ đi. Tôi sẽ đưa cô về Memphis. Cô có thể tiếp tục xoay xở ngược xuôi.” Hắn quan sát sau lưng người phụ nữ. “Ở đây, cô trở nên phát phì. Từ bỏ nơi quê mùa này đi. Tôi sẽ không kể cho bọn ở đường Manuel biết đâu.”

Người phụ nữ quay lại với cái nĩa trên tay. “Đồ con hoang”, cô ta nói.

“Chắc rồi”, Popeye nói. “Tôi sẽ không kể với bọn chúng rằng Ruby Lamar bây giờ tụt dốc thê thảm ở nơi quê mùa này, đang đi một đôi giày mà Lee Goodwin đã vứt bỏ, đang tự chẻ củi. Không, tôi sẽ nói với họ là Lee Goodwin đang giàu to.”

“Đồ con hoang”, người đàn bà nói. “Đồ con hoang.”

“Chắc vậy rồi,” Popeye nói. Rồi hắn xoay đầu. Có tiếng chân lê qua hiên, rồi một người đàn ông bước vào. Người ông ta gập về phía trước trong chiếc áo khoác. Ông ta đi chân trần, chính là bàn chân trần mà người ta đã từng nghe nói đến. Ông ta có mái tóc bờm xờm cháy nắng, ẩm ướt và hôi hám, đôi mắt trắng đục hung dữ, một bộ râu ngắn màu vàng bẩn thỉu.

“Tôi là con chó nếu thằng này đang không gây chuyện ở đây”, ông ta nói.

“Ông muốn gì?”, người phụ nữ hỏi. Người đàn ông mặc áo khoác không trả lời. Trong lúc ngang qua, ông ta liếc nhìn Popeye một cách kín đáo và cảnh giác, mặc dù ông ta trông như thể đang chờ đúng lúc để cười cợt. Ông ta băng ngang nhà bếp với dáng đi kéo lê giống một con gấu với thái độ cảnh giác cùng hân hoan kín đáo, ông ta di chuyển một cái bàn lung lay trên sàn nhà và lấy ra một chiếc bình. Popeye theo dõi ông ta, hai ngón tay trở xỏ trong túi áo gi lê, điều thuốc (hắn ta đã hút gần tàn mà chẳng cần chạm tay vào nó)

cong queo vắt ngang mặt. Biểu cảm của hắn hoang dã, đúng hơn là hiểm ác, âm thầm theo dõi người đàn ông mặc áo khoác đi qua với sự cảnh giác rụt rè, chiếc bình được giấu dưới hông một cách vụng về, ông ta đang theo dõi Popeye, vẫn với thái độ cảnh giác và sẵn sàng cười cợt, mãi đến khi rời khỏi căn phòng. Một lần nữa, họ lại nghe thấy tiếng chân trần của ông ta ngoài hiên nhà.

“Tôi thừa nhận”, Popeye nói, “tôi sẽ không nói với bọn trên đường Manuel rằng Ruby Lamar đang nấu ăn cho một gã ngốc nghếch cùng một gã nhu nhược”.

“Đồ con hoang”, người phụ nữ nói, “Đồ rác rưởi”.

(1) Một nhân vật trong cuốn tiểu thuyết *Bà Bovary* của nhà văn Gustave Flaubert. Emma - bà Bovary (cô là vợ của Charles Bovary) vì thất vọng với hôn nhân và chán ghét cuộc sống tẻ nhạt, giả dối nên đã ngoại tình hết lần này tới lần khác. Khi dấn dít với gã nhân tình Rodolphe, Emma đã bị tên lái buôn L'heureux gạt gẫm mua sắm không tiếc tay và cô mắc nợ. L'heureux đe dọa nếu cô không trả được nợ thì hắn sẽ tịch thu tài sản. Emma hết hoảng tìm đến các tình nhân cũ nhờ giúp đỡ nhưng đều bị từ chối. Không dám thú thật với chồng, cô tuyệt vọng ra cửa hàng của dược sĩ Homer mua một liều thạch tín và tự tử.

Khi người phụ nữ đi vào phòng ăn, trên tay là một đĩa thịt, Popeye và người đàn ông tìm cái bình ở nhà bếp cùng người lạ đã ngồi sẵn ở cái bàn ăn đóng từ ba mảnh gỗ tạp sẵn sùi. Bước vào ánh sáng của ngọn đèn đặt trên bàn, khuôn mặt người phụ nữ chưa già nua nhưng ỉu rĩ, đôi mắt lạnh giá. Quan sát người phụ nữ, Benbow thấy cô ta không nhìn anh một lần nào khi cô ta đặt đĩa thức ăn lên bàn và đứng lại nhìn bàn ăn một lát như cách mà các bà nội trợ vẫn thường làm, rồi bỏ đi. Cô ta cúi xuống một chiếc thùng vẫn mở nắp ở góc phòng, lấy từ trong đó một cái đĩa, dao và nĩa, mang đến bàn và đặt trước mặt Benbow, rồi như vô tình, tay áo cô ta chạm nhẹ vào vai anh.

Lúc cô ta đang làm việc đó, Goodwin bước vào. Ông ta mặc chiếc áo khoác vấy bùn. Khuôn mặt gầy nhom biến dạng, xung quanh quai hàm là bộ râu đen lởm chởm; tóc của ông ta đã ngã hoa râm ở chỗ thái dương. Ông ta đang dìu một ông già với bộ râu dài màu trắng bần thiêu. Benbow nhìn Goodwin đặt ông già ngồi xuống ghế, ông ta ngoan ngoãn ngồi xuống với sự háo hức khốn khổ của người chỉ còn lại một giác quan, bởi ông ta vừa mù vừa điếc: một người đàn ông thấp lùn với cái đầu hói và khuôn mặt hồng hào, tròn trịa, phúng phính, đôi mắt bị đục nhân trông giống như hai cục đờm. Benbow nhìn ông già lấy một miếng giẻ rách bần thiêu từ trong túi ra và phun vào đó một thứ bã bọt hầu như không có màu, cái gì đó từng là thuốc lá sợi để nhai, rồi gấp miếng giẻ rách và nhét lại vào túi. Người phụ nữ chia phần từ đĩa thức ăn vào đĩa của ông già. Những người khác đã bắt đầu ăn, im lặng và đều đều, nhưng ông già ngồi đó, đầu ông ta cúi xuống cái đĩa, bộ râu nhúc nhích chậm chạp. Ông ta dò dẫm trên đĩa với bàn tay run rẩy thiếu tự tin và tìm ra một miếng thịt nhỏ, bắt đầu mút nó cho tới khi người phụ nữ quay lại, gõ vào đốt ngón tay của ông. Ông ta bỏ miếng thịt lại trên đĩa rồi Benbow nhìn người phụ nữ cắt nhỏ thức ăn trong đĩa, thịt, bánh mì và mọi thứ, sau đó đổ lúa miến lên trên. Benbow không quan sát nữa. Khi đã xong bữa ăn, Goodwin lại dìu ông già ra ngoài. Benbow quan sát hai người họ ra khỏi cửa và nghe tiếng họ đi lên hành lang.

Đám đàn ông quay lại chỗ hiên. Người phụ nữ đã dọn sạch bàn ăn và mang những cái đĩa xuống bếp. Cô ta đặt chúng lên bàn và đi đến cái thùng phía sau bếp lò, đứng ở đó một lúc. Sau đó cô ta quay lại, đặt đồ ăn tối của mình lên đĩa, ngồi vào bàn, ăn và châm một điều thuốc từ cái đèn dầu, rửa những cái đĩa rồi xếp chúng lên kệ. Tiếp theo, cô ta quay lên hành lang. Không ra ngoài hiên, cô chỉ đứng bên trong cánh cửa, lắng nghe câu chuyện của họ, lắng nghe người lạ nói và cái âm thanh nho nhỏ không rõ ràng khi họ chuyển cái bình có tay cầm vòng quanh. “Điều này thật ngu ngốc”, người phụ nữ nói, “Anh ta muốn gì...”. Cô ta lắng nghe giọng của người lạ; một giọng nói nhanh, yếu ớt đến kỳ dị, giọng của một người có thói quen nói rất nhiều, ngoài ra chẳng có gì. “Dù sao chẳng nữa cũng không được uống rượu”, người phụ nữ nói sau cánh cửa. “Tốt hơn là anh ta nên tiếp tục đi đến nơi mà anh ta muốn đến, nơi mà người đàn bà thân thiết của anh ta có thể chăm sóc cho anh ta.”

Cô lắng nghe anh ta. “Từ cửa sổ, tôi có thể nhìn thấy vườn nho và cả cái giàn nữa. Nhưng tới mùa đông, tất cả chỉ còn lại một cái giàn trống không. Điều đó lý giải tại sao chúng ta biết Tự nhiên là đàn bà; bởi vì có sự tương đồng giữa nhu cầu xác thịt của giống cái và mùa giống cái. Như vậy, mỗi mùa xuân tôi có thể nhận thấy sự xôn xao ngàn năm ẩn giấu trong vườn nho, đó là lời hứa cám dỗ màu xanh đầy bất ổn. Đó là điều mà những bông hoa nho đem tới. Không nhiều lắm, đó là một vùng hoang vu và những cái cây phun trào nhựa sống, hoa không nhiều hơn lá, ẩn giấu dưới cái giàn, cho đến khoảng cuối tháng Năm, trong lúc chạng vạng, tiếng nói của con bé - Belle Bé nhỏ - giống như tiếng thì thầm của chính loài nho dại. Con bé không bao giờ nói: ‘Horace, đây là Louis, Paul hay bất cứ người nào’, mà chỉ nói: ‘Horace ấy mà’. Ông hiểu không, khoác lên mình chiếc váy màu trắng bé nhỏ lúc chạng vạng, cả hai cùng có vẻ kín đáo, cảnh giác và hơi nồn nóng. Tôi không hề thấy xa lạ với con bé nữa, giống như chính tôi đã sinh ra nó.”

“Như vậy là sáng nay, không, tức là đã bốn ngày trước, thứ Năm con bé đã về nhà từ trường học và hôm đó là thứ Ba, tôi đã nói: ‘Cực kỳ, nếu con tìm ra nó trên tàu hỏa, nó chắc chắn thuộc

quyền sở hữu của công ty đường sắt, con mang nó về nhà là chống lại luật pháp, giống như hai điện cực trái dấu vậy’.”

“Nó cũng tốt như ông mà. Nó đi đến Tulane.”

“Nhưng trên một tàu hỏa”, tôi đáp.

“Cháu đã tìm thấy nó trong một chỗ còn tồi tệ hơn trên tàu hỏa nữa.”

“Ta biết”, tôi đáp. “Ta cũng từng có một thứ như thế. Nhưng con đừng mang chúng về nhà. Con chỉ nên bước qua chúng và tiếp tục đi. Con không được làm bẩn đôi dép của mình.”

Điều đó xảy ra trước bữa ăn tối, khi đó chúng tôi đang ở trong phòng khách, chỉ có hai chúng tôi trong nhà. Belle đã đi xuống phố. Rồi thì...

“Chuyện của ông là gì vậy? Ông không phải bố tôi. Ông chỉ là... chỉ là...”

“Cái gì”, tôi hỏi, “Chỉ là cái gì?”.

“Vậy thì, đi mà nói với mẹ! Đó là điều ông nên làm.”

“Nhưng con à, trên tàu hỏa...”, tôi nói, “Nếu nó mà vào phòng của con trong một khách sạn, ta sẽ giết nó. Nhưng lại là trên tàu hỏa, ta chán ghét lắm rồi. Hãy đuổi nó đi và bắt đầu lại”.

“Ông thật là tốt! Ông thật là tốt! Đồ nhỏ mọn! Đồ nhỏ mọn!”

“Hắn bị điên”, người phụ nữ nói, bắt động sau cánh cửa. Giọng người lạ tiếp tục, lộn xộn, gấp gáp, dài dòng.

“Rồi con bé nói ‘Không! Không!’, tôi ôm nó và con bé bám sát vào tôi. ‘Cháu không hề có ý như vậy! Horace! Horace!’ Tôi ngửi thấy mùi của những bông hoa bị vùi dập, những bông hoa mỏng manh, tàn tạ và nước mắt, khi ấy tôi nhìn thấy gương mặt con bé trong cái gương. Có một cái gương sau lưng con bé và một cái khác sau lưng tôi, con bé đang ngẩng nhìn nó trong cái gương sau lưng tôi, không nhớ rằng còn một cái gương khác trong phòng mà tôi có thể nhìn thấy khuôn mặt nó, tôi thấy nó đang ngẩng nhìn phía sau tôi với sự thuần khiết vờ vĩnh. Điều đó có nghĩa Tự nhiên là ‘đàn bà’ và Sự Tiến bộ là ‘đàn ông’; Tự nhiên làm ra cây nho nhưng Sự Tiến bộ phát minh ra cái gương soi.”

“Hắn bị điên”, người phụ nữ đang lắng nghe đằng sau cánh cửa, thốt lên.

“Nhưng không hoàn toàn như vậy. Tôi có suy nghĩ rằng tuổi xuân, hoặc có lẽ bốn mươi ba năm tuổi đời, đã làm tôi đau khổ. Có lẽ tôi sẽ được bình an, khỏe mạnh nếu như tôi có một ngọn đồi để nghỉ ngơi trong một thời gian... Đó là miền đất ấy. Bằng phẳng, phì nhiêu, dư thừa như vô vàn những cơn gió đã thổi tiền bạc tới nơi ấy. Giống như việc ông không hề cảm thấy ngạc nhiên khi phát hiện ra rằng mình có thể nhặt những chiếc lá rụng từ rừng cây, mang vào ngân hàng và đổi thành tiền. Vùng châu thổ đó. Năm nghìn dặm vuông, không có lấy một ngọn đồi, chỉ có những ụ đất của người da đỏ đã đắp để đứng lên đó khi con sông dâng nước tràn bờ.”

“Tôi đã nghĩ nó đúng là ngọn đồi mà tôi hằng mong muốn mà không phải chính Belle Bé nhỏ đã khiến tôi có suy nghĩ đó. Ông có hiểu nó là cái gì không?”

“Hắn ta...”, người phụ nữ đằng sau cánh cửa nói, “Lee không nên để cho...”.

Benbow không chờ đợi câu trả lời nào. “Đó là một mảnh vải với phần hồng trên ấy. Tôi đã biết mình sẽ tìm thấy nó trước khi đi vào trong phòng của Belle. Nó được chèn phía sau tấm gương soi: một cái khăn tay con bé từng dùng để chùi đi phần thừa khi trang điểm được nhét sau mặt lò sưởi. Tôi bỏ nó vào trong túi quần, lấy mũ xuống và bước ra. Tôi đã đi nhờ trên một chiếc xe tải trước khi nhận ra rằng tôi chẳng có đồng nào trong túi. Đó là phần nào của chuyện ấy, ông thấy đó, tôi không thể đổi tiền từ một tấm ngân phiếu. Tôi không thể xuống khỏi cái xe tải, trở lại thị trấn và lấy một ít tiền. Tôi không thể làm vậy. Đúng là tôi từng đi bộ và lang thang đi nhờ xe suốt từ đó. Tôi đã ngủ một đêm trong trại cưa ở một nhà máy, một đêm ở túp lều người da đen, một đêm trên xe vận chuyển hàng ở trạm nghỉ của tàu hỏa. Tôi chỉ muốn một ngọn đồi để nghỉ ngơi trên đó. Rồi thì tôi sẽ được bình yên và khỏe mạnh. Khi anh cưới vợ, anh bắt đầu cảm nhận thấy những vết thương lòng. Khi anh cưới vợ của một ai khác, anh bắt đầu thấy những vết thương lòng từ mười năm trước của một ai khác. Tôi chỉ muốn một ngọn đồi để nằm nghỉ một thời gian.”

“Đồ ngốc”, người phụ nữ nói, “Đồ ngốc tội nghiệp”. Cô ta vẫn đứng sau cánh cửa. Popeye từ phía sau đi xuyên qua hành lang. Hắn đi ngang qua người phụ nữ mà không nói gì và đi lên chỗ cái hiên.

“Đi nào”, hắn nói, “Kiếm tiền thôi”. Người phụ nữ nghe tiếng ba người đàn ông bỏ đi. Cô ta vẫn đứng đấy. Khi ấy, cô ta nghe thấy tiếng người lạ loạng choạng rời khỏi ghế và băng qua cái hiên. Rồi cô ta nhìn thấy anh ta, như một hình bóng mờ nhạt, một chiếc bóng nhạt nhòa của người đàn ông gầy gò trong thứ quần áo kỳ quái, mái tóc thưa thớt được chải gọn ghẽ, say mèm. “Người ta không cho anh ăn uống đàng hoàng à?”, người phụ nữ nói.

Cô ta bất động, tựa nhẹ vào bức tường, anh ta đang đối diện cô. “Cô thích sống như thế này à?”, anh ta hỏi, “Tại sao cô làm thế? Cô hãy còn trẻ, cô có thể trở lại thành phố và khiến mình khá hơn còn nhanh hơn một cái chớp mắt”. Người phụ nữ không cử động, tựa nhẹ vào bức tường, hai cánh tay khoanh lại. “Đồ đáng thương, đồ đáng thương nhất gan”, người phụ nữ nói.

“Cô thấy không”, anh ta nói, “Tôi thiếu can đảm, thứ đó đã rời bỏ tôi. Cỗ máy thì còn nguyên đây, nhưng nó không hoạt động”. Bàn tay anh ta dò dẫm trên gò má của người phụ nữ. “Cô hãy còn trẻ.” Người phụ nữ không cử động, cảm giác bàn tay của anh ta trên mặt cô, chạm vào da thịt cô như thể đang cố gắng nghiên cứu hình dạng, vị trí các xương và kết cấu cơ thể của người phụ nữ. “Thực tế, cô còn cả cuộc đời trước mặt. Cô bao nhiêu tuổi rồi? Cô chưa quá ba mươi được.” Giọng anh ta khẽ khàng, gần như thì thầm.

Khi nói, người phụ nữ không hề hạ giọng. Không cử động, hai cánh tay vẫn khoanh trước ngực. “Tại sao anh rời bỏ vợ của anh?”, người phụ nữ hỏi.

“Bởi vì cô ta đã ăn tôm”, anh ta đáp. “Tôi không thể... Đó là vào thứ Sáu, tôi suy nghĩ làm thế nào vào buổi chiều tôi phải đi đến nhà ga, lấy cái hộp tôm từ tàu hỏa, đi bộ về nhà với nó, đếm hàng trăm bước chân, đổi tay, và nó...”

“Anh đã làm việc đó mỗi ngày à?”, người phụ nữ hỏi.

“Không. Chỉ có thứ Sáu thôi. Nhưng tôi đã làm vậy trong mười năm, kể từ khi chúng tôi cưới nhau. Tôi vẫn không thích mùi tôm nhưng không ngại mang nó về nhà. Tôi có thể chịu đựng được chuyện đó nhưng vì cái hộp tôm chảy nước. Suốt đường về nhà, nó cứ nhỏ giọt và nhỏ giọt. Sau này, tôi tự đi theo sau chính tôi đến nhà ga, đứng một bên, nhìn Horace Benbow lấy cái hộp ra khỏi tàu hỏa và bắt đầu về nhà với nó, cứ một trăm bước chân lại đổi tay, tôi đi theo chính mình và nghĩ ngợi: Đây là gã Horace Benbow giả tạo với những giọt nước bốc mùi kinh khủng trên một lề đường ở Mississippi.”

“Chao ôi”, người phụ nữ nói. Cô ta thở êm ả, hai cánh tay khoanh lại. Cô động dậy, anh ta bỏ tay ra khỏi người phụ nữ và đi theo cô ta xuống hành lang. Họ đi vào nhà bếp nơi cái đèn dầu đang tỏa sáng.

“Hãy bỏ qua cách ăn mặc bê bối của tôi”, cô ta nói. Người phụ nữ đến bên cái thùng phía sau bếp lò, kéo ra và đứng cạnh nó, hai bàn tay giấu trong váy. Benbow đứng giữa căn phòng. “Tôi phải giấu nó trong thùng để lũ chuột không thể đến gần nó được”, người phụ nữ nói.

“Cái gì?”, Benbow hỏi. “Nó là cái gì vậy?” Anh ta bước đến chỗ có thể nhìn vào cái thùng. Trong thùng có một đứa bé đang ngủ, chưa đầy một tuổi. Anh ta nhìn xuống khuôn mặt đứa bé.

“Chao ôi”, anh ta kêu lên. “Cô có một bé trai.” Họ cùng nhìn xuống khuôn mặt say ngủ đang nhăn lại của đứa bé. Có tiếng động từ bên ngoài, tiếng bước chân đi vào hiên nhà. Người phụ nữ đẩy mạnh cái thùng về chỗ cũ trong góc bằng đầu gối khi Goodwin bước vào.

“Được rồi”, Goodwin nói. “Tommy sẽ dẫn đường cho anh tới cái xe tải.” Ông ta quay lại, bước đi trên lối vào trong nhà.

Benbow nhìn người phụ nữ. Hai bàn tay vẫn quán bên trong váy. “Cảm ơn về bữa ăn tối”, anh ta nói. “Một ngày nào đó, có thể...” Anh nhìn người phụ nữ đang quan sát mình, khuôn mặt cô ta không ửng đỏ, chỉ hơi lạnh lùng như nó vốn thế. “May ra tôi có thể làm một điều gì đó cho cô ở Jefferson. Gửi cho cô một vài thứ cô cần...”

Người phụ nữ xoay người, bỏ tay ra khỏi váy, thỉnh thoảng cô ta giật tay lại và giấu chúng đi. “Mấy thứ tương tự như nước rửa bát và đồ

để giặt giũ. Anh nên gửi cho tôi một cái cắt móng tay”, người phụ nữ nói.

* * *

Người này bước sau người kia thành một hàng, Tommy và Benbow đi xuống ngọn đồi, đi tiếp vào con đường bị bỏ quên. Benbow ngoái nhìn phía sau. Sự đổ nát thê lương của ngôi nhà in lên nền trời, bên trên đám tuyết từng mờ xỉn, nhạt nhòa, tiêu điều, thăm thẳm. Con đường đã bị xói mòn lồi lõm quá mức để có thể gọi là một con đường và quá thẳng để có thể coi là một cái rãnh, đọng đầy bùn bởi những dòng nước vào mùa đông dâng lên đột ngột và bị nghẽn lại bởi những cây dương xỉ và cành lá mục nát. Theo sau Tommy, Benbow bước vào một con đường mòn mờ nhạt nơi có vô vàn dấu chân đã in lại trên những lớp thực vật bị phân hủy trong bùn đất. Trên đầu, vòm cây rừng thưa thớt tương phản với bầu trời.

Con dốc trở nên khúc khuỷu. “Chúng tôi đã nhìn thấy một con cú quanh chỗ này”, Benbow nói.

Phía trước anh ta, Tommy cười hô hô: “Tao chắc chắn là ngay cả con vật đó cũng làm hấn sợ”.

“Đúng vậy”, Benbow trả lời. Anh ta theo sau cái bóng lờ mờ của Tommy, cố gắng bước cẩn thận, nói một cách cẩn thận vì đang say rượu.

“Tao là con chó nếu hấn không phải là thằng ngu xuẩn nhất chết nhất mà tao từng biết”, Tommy nói. “Cũng tại đây, khi hấn đang đi trên con đường mòn để đến hiên nhà, có một con chó xuất hiện từ đằng sau ngôi nhà, đi ngược lên, khụt khịt ngửi mấy gót chân của hấn giống như bất kỳ con chó nào, tao sẽ là chó nếu hấn đã không sợ hãi giống như nó là rắn hổ mang trong khi hấn đi chân không, thế là hấn vung ra cây súng đồ chơi bé tí đó, bắn con chó chết tươi. Tao là chó nếu hấn không làm như thế.”

“Nó là chó của ai vậy?”, Horace hỏi.

“Của tao”, Tommy nói. Hấn ta cười như nắc nẻ: “Một con chó già đến nỗi không làm tổn hại nổi một con rệp”.

Con đường dốc nhưng không lồi lõm; Benbow bước thận trọng, nhẹ nhàng trong cát. Tương phản màu cát nhạt nhòa, bây giờ anh

có thể nhìn thấy Tommy đang lóng ngóng lê từng bước giống như một con la đi trong cát, không làm ra vẻ cố gắng, ngón chân cái của anh hất nhẹ cát lại phía sau từng cái yếu ớt.

Cái cây kình càng bị đốn ngã chắn ngang con đường. Tommy đã trèo qua nó và Benbow làm theo, vẫn cẩn thận, rón rén, tự xoay xở để xuyên qua đám tán lá còn chưa khô, có vẻ vẫn xanh tươi. “Thằng Popeye đang...”, Tommy nói. Hắn ta quay lại. “Mày có thể vượt qua được không đấy?”

“Tôi làm được mà”, Horace trả lời. Anh đã lấy lại thăng bằng. Tommy đi tiếp.

“Thằng Popeye đang làm một vài việc nữa”, Tommy nói, “Toàn những điều vô ích, ví dụ như chặn con đường này bằng cách như vậy đó. Nếu con đường được thông suốt, chúng ta sẽ đi bộ chừng một dặm là đến chỗ mấy cái xe tải. Tao đã bảo người ta đến đây để mua hàng của Lee bốn năm nay và chẳng có thằng cảnh sát nào đến quấy rầy Lee hết. Vả lại, đem cái xe đó của hắn ra ngoài này lần nữa là chuyện lớn. Nhưng bọn họ không ngăn cản hắn. Tao sẽ là con chó nếu hắn không khiếp sợ chính cái bóng của hắn.”

“Tôi cũng sợ điều đó”, Benbow nói, “nếu như bóng của hắn là bóng của tôi”.

Tommy cười khùng khục. Con đường giờ đã trở thành một đường hầm đen ngòm được trải bằng thứ cát rất mịn, không còn thấy ánh sáng. “Ở đâu đó xung quanh chỗ này là đường mòn để rẽ đến con suối”, Benbow suy nghĩ, cố gắng phân biệt nơi con đường mòn dẫn vào mé rừng. Họ tiếp tục đi.

“Ai lái chiếc xe tải?”, Benbow hỏi, “Mấy người ở Memphis à?”.

“Đúng đấy”, Tommy nói, “Mấy cái xe tải đó là của thằng Popeye”.

“Tại sao bọn Memphis đó không ở Memphis và để mấy người các anh yên ổn làm rượu của mình.”

“Bởi vì ở đây có tiền”, Tommy nói, “Những vụ kiểu như một phần tư gallon⁽²⁾ hay nửa gallon chỉ đem lại ít tiền thôi. Lee làm việc đó như là cho mượn mà không đòi trả lại, nhặt nhạnh thêm một hai đô la. Còn tiền nhiều là từ việc chở rượu đi bỏ mồi mà ra đó...”.

“Ồ”, Benbow nói, “Tôi nghĩ thà chết đói còn hơn là gã đó cứ lảng vảng quanh mình”.

Tommy cười khùng khục. “Popeye cũng được. Hắn chỉ thọc mạch một chút thôi.” Hắn ta vẫn bước đều, tương phản với sự tĩnh lặng, tăm tối của con đường phủ đầy cát. “Tao là con chó nếu ngay lúc này hắn không gây ra một chuyện gì đó. Phải vậy không?”

“Đúng”, Benbow đáp, “hắn là thằng chuyên gây chuyện rắc rối”.

Chiếc xe tải đang đợi trên đường, đoạn này đã trở lại là đường đất sét, bắt đầu dẫn tới quốc lộ rải sỏi. Hai gã đàn ông đang ngồi trên rào chắn của con đường chính, hút thuốc lá.

“Tụi mày lè mề quá”, một trong hai gã đàn ông nói, “Không phải vậy sao? Đáng nhẽ bây giờ tao đã đi được nửa đường đến thị trấn. Còn một người phụ nữ đang đợi tao đấy”.

“Chắc rồi”, gã đàn ông còn lại nói, “Cô ta đang nằm ngửa chờ mày đấy”. Gã đàn ông thứ nhất làm bầm nguyên rửa gã thứ hai.

“Bọn tao đến nhanh nhất có thể rồi”, Tommy nói, “Tại sao bọn mày không treo một cái đèn? Nếu tao và hắn ta là cảnh sát, bọn tao đã tìm được bọn mày”.

“Chà, biến đi, mấy thằng con hoang”, gã thứ nhất nói. Chúng búng mấy điều thuốc văng đi và leo vào trong xe tải. Tommy cười khùng khục. Benbow quay lại và bắt tay với hắn ta.

“Tạm biệt”, anh nói, “và rất cảm ơn, anh...”.

“Tên tao là Tommy”, người kia nói. Bàn tay chai sạn, uể oải của hắn ta vụng về luồn vào bàn tay của Benbow và trang trọng lắc nó một cái rồi lỏng ngóng rút về. Hắn ta đứng đó, dáng lùn tịt bệ bệ, kỳ quái tương phản ánh sáng nhạt nhòa của con đường, trong khi Benbow bước lên bậc thang. Anh bị sảy chân, cố ghì người lại.

“Cẩn thận đấy”, một giọng nói từ buồng lái xe tải vọng ra. Benbow đã vào trong. Gã đàn ông thứ hai dựng một khẩu súng sẵn phía sau chỗ ngồi. Chiếc xe tải nổ máy chuyển động trên mặt đất loang lổ, tiến vào quốc lộ rải sỏi, về hướng Jefferson và Memphis.

(2) 1 gallon = 3,785 lít

Vào buổi chiều ngày hôm sau, Benbow đã ở nhà cô em gái của anh. Đó là một vùng quê cách Jefferson bốn dặm, căn nhà là của gia đình chồng cô. Cô là quả phụ sống trong một ngôi nhà lớn cùng đứa con trai mười tuổi và bà dì bên chồng: người đàn bà chín mươi tuổi, người đã gắn cả cuộc đời với chiếc xe lăn, được quen gọi với cái tên bà Jenny. Bà và Benbow đang đứng bên cửa sổ, quan sát cô em gái của anh ta và một thanh niên trẻ đang đi dạo trong khu vườn. Em gái anh đã là một quả phụ mười năm nay.

“Tại sao nó không tái hôn?”, Benbow hỏi.

“Ta đã nói với cháu rồi”, bà Jenny nói, “Một người đàn bà trẻ cần một người đàn ông”.

“Nhưng không phải là cái tên đó”, Benbow nói. Anh nhìn hai người họ. Cậu thanh niên mặc bộ đồ bằng vải flannel và chiếc áo khoác xanh da trời, một chàng trai đầy đặn, khuôn mặt phúng phính với thái độ vênh váo, có lẽ đến từ một trường đại học. “Nó có vẻ thích con nít. Có lẽ vì chính nó đang có một đứa trẻ. Tên nào thế kia? Có phải vẫn là cái tên mà nó từng hẹn hò vào mùa thu trước?”

“Gowan Stevens”, bà Jenny nói, “Cháu chắc là còn nhớ Gowan”.

“Đúng vậy”, Benbow nói, “Bây giờ cháu nhớ rồi. Tháng Mười năm ngoái”. Vào thời gian đó, anh đi ngang qua Jefferson trên đường về nhà và qua đêm ở ngôi nhà của em gái. Vẫn từ cái cửa sổ này, anh và bà Jenny đã quan sát hai người họ dạo bước trong khu vườn ngát hương thơm của các loài hoa nở rộ cuối tháng Mười. Lần đó, Stevens mặc bộ đồ màu nâu và là kẻ xa lạ đối với Horace.

“Cậu ta cũng mới tới đây từ khi trở về nhà từ Virginia mùa xuân trước”, bà Jenny nói, “Thằng bé là con của Jones đó, Herschell. Đúng rồi. Herschell”.

“Ái chà”, Benbow nói, “Một F.F.V⁽³⁾, hay chỉ là một kẻ tạm trú không may mắn ở đây?”.

“Ờ trường, trường đại học ấy. Cậu ta đến đó học. Cháu không nhớ cậu ta bởi vì cậu ta vẫn còn quần trong tã lót khi cháu rời

Jefferson.”

“Đừng để Belle nghe thấy bà nói như thế”, Benbow nói. Anh quan sát hai người họ. Họ đến gần căn nhà và biến mất ở một chỗ khuất nào đó. Một giây sau, họ đi lên những bậc thang và vào phòng. Stevens bước vào trong với cái đầu bóng mượt, cái mặt phúng phính, tự tin. Bà Jenny đã đưa tay của bà cho cậu và cậu ta cúi thân người béo mập xuống để hôn nó.

“Trẻ ra và xinh đẹp hơn từng ngày”, cậu ta nói, “Cháu vừa nói với Narcissa rằng nếu bà mà đứng lên ra khỏi cái xe lăn kia và trở thành bạn gái của cháu, cô ấy sẽ không thể có cơ hội”.

“Ngày mai, ta sẽ làm chuyện đó”, bà Jenny nói, “Narcissa...”.

Narcissa là một phụ nữ cao lớn, mái tóc sẫm màu, cái mặt to, đàn độn, thanh thản. Cô ta mặc một bộ quần áo bình thường màu trắng. “Anh Horace, đây là Gowan Stevens”, cô ta nói, “Gowan, còn đây là anh trai em”.

“Xin chào ngài”, Stevens nói. Cậu ta siết chặt tay Benbow, mạnh mẽ và thân thiết. Khi đó, cậu bé Benbow Sartoris, cháu trai của Benbow, bước vào. “Tôi từng nghe nói về anh”, Stevens nói.

“Gowan đi học ở Virginia”, cậu bé nói.

“Ồ”, Benbow nói, “Tôi có nghe chuyện đó”.

“Cảm ơn”, Stevens nói, “Nhưng không phải ai cũng học ở Harvard”.

“Cám ơn cậu”, Benbow nói, “Nó là Oxford”.

“Horace luôn luôn bảo mọi người rằng anh ta đã học ở Oxford⁽⁴⁾ đến nỗi họ nghĩ là anh ta muốn nói tới cái trường đại học của nhà nước và anh ta có thể nói với họ sự khác nhau”, bà Jenny nói.

“Gowan đến Oxford nhiều lắm”, cậu bé nói, “Anh ấy kiếm được một cô ổng ẹo ở đó. Anh ấy dắt cô ta đến những buổi khiêu vũ. Có đúng không, anh Gowan?”.

“Đúng rồi, anh bạn”, Stevens nói, “Một cô nàng tóc đỏ”.

“Im đi nào”, Narcissa nói. Cô ta nhìn người anh trai của mình. “Belle và Belle Bé nhỏ thế nào rồi?” Cô ta định nói điều gì đó nhưng

lại im bật. Cô ta vẫn nhìn chằm chằm người anh trai một cách nghiêm nghị và đầy ẩn ý.

“Nếu cháu vẫn tiếp tục trông đợi anh trai chạy trốn khỏi Belle, anh ta sẽ làm vậy”, bà Jenny nói, “Một ngày nào đó, anh ta sẽ làm thế. Nhưng thậm chí khi ấy, cháu vẫn không hài lòng”. Bà nói: “Một số phụ nữ không muốn một người đàn ông cưới một phụ nữ nào đó. Nhưng tất cả phụ nữ đều sẽ nổi điên nếu anh ta đột ngột bỏ rơi cô ta”.

“Bà thôi ngay đi”, Narcissa nói.

“Vâng, thưa quý bà”, bà Jenny nói. “Horace dạo gần đây cứ bị buộc chặt vào một sợi dây. Nhưng tốt hơn là anh không nên kháng cự quá quyết liệt làm gì, Horace, có thể nó không hề thít chặt anh ở cuối dây bên kia đâu.”

Phía bên kia đại sảnh, một cái chuông nhỏ đang kêu vang. Cả Stevens và Benbow cùng di chuyển về phía tay cầm chiếc xe lăn của bà Jenny. “Xin hãy tự chủ, thưa ngài”, Benbow nói, “Vì tôi dường như đang trở thành một người khách.”

“Sao vậy, Horace”, bà Jenny nói. “Narcissa, cháu sẽ trèo lên chỗ cái rương trên gác thượng và lấy mấy cây súng chứ?” Bà quay sang cậu bé. “Còn cháu tiếp tục đi về phía trước, bảo họ hãy bắt đầu tấu nhạc và chuẩn bị sẵn hoa hồng.”

“Tấu nhạc gì vậy ạ?”, cậu bé hỏi.

“Trên bàn có mấy bông hồng”, Narcissa nói, “Gowan mang đến. Đi dùng bữa tối thôi”.

* * *

Xuyên qua cửa sổ, Benbow và bà Jenny quan sát hai người họ. Narcissa vẫn trong trang phục trắng, Stevens trong bộ quần áo flannel và áo khoác màu xanh da trời, họ đang đi dạo trong vườn. “Một người đàn ông Virginia hào hoa phong nhã trong bữa ăn tối đêm đó đã nói với chúng ta cách họ dạy cậu ta biết uống rượu như một người đàn ông thanh lịch. Bỏ một con bọ cánh cứng vào rượu và anh có một con bọ hung, bỏ một người Mississippi vào rượu và anh có một người hào hoa phong nhã...”

“Gowan Stevens”, bà Jenny nói. Họ quan sát hai người kia biến mất ở một chỗ khuất xa ngôi nhà. Một lúc lâu sau, anh nghe tiếng hai người họ đi xuống đại sảnh. Khi họ bước vào trong, không phải là Stevens mà là cậu bé.

“Anh ấy sẽ không ở lại”, Narcissa nói, “anh ấy phải đi Oxford. Có một buổi khiêu vũ ở trường đại học vào tối thứ Sáu. Anh ấy có một cuộc hẹn với cô bạn”.

“Cậu ta hẳn là sẽ tìm thấy nhiều cơ hội để mà lịch thiệp uống rượu ở đó”, Horace nói. “Lịch thiệp trong bất cứ việc nào khác nữa. Anh cho rằng đó là lý do cậu ta phải đi sớm đây.”

“Đưa một gái già đến một cuộc khiêu vũ”, cậu bé nói, “Anh ấy sẽ đến Starkville vào thứ Bảy, tới chỗ có trận đấu bóng chày. Anh ấy nói muốn đưa cháu theo nhưng cháu biết bác sẽ không cho cháu đi”.

(3) Viết tắt của First Families of Virginia (Những gia đình đầu tiên của Virginia): là những gia đình ở thuộc địa Virginia, những người nổi bật và giàu có trong xã hội, nhưng không nhất thiết phải là người định cư sớm nhất.

(4) Trường Oxford mà Benbow từng theo học là một ngôi trường ở Anh. Ở Mỹ cũng có một địa phương tên là Oxford, là nơi tọa lạc của trường Đại học Mississippi.

Sau bữa ăn tối, những người dân thị trấn lái xe xuyên qua sân trường đại học hoặc một ứng viên dự thi cao học đang trên đường đến thư viện hay giảng viên của một khoa nào đó sẽ bị giật mình khi thấy Temple kẹp áo khoác dưới cánh tay, đang rải những bước dài. Bóng của cô chuyển động lướt qua những khung cửa sổ đang sáng đèn của “trại giam”, mà thực ra là một khu nội trú nữ sinh. Cái bóng biến mất vào bóng tối bên cạnh bức tường thư viện và có lẽ chuyển động cuối cùng người ta thấy được là cô ta nhảy vào chiếc xe đang chờ sẵn ở đây với động cơ đang nổ. Đó là xe của gã trai trong thị trấn. Sinh viên trong trường không được phép dùng ô tô. Những anh chàng - không đội mũ, mặc quần ống bó và áo pull sáng màu - ra vẻ khinh khỉnh với bọn con trai thị trấn, những kẻ đội mũ giống hình cái bát úp cứng ngắc trên những cái đầu bôi dầu thơm, mặc áo khoác bó sát và quần rộng lưng thùng, với vẻ cao ngạo và tức tối.

Vào các tối thứ Bảy xen kẽ, tại những buổi khiêu vũ ở Letter Club, hoặc vào ba buổi dạ hội hằng năm, những gã trai trong thị trấn đi lang thang, tùy tiện và sẵn sàng gây hấn, chúng đội mũ giống nhau, cổ áo bẻ dựng lên, quan sát cô gái đi vào phòng nhảy khoác cánh tay áo đen của chàng sinh viên đại học và biến mất theo một cú xoay mình lộng lẫy trong cơn lốc của âm nhạc, với cái đầu thanh tú ngẩng cao. Đôi môi tô son đậm, cái cằm mịn màng, đôi mắt vô cảm của cô gái nhìn quanh, trầm tĩnh, kín đáo dò tìm.

Lúc sau, tiếng nhạc vượt ra ngoài cửa kính, chúng ngắm nhìn cô gái xuyên qua những ô cửa sổ khi cô lướt qua theo vòng xoay từ đôi tay áo màu đen này đến một đôi tay áo màu đen kế tiếp. Eo của cô thon thả chuyển động linh hoạt giữa lúc chuyển giao, đôi chân nhịp nhàng lấp đầy khoảng ngắt quãng của âm nhạc. Chúng cúi xuống uống rượu trong những cái chai dẹt và châm lửa hút thuốc, những cổ áo bẻ dựng lên, những cái đầu đội mũ, giống như một hàng tượng bán thân đội mũ và được gắn chặt vào cửa sổ.

Thường có khoảng ba hoặc bốn tên trong bọn chúng ở đó khi ban nhạc chơi bài *Home, Sweet Home*, thơ thần gần cửa ra vào, những

gương mặt lạnh lùng, gầy hần, một chút cau có vì thiếu ngủ, quan sát từng đôi trai gái mệt mỏi đi ra sau những giờ ồn ào nhầy nhót. Ba tên quan sát Temple và Gowan Stevens đi ra, bước vào làn không khí lạnh giá của buổi sáng tinh mơ mùa xuân. Gương mặt của cô gái hết sức xanh xao, đã được phủ phấn lên cách đây không lâu, những lọn tóc đỏ của cô ta duỗi ra như hết đà cong. Đôi đồng tử vô hồn cố chống lại sự buồn ngủ. Sau đó cô gái uể oải nhấc một cánh tay lên, có phải hướng về phía chúng hay không, chẳng ai dám chắc được. Bọn chúng không phản ứng lại, không có tia sáng nào trong những đôi mắt lạnh lẽo ấy. Chúng đã quan sát Gowan luồn nhanh cánh tay vào tay cô gái và ngẫu nhiên thoáng thấy được phần hông và đùi lúc cô gái chui vào trong xe của cậu ta. Đó là một cái xe dài, thấp, không mui, có một đèn đi đêm.

“Thằng chó đẻ đó là ai thế?”, một gã hỏi.

“Bố của tao là một thẩm phán”, gã thứ hai cay đắng nói với chất giọng the thé.

“Chết tiệt. Đi xuống phố thôi.”

Chúng rời đi. Chúng la hét theo chiếc xe, nhưng nó không dừng lại. Trên chiếc cầu băng qua đường ray tàu hỏa, chúng dừng lại và tu rượu ừng ực. Gã cuối cùng định ném cái chai qua rào chắn. Gã thứ hai giữ tay gã kia lại.

“Hãy đưa nó cho tao”, gã thứ hai nói. Gã đập vỡ cái chai một cách cẩn trọng và rải những mảnh vỡ trên đường. Hai gã kia quan sát đồng bọn của mình.

“Mày còn chẳng đủ sức để đến dự một buổi khiêu vũ của trường đại học”, gã thứ nhất nói, “Tội nghiệp thằng con hoang”.

“Bố của tao là một thẩm phán”, gã thứ hai vừa nói vừa cố dựng những mảnh vỡ lờm chờm chĩa lên trên mặt đường.

“Có một cái xe đang tới kìa”, gã thứ ba nói.

Cái xe có gắn ba đèn đằng trước. Bọn chúng nghiêng người nép vào hàng rào, kéo lệch những cái mũ ngược lại phía có ánh sáng, quan sát Temple và Gowan đi ngang qua. Đầu Temple cúi thấp. Chiếc xe chuyển động chậm chạp.

“Thằng con hoang đáng thương”, gã thứ nhất nói.

“Tao ư?”, gã thứ hai hỏi. Gã lấy thứ gì đó từ túi quần và vục nhẹ một cái, mùi nước hoa thoang thoảng bay qua mặt chúng. “Tao ư?”

“Mày nói vậy còn gì.”

“Doc đã chôm cái quần lót đó ở Memphis”, gã thứ ba nói, “của một con điếm khốn kiếp”.

“Mày là thằng nói dối đáng khinh”, Doc nói.

Chúng quan sát luồng ánh sáng hình dẻ quạt, phát ra từ đèn hậu của chiếc xe, ánh sáng màu đỏ sẫm ấy từ từ thu nhỏ lại, dừng ở ngay “trại giam”. Đèn xe đã tắt. Một lúc sau, tiếng cửa xe đóng sầm. Đèn lại bật sáng, chiếc xe lăn bánh trườn đi. Nó đến gần chỗ bọn chúng đang đứng. Chúng nghiêng người nép vào hàng rào thành một dọc, những cái mũ được kéo nghiêng để che ánh sáng. Những mảnh chai vỡ lấp lánh trong ánh đèn. Chiếc xe đã chạy tới và dừng lại ở phía đối diện bọn chúng.

“Các anh đang đi xuống phố à?”, Gowan hỏi, mở cửa xe. Chúng vẫn tựa người vào hàng rào, rồi gã thứ nhất nói “Cảm ơn” một cách thô lỗ và chúng chui vào xe, hai tên kia ở băng ghế sau, gã thứ nhất ngồi cạnh Gowan.

“Lái về hướng này”, gã thứ nhất nói, “Ai đó đã đập vỡ một cái chai đằng kia”.

“Cảm ơn”, Gowan nói. Chiếc xe tiếp tục chạy. “Các anh đến cuộc chơi ngày mai ở Starkville chứ?”

Hai gã ở băng ghế sau không nói gì.

“Tôi không biết”, gã thứ nhất nói, “Tôi chưa tính đến”.

“Tôi là một người lạ ở đây”, Gowan nói, “Tối hôm nay, tôi đã hết sạch rượu và tôi có một cuộc hẹn vào sáng sớm mai. Các anh có thể chỉ cho tôi biết chỗ mua rượu ở đâu không?”.

“Bây giờ quá muộn rồi”, gã thứ nhất nói. Hắn quay lại hai tên kia. “Mày biết ai có thể bán rượu cho anh ta vào lúc khuya khoắt này không, Doc?”

“Có lẽ là Luke”, gã thứ ba nói.

“Ông ta ở đâu vậy?”, Gowan hỏi.

“Chạy tiếp đi”, gã thứ nhất nói, “Tôi sẽ chỉ cho anh”. Họ băng qua quảng trường và ra khỏi thị trấn chừng nửa dặm.

“Đây là con đường đi đến Taylor phải không?”

“Đúng rồi”, gã thứ nhất nói.

“Tôi phải lái xe tới đó vào sáng sớm mai”, Gowan nói, “Bắt buộc phải đến trước người đặc biệt đó. Các anh không đi đến cuộc chơi, các anh nói như vậy mà”.

“Tôi chưa nghĩ tới điều đó”, gã thứ nhất nói, “Dừng ở đây đi”. Một chân dốc hiện ra, trên đỉnh nhấp nhô mấy cái cây sồi còi cọc. “Anh chờ ở đây”, gã đầu tiên nói. Gowan đã tắt đèn xe. Họ có thể nghe thấy tiếng gã kia trườn lên con dốc.

“Rượu của ông Luke có ngon không?”, Gowan hỏi.

“Khá ngon. Ngon như bất cứ thứ rượu nào khác, tôi nghĩ vậy”, gã thứ ba nói.

“Nếu không thích, anh không cần phải uống nó”, Doc nói. Gowan quay cái mặt phúng phính nhìn vào hắn.

“Ngon giống loại anh uống tối nay đấy”, gã thứ ba nói.

“Mà cái loại tối nay, có ai bắt anh uống đâu”. Doc nói.

“Ở đây họ không làm được rượu ngon như gần trường tôi”, Gowan nói.

“Anh từ đâu đến?”, gã thứ ba hỏi.

“Virgin... Ồ, Jefferson. Tôi đã học ở Virginia. Ở đó, họ dạy tôi cách uống rượu.”

Hai gã kia không nói gì. Gã thứ nhất đã quay lại con dốc, sớm so với dự tính chừng một phút. Hắn đã có một cái bình, loại để đựng nước trái cây. Gowan nhấc nó lên cao và ngắm nhìn. Một thứ chất lỏng lờ nhờ, vẻ vô hại. Cậu ta mở nắp cái bình và giơ nó ra.

“Uống.”

Gã thứ nhất cầm lấy bình và đưa nó cho mấy gã ngồi ghế phía sau.

“Uống.”

Gã thứ ba uống, nhưng Doc thì từ chối. Gowan đã uống.

“Lạy Chúa”, cậu ta nói, “mấy anh uống thứ này bằng cách nào vậy?”.

“Bọn này không uống thứ rượu đều ở Virginia”, Doc nói. Gowan xoay người và nhìn vào hấn ta.

“Câm mồm, Doc”, gã thứ ba nói. “Đừng để ý tới hấn”, hấn nói, “Hấn rên rỉ cả tối nay rồi”.

“Chó đẻ”, Doc nói.

“Anh bạn gọi tôi thế đó hả?”, Gowan hỏi.

“Dĩ nhiên hấn không chửi anh”, gã thứ ba nói, “Doc ổn mà. Thôi nào, Doc. Uống một ngụm đi”.

“Tao mặc kệ chúng mày”, Doc nói, “Đưa rượu đây”.

Bọn chúng quay trở lại phố. “Tiệm Shack sẽ mở cửa”, gã thứ nhất nói, “Chỗ gần kho chứa hàng ấy”.

Đó là một quán ăn kiêm cửa hàng bánh kẹo. Ở đó chỉ có duy nhất một người đàn ông đeo cái tạp dề bần thủ. Bọn chúng đi bằng cửa sau, ngồi vào trong góc với một cái bàn và bốn cái ghế. Người đàn ông mang đến bốn cái ly và Coca. “Có thể cho tôi ít đường, nước và một trái chanh không, chủ quán?”, Gowan hỏi. Người đàn ông mang mấy thứ đó tới. Mấy gã kia quan sát Gowan chế món whiskey sour. “Họ dạy tôi uống theo cách này”, cậu ta nói. Bọn chúng quan sát cậu ta uống nó. “Đối với tôi mà nói thì không có sức mạnh lắm”, cậu ta nói, đổ rượu vào đầy cái ly của mình rồi uống nó.

“Anh chắc là uống được cái thứ này chứ?”, gã thứ ba nói.

“Tôi được đào tạo trong một ngôi trường tốt.” Ở đây có một khung cửa sổ cao. Từ đó có thể thấy bầu trời xanh hơn, tươi mới hơn. “Uống ly nữa đi, anh bạn”, cậu ta nói, lại rót đầy ly của mình. Mấy gã kia cố tỏ ra trầm lặng. “Ở trường, họ cho rằng thà bị ngã còn hơn đầu hàng.” Chúng quan sát cậu ta uống ly đó. Chúng thấy chớp mũi cậu ta thỉnh thoảng ướt đầm mồ hôi.

“Đấy, cỡ hấn cũng chỉ thế thôi”, Doc nói.

“Ai nói như thế?”, Gowan hỏi. Cậu ta đổ một ít rượu vào trong cái ly. “Giá mà chúng ta có một ít rượu tử tế. Tôi biết một ông trong thị

trần của tôi tên là Goodwin làm...”

“Kiểu đó ở trường họ gọi là một cái nốc cạn đấy”, Doc nói.

Gowan nhìn hắn. “Anh nghĩ thế à? Nhìn đây.” Cậu ta đổ rượu vào trong cái ly. Bọn chúng quan sát rượu dâng cao lên.

“Hãy coi chừng, anh bạn”, gã thứ ba nói. Gowan đổ rượu đầy áp ly, nhắc lên và điềm tĩnh uống cạn nó. Cậu ta còn nhớ đặt cái ly xuống một cách cẩn thận, rồi cậu nhận ra mình đang ở ngoài trời trong không khí lạnh lẽo và một động cơ đang nổ ở đầu của một dãy toa tàu sẫm màu trên một đường tránh tàu, cậu ta đang cố nói với ai đó rằng mình từng được dạy cách uống rượu như một quý ông. Cậu ta vẫn đang cố nói với bọn chúng, trong một chỗ tối tăm chật hẹp nồng nặc mùi của nước tiểu và dầu creozot, rồi nôn mửa vào trong thùng phế thải, cố gắng bảo bọn chúng rằng cậu ta phải có mặt ở Taylor lúc sáu rưỡi sáng, khi người đặc biệt đã tới. Cơn bùng nổ trôi qua, cậu ta cảm thấy mệt mỏi cùng cực, yếu đuối, cơn thèm muốn được nằm xuống đã được kiềm chế lại và trong ánh lửa lóe sáng của một que diêm, cậu ta tựa vào bức tường, hai mắt chậm chạp tập trung nhìn vào một cái tên được viết trên đấy bằng bút chì. Cậu nhắm một mắt, tựa vào bức tường, lắc lư, chảy nước mũi và đọc cái tên. Và rồi cậu ta nhìn vào chúng, lắc lắc đầu.

“Tên cô ta... Cô ta tên là... Tôi biết mà. Một cô gái đẹp. Ăn diện. Đã hẹn đưa cô ta đến Stark... Starkville. Không có người nào theo canh chừng, hiểu chưa?” Vừa tựa người vào bức tường, mũi chảy nước và miệng lẩm bầm, cậu ta dần đi vào giấc ngủ.

Ngay lập tức, cậu ta cố gắng chống lại cơn buồn ngủ. Nhưng dường như cậu ta vẫn chưa ý thức được về chuyện thời gian trôi đi trong lúc đó, nó là một yếu tố cần thiết đối với cậu ta; nếu không tỉnh dậy cậu ta sẽ phải hối tiếc. Rất lâu sau đó, cậu ta biết rằng hai mắt mình đã mở, đang đợi chờ thị giác quay lại. Rồi cậu ta đã nhìn thấy trở lại, mà không biết ngay lúc đó rằng mình đã tỉnh.

Cậu ta nằm yên lặng. Vì bất thành linh thoát khỏi cơn ngủ, cậu đã hoàn tất mục đích muốn tự đánh thức mình. Cậu ta đang nằm trong tư thế gò bó dưới một cái vòm thấp, nhìn đối diện vào mặt tiền của một tòa nhà xa lạ, phía trên đó, một cụm mây nhỏ sáng hồng với tia

nắng mặt trời xao động, cậu ta hoàn toàn không có một chút cảm giác. Rồi cậu ta nôn mửa mà không nhận thức được, cậu ta cố nhắc người lên và ngã sõng soài xuống sàn xe, đập mạnh đầu vào cửa. Cú đập đã khiến cậu hoàn toàn thức tỉnh, mở cửa xe và rơi nửa thân người trên mặt đất, cậu ta lê lét đứng lên và chạy liêu xiêu ngược về hướng nhà ga. Cậu ta ngã. Chống hai tay và quỳ gối, cậu ta nhìn đường ray rồi lại nhìn khoảng trời ngập nắng với sự hoài nghi và nỗi tuyệt vọng. Trong chiếc áo khoác dạ hội vấy bẩn, cổ áo mở bung và mái tóc rối tung, cậu ta đứng lên và chạy tiếp. *Mình đã say không biết trời đất gì, cậu giận dữ nghĩ, mình đã bất tỉnh. Mình đã bất tỉnh.*

Khoảng đất bằng phẳng hoang vắng, ngoại trừ một gã da đen đang cầm chổi. “Lạy Chúa, bọn da trắng”, gã nói.

“Tàu hỏa”, Gowan nói, “Người đặc biệt. Người ở trên chuyến tàu đó”.

“Đi rồi. Cách đây năm phút.” Ngừng quét, gã da đen quan sát Gowan quay đầu và chạy ngược lại đến chỗ chiếc xe và bỏ nhào vào trong.

Cái bình nằm trên sàn xe. Cậu ta đá nó sang một bên và nổ máy. Cậu ta biết rằng bao tử của mình đang cần một thứ gì đó, nhưng không còn thời gian nữa. Cậu ta nhìn xuống cái bình. Ruột gan cuộn lại lạnh ngắt, nhưng cậu đưa cái bình lên và uống, thô tục và tham lam, nuốt cái tắc nghẹn xuống, ấn nhanh một liều thuốc lá vào mồm để ngăn cơn xúc động. Ngay lập tức, cậu ta cảm thấy khá hơn.

Cậu ta vượt qua quảng trường với tốc độ bốn mươi lăm dặm một giờ. Lúc đó đã sáu giờ mười lăm. Cậu ta đang trên đường tới Taylor và tăng tốc. Uống thêm ngụm nữa và không giảm tốc độ, cậu ta tới được Taylor khi chiếc tàu hỏa vừa lăn bánh ra khỏi nhà ga. Cậu ta lách xe vào khoảng giữa hai chiếc xe ngựa lúc toa cuối cùng vừa đi qua. Cửa tàu hỏa đã mở ra; Temple nhảy xuống và chạy một vài bước tới bên chiếc xe, trong khi một nhân viên tàu nghiêng người xuống và dứ dứ nắm đấm vào cô gái.

Gowan đã bước ra khỏi xe. Cô gái quay lại và vội vã đi về phía cậu ta. Sau đó, cô ngập ngừng, đứng lại, rồi bước tiếp, nhìn chằm

châm vào gương mặt, mái tóc bê bết, cổ và cả cái áo nhàu nát của cậu ta.

“Anh đã uống rượu”, cô gái nói, “Đồ con lợn. Anh là đồ con lợn bẩn thỉu”.

“Anh đã có một đêm tuyệt vời. Em chẳng biết gì cả.”

Cô gái nhìn quanh, rồi nhìn vào cái nhà ga màu vàng trống trải, những người đàn ông mặc quần áo công nhân đang chậm rãi nhai thuốc và quan sát cô ta, họ bước xuống đường ray mà chiếc tàu hỏa vừa đi khỏi, vào bốn luồng khói tàu hầu như đã mờ lịm phía xa khi âm thanh của còi tàu vọng lại. “Anh là đồ con lợn bẩn thỉu”, cô gái nói. “Như thế này anh không thể đi đâu hết. Thậm chí anh không cả thay quần áo.” Cô gái lại dừng lại ngay chỗ chiếc xe. “Có cái gì sau lưng anh vậy?”

“Bình đựng nước”, Gowan nói, “Vào đi”.

Cô gái nhìn cậu ta, đôi môi trắng trẻo đỏ tươi, đôi mắt lạnh lẽo cảnh giác dưới chiếc mũ và một lọn tóc quăn màu đỏ xổ ra ngoài. Cô gái nhìn ngược vào nhà ga một lần nữa, trông nó thật trống vắng ảm đạm và xấu xí trong một buổi sáng tươi mát. Cô gái nhảy vào xe, co hai chân dưới thân người. “Biến khỏi chỗ này thôi.” Cậu ta mở máy và quay vòng ra. “Tốt hơn là anh nên đưa em quay về Oxford”, cô nói. Cô nhìn ngược lại vào nhà ga. Bây giờ nó nằm trong bóng của một đám mây trên cao chụp xuống. “Anh nên làm thế”, cô nói.

Vào lúc hai giờ chiều hôm đó, khi đang chạy với tốc độ khá nhanh xuyên qua âm thanh rì rào của khu rừng thông hoang tàn, Gowan ngoặt xe từ con đường rải sỏi vào trong một đường hẹp giữa hai bờ đất, chúi thẳng xuống gốc một cây bách và sa lầy ở đó. Cậu ta mặc một cái áo sơ mi màu xanh rẻ tiền bên dưới áo khoác dạ hội. Hai mắt đỏ ngầu, hơi thở hỗn hển, râu mọc quanh cằm lởm chởm và dù cậu ta đã cố gắng hết sức và kiên trì nhưng chiếc xe vẫn nảy lên đập xuống trong tiếng máy mệt mỏi vì lún sâu trong bùn đất. Temple nghĩ thầm, râu tóc cậu ta đã mọc dài từ lúc họ rời khỏi Dumfries. Đó là nhờ một loại thuốc cho tóc mà cậu ta đã uống. Cậu ta đã mua nó ở Dumfries.

Cậu ta nhìn cô gái, cảm nhận tia mắt của cô. “Bây giờ, đừng nôn nóng. Không cần tới mười phút để chạy đến chỗ của Goodwin và mua một chai rượu đầu. Chưa đến mười phút. Anh đã nói phải đưa em đến Starkville trước khi tàu hỏa đến và anh sẽ làm. Chẳng lẽ em không tin anh?”

Cô gái không nói gì, đang nghĩ về chiếc tàu hỏa treo cờ buông rèm đã đến Starkville; về những khán đài đầy màu sắc; ban nhạc, cái loa đẹp lộng lẫy phát ra tiếng bass; những chấm lóng lánh màu xanh trên những người nhạc công. Cô cúi xuống, phát ra những âm thanh ngắn, những tiếng rầm rứt như tiếng gà đầm lầy đang sợ hãi một con cá sấu, không biết chắc chắn sự nguy hiểm tới từ phía nào, bất động, tĩnh lặng, động viên nhau với những tiếng kêu ngắn vô nghĩa, ai oán và tuyệt vọng.

“Hãy cứ cố gắng tiếp cận anh bằng những cách ngây thơ ngốc nghếch của em. Đừng tưởng anh đã qua đêm với mấy đứa nhiều chuyện bị thịt như em mà không biết gì. Đừng tưởng anh cho chúng uống rượu của anh bởi vì anh hào phóng. Em thì xinh đẹp ngoan hiền lắm đấy, không phải vậy sao? Em nghĩ là có thể tung tẩy lung tung cả tuần với bất cứ tên bán rong quê mùa nào có một chiếc Ford và biến anh trở thành thằng bị xỏ mũi vào thứ Bảy, không phải vậy à? Đừng tưởng anh không thấy tên em được viết trên cái vách tường nhà xí đó. Em không tin anh à?”

Cô gái lặng thinh, cố giữ thẳng mình khi chiếc xe lắc lư tròn trành từ bờ đất bên này qua bờ đất bên kia ở những khúc queo với tốc độ chóng mặt. Cậu ta vẫn nhìn cô gái mà không hề giữ tay lái thẳng bằng.

“Thề với Chúa, anh muốn thấy được người phụ nữ có thể...” Con đường bằng phẳng đi vào trong cát, hoàn toàn ra khỏi những khúc queo, hai bên đường là những khu đất hoang mọc đầy cây mây và thạch nam. Chiếc xe lắc lư từ bên này qua bên kia vì bị lún vào cát.

Cô gái thấy một cái cây chắn ngang con đường nhưng cô chỉ cố giữ thẳng bằng một lần nữa. Dường như đối với cô, đó là một cái kết bất hạnh và hợp lý với chuyến tàu đầy rắc rối mà cô bị mắc kẹt. Cô ngồi bất động yên lặng quan sát khi Gowan hình như đang nhìn

thẳng phía trước, đâm sầm vào cái cây với tốc độ hai mươi dặm một giờ. Chiếc xe đập mạnh, bật ra sau, sau đó đâm vào cái cây lần nữa và lật nghiêng về một bên.

Cô gái cảm giác mình bay xuyên qua không khí, đem theo một vết thương tê dại trên vai sau cú va chạm, cô nhìn thấy hình ảnh hai gã đàn ông đang chăm chú nhìn từ ven rừng có những cây mây. Cô gái bò về hướng chân mình và đầu cô trở lại vị trí bình thường, cô nhìn thấy hai gã đàn ông bước vào con đường, một gã trong bộ com lê đen bó sát, đội một cái mũ, đang phì phèo điếu thuốc lá, gã kia để đầu trần, mặc áo khoác làm việc, mang theo một cây súng săn, khuôn mặt đầy râu ria của gã há hốc ra ngạc nhiên đến chậm chạp. Tiếp tục vận động những khớp xương tê cứng để chúng vận hành trở lại, cô gái úp mặt xuống.

Vẫn không dừng lại, cô gái xoay người và ngồi dậy, miệng cô mở lớn, theo sau tiếng thở hụt hơi là tiếng rên rỉ. Gã đàn ông mặc áo khoác làm việc vẫn đang nhìn cô, miệng hắn ta vẫn há ra trong sự ngạc nhiên đến ngờ ngạc. Gã đàn ông kia đang tựa người vào chiếc xe bị lật, cái áo khoác chặt cứng làm nhô những chóp nhọn trên hai vai hắn ta. Sau đó tiếng động cơ tắt lịm, mặc dù bánh trước xe vẫn tiếp tục biếng nhác quay tròn một cách chậm chạp.

Gã đàn ông mặc áo khoác làm việc đi chân trần. Hắn ta đi tới phía trước Temple và Gowan với cây súng sẵn nhún nhảy trong tay, hai bàn chân bè bè bước dễ dàng trong cát trong khi Temple bị thụt lún gần xuống tận mắt cá chân mỗi khi bước đi. Thỉnh thoảng, hắn lại ngoái nhìn hai người, nhìn khuôn mặt bê bết máu và bộ quần áo vấy bẩn của Gowan, nhìn Temple đang chật vật, lảo đảo đi trên đôi giày cao gót.

“Rất khó đi, phải không?”, hắn nói, “Nếu tháo đôi giày cao gót đó ra, cô sẽ xoay sở tốt hơn”.

“Tôi sẽ thử”, Temple nói. Cô dừng lại, bám vào Gowan, lần lượt đứng đổi chân và tháo giày. Gã đàn ông quan sát cô gái và nhìn đôi giày.

“Mẹ kiếp, nếu tôi có thể bỏ lọt được hai ngón tay của mình vào trong chiếc giày đó”, hắn nói, “Tôi có thể nhìn nó được không?”. Cô gái đưa cho hắn một chiếc. “Mẹ kiếp, lột da tôi mất”, hắn nói. Hắn nhìn chằm chằm vào Temple, vô cảm, trống rỗng. Tóc hắn mọc vô tội vạ, như những cọng rơm, bạc trắng ở ngọn, đậm hơn ở xung quanh hai tai và cổ, xoắn và rối bù. “Cô ta cũng là một cô gái vừa tầm đấy”, hắn nói, “với hai cái chân khăng khiu. Cô ta nặng bao nhiêu cân vậy?”. Temple xòe bàn tay ra. Gã đàn ông chậm chạp trả lại chiếc giày và nhìn xuống. “Cậu ta chưa cạy giống vào chỗ đó đấy chứ?”

“Thôi đi”, Gowan nói, “tiếp tục đi thôi. Chúng tôi phải lấy một cái xe và quay trở lại Jefferson trong đêm”.

Khi hết quãng đường lún cát, Temple ngồi xuống và đi lại giày. Cô nhận ra gã đàn ông đang nhìn cô nhấc đùi lên và theo phản xạ, cô kéo cái váy của mình xuống, đứng bật dậy. “Được rồi”, cô nói, “cứ đi tiếp đi. Anh không biết đường à?”.

Căn nhà dần hiện ra trong tầm mắt, bên trên lùm cây tuyết tùng, xa xa là khoảng đen của vườn táo nhà ai đó đang phô ra dưới nắng chiều. Nó được trồng trên một bãi đất điêu tàn, bao quanh là đất bỏ hoang và những nấm mồ của những người chết trong cuộc Nội

chiến. Không có bất cứ dấu hiệu nào của sự trông nom, chăm sóc - cái cày hay công cụ làm việc nào; không có dấu hiệu của sự trông trọt, cai quản - chỉ có cảnh hoang vắng thê lương do thời tiết tàn phá khu rừng nhỏ ẩm đạm, những cơn gió rét buốt thổi xuyên qua nó, kéo dài chuỗi âm thanh xì xào buồn bã. Temple đã đứng lại.

“Tôi không muốn tới chỗ đó”, cô nói. “Anh đi đi và lấy cái xe”, cô nói với gã đàn ông. “Chúng tôi sẽ chờ ở đây”.

“Hắn đã bảo tất cả cùng đi đến đó”, gã đàn ông nói.

“Ai bảo?”, Temple hỏi, “Gã da đen đó nghĩ là hắn có thể bảo tôi phải làm gì à?”.

“Ồi chà! Thôi, đi nào”, Gowan nói, “Hãy đi gặp Goodwin và lấy một cái xe. Bắt đầu muộn rồi đấy. Cô ấy, vợ Goodwin cũng ở đấy, có phải không?”.

“Cậu ta có vẻ dễ thích nghi đấy”, gã đàn ông nói.

“Đi nào”, Gowan nói. Họ tiếp tục đi đến căn nhà. Gã đàn ông mang vũ khí đi vào hiên nhà và dựng cây súng sẵn phía sau cánh cửa.

“Cô ấy loanh quanh đâu đây thôi”, hắn nói. Hắn lại nhìn Temple. “Cô không phải là nguyên nhân phiền phức cho cô ấy đâu”, hắn nói, “Lee sẽ đưa cô đến thị trấn, tôi nghĩ vậy”.

Temple nhìn hắn. “Tên của anh là gì?”

“Tên tôi là Tommy”, hắn nói. “Cô không cần phải băn khoăn.”

Hành lang mở ra xuyên suốt căn nhà. Cô gái bước vào trong.

“Em đi đâu vậy?”, Gowan hỏi. “Tại sao em không chờ ngoài này?” Cô gái không trả lời. Cô tiếp tục đi xuống hành lang. Từ phía sau lưng, cô có thể nghe thấy tiếng của Gowan và Tommy. Hiên sau nhà ngập nắng, một mảng nắng được đóng khung bởi khoảng trống chỗ cánh cửa. Vượt qua cánh cửa, cô gái có thể thấy một con dốc hẹp mọc đầy cỏ dại và một chuồng gia súc to lớn, phía sau đã đổ nát, tiêu điều, nằm lặng lẽ dưới ánh nắng. Bên phải cánh cửa, cô nhìn thấy góc của một cái kho nằm tách biệt hoặc của một chái nhà phụ. Nhưng cô chẳng nghe thấy bất cứ âm thanh nào ngoại trừ những tiếng nói ở nhà trước.

Cô gái tiếp tục đi chậm chậm. Rồi dừng lại. Trong cái ô vuông của ánh nắng được tạo ra bởi cánh cửa, có bóng cái đầu của một người đàn ông, cô chưa hoàn toàn kiệt sức, đang ở tư thế sẵn sàng bỏ chạy. Nhưng cái bóng không đội mũ, vì thế cô quay lại và thận trọng nhón chân đi đến cánh cửa, nhìn ngó xung quanh. Một người đàn ông ngồi trên cái ghế được ghép bằng những thanh gỗ, trong ánh nắng, sau đầu ông ta hói trụi, phía đầu tóc bạc ngang trán quay về phía cô gái, hai bàn tay ông ta vắt chéo trên đầu cây gậy xù xì. Cô gái hiện ra trên cái hiên sau.

“Chào ông”, cô nói. Ông già không động đậy. Cô gái tiến thêm, rồi liếc nhanh qua vai. Cô nghĩ mình đã thấy một làn khói bay ra từ căn phòng tách biệt chỗ cái hiên làm thành hình chữ L, nhưng nó đã tan mất. Trên một sợi dây thép căng giữa hai cây cột phía trước cánh cửa đó, phơi ba hàng quần áo ẩm ướt, dường như vừa được giặt xong, trong đó có một bộ quần áo lót phụ nữ màu hồng bằng lụa đã cũ và bạc màu. Chúng đã được giặt nhiều đến nỗi những viền đăng ten trông giống như một mớ rách tả tơi, những thớ vải đã sờn. Có một chỗ rách được đắp miếng vá bằng vải hoa nhợt nhạt, đã được khâu gọn gàng. Temple nhìn người đàn ông lần nữa.

Trong một khoảnh khắc, cô nghĩ rằng đôi mắt ông ta đang nhắm lại, nhưng rồi cô tin là ông ta hoàn toàn không có mắt, bởi vì giữa những mí mắt có hai vật thể giống như hai hòn bi màu vàng nhờ nhờ nằm đó bất động. “Gowan”, cô thì thầm, rồi hét lên: “Gowan!” và quay đầu bỏ chạy, đầu óc cô đã ổn định lại, đúng lúc một âm thanh xuyên qua cánh cửa mà cô từng thấy làn khói: “Ông ta không thể nghe được cô. Cô muốn gì?”.

Cô ta xoay người nhìn nhưng không ngừng lại, rải những bước dài, vẫn quan sát ông già, cô chạy ra khỏi cái hiên và ngay lập tức nôn mửa vào lòng bàn tay, khuỵu xuống một đồng rác rưởi đầy tro tàn, những lon thiếc và xương xẩu trắng ớn. Cô đã nhìn thấy Popeye đang quan sát mình từ một góc nhà, hai bàn tay của hắn thọc trong túi quần và một miếng thuốc cong queo vắt nghiêng trên mặt. Vẫn không ngừng lại, cô trườn trên cái hiên và lao vào trong căn bếp, nơi có một người phụ nữ ngồi bên chiếc bàn, trên tay cô ta kẹp một miếng thuốc đang cháy, nhìn ra cửa.

Popeye tiếp tục đi loanh quanh trong nhà. Gowan đang tựa lên thành hiên, cẩn thận đưa tay bịt vào cái mũi đang chảy máu. Tommy ngồi xổm trên hai gót chân dựa vào tường.

“Vì Chúa”, Popeye nói, “tại sao mày không dắt nó ra phía sau và rửa giúp nó? Chẳng lẽ mày muốn nó ngồi quanh quẩn ở đây cả ngày và giương mắt ra như một con lợn thiến với cái cuống họng bị cắt?”. Hắn bập điều thuốc vừa cuốn vào miệng và ngồi trên bậc thang cao nhất, bắt đầu cạo hai chiếc giày đầy bùn đất bằng một con dao nhíp bằng bạc gắn ở cuối cái dây xích đồng hồ.

Tommy đã đứng dậy.

“Anh đã nói một vài điều về...”, Gowan hỏi.

“Psssst!”, Tommy nói. Hắn ta bắt đầu nháy mắt ra hiệu và cau mày khó chịu với Gowan, hất đầu về phía lưng Popeye.

“Và sau đó mày sẽ tiếp tục đi xuống con đường đó”, Popeye nói, “Mày nghe không?”.

“Tao nghĩ mày đã sắp xếp việc theo dõi chỗ đó rồi”, Tommy nói.

“Đừng nghĩ thế”, Popeye nói, cạo vào gấu quần của hắn. “Mày đã từng qua được bốn chục năm mà không cần rượu. Mày hãy làm những gì tao đã bảo.”

Khi đến chỗ hiên sau, Tommy nói: “Hắn không thể chịu đựng được bất cứ ai... Lúc này trông hắn không giống một thằng kỳ dị à? Đáng nhẽ ra hắn nên ở trong một gánh xiếc để... Hắn không cho bất cứ ai uống rượu ở đây ngoại trừ Lee. Chính hắn cũng chẳng uống chút nào và chỉ cho tao một ngụm”.

“Anh ta nói anh đã bốn chục tuổi rồi”, Gowannói.

“Tuổi tao đâu có nhiều vậy”, Tommy nói.

“Anh bao nhiêu tuổi rồi? Ba mươi?”

“Tao không biết. Tuy nhiên, nhưng không nhiều như nó nói”. Ông già ngồi trong cái ghế, trong ánh nắng. “Chỉ là Pap thôi mà”, hắn ta nói. Cái bóng của rừng tuyết tùng đã chạm tới chân ông già. Nó sắp

lên tới đầu gối ông ta. Bàn tay ông già đã bỏ ra ngoài và sờ soạng xung quanh đầu gối, chìm vào trong bóng mát và trở nên bất động. Rồi ông đứng lên và túm lấy cái ghế, gõ nhẹ về phía trước bằng cây gậy. Sau đó, ông ta lê xuống theo tiếng gõ, từng bước hấp tấp, đến nỗi bọn họ phải nhanh chóng bước tránh sang một bên. Ông già kéo lê cái ghế vào chỗ có nhiều ánh nắng và lại ngồi xuống, ngửa mặt vào nắng, hai bàn tay vắt chéo trên đầu gậy. “Đó là Pap”, Tommy nói, “vừa mù vừa điếc. Tao là con chó nếu không cảm hận khi không thể nói chuyện và thậm chí không thèm quan tâm đến việc vừa ăn cái gì”.

Trên một tấm ván giữa hai cây cột đặt một cái xô mạ kẽm, một chậu thiếc, một cái đĩa rạn nứt chứa một miếng xà phòng màu vàng. “Kệ mẹ rửa ráy”, Gowan nói, “Làm chút rượu đã nhé?”.

“Tao thấy dường như mày đã uống quá nhiều rượu rồi. Tao là con chó nếu mày đã không lái cái xe quái quỷ ấy đâm thẳng vào ngay cái cây đó.”

“Thử đi mà. Chẳng lẽ anh không giấu chút nào ở đâu đó sao?”

“Có thể còn một chút trong chuồng gia súc. Nhưng không được để hần nghe thấy tiếng chúng ta, nếu không hần sẽ túm được và đánh cho vì tội ăn trộm đấy.” Hần đi ngược lại phía cửa và nhìn chăm chú lên cái hành lang. Rồi thì họ rời khỏi cái hiên và đi về hướng chuồng gia súc, băng qua nơi từng là nhà bếp nhìn ra khu vườn nhỏ, bây giờ trông nó thật tiêu điều với tuyết tùng và những cây non nhú lên như dùi cui của cảnh sát. Hai lần Tommy quay đầu nhìn lại phía sau. Lần thứ hai, hần nói:

“Mày hỏi xem vợ mày có muốn gì không.”

Temple đã đứng chỗ cửa nhà bếp. “Gowan”, cô ta gọi.

“Mày đưa cho cô ta cái gì đi”, Tommy nói, “Nếu cô ta không im miệng, hần sẽ nghe thấy chúng ta”. Gowan phẩy tay. Bọn họ tiếp tục đi và chui vào cái chuồng gia súc. Sát bên lối vào có một cái thang thô sơ dựng ở đó. “Tốt hơn là mày nên chờ ở đây cho đến khi tao lên đó”, Tommy nói, “Cái thang quỷ quái này đã mục nát, có thể không chịu nổi hai người đâu”.

“Vậy thì, tại sao anh không sửa nó? Chẳng lẽ anh không dùng nó hằng ngày à?”

“Nó giữ được mà, miễn là đừng nặng quá”, Tommy nói. Hắn ta leo lên thang. Rồi đến lượt Gowan, xuyên qua cái cửa sập, tiến vào bên trong những tia nắng màu vàng chiếu lờ mờ xuyên qua vách tường và mái nhà đổ nát. “Bước lên chỗ tao bước”, hắn ta nói, “Mày sẽ dẫm lên một chỗ ván sứt và tỉnh lại thấy mình đang nằm ở tầng dưới trước khi biết chuyện gì đã xảy ra”. Hắn ta thận trọng từng bước băng qua cái sàn căn gác và bới ra một cái bình bằng đất từ một đồng cỏ khô mục nát trong góc.

“Một chỗ mà hắn sẽ không tìm được”, hắn nói, “Nỗi sợ sẽ làm đổ mấy gallon rượu ra khỏi tay hắn đấy”.

Bọn họ uống rượu. “Trước đây tao từng nhìn thấy mày”, hắn ta nói, “nhưng không biết tên”.

“Tôi là Stevens. Tôi mua rượu của Lee ba năm nay. Khi nào thì ông ta quay về? Chúng tôi phải cố gắng đến được thị trấn.”

“Ông ta sẽ về đây sớm. Tao từng thấy mày trước đây. Một thằng Jefferson khác cũng quờ quạng ngoài này ba bốn đêm gì đó. Tao cũng không biết tên hắn. Bộ dạng y như thằng ba hoa. Cứ nói mãi làm thế nào hắn tán tỉnh được và bỏ vợ hắn. Uống thêm đi”, hắn nói rồi im bặt và chầm chậm ngồi xồm xuống, hai bàn tay đưa cái bình đất lên, đầu cúi xuống như nghe ngóng. Sau một giây, tiếng nói cất lên lần nữa, từ cái hành lang bên dưới.

“Thằng kia.”

Tommy nhìn vào Gowan. Miệng hắn xệ xuống. Răng hắn cáu bằn và nằm lộn xộn, bộ râu mềm màu vàng nâu.

“Mày, thằng trên kia”, giọng nói vang lên.

“Nghe thấy tiếng hắn không?”, Tommy thì thầm, run rẩy. “Tên của tao là Tommy.”

“Thôi đi”, giọng nói lại cất lên. “Tao biết mày ở đấy.”

“Tao nghĩ chúng ta nên...”, Tommy nói, “Chắc chắn hắn sẵn sàng bắn một phát xuyên qua cái sàn lên đây”.

“Lạy Chúa”, Gowan nói, “Tại sao anh không... Đây”, cậu ta la lên, “chúng tôi xuống đây!”. Popeye đã đứng sau cái cửa, hai ngón trở thọc vào túi áo gi lê. Bầu trời ngả sang ánh chiều tà. Khi bọn họ rời chuồng gia súc và xuất hiện chỗ cánh cửa, Temple đã bước ra từ hiên sau. Cô gái khựng lại, quan sát bọn họ, sau đó đi xuống đồi. Cô bắt đầu bỏ chạy.

“Tao không bảo mày phải đi xuống dưới con đường kia sao?”, Popeye nói.

“Tao và nó chỉ bước xuống đây có một chút”, Tommy nói.

“Tao đã bảo mày phải đi xuống dưới con đường kia, hay tao không nói?”

“Ròiiii”, Tommy nói, “Mày có bảo tao”. Popeye quay lưng đi, không một chút liếc mắt đến Gowan. Tommy đi theo sau. Lưng của hắn ta vẫn run rẩy. Temple chạm mặt Popeye ở giữa đường đến căn nhà. Cô ta đang chạy rất nhanh. Thậm chí cái áo khoác đang đập phành phạch cũng không bắt kịp cô, chưa kịp lườn trước, ngay tức khắc cô chạm mặt Popeye với biểu hiện nhăn nhó, căng thẳng, hai hàm răng khua vào nhau. Hắn không dừng lại. Temple tiếp tục chạy. Cô vượt qua mặt Tommy và chộp lấy cánh tay Gowan.

“Gowan, em sợ. Chị ta đã bảo với em đừng có... Anh lại uống rượu, anh thậm chí không cả lau rửa máu me... Chị ta bảo chúng ta đi khỏi chỗ này...”

Đôi mắt cô gái rất đen, khuôn mặt nhỏ nhắn xanh xao mệt mỏi và lem luốc. Cô nhìn về hướng căn nhà. Popeye vừa quẹo vào cái góc. “Chị ta phải đi bộ thật xa để đến một con suối lấy nước, chị ta... Họ có một đứa bé xinh xắn trong một cái thùng nằm sau bếp lò. Gowan, chị ta bảo em đừng có ở đây khi trời tối. Chị ta bảo đi hỏi hắn ta. Hắn ta có một chiếc xe. Chị ta bảo chị ta không nghĩ hắn...”

“Hỏi ai?”, Gowan hỏi. Tommy quay nhìn lại hai người. Rồi hắn tiếp tục đi.

“Gã da đen đó. Chị ta bảo chị ta không nghĩ hắn ta sẽ giúp, nhưng hắn có thể. Đi nào.” Họ đi về hướng căn nhà. Một con đường nhỏ vòng quanh nhà dẫn tới phía trước. Chiếc xe đã đậu ở giữa con đường mòn và căn nhà. Temple nhìn khuôn mặt phúng phính của

Gowan lần nữa, bàn tay cô để lên cửa xe. “Chiếc xe này sẽ không làm mất thời gian của hấn lắm đâu. Một thằng nhỏ ở khu nhà em cũng có một chiếc. Nó chạy tám mươi dặm một giờ. Tất cả công việc hấn cần phải làm chỉ là lái xe đưa chúng ta tới thị trấn, bởi vì chị ta hỏi chúng ta đã cưới nhau chưa và em buộc phải nói là đã. Chỉ cần tới một đường tàu hỏa. Có thể một nơi nào đó gần hơn là Jefferson”, cô gái thì thầm, nhìn chăm chăm vào cậu ta, bàn tay của cô vuốt dọc theo cạnh cánh cửa.

“Ồ”, Gowan nói, “Anh sẽ phải đi hỏi hấn, phải không? Em khủng quá rồi. Em nghĩ con khỉ đó sẽ giúp à? Anh thà ở lại đây một tuần còn hơn đi đâu đó với hấn”.

“Chị ta nói phải như vậy. Chị ta nói em không được ở đây.”

“Em điên rồi. Đi lại đây.”

“Anh sẽ không hỏi hấn à? Anh sẽ không làm chuyện đó à?”

“Không. Chờ đến khi Lee về đi. Anh nói em biết, ông ta sẽ kiếm cho chúng ta một cái xe.”

Họ tiếp tục đi trên con đường nhỏ. Popeye đang đứng dựa vào một cây cột và châm thuốc. Temple chạy lên những bậc thang gập ghềnh. “Nói đi”, cô gái nói, “anh không muốn chở chúng tôi đến thị trấn đúng không?”.

Hấn quay đầu lại, điều thuốc vất vèo trên môi, còn que diêm nằm giữa hai bàn tay khum lại. Miệng của Temple cứng lại trong điệu bộ nhăn nhó, xin xỏ. Popeye nghiêng điều thuốc vào que diêm. “Không”, hấn nói.

“Thôi nào”, Temple nói, “Làm một người tốt bụng vui vẻ đi. Anh sẽ không mất nhiều thời gian với chiếc Packard đó đâu. Giúp dùm nhé? Chúng tôi sẽ trả tiền cho anh”.

Popeye rít một hơi thuốc. Hấn búng que diêm vào đám cây cỏ sa. Hấn nói nhỏ nhưng rất lạnh lùng: “Bảo con đĩ của mày tránh xa khỏi tao, thằng kia”.

Gowan nặng nề xô dịch như một gã vụng về lóng ngóng, có thể làm một con ngựa tính khí hiền hòa bất ngờ bị trêu tức. “Nhìn đây này”, hấn nói. Popeye thối ra, luồng khói chìm xuống, tách thành hai

sợ mông. “Tôi không thích như thế”, Gowan nói, “Anh có biết là anh đang nói chuyện với ai không?”. Cậu ta tiếp tục kiêu xê dịch nặng nề đó, giống như không thể ngừng lại nhưng cũng không thể hoàn tất nó. “Tôi không thích như thế.” Popeye quay đầu và nhìn Gowan. Rồi hắn thôi nhìn cậu ta và Temple đột ngột nói:

“Anh đã mặc bộ com lê đó và rơi xuống con sông nào vậy? Anh phải làm sạch nó vào ban đêm đúng không?” Khi ấy cô gái đang di chuyển về phía cửa, một bàn tay của Gowan đặt hờ trên lưng cô, đầu cô ngoái lại, tiếng gót giày kêu lộc cộc. Popeye bất động dựa vào cây cột, đầu của hắn xoay nghiêng.

“Chẳng lẽ em muốn...”, Gowan rít lên.

“Anh là đồ bỏ đi!”, Temple la lên. “Anh là đồ bỏ đi!”

Gowan thô bạo đẩy cô gái vào trong nhà. “Chẳng lẽ em muốn thằng cha đó đập văng cái đầu đàn độn của em đi hả?”, cậu ta nói.

“Anh sợ hắn!”, Temple nói, “Anh đã sợ hãi”.

“Câm mồm lại!”, Gowan nói. Cậu ta bắt đầu lắc người cô gái. Bàn chân của họ giậm lên cái sàn nhà trần trụi như thể đang biểu diễn một cuộc khiêu vũ vụng về và họ bám vào nhau, lảo đảo chúi vào vách tường. “Hãy coi chừng”, cậu ta nói, “em lại đang làm đảo lộn mọi chuyện của anh đấy”. Cô gái vùng ra, bỏ chạy. Cậu ta dựa vào tường và nhìn theo bóng cô gái chạy ra khỏi cửa sau.

Cô gái chạy vào trong nhà bếp. Trong đó tối đen, ngoại trừ một chút ánh sáng xung quanh cái cửa bếp lò. Cô gái quay người, chạy ra khỏi cửa và nhìn thấy Gowan đang đi xuống đồi về chuồng gia súc. Anh ta đi uống thêm rượu, cô gái nghĩ, anh ta sẽ lại say nữa. Chuyện đó sẽ xảy ra lần thứ ba trong ngày hôm nay. Bóng tối chạng vạng làm hành lang trở nên tĩnh mịch hơn. Cô gái nhón gót chân, lắng nghe và nghĩ thầm, mình đang đói. Cả ngày, mình đã không được ăn gì, cô nghĩ về trường học, ánh sáng tỏa ra từ những khung cửa sổ, từng đôi đang chậm rãi đi tản bộ về hướng âm thanh của tiếng chuông báo bữa ăn tối và về người cha của cô đang ngồi trên hiên nhà, chân gác trên lan can, quan sát một người da đen đang cắt cỏ. Cô gái di chuyển lặng lẽ trên những ngón chân. Bên cạnh

cánh cửa, cây súng săn đang dựa vào góc tường, có trườn vào trong cái góc bên cạnh nó và bắt đầu khóc.

Ngay tức thì, cô ngừng lại và nín thở. Một cái gì đó đang di chuyển từ phía xa, chỗ đối diện với bức tường mà cô đang tựa vào. Trong một khắc ngắn ngủi, nó băng qua căn phòng, những tiếng động của sự va chạm vấp vấp, một tiếng gõ khô khan đi trước. Nó nổi bật khi bước vào trong hành lang và cô gái thét lên, cảm thấy hai lá phổi đang cạn kiệt, lúc lâu sau, không khí đã thoát ra và sau khi lồng ngực của cô trống rỗng, cơ hoành làm việc trở lại, cô quan sát ông già đi xuống hành lang với một bước lê chân dài, cây gậy nằm trong một bàn tay và cái khuỷu tay kia vểnh lên ở một góc cao tính từ chỗ thắt lưng. Bỏ chạy, cô gái vượt qua mặt ông già... một cái bóng mờ, đứng dạng chân theo cách khác thường ở chỗ thành hiên... và tiếp tục chạy vào nhà bếp, lao vào góc phía sau bếp lò. Cúi xuống núp, cô gái kéo cái thùng và lúi nó ra che trước mặt. Bàn tay cô chạm vào mặt đĩa bé, rồi cô vòng hai cánh tay xung quanh cái thùng, ôm lấy nó, nhìn chằm chằm từ sau cái thùng vào cánh cửa mờ nhạt và cố gắng cầu nguyện. Nhưng cô gái không thể nghĩ ra bất cứ cái tên nào của vị Cha siêu phàm trên thiên đường, đến nỗi cô bắt đầu nói: “Cha của tôi là một quan tòa, cha của tôi là một quan tòa” lặp đi và lặp lại mãi cho đến khi Goodwin chạy nhẹ nhàng vào trong phòng. Ông ta bật một que diêm, giơ nó cao quá đầu và nhìn xuống cô gái cho đến khi ánh lửa chạm ngón tay.

“Ha”, ông ta nói. Cô gái nghe thấy ông bật diêm, bước hai bước, rồi bàn tay ông chạm vào gò má cô, ông ta tóm lấy cổ và xách cô lên từ phía sau cái thùng như một con mèo. “Cô đang làm gì trong nhà tôi vậy?”, ông ta hỏi.

Đâu đó phía xa ánh đèn hành lang, cô gái có thể nghe thấy những giọng nói... và sau đó đến một tiếng cười khàn khàn thô ráp, tiếng cười nhạo báng của một người đàn ông xuyên qua cái tiếng xèo xèo của thịt rán trên bếp lò nơi người phụ nữ đang đứng đó. Duy nhất một lần cô gái nghe tiếng những đôi giày nặng nề đi xuống hành lang và một giây sau đó, là tiếng loảng xoảng của cái muôi nhúng trong cái xô mạ kẽm và giọng của tên đã từng cười và chửi thề. Giữ chặt chiếc áo khoác, cô gái ló mặt ra cửa nhìn quanh với đôi mắt mở to, luống cuống tò mò như một đứa trẻ, cô thấy Gowan và một gã đàn ông với chiếc quần ka ki ống túm. Anh ta lại say nữa, cô gái nghĩ. Anh ta đã say bốn lần từ khi hai người rời khỏi Taylor.

“Ông ta có phải là em của chị không?”, cô gái hỏi.

“Ai?”, người phụ nữ hỏi. “Cái gì của tôi?”, cô lật miếng thịt đang xèo trên chảo rán.

“Tôi nghĩ em trai của chị có thể cũng ở đây.”

“Chúa ơi!”, người phụ nữ nói. Cô lật miếng thịt bằng một cái nĩa. “Tôi hy vọng không phải.”

“Em của chị ở đâu?”, Temple hỏi, nhìn chăm soi từ chỗ cánh cửa. “Tôi có bốn anh em trai. Hai người là luật sư và một người làm báo. Thành nhỏ vẫn còn đi học. Ở Yale. Cha của tôi là quan tòa. Quan tòa Drake của Jackson.” Cô gái nghĩ về người cha đang ngồi trên hiên nhà, trong bộ com lê bằng nỉ, một cái quạt bằng lá cọ trên tay ông, đang quan sát người da đen cắt cỏ.

Người phụ nữ mở cái lò và nhìn vào trong. “Không ai mời cô đến chỗ này. Tôi cũng không mời cô ở lại. Tôi đã bảo cô phải đi trong lúc trời còn sáng mà.”

“Tôi có thể làm gì đây? Tôi đã hỏi hấn. Gowan thì không nghe, đến mức tôi phải hỏi tên kia.”

Người phụ nữ đóng cửa lò lại và quay ra nhìn Temple, lưng hướng về ánh sáng. “Cô có thể làm gì à? Cô có biết tôi phải làm thế nào để lấy nước không? Tôi đi bộ. Một dặm. Sáu lần một ngày.

Cộng lại đi.” Cô đến cái bàn, lấy một bao thuốc lá và lắc cho một điều nhô ra.

“Tôi xin một điều được không?”, Temple hỏi. Người phụ nữ lia nhẹ gói thuốc dọc mặt bàn. Cô ta lấy cái chụp đèn ra và châm thuốc bằng bấc. Temple cầm gói thuốc lên và lắng tai nghe Gowan và gã đàn ông kia đi vào căn nhà. “Bọn chúng ở trong đó rất đông”, cô ta than vãn, ngấm điều thuốc lụi dần trên ngón tay. Người phụ nữ đã trở lại chỗ bếp lò. Cô lật miếng thịt. “Gowan lại tiếp tục say sưa. Ngày hôm nay, anh ta đã say rượu ba lần rồi. Anh ta đã say lúc tôi xuống khỏi chuyến tàu hỏa ở Taylor và tôi đang bị án treo, tôi đã bảo anh ta ném cái chai rượu đi nhưng khi chúng tôi dừng ở cái tiệm nhỏ thôn dã ấy để mua một cái áo sơ mi, anh ta lại say lần nữa. Vì vậy, chúng tôi chưa ăn uống gì, chúng tôi dừng lại ở Dumfries và đi vào một nhà hàng nhưng tôi đã quá lo lắng nên không ăn được, tôi không thể tìm thấy anh ta và sau đó anh ta đi một con đường khác, tôi đã chạm được vào cái chai trong túi anh ta trước khi anh ta hất văng tay tôi ra. Gowan ta nói là tôi giữ cái bật lửa của anh ta và sau đó khi anh ta làm mất nó, tôi bảo là anh ta đã cầm nó, thì anh ta lại thề rằng chưa từng có một cái bật lửa nào trong đời.”

Miếng thịt xì xèo trong chảo rán. “Anh ta đã say xỉn ba lần rồi”, Temple nói, “Ba lần trong một ngày. Buddy... đó là Hubert, thằng em nhỏ nhất của tôi... bảo rằng nếu nó bắt gặp tôi với một gã say, nó sẽ đánh tôi thẳng tay. Và giờ đây tôi đang đi với một gã đã say ba lần trong một ngày”. Tựa hông vào bàn, bàn tay cô vò điều thuốc, cô bắt đầu cười. “Chị không thấy chuyện đó khôi hài ư?”, cô nói. Sau đó, cô ngưng cười bằng cách nín thở, cô có thể nghe tiếng tí tách thoát ra từ cái chụp đèn, tiếng miếng thịt trong chảo rán và tiếng rít của cái ấm đun nước trên bếp lò, cùng những tiếng nói thô ráp, cộc lốc, âm thanh vô nghĩa đặc thù của giống đực vọng từ trong nhà. “Chị phải nấu ăn cho tất cả bọn chúng mỗi đêm. Tất cả bọn đàn ông đó ăn ở đây, cái nhà đầy người vào ban đêm, trong bóng tối...” Cô gái thả điều thuốc nhàu nát khỏi tay. “Xin phép cho tôi bế đứa bé nhé? Tôi biết cách mà, tôi sẽ bế tốt thôi.” Cô chạy đến cái thùng, khom người xuống và nhấc đứa bé đang ngủ lên. Nó đã mở hai mắt và đang rên rĩ. “Đây, đây, Temple bế cưng đây.” Cô gái đu đưa đứa bé, vụng về

ôm nó cao lên trong hai cánh tay gầy. “Nghe này”, cô nói, nhìn vào lưng người phụ nữ, “chị sẽ hỏi ông ta chứ? Ý tôi là chồng chị. Ông ta có thể lấy một chiếc xe và đưa tôi đến chỗ nào đó. Chị sẽ giúp tôi chứ? Chị sẽ hỏi ông ta chứ?”. Đứa bé đã ngừng rên rỉ. Hai mí mắt màu chì của nó hé ra để lộ một lần mỏng của tròng mắt. “Tôi không sợ đâu”, Temple nói, “Những chuyện như thế sẽ không xảy ra. Có phải không? Họ cũng giống như những người khác. Chị cũng giống như những người khác thôi. Với một đứa bé sơ sinh. Bên cạnh đó, cha của tôi là một qu... quan tòa. Ngài thố... thống đốc đến nhà chúng tôi để ă... ăn... Một đứa b... bé hết sức dễ thương nè”, cô gái rên rỉ, nhấc đứa bé lên gần mặt; “nếu mấy người xấu làm đau Temple, cư... cũng sẽ nói với bọn lính của ngài thống đốc, phải không cư... cũng?”.

“Giống như những người nào?”, người phụ nữ đang lật miếng thịt, hỏi, “Chẳng lẽ cô nghĩ Lee không có chuyện gì tốt hơn để làm ngoài chuyện săn đuổi những đứa con nít rẻ tiền kiểu như cô...”. Cô ta mở cửa lò và ném điều thuốc vào trong, rồi đóng sầm lại. Để nựng nịu đứa bé, Temple phải đẩy mũ của cô ra phía sau, những lọn tóc quăn trông rất gợi cảm. “Tại sao cô lại đến đây?”

“Đó là do Gowan. Tôi đã nài nỉ anh ta. Chúng tôi đã nhỡ trận bóng rồi, tôi nài nỉ anh ta chỉ cần đưa tôi đến Starkville trước khi người đặc biệt quay lại, họ sẽ không biết tôi đã vắng mặt trên tàu, bởi vì người trông thấy tôi rời khỏi tàu sẽ không nói ra. Nhưng anh ta không làm thế. Anh ta bảo chúng tôi phải dừng ở đây một phút để mua thêm whiskey và lúc đó anh ta đã say rồi. Anh ta lại say lần nữa kể từ khi chúng tôi rời Taylor, tôi đang bị án treo và cha tôi chỉ còn cách chết thôi. Nhưng anh ta không làm vậy. Một lần nữa, anh ta lại say sưa trong khi tôi van xin anh ta hãy đưa tôi đến bất cứ thị trấn nào đó và cho tôi xuống.”

“Án treo?”, người phụ nữ hỏi.

“Vì đã trốn ra ngoài vào ban đêm. Bởi vì chỉ có lũ con trai thị trấn mới có xe và khi chị có cuộc hẹn với một anh chàng người thị trấn vào thứ Sáu, thứ Bảy hay Chủ Nhật, bọn trai trong trường sẽ không thể hẹn hò với chị, bởi vì họ không có xe. Cho nên tôi phải trốn ra ngoài. Và một con nhỏ không thích tôi đã mách lại với chủ nhiệm

khoa, bởi vì tôi hẹn hò với một tên mà nó thích, trong khi tên đó chưa bao giờ hẹn hò với nó.”

“Nếu cô không trốn ra ngoài, cô sẽ chẳng dính vào vụ lái xe”, người phụ nữ nói, “Đúng không? Và bây giờ khi đã trốn ra ngoài thường xuyên, thì cô lại kêu than”.

“Gowan không phải là một gã trai thị trấn. Anh ta từ Jefferson tới và đi học ở Virginia. Anh ta khoe họ đã dạy anh ta uống rượu như một người đàn ông quý phái, tôi đã phải van xin chỉ cần cho tôi xuống khỏi xe ở bất cứ chỗ nào và cho tôi mượn đủ tiền để mua một cái vé bởi vì tôi chỉ còn có hai đô la, nhưng anh ta...”

“Ồi chao, tôi biết loại người như cô mà”, người phụ nữ nói, “Phụ nữ lương thiện. Quá tuyệt hảo nên sẽ không dính líu tới những người bình dân. Cô sẽ trốn ra ngoài vào ban đêm với lũ con nít, nhưng chỉ để cho một người đàn ông đi cùng”. Cô ta lật thịt. “Lấy tất cả những gì cô có thể lấy và không cho lại thứ gì hết. ‘Tôi là một cô gái trong sạch, tôi không làm như thế’. Cô sẽ trốn ra ngoài với lũ trẻ, đốt xăng của chúng, ăn thức ăn của chúng, nhưng chỉ để một anh chàng nam tính nhìn cô và cô thấy ngại ngùng, bởi vì cha cô là quan tòa và bốn người anh em của cô có thể không thích chuyện đó. Nhưng đến khi cô lâm vào một hoàn cảnh bế tắc, cô sẽ đến khóc lóc với ai? Với chúng tôi, hạng người không đủ tư cách buộc dây giày cho ông quan tòa toàn năng.” Từ khuôn mặt đứa bé, Temple chuyển sang nhìn chăm chăm vào lưng người phụ nữ, khuôn mặt cô gái giống như một cái mặt nạ nhỏ nhợt nhạt dưới cái mũ mong manh.

“Anh của tôi nói anh ấy sẽ giết Frank. Trước đây, anh ấy không nói sẽ cho tôi một trận đòn nếu bắt gặp tôi với Frank; anh ấy nói sẽ giết thẳng khốn nạn chó đẻ trong cái xe ngựa màu vàng, còn cha tôi mắng anh tôi và nói ông vẫn có thể điều hành gia đình chúng tôi một thời gian dài nữa và xua tôi vào nhà, nhốt tôi trong đó rồi đi xuống cái cầu để chờ Frank. Nhưng tôi không phải là một đứa hèn nhát. Tôi leo xuống theo cái máng nước và tìm cách chặn Frank lại, nói cho anh ấy biết. Tôi van xin anh ấy hãy đi nơi khác đi, nhưng anh ấy nói chúng tôi phải cùng đi. Khi chúng tôi trở lại cái xe nhỏ, tôi biết đó là lần cuối cùng. Tôi biết thế và đã van xin anh ấy một lần nữa hãy bỏ đi nơi khác, nhưng anh nói sẽ lái xe đưa tôi về nhà để lấy va li và

chúng tôi phải nói chuyện với cha. Anh ấy không phải là một người hèn nhát. Cha tôi đang ngồi trên hiên. Ông nói ‘Đi ra khỏi cái xe đó’ và tôi ra khỏi xe, tôi van xin Frank hãy đi đi, nhưng anh ấy cũng ra khỏi xe và chúng tôi đi lên con đường nhỏ, cha vòng ra sau cánh cửa và lấy cây súng săn. Tôi đứng trước mặt Frank và cha nói: ‘Mày cũng muốn vậy à?’, tôi đã cố đứng trước nhưng Frank đẩy mạnh tôi ra sau lưng anh và giữ tôi lại. Rồi cha đã bắn anh và nói: ‘Đi xuống dưới đó và che chắn cho cái dơ bẩn của mày đi, con đĩ’.”

“Tôi đã từng bị gọi như thế”, Temple thì thầm và ôm ấp đứa bé đang ngủ trong hai cánh tay gầy đưa cao của cô, vừa nhìn chăm chăm vào lưng người phụ nữ.

“Nhưng cô trông rất ngon mắt. Cô sẽ dễ bị biến thành trò giải trí rẻ tiền. Cô có biết bây giờ cô đang vướng vào chuyện gì không?”, cô ta nhìn cô gái, cái nĩa cầm trong tay. “Cô nghĩ bây giờ cô đang gặp mấy đứa con nít hả? Bọn con nít đó sẽ buông lời chửi rủa mà chẳng quan tâm cô có thích chuyện đó hay không. Hãy để tôi nói cho cô biết là cô đã đi vào nhà của ai mà không được chào đón, con người mà cô đang đòi hỏi ông ta phải bỏ mọi thứ và đưa cô trở lại cái nơi mà cô không bao giờ có lý do phải bỏ đi. Khi là một người lính ở Philippines, ông ta đã giết một tên lính khác để giành một con trong đám đàn bà mọi đen đó và họ đã áp giải ông ta đến Leavenworth. Về sau, đến thời chiến tranh, họ cho ông ta ra để đi đánh giặc. Ông ta được hai huy chương, khi hết chiến tranh họ lại nhốt ông ta vào trong Leavenworth cho đến khi luật sư nhờ được một dân biểu can thiệp cho ông ta ra. Sau đó, tôi có thể thoát được chuyện ‘làm trò hề’ như trước...”

“Làm trò hề?”, Temple thì thầm, ôm đứa bé, tự nhìn thấy mình không hơn một vật được kéo dẫn ra, một đứa trẻ cẳng dài trong bộ quần áo ngắn ngắn đội cái nón nghiêng.

“Đúng, đồ mặt sữa!”, người phụ nữ nói. “Cô cho là tôi đã làm thế nào để trả tiền cho gã luật sư đó? Đó là loại đàn ông mà cô nghĩ là ông ta sẽ quan tâm đến..., với cái nĩa trên tay cô ta bước đến và bập nhẹ mấy ngón tay của mình lên mặt Temple, hằn học, “... những chuyện gì xảy ra với cô. Cô, đứa con gái nhỏ với bộ mặt búp bê hư hỏng, cô phải nghĩ rằng cô không thể đi vào một căn phòng nơi một

gã đàn ông không còn là chính hấn nữa”. Đằng sau cái váy bạc màu, ngực cô ta phập phồng hít những hơi thật sâu. Với hai bàn tay chống nạnh, cô ta nhìn Temple với đôi mắt tóe lửa. “Đàn ông ư? Cô chưa bao giờ có kinh nghiệm về một gã đàn ông thực sự. Cô chẳng hề biết một gã đàn ông thực sự ham muốn cái gì. Và tạ ơn mấy ngôi sao chiếu mệnh của cô là cô chưa và sẽ chẳng bao giờ biết, do đó về sau cô chỉ nhận ra được điều mà một cái mặt sữa như cô đáng giá và tất cả những gì còn lại là cô nghĩ cô đổ kị khi chỉ vừa hoảng sợ về chuyện đó. Nếu anh ta chỉ vừa đủ nam tính để gọi cô là con điểm, cô sẽ nói: *Vâng, vâng* và cô sẽ bò lê lét trần truồng trong bồn thỉu và nhục nhã bởi anh ta đã gọi cô như thế... Đưa đứa bé cho tôi.” Temple ôm đứa bé, nhìn chăm chăm người phụ nữ, miệng của cô gái cử động như thể là cô đã nói *Vâng, vâng, vâng*. Người phụ nữ ném cái nĩa lên mặt bàn. “Buông ra”, cô ta vừa nói vừa nhắc đứa bé ra. Đứa bé mở hai mắt và khóc thét. Người phụ nữ kéo một cái ghế và ngồi xuống, đứa bé nằm trong lòng cô ta. “Cô lấy hộ tôi cái tã trên dây thép đằng xa kia chứ?”, cô ta nói. Temple vẫn chôn chân trên sàn, đôi môi mấp máy. “Cô sợ đến nỗi không dám ra ngoài đó, đúng không?”, người phụ nữ nói. Cô ta đứng lên.

“Không”, Temple nói, “Tôi sẽ lấy...”.

“Tôi sẽ lấy nó.” Đôi giày leo núi không buộc dây lê lét sệt ngang nhà bếp. Người phụ nữ quay lại, kéo một cái ghế nữa đến cạnh bếp lò, căng hai miếng vải còn lại và bộ quần áo lót trên dây, rồi lại ngồi xuống, đặt đứa bé nằm trên lòng. Đứa bé rên rĩ. “Ngoan nào”, cô ta nói, “ngoan nào, mẹ đây”, khuôn mặt của cô trong ánh đèn bắc mang vẻ ưu tư. Cô ta thay tã cho đứa bé và đặt nó vào trong cái thùng. Sau đó, cô ta lấy một cái đĩa phẳng xuống từ cái tủ bát được che bằng vải bao bố kéo qua lại được, lấy cái nĩa và đến gần, nhìn vào mặt Temple lần nữa.

“Nghe đây. Nếu tôi lấy một cái xe cho cô, cô chắc chắn sẽ đi khỏi chỗ này chứ?”, người phụ nữ nói. Nhìn chăm chăm vào chị ta, Temple cử động miệng như thể cô đang thử nghiệm từ ngữ, nhấm nháp chúng. “Cô chắc chắn sẽ đi ra đằng sau, chui vào trong xe và đi khỏi, không bao giờ trở lại đây chứ?”

“Đúng vậy”, Temple thì thầm, “Bất cứ đâu. Bất cứ điều gì”.

Dường như đôi mắt lạnh lùng của người phụ nữ không hề cử động, cô ta nhìn Temple từ đầu xuống chân. Temple có thể cảm thấy tất cả những thớ thịt đang co rút lại như những cây nho khô quắt trong ánh nắng ban trưa.

“Cô bé tội nghiệp hèn nhát và ngu xuẩn”, người phụ nữ nói bằng giọng trầm lạnh. “Cô đang đóng kịch.”

“Tôi không làm vậy. Tôi không làm vậy mà.”

“Giờ thì cô sẽ có chuyện để kể cho bọn chúng khi cô quay lại. Đúng không?” Mặt đối mặt, tiếng nói của họ giống như những cái bóng hiện trên hai bức tường gần đấy. “Cô đang đóng kịch.”

“Bất cứ điều gì cũng được. Chỉ cần tôi có thể rời khỏi đây. Bất cứ đâu.”

“Lee không phải là vấn đề khiến tôi sợ hãi. Chẳng lẽ cô tưởng ông ta chơi trò đó mỗi khi có con chó cái nhỏ động cựa chạy đến đây hả? Vấn đề là cô.”

“Được. Tôi sẽ đi bất cứ đâu.”

“Tôi biết loại người như cô. Tôi đã từng gặp chúng. Tất cả đều đang chạy, nhưng không quá nhanh. Không nhanh đến mức không thể nói chuyện với một người đàn ông thực sự khi cô thấy hắn ta. Cô nghĩ cô có người đàn ông duy nhất trên thế giới à?”

“Gowan”, Temple thì thầm, “Gowan”.

“Tôi từng làm nô lệ cho tên đàn ông đó”, người phụ nữ thì thầm, đôi môi cử động rất ít, giọng nói thản nhiên. Như thể, cô ta đang đọc thuộc lòng công thức làm bánh mì. “Tôi đã làm bồi bàn ca đêm để có thể gặp ông ta trong tù vào Chủ nhật. Tôi sống hai năm trong một căn phòng nhỏ, nấu ăn trên một cái đèn hàn khí bởi vì tôi đã hứa với ông ta. Tôi đã lừa dối ông ta và kiếm tiền để mang ông ta ra khỏi tù và khi tôi nói với ông ta làm thế nào tôi kiếm được tiền, ông ta đánh tôi. Và bây giờ cô đã đến nơi mà cô không được chào đón. Chẳng có ai mời cô đến đây cả. Cũng chẳng có ai quan tâm đến chuyện cô sợ hãi hay không. Sợ hãi ư? Cô không có khí phách để thực sự sợ hãi, cũng chẳng đủ dũng cảm để yêu.”

“Tôi sẽ trả công cho chị”, Temple thì thầm. “Bất cứ thứ gì chị muốn. Cha tôi sẽ đưa nó cho tôi.” Người phụ nữ nhìn cô gái, nét mặt vô cảm và cứng nhắc giống như lúc trước khi cô nói chuyện với cô gái. “Tôi sẽ gửi quần áo cho chị. Tôi có một cái áo khoác mới bằng lông thú. Tôi chỉ mới mặc nó từ Giáng sinh. Nó còn như mới vậy.”

Người phụ nữ cười. Miệng cười nhưng không phát ra âm thanh, không có bất cứ cử động nào trên khuôn mặt. “Quần áo? Tôi đã từng có ba cái áo choàng lông thú. Tôi đã đem một trong ba cái tặng cho một người đàn bà trong hẻm gần quán rượu. Quần áo? Chúa ơi!” Người phụ nữ đột ngột xoay người. “Tôi sẽ lấy một cái xe. Cô sẽ đi khỏi chỗ này và đừng bao giờ quay lại. Cô có nghe không?”

“Được”, Temple thì thầm. Vô cảm, xanh xao, như một người mộng du, cô gái nhìn người phụ nữ chuyển miếng thịt vào cái đĩa lớn và đổ nước sốt lên trên đó. Từ cái lò nướng, cô ta kéo ra một cái chảo chứa đầy bánh quy mặn và đặt chúng lên một cái đĩa. “Tôi có thể giúp chị không?”, Temple thì thầm. Người phụ nữ không nói gì. Cô ta bê hai cái đĩa lên và đi ra ngoài. Temple đi đến cái bàn, lấy một điều từ gói thuốc và đứng ngậy ra nhìn vào cái đèn dầu. Một bên của ống khói bị ám đen. Ở phía bên kia một vết nứt chạy xuống một gờ cong mỏng màu bạc. Cái đèn làm bằng sắt mạ thiếc, bọc xung quanh cổ đèn là một lớp dầu bần. Temple châm điều thuốc từ cái đèn, suy nghĩ, kẹp điều thuốc trong tay và nhìn chăm chăm vào ngọn lửa bập bùng. Người phụ nữ quay trở lại. Cô ta vén một bên vạt chiếc váy và nhấc cái bình cà phê bần từ bếp lò lên.

“Tôi có thể rửa giúp chị cái bình đó?”, Temple nói.

“Không. Đến đó và ăn bữa tối của cô đi.” Người phụ nữ đi ra ngoài.

Temple đứng tại cái bàn, điều thuốc vẫn nằm trong tay. Bóng của bếp lò phủ lên cái thùng có đứa bé. Trên những miếng lót dưới đáy thùng, có thể nhận ra đứa bé bởi bóng của những đường cong mềm mại nhỏ bé của nó, cô gái đi đến, đứng bên cái thùng, nhìn xuống khuôn mặt trơn láng và hai mí mắt của đứa bé. Một tiếng thì thầm mỏng manh của bóng tối chụp lên đầu đứa bé và để lại sự ẩm ướt

trên chân mày; một cánh tay gầy gò gập lại, bàn tay nắm lại bên cạnh gò má. Temple khom người trên cái thùng.

“Thằng bé sắp chết”, Temple thì thầm. Cong người xuống, bóng của cô gái hiện trên bức tường, áo khoác không rõ hình dáng, mũ của cô nghiêng nghiêng kỳ quái trên mái tóc xỏ tung góm ghiếc. “Đứa bé tội nghiệp”, cô thì thầm, “đứa bé đáng thương”. Những tiếng nói của bọn đàn ông lớn dần. Cô gái nghe thấy một tiếng giậm chân trong hành lang, tiếng cọt kẹt của những cái ghế, giọng gã đàn ông từng cười lớn hơn cả bọn lại đang cười. Cô gái xoay người, rồi lại bất động, canh chừng phía cửa. Người phụ nữ đã đi vào.

“Đi ăn bữa tối của cô đi”, người phụ nữ nói.

“Chiếc xe”, Temple nói, “Tôi có thể đi ngay bây giờ, trong khi bọn họ đang ăn”.

“Xe gì?”, người phụ nữ hỏi, “Đến bàn và ăn đi. Không có ai làm hại cô đâu”.

“Tôi không đói. Tôi chưa ăn gì ngày hôm nay nhưng tôi không đói chút nào.”

“Đến và ăn bữa tối của cô đi”, người phụ nữ nói.

“Tôi sẽ đợi và ăn khi nào chị ăn.”

“Đến và ăn bữa tối của cô đi. Tôi chưa biết sẽ làm xong việc ở đây vào lúc nào đâu.”

Temple đi vào phòng ăn từ nhà bếp, dáng vẻ đầy khúm núm; cô ta gần như không nhìn thấy gì khi bước vào, giữ chặt cái áo khoác quanh người, cái mũ xô lệch, nảy lên và rơi xuống, trông rất gọi cảm. Sau một giây, cô ta nhìn thấy Tommy. Cô ta đi thẳng về phía hắn ta, như thể cô đã tìm hắn ta suốt thời gian qua. Một cái gì đó xen vào: một cánh tay cứng ngắc, cô gái cố gắng lảng tránh nó, nhìn thẳng vào Tommy.

“Đây này”, Gowan nói từ phía bên kia cái bàn, ghế của cậu ta dịch về phía sau, “em đi vòng qua đây”.

“Ngoài này, người anh em”, tên đàn ông từng chặn cô gái nói, người mà cô nhận ra chính là gã rất hay cười, “mày say rồi. Lại đây, nhỏ”. Cánh tay cứng ngắc của hắn ta vòng ngang giữa người cô gái. Cô xô mạnh nó, cười một cách cứng ngắc với Tommy. “Lùi ra, Tommy”, tên đàn ông nói. “Mày không biết cách cư xử hả, thằng con hoang?” Tommy cười khùng khục, lê cái ghế của mình dọc theo sàn nhà. Tên đàn ông nắm cổ tay cô gái kéo về phía hắn. Bên kia bàn, Gowan đã đứng lên, tựa người vào bàn. Cô gái bắt đầu kháng cự, vẫn giữ nụ cười cứng ngắc với Tommy và gỡ những ngón tay của tên đàn ông.

“Thôi đi, Van”, Goodwin nói.

“Ngồi ngay lên lòng tao đây này”, Van nói.

“Thả cô ta ra”, Goodwin nói.

“Đứa nào bảo được tao?”, Van nói, “Đứa nào đủ sức?”.

“Thả cô ta ra”, Goodwin nói. Rồi cô gái được thả ra. Sau đó, cô chậm chậm lùi ra xa. Phía sau cô gái, người phụ nữ đang đi vào với một cái đĩa, rồi bước sang một bên. Vẫn cười một cách đau đớn và cứng ngắc, Temple lùi ra khỏi phòng. Trong hành lang, cô gái xoay người và chạy. Cô chạy ra khỏi cái hiên, vào bãi cỏ dại và cố chạy nhanh. Cô chạy đến con đường mòn và đi xuống chừng năm mươi yards⁽⁵⁾ trong bóng tối, rồi không hề ngừng lại, cô gái xoay người

chạy ngược về căn nhà, nhảy lên cái hiên và áp người trốn sau cánh cửa đúng lúc một người đi đến từ hành lang. Đó là Tommy.

“Ồi, cô đây rồi”, hấn ta nói. Hấn ta vụng về đẩy một cái gì đó vào cô gái. “Đây”, hấn ta nói.

“Cái gì vậy?”, cô thì thầm.

“Chút đồ ăn. Tôi chắc là cô đã không ăn gì kể từ sáng.”

“Không. Thậm chí, cả sau đó cũng không”, cô thì thầm.

“Cô ăn một chút đi và sẽ cảm thấy khá hơn”, hấn ta nói, đẩy cái đĩa vào cô. “Cô ngồi xuống đây và ăn đi, chỗ này sẽ không có ai quấy rầy cô. Mấy thằng khốn nạn.”

Temple tựa người vào cánh cửa, khuôn mặt cô xanh xao, mệt mỏi như một con ma nhỏ dưới ánh sáng hắt ra từ phòng ăn. “Chị... chị...”, cô thì thầm thì.

“Cô ta ở trong nhà bếp. Muốn tôi đi xuống dưới ấy với cô không?” Trong phòng ăn, một chiếc ghế bị kéo lật sệt. Nhanh như chớp, Tommy nhìn thấy Temple trên con đường mòn, thân hình cô mảnh khảnh và bất động trong một giây như là đang chờ cho một người đi chậm đằng sau theo kịp. Rồi cô gái đã biến mất ở góc nhà như một cái bóng. Tommy đứng bên cửa, đĩa thức ăn còn đang nằm trên tay hấn ta. Rồi thì hấn quay đầu và nhìn xuống cái hành lang đúng lúc thấy cô gái vụt qua khoảng tối hướng tới nhà bếp. “Mấy thằng khốn nạn.”

Hấn ta vẫn đang đứng đó khi những tên khác trở lại chỗ cái hiên.

“Hấn lấy đầy một đĩa thức ăn”, Van nói. “Hấn cố lấy đầy một đĩa thịt lợn muối.”

“Tao lấy cái gì cơ?”, Tommy nói.

“Nhìn đây”, Gowan nói.

Van giật cái đĩa từ tay Tommy. Hấn ta quay lại với Gowan. “Mày không thích nó chứ?”

“Tôi không thích”, Gowan nói.

“Mày sẽ làm gì?”, Van hỏi.

“Van”, Goodwin nói.

“Chẳng lẽ mày tưởng mày đủ sức đấu với tao để mà nói là thích đĩa thịt của tao à?”, Van nói.

“Tao thì đủ đấy”, Goodwin nói.

Khi Van trở lại nhà bếp, Tommy theo sau hần. Tommy dừng ở cửa và nghe tiếng Van trong nhà bếp.

“Lại đây đi dạo một chút, con chó nhỏ”, Van nói.

“Đi ra khỏi đây, Van”, người phụ nữ nói.

“Lại đây đi dạo một chút”, Van nói, “Tao là một gã đàn ông rất tốt. Ruby sẽ bảo mày như vậy”.

“Ra khỏi đây ngay lập tức”, người phụ nữ nói. “Mày muốn tao gọi Lee hả?”. Van đứng ngược sáng, mặc một cái áo sơ mi bằng ka ki và quần ống túm, một miếng thuốc vắt trên tai của hần chìa ra từ mái tóc xoăn vàng mượt. Cách xa gã đàn ông, Temple đứng sau một cái ghế, miệng cô gái hé mở, đôi mắt đen huyền.

Khi Tommy quay lại cái hiên với cái bình, hần nói với Goodwin: “Tại sao mấy thằng bọn nó không thôi quấy rầy cô ta?”.

“Đứa nào quấy rầy cô ta?”

“Thằng Van. Cô ta rất sợ hãi. Tại sao chúng không để cô ta được yên?”

“Đó không phải là chuyện của mày. Mày hãy đứng ngoài chuyện đó, nghe không?”

“Mấy thằng đó phải thôi quấy rầy cô ta”, Tommy nói. Hần ngồi xồm tựa vào tường. Bọn chúng đang uống rượu, chuyền tay nhau cái bình và trò chuyện. Với sự chú tâm cao độ, hần ta lắng nghe bọn chúng, lắng nghe những chuyện tục tĩu và ngu xuẩn của Van về đời sống ở thành phố với sự khoái trá đặc biệt, hần đang cười sằng sặc và uống khi tới lượt của hần. Van và Gowan là hai tên làm công việc nói và Tommy lắng nghe chúng. “Hai thằng chúng nó vừa khít để thằng này đâm mạnh thằng kia”, hần thì thầm với Goodwin đang ngồi ở ghế bên cạnh. “Nghe thấy không?” Chúng nói khá lớn tiếng; ngay lập tức Goodwin di chuyển nhẹ nhàng từ cái ghế, hai bàn chân bước trên sàn nhà với những tiếng động nhẹ; Tommy nhìn thấy Van

đang đứng và Gowan đang đứng thẳng thủ thế ở đằng sau cái ghế của cậu ta.

“Tao không bao giờ có ý...”, Van nói.

“Vậy thì đừng nói ra”, Goodwin nói.

Gowan không nói gì. Thằng khốn nạn đó, Tommy nghĩ thầm, thằng khốn nạn đó thậm chí không thể nói được nữa.

“Câm mồm mày lại”, Goodwin nói.

“Hãy nghĩ đến việc nói chuyện như...”, Gowan nói. Cậu ta chuyển động, lắc lư dựa vào cái ghế. Cái ghế lộn nhào. Gowan mò mẫm vấp vào bức tường.

“Thề với Chúa. Tao sẽ...”, Van nói.

“người đàn ông quý phái, tôi không...”, Gowan nói.

Goodwin lao người sang một bên với một cú quật ngược tay, ông ta đã túm được Van. Gowan ngã vào vách tường.

“Khi tao nói ngồi xuống, tao muốn chúng mày làm đúng như vậy”, Goodwin nói.

Sau chuyện đó, bọn họ lặng im trong một lúc. Goodwin trở lại ghế của ông ta. Bọn họ lại bắt đầu nói chuyện, chuyền tay nhau cái bình và Tommy lắng nghe. Nhưng chẳng mấy chốc, hắn ta lại bắt đầu nghĩ về Temple. Hắn cảm giác như hai bàn chân mình đang miết trên sàn nhà và toàn thân dần vật trong một nỗi lo lắng sâu sắc. “Bọn chúng phải ngừng quấy rầy cô gái.”

“Đó không phải việc của mày”, Goodwin nói, “Hãy để từng đũa ngu ngốc trong bọn chúng...”.

“Bọn chúng phải ngừng quấy rầy cô ta.”

Popeye đi ra khỏi cửa. Hắn châm một điếu thuốc. Tommy nhắm khuôn mặt của hắn lóe sáng giữa hai bàn tay, hai má nhợt nhạt; hắn dõi mắt theo cái đốm lửa nhỏ của que diêm vừa được bắn vào vườn cần sa. Hắn cũng thế, Tommy nói. Cả hai đứa bọn chúng, thân thể hắn ta quằn quại chậm chậm. Tao là con chó nếu tao không có ý định đi xuống cái chuồng gia súc và ở đó. Tao là con chó nếu tao không làm. Hắn ta đứng lên, đôi chân không gây ra một tiếng động nào khi di chuyển trên hiên. Hắn bước vào con đường mòn và đi

vòng quanh căn nhà. Có một ngọn đèn bên trong cửa sổ. Chưa từng có người dùng cái phòng ấy, hẳn ta nói, dừng lại, rồi nghĩ, đó là chỗ cô gái đang ở, hẳn ta đi đến cửa sổ và nhìn vào trong. Khung kính cửa sổ đã hạ xuống. Ở chỗ ô vuông cửa kính bị mất là một phiến sắt mạ thiếc rỉ sét đã được đóng vào.

Temple đang ngồi trên giường, hai chân xếp lại dưới người, lưng thẳng đứng, mũ xô nghiêng về phía sau. Cô gái nhìn khá bé nhỏ, thật là nực cười nếu nói đó là cơ thể của một thiếu nữ mười bảy tuổi, vì trông nó có vẻ tương xứng hơn với một cô bé tám hay mười tuổi, hai khuỷu tay đặt sát bên hông, mặt cô quay về hướng cánh cửa đối diện nơi có một chiếc ghế đã được chặn vào. Trong phòng chỉ có giường, chiếc chăn bạc màu và một chiếc ghế. Những bức tường từng được trát vữa, nhưng lớp vữa đã rạn nứt và rơi xuống, phơi ra lớp trát và những mảnh vải vụn trộn đất tơi mốc meo. Trên một bức vách có treo một áo mưa và một bi đông đựng nước được bọc bằng vải ka ki.

Đầu của Temple bắt đầu cử động, xoay chậm chậm như thể cô gái đang lắng nghe cuộc chuyện trò của ai đó bên kia bức tường. Rồi khuôn mặt cô trở nên hết sức đau khổ, mặc dù không hề cử động, giống như một trong những món đồ chơi bằng giấy bồi trong lễ Phục sinh chứa đầy kẹo, rồi hoàn toàn bất động ở tư thế ban đầu đó. Sau đó, cô xoay đầu ngược lại, chậm chậm, dường như là những bước chân vô hình đã đi khỏi bức tường, ánh mắt cô quay về phía cái ghế áp vào cửa và bất động một lúc. Sau đó, cô gái hướng mặt ra phía trước và Tommy nhìn thấy cô lấy ra một chiếc đồng hồ bé xíu giấu trong chiếc tất dài của mình và nhìn vào nó. Với chiếc đồng hồ trong tay, cô ngẩng đầu lên và nhìn thẳng vào hẳn ta, đôi mắt điềm tĩnh và trống rỗng giống như hai cái lỗ. Một lúc sau, cô gái nhìn xuống cái đồng hồ một lần nữa và bỏ nó lại trong chiếc tất dài.

Cô ra khỏi giường, cởi áo khoác và đứng bất động, thẳng đơ giống như một đường chỉ trên chiếc váy ngắn ngắn, đầu cúi xuống, hai bàn tay đan chặt về phía trước. Cô lại ngồi lên giường. Hai chân co sát vào nhau, đầu cúi xuống. Cô ngẩng đầu lên và nhìn quanh căn phòng. Tommy có thể nghe thấy những tiếng nói từ chỗ cái hiên

tối đen. Bọn họ lại lớn tiếng, sau đó những giọng nói hạ thấp dần thành những tiếng xì xào đều đều.

Temple đứng bật dậy. Cô gái cởi quần áo, hai cánh tay mảnh dẻ uốn vòng cung trên cao, cái bóng như đang đùa cợt với những động tác của cô. Với cử chỉ đơn điệu, cô gái cởi xong quần áo, co người lại, trông cô bây giờ rất mỏng manh, tương xứng với bộ quần áo lót ngắn ngủn. Đầu cô hướng về cái ghế đang chặn ngay cánh cửa. Cô ném bộ đồ ra xa, với lấy cái áo choàng. Cô quấn nó quanh người, bấu vào chỗ hai tay áo. Sau đó, cái áo choàng ử lấy bộ ngực của cô, cô xoay người và nhìn thẳng vào mắt Tommy, rồi cô chạy bổ tới chiếc ghế, ném mình lên đó. “Mấy thằng khốn nạn”, Tommy thì thầm, “mấy thằng khốn nạn”. Hắn ta có thể nghe tiếng bọn chúng ở chỗ cái hiên đằng trước và cơ thể hắn ta lại bắt đầu dần vật với một nỗi buồn sâu sắc. “Mấy thằng khốn nạn.”

Khi hắn ta nhìn vào căn phòng lần nữa, Temple đang tiến về hướng hắn, giữ cái áo choàng quanh người. Cô lấy cái áo mưa từ cái móc, choàng nó bên ngoài cái áo và buộc chặt lại. Cô nhấc bi đồng xuống và trở lại giường. Đặt cái bi đồng lên giường, cô nhặt quần áo từ dưới sàn lên, phủi sạch bằng tay, cẩn thận xếp lại và đặt chúng lên giường. Sau đó, cô lật ngược cái chăn, trải nó lên tấm nệm. Không có ga trải giường, không gối và khi sờ vào tấm nệm, một lớp bụi tởm lợm lộ ra làm cô phải buột ra những tiếng kêu khe khẽ vì ghê sợ.

Cô tháo giày, đặt lên giường và chui xuống dưới tấm chăn. Tommy có thể nghe thấy tiếng tấm nệm kêu răng rắc. Cô gái không nằm xuống ngay. Cô ngồi thẳng, bất động hoàn toàn, cái mũ nghiêng về phía sau đầu một cách đầy gợi cảm. Sau đó, cô chuyển cái bi đồng, quần áo và đôi giày đến cạnh đầu, kéo cái áo mưa quấn quanh hai chân, nằm xuống và kéo cái chăn lên, sau đó cô ngồi dậy, bỏ mũ, giữ mái tóc và đặt cái mũ cùng với quần áo xuống giường. Cô lại chuẩn bị nằm xuống. Một lần nữa, cô gái ngập ngừng. Cô mở cái áo mưa, lấy ra một hộp phấn từ đâu đó và ngắm nhìn mình trong một cái gương bé tí, cô chải và giữ tóc bằng những ngón tay, thoa phấn lên mặt, cất hộp phấn, rồi cô lại nhìn vào đồng hồ và buộc cái áo mưa lại. Cô bỏ từng thứ quần áo, vật dụng dưới tấm chăn, rồi

nằm xuống và kéo cái chăn lên tận cằm. Những tiếng nói im bất một lúc và trong sự tĩnh lặng, Tommy có thể nghe thấy một cách mơ hồ, âm thanh đều đều lạo xạo của những thứ tạp nham nhồi bên trong tấm nệm mà Temple nằm, hai bàn tay cô khoanh trước ngực, đôi chân duỗi thẳng và khép lại trang trọng, giống như hình chạm khắc trên một ngôi mộ cổ.

Những tiếng nói vẫn còn, hắn ta đã hoàn toàn quên bằng bọn chúng cho đến khi nghe tiếng Goodwin nói: “Ngừng lại. Ngừng lại!”. Một cái ghế đổ chổng ngược; hắn ta nghe thấy tiếng chân huỳnh huỳnh của Goodwin; tiếng cái ghế trước hiên như thể vừa bị đá sang một bên, hắn ta núp xuống, hai khuỷu tay thò ra một chút trong tư thế ngồi xổm, cảnh giác giống như con gấu. Tommy nghe thấy những âm thanh nhẹ, khô khốc như tiếng mấy quả bóng bi a. “Tommy”, Goodwin gọi.

Khi cần thiết, ông ta có thể di chuyển qua những chướng ngại vật dày đặc, nhanh như một con chồn hay thằn lằn ăn trộm. Ông ta ở chỗ cái hiên đúng lúc trông thấy Gowan bị ném sầm vào vách tường, trượt xuống, chúi người khỏi hiên và ngã vào bãi cỏ, Popeye ở chỗ cánh cửa, đang nhô đầu ra phía trước. “Tóm hắn lại!”, Goodwin nói. Tommy vội vã nhảy ra, đuổi theo Popeye.

“Tôi tóm được...!”, Tommy chưa kịp nói hết câu thì Popeye đã đâm một cú dĩa man vào mặt hắn, “Mày dám làm thế hả? Bắt hắn lại”.

Popeye đã ngừng lại. “Chúa ơi. Ông để bọn chúng ngồi quanh quần đây suốt đêm, tổng đầy cái thứ chết tiệt vào ruột. Tôi đã bảo ông rồi. Chúa ơi.”

Goodwin và Van đã nhập lại thành một cái bóng, khóa chặt lấy nhau, im lặng, hung dữ. “Buông ra!”, Van hét lên, “Tao sẽ giết...”. Tommy nhảy vào hai người. Họ ép cứng Van vào tường và giữ chặt hắn ta.

“Giữ được hắn chưa?”, Goodwin hỏi.

“Rõiii. Tôi tóm được hắn rồi. Kẹp chặt. Ông đừng trừng trị hắn.”

“Thề với Chúa, tao sẽ...”

“Không, không, ông muốn giết hắn à? Ông không thể làm thế. Ông muốn Popeye hủy hoại tất cả chúng ta sao?”

Sau đó, mọi chuyện cũng trôi qua như cơn cuồng nộ của một trận bão đen tối, để lại sự yên tĩnh trống rỗng, họ im lặng chuyển động, khiêng Gowan ra khỏi bãi cỏ với những tiếng trò chuyện nho nhỏ hòa giải, chỉ bảo lẫn nhau. Họ mang cậu ta vào trong hành lang, nơi người phụ nữ đã đứng đó, tới chỗ cánh cửa căn phòng có Temple.

“Cô ta khóa cửa rồi”, Van nói. Hắn đập cánh cửa dữ dội. “Mở cửa đi”, hắn hét lên, “Chúng tao mang cho mày một vị khách đây”.

“Hừm”, Goodwin nói. “Trong đó không có cái khóa nào cả. Đẩy cửa đi.”

“Tất nhiên”, Van nói, “Tao sẽ làm”. Hắn đá cánh cửa. Cái ghế oằn đi và văng vào trong phòng. Van tông cánh cửa mở ra và bọn họ đi vào, kéo theo hai chân Gowan. Van đá cái ghế văng ngang căn phòng. Sau đó, hắn nhìn thấy Temple đang đứng trong cái góc phía sau giường. Tóc của hắn đã xổ tung, lòa xòa quanh mặt, dài như tóc con gái. Hắn hất tóc ra phía sau. Cầm hắn dẫm máu và hắn ta thận trọng vỗ cho máu rớt xuống sàn nhà.

“Tiếp tục đi”, Goodwin nói, khiêng Gowan, “để hắn lên giường”. Bọn chúng ném Gowan lên trên giường. Cái đầu be bét máu của cậu ta ngoẹo lên cạnh giường. Van xốc mạnh cậu ta lên và quăng vào trong. Cậu ta rên rỉ, nhấc tay lên. Van tát cậu ta một phát ngang mặt.

“Nằm im, mày...”

“Kệ hắn”, Goodwin nói. Ông ta giữ bàn tay của Van lại. Trong chốc lát, hai người nhìn nhau trừng trừng.

“Tao nói, kệ hắn”, Goodwin nói, “Biến khỏi chỗ này”.

“Xin che chỗ...”, Gowan lẩm bẩm, “... cô gái, con... nhà lành, xin che chỗ...”.

“Biến ra khỏi đây, ngay lập tức”, Goodwin nói.

Người phụ nữ đứng sau cánh cửa, bên cạnh Tommy, lưng của cô tựa vào nó. Bên dưới cái áo choàng rẻ tiền, cái váy ngủ của cô dài xuống tận chân.

Van nhặt quần áo của Temple từ cái giường. “Van”, Goodwin nói, “Tao nói đi ra”.

“Tao nghe thấy rồi”, Van nói. Hắn ta giữ mấy thứ quần áo ra. Sau đó, hắn nhìn Temple đang ngồi thu lu trong góc, hai cánh tay khoanh lại, đôi tay giữ chặt bờ vai. Goodwin di chuyển về hướng Van. Hắn ta bỏ quần áo xuống và đi vòng quanh cái giường. Popeye đã bước vào, trên tay hắn là một liều thuốc. Bên cạnh người phụ nữ, Tommy phát ra một tiếng rít xuyên qua mấy cái răng lởm chồm.

Hắn ta nhìn thấy Van nắm lấy cái áo mưa đang trùm quanh ngực của Temple và xé toạc nó ra. Sau đó, Goodwin nhảy vào giữa hai người, Van cúi đầu né tránh, quay người và Temple vụng về lóng ngóng trong cái áo mưa đã bị xé rách. Van và Goodwin bây giờ đang ở giữa phòng, đâm đá nhau, sau đó hắn ta nhìn thấy Popeye bước về hướng Temple. Van nằm dài trên sàn và Goodwin đang đứng trên hắn ta, hơi khom người, canh chừng phía sau Popeye.

“Popeye”, Goodwin gọi. Popeye vẫn tiếp tục đi, liều thuốc để lại một vệt khói dài đằng sau vai hắn, đầu hơi xoay như thể hắn không nhìn vào chỗ đang đi tới. “Đừng động vào cô ta”, Goodwin nói.

Popeye dừng lại trước Temple, khuôn mặt của hắn hơi quay sang bên. Bàn tay phải nằm trong túi áo khoác. Bên dưới cái áo mưa trên ngực Temple, Tommy có thể nhìn thấy sự chuyển động của bàn tay kia, đang lần mò xuống cái áo khoác.

“Bỏ tay của mày ra đi”, Goodwin nói, “Bỏ ra”.

Popeye bỏ tay ra. Hắn đã quay lại, bỏ tay trong túi áo khoác và đang nhìn Goodwin. Sau đó, hắn quay lưng mặc kệ Goodwin và bỏ ra khỏi cửa.

“Đây, Tommy”, Goodwin bình thản nói, “túm lấy hắn”. Họ nhấc Van lên và mang hắn ta ra ngoài. Người phụ nữ tránh qua một bên. Cô ta tựa vào tường, giữ chặt cái áo choàng. Bên kia căn phòng, Temple núp trong góc tường, vụng về lóng ngóng trong cái áo mưa rách tả tơi. Gowan bắt đầu ngáy.

Goodwin quay trở lại. “Em nên đi ngủ lại đi”, ông ta nói. Người phụ nữ không hề nhúc nhích. Ông ta đặt tay lên vai cô. “Ruby.”

“Vào lúc anh chấm dứt cái trò bịp bợm, Van đã bắt đầu và anh không để hắn ta kết thúc ư? Anh là kẻ đần độn đáng thương.”

“Thôi, đi nào”, ông ta nói, bàn tay vẫn đặt trên vai cô ta. “Đi ngủ lại đi.”

“Nhưng đừng quay trở lại. Tôi sẽ không ở đó đâu. Anh chẳng nợ tôi một cái gì hết. Đừng nghĩ là anh nợ tôi.”

Goodwin cầm hai cổ tay cô và kéo chúng ra. Chậm rãi và điềm tĩnh, ông ta quặp hai cánh tay cô vòng ra sau lưng và giữ chúng bằng một tay. Tay kia, ông mở cái áo choàng. Cái áo ngủ bằng nhiều màu hồng bạc màu, viền đăng ten, đã được giặt quá nhiều lần cho đến khi trông nó giống như bộ quần áo trên dây phơi với viền đăng ten đã bị rời xù.

“Ha”, ông ta nói, “đồ tiếp khách đây sao?”.

“Nếu đây là bộ đồ duy nhất mà tôi có thì đó là lỗi của ai? Lỗi của ai hả? Không phải tôi. Tôi đã tặng chúng cho mấy con mọi đầy tớ sau một đêm. Nhưng anh tưởng là con mọi nào cũng lấy cái này mà không cười vào mặt tôi?”

Ông ta thả cái áo choàng ra. Ông buông tay người phụ nữ và cô kéo cái áo choàng khép lại. Một tay đặt trên vai cô, ông ta bắt đầu đẩy cô về phía cửa. “Đi tiếp”, ông nói. Vai của cô xuôi theo. Nó tự di chuyển, cô xoay đầu lại nhìn ông ta. “Đi tiếp”, ông ta nói. Nhưng cô không nhúc nhích nữa. Ông ta quay lại, băng ngang căn phòng và đi thật nhanh vòng qua cái giường rồi bàn tay túm lấy phía trước cái áo mưa của Temple. Kéo cô lên, ông ta lắc cô gái, vai và đùi cô đập mạnh vào tường. “Đồ con gái ngu xuẩn!”, ông ta nói, “Đồ con gái ngu xuẩn!”. Đôi mắt cô mở lớn, đen tuyền, ánh sáng đèn dầu chiếu trên mặt cô và khuôn mặt ông ta phản chiếu trong đồng tử của cô như những hạt đậu Hà Lan trong hai bình mực.

Ông buông cô gái ra. Cô ngã khụy xuống sàn, cái áo mưa sột soạt quanh người. Ông ta lại dựng cô gái lên và bắt đầu lắc cô ta, rồi nhìn vào người phụ nữ. “Lấy cái đèn đi”, ông nói. Người phụ nữ không hề động đậy. Đầu cô hơi cúi xuống một chút, dường như cô đang nghĩ về họ. Goodwin vung cánh tay kia vào phía sau hai đầu gối của Temple. Cô cảm thấy mình ngã xuống, sau đó cô đã ở trên giường, cạnh Gowan, nằm ngửa, xóc nảy lên xuống theo tiếng lọc xọc của những thứ gớm ghiếc trong tấm nệm. Cô nhìn ông ta bằng

ngang căn phòng và nhấc cái đèn dầu từ mặt lò sưởi. Người phụ nữ đã xoay đầu, đi theo ông ta, nét mặt nhìn nghiêng của cô dưới ánh đèn thật sắc cạnh. “Đi tiếp đi”, ông nói. Cô ta quay lại, gương mặt bị bóng tối che phủ hoàn toàn, cái đèn dầu bây giờ trên lưng cô và trong bàn tay ông ta đặt trên vai của cô. Bóng ông ta hoàn toàn bao trùm căn phòng; cái bóng của cánh tay ông đang vờn ngược ra sau, kéo cánh cửa sập lại. Gowan đã ngáy, từng hơi thở nghèn nghẹt rồi bị đứt quãng đột ngột, như thể sẽ chẳng bao giờ thở lại nữa.

Tommy ở ngoài cánh cửa, trong hành lang.

“Bọn chúng đã xuống chỗ cái xe tải chưa?”, Goodwin hỏi.

“Chưa”, Tommy nói.

“Tốt hơn là đi xem xét đi.” Goodwin nói. Họ đi tiếp. Tommy nhìn hai người đi vào bên trong một cánh cửa khác. Sau đó, hắn ta đi xuống nhà bếp bằng chân trần để không phát ra tiếng động nào, cổ hơi nghển ra để nghe ngóng. Trong nhà bếp, Popeye đang ngồi giạng chân trên một cái ghế, hút thuốc. Van đứng ở chỗ cái bàn, trước một mảnh kính vỡ, chải đầu bằng một cái lược bỏ túi. Trên mặt bàn để một cái đèn dầu, vài dĩa máu và một điều thuốc đang cháy dở. Tommy ngồi xổm bên ngoài cánh cửa trong bóng tối.

Hắn ta ngồi đó khi Goodwin đi ra với cái áo mưa. Goodwin đi vào nhà bếp mà không thấy hắn ta. “Tommy đâu?”, ông ta hỏi. Tommy nghe thấy Popeye nói điều gì đó, rồi Goodwin xuất hiện cùng với Van theo sau, bây giờ cái áo mưa ở trên cánh tay ông ta. “Đi nhanh lên”, Goodwin nói, “Đi lấy cái thứ chết tiệt đó ra khỏi đây”.

Đôi mắt nhợt nhạt của Tommy bắt đầu sáng lên, như mắt loài mèo. Người phụ nữ có thể nhìn thấy bọn họ trong bóng tối khi Tommy rón rén đi vào phòng sau Popeye và khi Popeye đứng cạnh giường Temple nằm. Cô ta nhìn thấy bọn họ đột nhiên hiện ra từ bóng tối, sau đó bỏ đi. Cô có thể nghe tiếng Tommy đang thở bên cạnh mình, một lần nữa cô thấy bọn chúng hiện ra với những đôi mắt hung dữ, nghi ngờ, buồn bã, rồi lại bỏ đi và Tommy rón rén sau lưng Popeye ra khỏi căn phòng.

Hắn ta nhìn thấy Popeye trở lại nhà bếp, nhưng không theo sau ngay lập tức. Hắn ta dừng lại ở ngay cửa, chỗ hành lang và ngồi

xuống đó. Hắn ta lại bắt đầu cảm thấy dần vật, do dự, bàn chân trần di di trên mặt sàn với thân người lắc lư một cách mệt mỏi, yếu ớt, hắn chậm chạp chùi bàn tay sưng mồ hôi vào áo. “Lee cũng như vậy, Lee cũng như vậy”, hắn ta lẩm bẩm, “Mấy thằng khốn nạn, mấy thằng khốn nạn”. Hai lần, hắn ta bò dọc hiên cho đến khi có thể nhìn thấy bóng cái mũ của Popeye trên sàn căn bếp, sau đó, hắn ta quay lại hành lang rồi đến cánh cửa mà đằng sau đó, Temple đang nằm và Gowan đang ngủ.

Lần thứ ba, hắn ta ngửi thấy mùi thuốc lá của Popeye. “Nếu hắn ta cứ như thế...”, hắn nói, “cả Lee nữa”, người hắn ta rung mạnh với vẻ hết sức khổ sở, “cả Lee nữa”.

Khi Goodwin ra khỏi vũng nước bẩn và đi lên phía sau cái hiên thì Tommy lại ngồi xổm bên ngoài cánh cửa. “Chuyện quái quỷ gì vậy?”, Goodwin nói. “Tại sao mày không làm? Tao đi tìm mày một lúc rồi”. Ông ta nhìn trừng trừng vào Tommy, rồi chuyển ánh mắt vào trong bếp. “Mày sẵn sàng chưa?”, ông hỏi. Popeye đi đến cửa. Goodwin nhìn Tommy lần nữa. “Mày làm gì ở đây?”

Popeye nhìn Tommy. Bây giờ, Tommy đã đứng lên, cọ cọ hai mu bàn chân vào nhau, nhìn Popeye.

“Mày làm gì ở đây?”, Popeye hỏi.

“Tao chẳng làm gì hết”, Tommy nói.

“Mày đi theo tao phải không?”

“Tao chẳng theo ai cả”, Tommy đột nhiên nói.

“Tốt, khôn hồn thì đừng theo”, Popeye nói.

“Đi thôi”, Goodwin nói, “Van đang đợi”. Bọn họ đi tiếp. Tommy theo sau. Một lần, hắn ta nhìn lại căn nhà, sau đó bước lóng ngóng sát sau lưng bọn họ. Thình thoảng, hắn ta cảm thấy như thể tất cả máu trong cơ thể đột ngột sôi lên dữ dội, rồi chìm dần vào cảm giác buồn bực, khổ sở. “Mấy thằng khốn kiếp”, hắn ta thì thầm, “Mấy thằng khốn kiếp”.

(5) 1 yard = 0,9144 mét.

Căn phòng tối đen. Người phụ nữ đứng bên trong cánh cửa, tựa vào tường, với cái áo choàng rủ tiền và váy ngủ dài bằng nhiều viền đăng ten, cửa không khóa. Cô có thể nghe thấy tiếng Gowan đang ngáy trên giường và những người đàn ông kia đang di chuyển, trên hiên và hành lang, trong nhà bếp, nói chuyện, những giọng nói không thể phân biệt được xuyên qua cánh cửa. Một lúc sau, bọn họ im lặng. Sau đó, cô không nghe thấy gì ngoại trừ tiếng thở nghèn nghẹt, tiếng ngáy và tiếng rên rỉ từ cái mũi và khuôn mặt méo mó của Gowan.

Cô nghe thấy tiếng cánh cửa mở ra. Người đàn ông đi vào, không cố gắng giữ yên tĩnh. Ông ta đi vào, ngang qua chỗ chỉ cách cô một bước chân. Cô biết đó là Goodwin trước khi ông lên tiếng. Ông đi đến bên giường. “Đưa tôi cái áo mưa”, ông nói, “Ngồi dậy và cởi nó ra”. Người phụ nữ có thể nghe âm thanh ghê tởm của tấm nệm lúc Temple ngồi dậy và Goodwin lấy cái áo mưa khỏi người cô gái. Ông ta quay lại và đi ra ngoài.

Người phụ nữ đứng sát cánh cửa. Cô có thể nhận ra tất cả bọn họ qua cách mà họ thở. Dù không nghe, hay cảm thấy gì nhưng khi cái cửa mở ra, cô bắt đầu đánh hơi thấy một thứ gì đó: mùi dầu bôi tóc mà Popeye đã dùng. Cô không hề nhìn thấy Popeye khi hắn đi vào phòng và ngang qua cô cho đến khi Tommy đi vào theo sau Popeye. Tommy rón rén đi vào phòng, cũng không một tiếng động; đáng lẽ cô không để ý tới việc hắn ta đi vào nhiều hơn Popeye, nếu không vì đôi mắt của hắn. Chúng rực cháy, như thiêu đốt lồng ngực, với sự ngờ vực hoang mang, sau đó chúng biến mất và người phụ nữ có thể cảm thấy hắn ta đang ngồi xuống bên cạnh mình; cô biết rằng hắn ta cũng đang nhìn về phía cái giường, trên đó là Temple và Gowan, Popeye đang đứng cạnh đó trong bóng tối. Người phụ nữ đứng sát cánh cửa.

Cô không thể nghe thấy âm thanh phát ra từ tấm nệm, vì vậy cô vẫn đứng bất động, Tommy ngồi cạnh, mặt hắn ta hướng về cái giường. Sau đó cô lại ngửi thấy mùi dầu bôi tóc. Hay đúng hơn, cô

cảm thấy Tommy xê dịch nhưng không một tiếng động, mặc dù chuyển động đó thổi những làn hơi nhẹ và lạnh lẽo vào người cô trong sự tĩnh mịch ảm đạm; không nghe thấy và nhìn thấy hấn ta, cô biết rằng Tommy lại rón rén ra khỏi căn phòng, theo sau Popeye. Cô nghe tiếng họ đi xuống hành lang, âm thanh cuối cùng tắt lịm phía ngoài căn nhà.

Cô đi đến cái giường. Temple không hề cử động cho đến khi người phụ nữ sờ vào cô. Rồi cô gái bắt đầu chống cự. Người phụ nữ tìm thấy mồm của Temple và úp tay lên đó, mặc dù Temple không hề muốn thét lên. Cô gái nằm trên tấm nệm góm ghiếc, vật vã từ bên này qua bên kia, giữ chặt cái áo choàng trên ngực nhưng không gây ra một tiếng động.

“Đồ ngu!”, người phụ nữ thì thầm, âm thanh rất nhỏ nhưng dữ dội. “Là tôi đây.”

Temple thôi không lăn lộn đầu, nhưng cô vẫn vật vã từ bên này qua bên kia dưới bàn tay người phụ nữ. “Tôi sẽ mách cha tôi!”, cô gái nói, “Tôi sẽ mách cha tôi!”.

Người phụ nữ ôm chặt cô. “Ngồi dậy”, người phụ nữ nói. Temple ngừng vật lộn. Cô nằm yên, thân thể cứng đờ. Người phụ nữ có thể nghe thấy tiếng thở dữ dội của cô gái. “Cô sẽ ngồi dậy và bước đi một cách yên lặng chứ?”, người phụ nữ nói.

“Được!”, Temple nói, “Chị sẽ đưa tôi ra khỏi đây chứ? Thật chứ?”.

“Ừ”, người phụ nữ nói, “Ngồi dậy”. Temple ngồi dậy, lại những âm thanh góm ghiếc phát ra từ tấm nệm. Trong bóng tối, bên cạnh cô là Gowan đang ngáy - những tiếng man rợ và sâu thẳm. Mới đầu Temple không thể tự mình đứng được. Người phụ nữ giữ cho cô đứng thẳng. “Thôi ngay”, người phụ nữ nói, “Cô bắt buộc phải thôi cái kiểu đó đi. Và nhất định phải giữ yên lặng”.

“Tôi muốn quần áo của tôi”, Temple thì thầm, “Tôi không có gì trên người ngoài...”.

“Cô muốn quần áo của cô”, người phụ nữ nói, “hay cô muốn thoát khỏi chỗ này?”.

“Được”, Temple nói, “Bất cứ điều gì. Nếu chị giúp tôi ra khỏi chỗ này”.

Họ di chuyển bằng chân trần trong bóng tối như những âm hồn. Họ rời căn nhà và băng qua cái hiên, tiếp tục hướng về chuồng gia súc. Khi họ đi được khoảng năm mươi yard khỏi căn nhà, người phụ nữ dừng lại xoay người và thỉnh thoảng kéo mạnh Temple sát vào mặt, nắm chặt hai vai cô gái, mặt hai người sát vào nhau, người phụ nữ thì thào nguyên rủa Temple, âm thanh không lớn hơn tiếng thở dài và chứa đầy sự điên tiết. Sau đó, người phụ nữ buông cô gái ra và họ tiếp tục đi. Họ đi vào hành lang. Trời tối đen như mực. Temple nghe tiếng người phụ nữ sờ vào vách tường. Tiếng cửa mở kéo kẹt, người phụ nữ nắm tay cô gái và dẫn cô bước một bước vào trong một căn phòng, cô có thể cảm nhận được những bức tường và ngửi thấy một mùi khùng khiếp, người phụ nữ kéo cánh cửa đóng lại. Đúng lúc đó, đột ngột một vật không rõ hình dạng ngay gần họ sục sạo hoảng hốt rồi chạy cuồn lên, phát ra những âm thanh nhỏ bé ghê rợn. Temple giật mình, thân hình co giật, dưới bàn chân cô gái, vật đó đang lăn lộn rồi nhảy xổ vào người phụ nữ.

“Chỉ là một con chuột”, người phụ nữ nói, nhưng Temple đã đổ ập người mình lên người phụ nữ, hai tay ôm chặt lấy cô, cố gắng nhấc hai chân lên khỏi sàn nhà.

“Một con chuột?”, cô gái khóc rên rỉ, “Một con chuột? Mở cửa đi! Nhanh lên!”.

“Thôi đi!”, người phụ nữ rít lên. Cô ta ôm chặt Temple cho đến khi cô gái hết run rẩy. Rồi họ quỳ cạnh nhau trên sàn nhà lạnh ngắt, tựa người vào bức tường. Một lúc sau, người phụ nữ thì thào: “Đằng kia có một số vỏ hạt bông. Cô có thể nằm nghỉ ở đó”. Temple không trả lời. Cô gái rúc vào người phụ nữ, chầm chậm run rẩy và họ ngồi trong bóng tối.

Trong khi người phụ nữ nấu bữa điểm tâm, đứa bé vẫn còn... hay đã... ngủ trong chiếc thùng phía sau bếp lò, cô ta nghe thấy tiếng chân gấp gáp đang băng qua hiên và dừng lại ở cánh cửa. Khi nhìn quanh, cô thấy một gã đàn ông hoang dại, méo mó và be bết máu mà cô nhận ra được là Gowan. Gương mặt, bên dưới bộ râu ria lởm chởm hai ngày không cạo, rõ ràng là môi của cậu ta bị đứt. Một con mắt nhắm chặt và vết máu đã nhuộm tận tới thắt lưng chiếc áo sơ mi và áo khoác. Bằng cặp môi sưng phồng, cậu ta cố nói điều gì đó. Ban đầu, người phụ nữ không thể hiểu được một tiếng nào.

“Đi rửa mặt đi”, cô nói, “À, chờ chút. Vào trong này và ngồi xuống. Tôi sẽ đi lấy cái chậu”.

Cậu nhìn cô ta, cố gắng nói. “Ồ”, người phụ nữ nói, “Cô ấy không sao đâu. Cô ấy ở dưới kia, trong căn nhà nhỏ, đang ngủ”. Cô phải kiên nhẫn lặp lại ba hay bốn lần điều đó:

“Trong căn nhà nhỏ. Đang ngủ. Tôi đã ở bên cô ấy đến tận sáng. Cậu đi rửa mặt ngay đi”.

Sau đó, Gowan bình tĩnh hơn. Cậu ta bắt đầu nói về việc tìm một cái xe.

“Chỗ gần nhất thì ở Tull, cách đây hai dặm”, người phụ nữ nói, “Rửa mặt và ăn một chút điểm tâm đã”.

Gowan đi vào nhà bếp, nói về việc tìm một cái xe: “Tôi sẽ tìm xe và chở cô ấy ra phía sau trường. Một trong các cô gái sẽ đưa cô ấy lên vào. Rồi mọi việc sẽ ổn thôi. Chị không nghĩ là mọi việc sẽ ổn ư?”. Cậu ta đi đến cái bàn, lấy một miếng thuốc và cố châm nó bằng hai bàn tay đang run rẩy của mình. Cậu đặt miếng thuốc vào trong miệng một cách khó khăn và không thể châm lửa cho đến khi người phụ nữ đến bên và giữ cái bao diêm. Nhưng lấy được cái que diêm nào thì cậu ta lại đánh rơi cái ấy, sau đó cậu ta đứng dậy, cầm miếng thuốc trong tay, nhìn nó bằng con mắt còn lại với sự ngạc nhiên đến ngu ngốc. Cậu ném miếng thuốc đi và xoay người hướng về phía cửa, sửng sốt rồi định thần lại, cậu nói: “Tôi đi tìm xe”.

“Ăn một chút gì trước đã”, người phụ nữ nói, “một tách cà phê có thể sẽ giúp ích cho cậu đấy”.

“Đi tìm xe”, Gowan nói. Khi băng qua cái hiên, cậu dừng lại vừa đủ thời gian để vĩa một ít nước lên mặt và chẳng quan tâm đến việc sửa sang bề ngoài của mình.

Khi rời căn nhà, cậu ta vẫn còn nghiêng ngả, chệnh choạng. Cậu nghĩ rằng mình vẫn còn say và chỉ có thể nhớ lại một cách mơ hồ những gì đã xảy ra đêm qua. Cậu đã tóm lấy Van, những mớ lộn xộn, đổ vỡ không rõ ràng và cậu không nhớ rằng mình đã bị đâm gục hai lần. Cậu chỉ có thể nhớ rằng mình đã ngất đi một lúc nào đó vào khoảng đầu đêm và nghĩ rằng cậu vẫn còn say. Nhưng khi đến chỗ cái xe đã bị đâm tan nát, nhìn thấy con đường mòn, đi theo nó đến con suối và uống cái thứ nước lạnh cóng, cậu ta nhận ra đây chính là thứ nước mà cậu cần và cậu quỳ xuống, vùi mặt vào dòng nước lạnh và cố gắng kiểm tra hình ảnh phản chiếu của gương mặt mình trên dòng nước, rên rỉ cầu nguyện với một sự tuyệt vọng. Cậu nghĩ về chuyện quay lại căn nhà để tìm một thứ đồ uống, sau đó cậu nghĩ mình sẽ phải đối mặt với Temple, bọn đàn ông và Temple ở đó, giữa bọn chúng.

Khi cậu ta đến con đường cái, mặt trời đã lên khá cao, tỏa ánh nắng ấm áp. “Mình sẽ sửa soạn sạch sẽ lại một chút”, cậu nói, “và quay lại với một chiếc xe. Mình sẽ lựa chọn nên nói gì với cô ấy trên con đường đến thị trấn”. Cậu nghĩ về việc Temple trở về giữa những người có thể biết cậu. “Mình đã bị ngất hai lần mà”, cậu nói, “Mình đã bị ngất hai lần”. “Lạy Chúa, lạy Chúa”, cậu thì thầm, quần quai trong bộ quần áo nhem nhuốc và đầy máu me với nỗi đau đớn, tức giận cực độ và cả sự nhục nhã.

Đầu của cậu bắt đầu tỉnh táo bởi không khí xung quanh và sự vận động, nhưng ngay lúc cậu vừa cảm thấy khá hơn về thể xác, cái tương lai đen tối trở nên rõ ràng hơn. Thị trấn, thế giới bắt đầu xuất hiện như một ngõ cụt không lối thoát; một nơi mà cậu phải dấn sâu mãi mãi, cái thân thể đề tiện, hèn nhát của cậu sẽ bị sấm soi bởi những đôi mắt kèm những lời xì xào bàn tán khi cậu đi qua và vào khoảng chín giờ sáng, cậu đã tới ngôi nhà, cái viễn cảnh phải đối mặt với Temple một lần nữa quá sức chịu đựng đối với cậu. Thế là

cậu đặt một chiếc xe, chỉ hướng cho người đàn ông, trả tiền cho hắn ta và tiếp tục đi. Không lâu sau đó, một chiếc xe đang chạy ngược chiều đã dừng lại và đón cậu lên.

Temple đang nằm trong một nơi chật chội, những tia sáng lọt qua chấn song rơi lên mặt cô giống như những cái răng của một cây nĩa bằng vàng và trong khi dòng máu gia tăng nhịp độ xuyên qua những thớ thịt bị gò bó, cô nằm im, nhìn trần trời lên trần nhà. Tường là những miếng ván xù xì được ghép sơ sài, mỗi tấm ván tách rời với tấm kề bên bởi một rãnh mỏng tối đen; trong cái góc, một ô vuông mở ra phía trên một cái thang dẫn vào cái gác xép, tất cả tạo thành bức tranh tối tăm ảm đạm cùng ánh mặt trời mong manh như những nét vẽ bút chì. Trên cây đinh, chỗ bức tường rạn nứt có treo một cái yên ngựa bụi bặm ảm mốc, cô gái cảm thấy bút rút không yên trên cái đồng mà cô đang nằm. Cô vuốt một nắm đầy thứ đó và nhấc đầu lên, cô nhìn thấy bên trong áo khoác trễ nải của mình, những mảng da thịt đang lộ ra ở khoảng giữa áo nịt ngực và quần lót chèn gối, quần lót và chiếc tất dài. Rồi cô nhớ đến con chuột, cô bật dậy, nhảy đến chỗ cánh cửa, bấu vào nó, trong tay vẫn còn giữ chặt một nắm đầy vỏ hạt bông, cô thở hổn hển, trên gương mặt tuổi mười bảy vẫn còn vương lại vẻ khó chịu vì ngái ngủ.

Ban đầu, cô gái cho rằng cánh cửa bị khóa và không thể kéo nó ra được, hai bàn tay tê dại cào vào mấy tấm ván trần trụi cho đến khi nghe được tiếng móng tay mình. Cánh cửa lung lay về phía sau và cô nhảy ra. Tức thì, cô nhảy trở lại căn nhà và đóng sập cánh cửa. Ông già mù đang tập tễnh lê những bước ngắn hướng xuống con dốc, một tay gõ nhẹ cây gậy xuống đường, tay kia bấu vào chỗ thắt lưng, giữ chặt cái quần. Ông già đi qua căn nhà nhỏ với cái dây đeo quần lưng lửng hai bên hông, đôi giày thể thao giẫm trên đám vỏ khô phơi ngoài hành lang, bóng ông ta khuất khỏi tầm nhìn, tiếng cây gậy kêu lộc cộc nhẹ nhàng dọc theo mấy ngăn gia súc trống không hôi hám.

Temple núp bên trong cánh cửa, quần chặt cái áo khoác quanh người. Cô có thể nghe thấy tiếng ông già ở đâu đó phía sau, tại một trong những ngăn gia súc. Cô gái mở cánh cửa và quan sát, căn nhà chìm trong ánh nắng ảm áp của mặt trời tháng Năm, một ngày Chủ nhật thanh bình, cô nghĩ tới những cô gái và chàng trai rời khu

nội trú trong những bộ quần áo mới, tản bộ dọc theo con đường rợp bóng mát hướng về âm thanh trầm lắng, khoan thai của những chiếc chuông đồng. Cô gái nhấc bàn chân lên, thấy chiếc tất dài đang lấm cát ở lòng bàn chân, cô phỉu nó bằng tay, rồi cũng làm tương tự với bàn chân kia.

Cây gậy của ông già mù lại khua lọc cọc. Cô gái thụt đầu vào trong, khép cánh cửa lại, phát ra một tiếng rắc. Cô quan sát ông già đi qua, bây giờ ông đã đi chậm hơn, hai cái dây đeo quần vắt trên vai. Ông già leo lên con dốc và đi vào căn nhà. Sau đó, cô gái mở cánh cửa và rón rén bước xuống bậc tam cấp.

Cô đi thật nhanh đến căn nhà, hai bàn chân mang tất bước lúng túng và rút rè trên mặt đất gồ ghề, cô ngấm nhìn căn nhà. Cô gái bước lên cái hiên, đi vào trong nhà bếp và dừng lại, lắng nghe, xung quanh yên tĩnh. Bếp lò lạnh tanh. Trên đó đặt một bình cà phê đen đặc, một cái chảo bằng đất nung; trên mặt bàn, những cái đĩa bằng đất nung được chất đống tùy tiện. Mình đã không ăn uống gì kể từ... kể từ... Hôm qua là một ngày, cô nghĩ, nhưng mình đã không ăn gì sau đó. Mình đã không được ăn gì kể từ... đêm hôm đó là buổi khiêu vũ và mình cũng không ăn tối. Mình đã không ăn uống gì từ bữa tối ngày thứ Sáu. Và bây giờ là Chủ nhật, cô nhớ tới những âm thanh từ tháp chuông yên ả dưới nền trời xanh và những con chim bồ câu đang kêu gù gù xung quanh những tháp chuông như tiếng bass vang vọng của cây đàn organ. Cô gái quay trở lại cánh cửa và nhìn sẫm soi bên ngoài. Rồi cô bước ra, quần chặt cái áo khoác xung quanh người.

Cô gái vào căn nhà và đi nhanh lên hành lang. Mặt trời chiếu vào hiên trước và cô chạy, cổ vươn về phía trước, nhìn cái vệt nắng chỗ cánh cửa. Thật là trống vắng. Cô đi tới cánh cửa phía bên phải của lối vào, mở cửa và nhảy vào bên trong. Rồi cô đóng cửa và dựa lưng mình vào đó. Cái giường trống không. Cái chăn nằm ngang trên đó. Bì đông nước và một chiếc giày ở trên giường. Sàn nhà lăn lóc quần áo và mũ của cô.

Cô gái nhặt quần áo và mũ lên, cố phỉu chúng bằng tay và một góc áo khoác của mình. Sau đó, cô tìm chiếc giày kia, cô lật giở cái chăn, khom lưng cúi xuống nhìn dưới gầm giường. Cuối cùng, cô

tìm thấy nó trong lò sưởi, trong một đồng tro bừa bộn, giữa một cái vỉ bằng sắt và một đồng gạch đỏ vỡ, nằm nghiêng trên một cạnh của nó, bên trong đầy những bụi tro, có vẻ như nó đã bị ném hay đá vào đấy. Cô đổ hết tro ra khỏi chiếc giày, chùi nó vào áo khoác và đặt nó lên giường. Cô lấy cái bi đông nước và treo nó lên cây đinh trên vách tường. Trên đó khắc hai mẫu tự U S và những con số không rõ nét màu đen. Sau đó, cô gái cởi áo khoác ra và mặc quần áo.

Đôi chân thon dài, cánh tay gầy gầy, chiếc mông nhỏ, cao... thân hình không hoàn toàn là của một đứa trẻ, cũng chưa hẳn là một phụ nữ... những cử chỉ nhanh nhẹn, cô đứng thẳng hai chân và cố gắng xỏ vào cái váy bó. Bây giờ mình có thể đương đầu với bất cứ chuyện gì, cô im lặng nghĩ, chắc chắn mình có thể đương đầu với mọi tình huống. Cô lấy ra một cái đồng hồ giấu trong chiếc tất dài. Chín giờ. Cô chải những lọn tóc quăn của mình bằng tay, ba hay bốn vỏ hạt bông rơi ra. Cô nhặt áo khoác và mũ lên rồi đứng ở chỗ cánh cửa, tập trung lắng nghe một lần nữa...

Cô quay trở lại hiên sau. Trong cái chậu còn lại một chút nước bẩn. Cô rửa nó qua loa, đổ nước vào đấy và rửa mặt. Một cái khăn lau bẩn thỉu treo trên đinh. Cô e ngại nhưng vẫn dùng nó, sau đó cô lấy ra một hộp phấn từ áo khoác và khi đang ngắm mình, cô nhận ra người phụ nữ đang nhìn cô từ cửa nhà bếp.

“Chào chị”, Temple nói. Người phụ nữ cắp đứa bé bên hông. Nó đang ngủ. “Chào cưng”. Temple nói, khom người xuống, “cưng muốn ngủ cả ngày hả? Nhìn Temple đi”. Họ đi vào nhà bếp. Người phụ nữ đổ cà phê vào một cái tách.

“Tôi nghĩ là nó nguội rồi”, người phụ nữ nói, “Cô có muốn đun lại không?”. Từ chỗ bếp lò, cô ta lấy một cái chảo đựng bánh mì.

“Không”, Temple nói, nhăm nháp từng ngụm cà phê âm ỉ, cảm giác trong cơ thể cơ hồ đang chảy những giọt nhỏ tí tách. “Tôi không đói. Tôi không ăn gì trong hai ngày, nhưng không thấy đói. Chuyện đó có buồn cười không? Tôi đã không ăn gì trong...” Cô gái nhìn vào lưng người phụ nữ, vẻ làm hòa, “Ở đây không có nhà vệ sinh à?”.

“Cái gì?”, người phụ nữ hỏi. Cô ta nhìn Temple qua vai trong khi Temple nhìn chằm chằm vào cô với vẻ quy lụy, nịnh nọt. Từ một cái

ngăn, người phụ nữ lấy ra một cuốn danh mục đặt hàng bằng thư, xé ra một vài tờ và đưa chúng cho Temple. “Cô phải tới chỗ chuồng gia súc, như chúng tôi vậy.”

“Tôi phải làm vậy à?”, Temple vừa hỏi vừa cầm mấy tờ giấy. “Chuồng gia súc.”

“Bọn họ đi hết rồi”, người phụ nữ nói, “Bọn họ sẽ không quay lại trong buổi sáng đâu”.

“Vâng”, Temple nói, “Chuồng gia súc”.

“Ừ, chuồng gia súc”, người phụ nữ nói, “Trừ phi cô quá thanh khiết tới mức không làm được chuyện đó”.

“Vâng”. Temple nói. Cô nhìn ra ngoài cửa, ngang qua bãi cỏ thưa thớt ẩm đậm. Ở giữa khoảng rừng tuyết tùng, vườn cây ăn quả hiện ra rực rỡ trong ánh sáng mặt trời. Cô gái cởi áo khoác và đi về hướng chuồng gia súc, trong tay cô là những tờ giấy, trên đó là hình ảnh của những cái kẹp phơi quần áo, máy vắt quần áo, bột giặt. Cô đi vào hành lang, dừng lại, gấp những tờ giấy, rồi cô đi tiếp, nhanh nhẹn, mắt nhìn lăm lét vào những ngăn gia súc trống không. Cô bước vào. Nó mở cửa ở phía sau, bên trên những cây cà độc và những cây hoa oải hương trắng. Cô lại bước tiếp dưới ánh nắng, vào trong bãi cỏ. Rồi cô bắt đầu chạy rất nhanh, những bông hoa dại ẩm ướt, hơi hám quất vào chân cô. Cô khom người, lách qua cái hàng rào sắt gỉ sét đã võng xuống và chạy xuống ngọn đồi bạt ngàn cây.

Tại chân đồi, một rãnh cát hẹp cắt giữa hai con dốc của một thung lũng nhỏ, quanh co uốn khúc với những mảng sáng chói mắt là chỗ mà ánh mặt trời rơi tới được. Temple đứng trong cát, lắng nghe tiếng những con chim đang giấu mình giữa những vòm lá lốm đốm nắng và quan sát cảnh vật xung quanh. Cô đi theo dòng suối nhỏ khô cạn đến chỗ nó nhô ra, một nơi yên tĩnh với những cây thạch nam. Giữa những chiếc lá mới xanh non là những chiếc lá đã khô từ năm ngoái bám trên nhánh cây, chưa kịp rụng xuống mặt đất. Cô gái ngồi đó một lúc, gấp đi gấp lại những tờ giấy trong một tâm trạng tuyệt vọng. Khi ngược lên, cô đã thấy, bên trên đồng lá cây sáng lấp lánh dọc ở đầu một cái rãnh, bóng một người đàn ông đang ngồi.

Ngay lập tức, cô đứng bật dậy và bỏ chạy thục mạng, làm rớt lại một chiếc giày. Cô nhìn hai chân mình lướt nhanh trên mặt cát, xuyên qua những đóm nắng, được khoảng dăm ba mét, cô xoay người, chạy ngược lại chộp lấy chiếc giày, lại xoay và chạy tiếp.

Khi nhìn lướt thấy căn nhà thì cô đã đối diện với cái hiên trước. Ông già mù ngồi trên một cái ghế, khuôn mặt ngẩng lên, tắm trong nắng. Ở bìa rừng, cô dừng lại và đi giày vào. Cô băng qua bãi cỏ hoang phế, nhảy lên cái hiên và chạy xuống hành lang. Khi đến hiên sau, cô nhìn thấy một người đàn ông ở chỗ cánh cửa của chuồng gia súc, đang nhìn về phía căn nhà. Cô băng qua cái hiên chỉ bằng hai sải chân và đi vào nhà bếp, nơi người phụ nữ đang ngồi cạnh cái bàn, hút thuốc và bế đứa bé trên lòng.

“Hắn ta đang theo dõi tôi!”, Temple nói, “Hắn ta theo dõi tôi mọi lúc!”. Cô tựa vào cánh cửa, chăm chú quan sát bên ngoài, sau đó tới bên người phụ nữ, khuôn mặt nhỏ nhắn, xanh xao, đôi mắt giống như hai lỗ thủng được tạo thành bởi một miếng xì gà và cô đặt bàn tay lên cái bếp lò.

“Ai?”, người phụ nữ hỏi.

Temple nói: “Hắn ta ở trong bụi rậm, theo dõi tôi mọi lúc”. Cô gái nhìn về phía cánh cửa, rồi lại nhìn người phụ nữ và thấy bàn tay mình đang nằm trên bếp lò. Cô giật tay lại đồng thời cất một tiếng rên, nhưng rồi lại dùng tay chặn miệng. Cô xoay người và chạy về phía cửa. Người phụ nữ chộp lấy cánh tay cô gái, cánh tay kia vẫn ôm đứa bé. Temple nhảy ngược vào trong bếp. Goodwin đang đi về hướng căn nhà. Ông ta liếc nhìn bọn họ và tiếp tục đi vào hành lang.

Temple bắt đầu vùng vẫy. “Thả tôi ra”, cô thàn thì, “Buông ra! Thả ra!”. Cô nhào lên và hụp xuống, xoay bàn tay người phụ nữ chống giữ trên thanh dọc cánh cửa đến khi được buông ra. Cô nhảy khỏi cái hiên, chạy về hướng chuồng gia súc, vào trong hành lang, leo lên cái thang, trườn qua cái cửa sập và lại đứng lên, chạy tiếp về đồng cỏ khô đang mọc rữa.

Đột nhiên cô thấy mình đang chạy ngược xuống; hai chân vẫn đang chạy trong không trung, rồi lưng cô đập xuống một cách nhẹ nhàng và chắc chắn, cô vẫn nằm yên, nhìn chăm chăm lên một cái

khe hình chữ nhật đã được đóng lại bằng những tấm ván nhưng chúng đang bị long và phát ra những tiếng lách cách. Bụi bắn rơi xuống xuyên qua những luồng ánh nắng rơi vào từ các chấn song.

Cả cơ thể cô đang nằm trên một thứ gì đó, bàn tay quờ quạng, sau đó cô chợt nhớ đến con chuột. Toàn thân cô dựng đứng, hai chân ngập trong đồng vỏ xôm xốp, cô vung hai bàn tay ra và tự kéo mình đứng lên, mặt cô cách cái xà ngang mà con chuột đang trốn chưa tới ba mươi centimet. Trong khoảnh khắc, hai đôi mắt đối diện nhau, rồi đột ngột mắt của con vật rục cháy lên như hai bóng đèn nhỏ xíu và nó phóng vào đầu cô gái đúng lúc cô nhảy ngược về phía sau và giẫm lên một vật gì đó đang bò dưới bàn chân.

Cô ngã về cái góc đối diện, úp mặt xuống đồng vỏ và một vài lõi ngô bị gặm mòn. Một cái gì đó đập vào vách tường và hất đầu cô nảy bật ra. Con chuột đang rúc trong cái góc đó. Một lần nữa, mặt của người và con vật cách nhau chưa tới ba mươi centimet, đôi mắt chuột lóe sáng và dần dần mờ đi. Rồi con vật dựng đứng lông, quay lưng lại cái góc, những móng chân trước của nó vươn về phía trước và bắt đầu cất những tiếng rít ai oán nhằm vào hướng cô gái. Cô gái bò lùi, nhìn con vật. Sau đó, cô đứng lên và nhảy tới chỗ cánh cửa, đập liên hồi vào nó, cô sợ hãi nhìn con chuột, cong người ép chặt vào cánh cửa, những tấm ván kêu kèn kẹt dưới sức nặng của cô.

Người phụ nữ đứng bên cánh cửa nhà bếp, bế đứa bé, cho đến khi Goodwin hiện ra từ căn nhà. Ông ta nói: “Chúa ơi! Em cũng say à?”. Ông đi dọc theo hiên. “Cô ta không có ở đây”, người phụ nữ nói, “Anh không tìm được cô ta đâu”. Ông lướt qua cô, mang theo mùi rượu whiskey nồng nặc. Cô quay lại, nhìn ông. Ông nhìn nhanh xung quanh nhà bếp, sau đó nhìn cô đang đứng chặn chỗ cửa. “Anh không tìm được cô ta đâu”, cô nói, “Cô ta đã đi rồi”. Ông ta đi về phía người phụ nữ, giơ tay lên. “Đừng chạm vào tôi”, cô nói. Ông chậm chậm nắm chặt cánh tay cô. Hai mắt ông hơi đỏ.

“Bỏ tay ra khỏi người tôi”, cô nói, “Bỏ ra”. Ông chậm chậm lôi cô khỏi chỗ cánh cửa. Cô bắt đầu nguyên rửa. “Anh nghĩ anh có thể sao? Anh nghĩ tôi sẽ để anh làm điều đó? Giống như bất cứ đứa con gái bản thổ hư hỏng nào khác?” Bất động, hai người mặt đối mặt như trong tư thế chuẩn bị trước khiêu vũ, mọi cơ bắp như căng lên.

Chỉ bằng một động tác, ông ta lảo đảo qua một bên, người cô quay một vòng rồi đập vào cạnh bàn, cánh tay cô vớ ra sau để giữ thăng bằng, thân hình cong xuống và bàn tay sờ soạng phía sau, giữa những cái đĩa bẩn, cô nhìn ông ta. Ông ta bước về hướng người phụ nữ. “Lùi lại”, cô nói, giơ con dao thái thịt lên một cách yếu ớt, “Lùi lại”. Ông ta điềm tĩnh đi về phía cô, sau đó cô đâm con dao vào người ông ta.

Ông ta túm lấy cổ tay cô. Cô bắt đầu vùng vẫy. Ông giật đứa bé trong tay cô và đặt nó lên bàn. Rồi ông túm lấy bàn tay kia của cô đúng lúc nó vụt vào mặt ông, cả hai cổ tay cô bị giữ chặt chỉ bằng một tay. Ông ta tát cô. Một tiếng “bốp” khô khốc vang lên. Ông ta lại tát cô, đầu tiên là một bên, sau đó là bên còn lại, ông ta làm người cô lảo đảo từ bên này qua bên kia. “Đó là những gì tao làm với bọn chúng”, ông nói, rồi lại tát cô, “Thấy chưa?”. Cuối cùng, ông ta thả cô ra.

Cô lùi về đằng sau, rồi trượt chân suýt ngã vào cái bàn. Cô chộp lấy đứa bé, thu người, núp mình giữa bàn và bức tường, nhìn ông ta xoay người và rời căn phòng.

Cô khuyu xuống, vẫn ôm đứa bé. Nó không động đậy. Cô đưa tay lên sờ một bên má, rồi bên còn lại. Cô đứng dậy, đặt đứa bé vào trong thùng, lấy một cái mũ treo trên đỉnh xuống và đội nó lên. Từ một cây đình khác, cô lấy một cái áo khoác được trang trí bằng thứ gì đó từng là lông thú màu trắng, cô bế đứa bé lên và rời khỏi căn phòng.

Tommy đang đứng trong chuồng gia súc, bên cạnh cái máng ăn và nhìn về hướng căn nhà. Ông già ngồi trên hiên trước, trong ánh nắng. Cô bước xuống những bậc thềm và đi theo con đường nhỏ dẫn ra đường cái rồi tiếp tục đi không hề quay nhìn lại.

Khi đến chỗ cái cây và chiếc xe hồng, cô quẹo từ đường cái vào một con đường nhỏ. Sau khoảng một trăm mét, cô đến chỗ con suối và ngồi xuống cạnh đó, đứa bé nằm trong lòng cô và cô lộn ngược viền của chiếc váy ra phủ lên mặt đứa bé đang ngủ.

Popeye đi rón rén trên đôi giày lấm bùn của hấn, bước ra từ bụi cây, hấn đứng nhìn cô đang ở bên kia bờ suối. Tay của hấn vỗ nhẹ vào áo khoác, hấn rút thuốc, vê thành một điếu, nhét nó vào trong mồm và đánh một que diêm bằng ngón tay cái. “Lạy Chúa”, hấn nói, “Tôi đã nói với ông ta về chuyện đừng để tụi nó tụ tập suốt đêm, ngập ngựa trong cái thứ quỷ quái đó. Phải có luật lệ chứ”. Hấn nhìn ra xa, về hướng căn nhà. Rồi hấn nhìn người phụ nữ, vào chóp mũ của cô. “Đúng là một căn nhà ngu xuẩn”, hấn nói, “Chưa đầy bốn ngày trước, tôi tìm thấy một tên chó đẻ ở đây, gã hỏi tôi có đọc sách không. Giống như là gã sẽ nhảy vào tôi với một cuốn sách hoặc gì đó. Hay là tuyển dụng tôi để làm một cuốn niên giám điện thoại”. Một lần nữa hấn ta lại hướng mắt về phía căn nhà, giật mạnh cổ áo ra đằng trước cứ như là nó quá chật. Mắt hấn lại tập trung nhìn vào chóp mũ của người phụ nữ. “Tôi sẽ đến thị trấn, hiểu không?”, hấn nói, “Tôi sẽ biến khỏi đây. Tôi đã chịu đủ rồi”. Cô không nhìn lên. Cô sửa lại viền váy của mình đang phủ trên mặt đứa bé. Popeye đi tiếp, trong lùm cây những tiếng động nhỏ, mơ hồ vọng ra. Rồi lặng dần. Ở đâu đó, từ phía đầm lầy, một con chim cất tiếng hót.

* * *

Trước khi đến căn nhà, Popeye rời con đường cái và lần theo một con dốc cây cối rậm rạp. Khi hiện ra, hắn nhìn thấy Goodwin đang đứng sau một gốc cây trong vườn cây ăn quả, nhìn về hướng chuồng gia súc. Popeye dừng lại chỗ bìa rừng và nhìn sau lưng Goodwin. Hắn nhét một điếu thuốc khác vào mồm và xỏ tay vào túi áo gi lê rồi tiếp tục bước dè dặt qua khu vườn. Goodwin nghe thấy tiếng hắn và quay lại nhìn. Popeye lấy một que diêm từ trong áo gi lê, đánh lửa và châm điếu thuốc. Goodwin lại nhìn về hướng chuồng gia súc và Popeye đứng cạnh, cũng đang nhìn về hướng đó.

“Ai dưới kia vậy?”, hắn hỏi. Goodwin không nói gì. Popeye phả khói từ hai lỗ mũi. “Tôi sẽ dọn đi”, hắn nói. Goodwin không nói gì, vẫn đang chăm chú nhìn chuồng gia súc. “Tôi nói, tôi sẽ dọn đi khỏi chỗ này”, Popeye nói. Không thèm quay đầu lại, Goodwin nguyên rửa hắn. Popeye im lặng hút thuốc, điếu thuốc cong queo vắt ngang khuôn mặt bất động, yếu ớt, với cái nhìn đăm đăm đen tối. Sau đó, hắn xoay người và đi về hướng căn nhà. Ông già đang ngồi trong ánh nắng. Popeye không đi vào nhà. Thay vì thế, hắn tiếp tục đi xuyên qua bãi cỏ và vào trong rừng tuyết tùng. Sau đó hắn quẹo, băng qua khu vườn và bãi cỏ, từ bên hông, bước vào chuồng gia súc.

Tommy ngồi xổm bên cửa căn nhà nhỏ, đang nhìn về hướng căn nhà. Popeye vừa nhìn Tommy vừa hút thuốc. Sau đó, hắn búng điếu thuốc ra xa và lặng im đi vào một ngăn gia súc. Bên trên cái máng ăn của gia súc là một cái giá đựng cỏ khô, nằm ngay dưới cái gác xép. Popeye leo vào trong cái giá đựng cỏ khô và im lặng tiến vào trong gác xép, cái áo khoác bó sát của hắn nhô lên những chóp nhọn của hai bờ vai hẹp và gầy.

Tommy đang đứng trên lối đi của chuồng gia súc khi Temple mở được cánh cửa căn nhà nhỏ. Khi nhận ra Tommy, cô đã gần mệt lử với việc cứ thò ra thụt vào, sau đó cô xoay người chạy về hướng hấn ta, nhảy xuống và chộp lấy cánh tay hấn. Sau đó, cô thấy Goodwin đang đứng chỗ cửa sau của căn nhà, cô xoay người thụt lùi vào trong căn nhà nhỏ, dựa đầu vào cánh cửa, cổ họng phát ra âm thanh eeeeeeeeeeee mỏng như tiếng sỏi tằm bong bóng trong một cái chai. Cô tựa vào cửa, bàn tay quờ quạng cào lên đó, vừa cố gắng kéo nó ra, vừa lắng nghe tiếng Tommy.

“... Lee nói ông ta sẽ không làm đau cô đâu. Tất cả chuyện cô phải làm là nằm nghỉ...” Đó là giọng nói khô khốc mà cô chưa hề nghe thấy và cô cũng chưa từng nhìn thấy đôi mắt nào nhợt nhạt như mắt hấn ta bên dưới mái tóc bờm xờm. Cô tựa người vào cánh cửa, than khóc và cố gắng đóng nó lại. Rồi cô cảm thấy bàn tay của hấn ta vụng về đặt trên đùi của cô. “... nói ông ta sẽ không làm đau cô đâu. Tất cả chuyện cô phải làm là...”

Cô nhìn hấn ta, sự rụt rè của hấn ta, bàn tay cứng đờ đặt trên đùi cô. “Vâng”, cô nói, “Được rồi. Anh không được để ai vào trong này”.

“Cô muốn nói rằng tôi không được để bất cứ tên nào trong bọn chúng vào đây?”

“Đúng rồi. Tôi không sợ chuột đâu. Anh hãy ở đằng kia và đừng để ông ta vào trong này.”

“Được rồi. Tôi sẽ sửa lại nó thật chắc để không ai có thể chạm vào cô được. Tôi sẽ ở ngay đây.”

“Tốt. Đóng cửa lại. Đừng để ai vào đây.”

“Xong rồi.” Hấn ta khép cánh cửa. Cô tựa vào nó, nhìn về phía căn nhà. Hấn ta đẩy cô ra sau để đóng chặt cửa. “Lee nói ông ta sẽ không làm đau cô đâu. Tất cả việc cô phải làm là nằm nghỉ.”

“Được rồi. Tôi sẽ làm. Anh đừng để ông ta vào trong này.” Cánh cửa được đóng chặt lại. Cô nghe tiếng hấn ta chốt khóa lại, sau đó lắc lắc cánh cửa.

“An toàn rồi”, hắn ta nói. “Bây giờ không ai có thể chạm vào cô được. Tôi sẽ ở ngay đây.”

Hắn ta ngồi xổm trên đồng rơm, nhìn về hướng căn nhà. Một lúc sau, hắn ta nhìn thấy Goodwin đi đến cửa sau và nhìn về hướng mình, rồi hắn lại ngồi xổm, hai tay đan lại ôm lấy đầu gối, hai mắt Tommy rục lên, tròn mắt nhanh chóng lộ ra, đồng tử xoay tròn như những bánh xe bé xíu. Hắn ta ngồi ở đó, môi hơi nhếch lên, cho đến khi Goodwin trở lại trong căn nhà. Sau đó, hắn ta thờ dài, tổng hết khí trong phổi ra, ánh lửa khao khát trong đôi mắt tập trung vào cánh cửa trượt của căn nhà nhỏ lại rục lên kèm theo sự rụt rè. Hắn ta bắt đầu chậm chậm chà xát tay lên hai ống quần, hơi lắc lư người từ bên này qua bên kia. Rồi hắn ta dừng lại, thân người trở nên cứng ngắc, quan sát Goodwin di chuyển nhanh chóng băng qua căn nhà và vào trong rừng tuyết tùng. Hắn ta ngồi bất động, môi hơi nhếch lên trên những cái răng nham nhở.

Ngồi trong đồng vỏ hạt bông, trong cái ổ bằng lõi ngô bị gặm mòn, Temple bắt ngờ ngẩng đầu về hướng cái cửa sập nơi bậc cao nhất của chiếc thang. Cô nghe tiếng Popeye băng qua sàn gác xép, rồi bàn chân của hắn ta hiện ra, dò dẫm thận trọng từng bước. Hắn ta đi xuống, nhìn cô gái.

Cô gái hầu như bất động, miệng cô hơi hé mở. Hắn đứng nhìn cô. Hắn bắt đầu vươn cầm ra trước và cứ thế co giật, như thể cái cổ áo quá chật. Hắn đưa cùi chỏ lên và bằng lòng bàn tay cùng vật áo khoác, hắn phúi chúng, tiếp đó hắn vượt khỏi tầm nhìn của cô gái, di chuyển không một tiếng động, bàn tay xỏ trong túi áo khoác. Hắn thử mở cánh cửa, sau đó lắc lắc nó.

“Mở cửa”, hắn nói.

Không một tiếng động. Sau đó là tiếng Tommy thì thào: “Ai đấy?”.

“Mở cửa ra”, Popeye nói. Cánh cửa mở ra. Tommy nhìn Popeye, chớp mắt.

“Tao không biết mày ở trong này”, Tommy nói. Hắn ta không nhìn Popeye nữa mà hướng vào căn nhà nhỏ. Popeye úp bàn tay lên mặt Tommy, đẩy hắn ta lùi lại, nghiêng người để nhìn lên căn nhà. Rồi hắn nhìn Tommy.

“Tao không nói với mày về chuyện mày theo dõi tao à?”

“Tao không theo dõi mày”, Tommy nói. “Tao canh chừng ông ta”, Tommy hất đầu về hướng căn nhà.

“Canh chừng ông ta, sau đó thì...”, Popeye nói. Tommy quay đầu nhìn về hướng căn nhà và Popeye rút bàn tay từ trong túi áo khoác ra.

Về phần Temple, đang ngồi trên đống vỏ hạt bông và lõi ngô, cái âm thanh không to hơn tiếng bật một que diêm: một tiếng ngắn, yếu ớt đóng lại hiện trường. Cô gái ngồi đó, hai chân duỗi thẳng về phía trước, hai bàn tay mềm rũ và lòng bàn tay ngửa lên trên, đang nhìn vào lưng áo bó chặt của Popeye và những chóp nhọn trên hai vai áo khoác khi hắn chồm người ra ngoài cửa, cây súng lục ở đằng sau, tì vào hông hắn.

Hắn quay lại và nhìn cô gái. Hắn ve vẩy cây súng lục một cách yếu ớt và bỏ nó vào túi áo khoác, sau đó bước về phía cô. Hắn di chuyển không gây ra chút tiếng động nào; hắn mở cửa và đóng mạnh lại, nhưng cũng không có tiếng động nào vang lên; như thể âm thanh và sự im lặng đã đổi chỗ cho nhau. Cô có thể nghe thấy tiếng sột soạt khá to khi hắn di chuyển về chỗ cô, cô bắt đầu nói: “Cứu tôi với!”. Cô nói với ông già có đôi mắt như hai cục màu vàng. “Cứu tôi với!”, cô hét lên với ông già đang ngồi trên cái ghế trong ánh nắng, hai bàn tay ông ta đặt trên đầu cây gậy. “Tôi đang nói với ông đấy! Cứu tôi với!”, cô ta gào thét, bỏ dở câu nói cho đến khi ông ta xoay đầu lại và đôi mắt như hai cục đờm chiếu lên Temple khi cô đang nằm thảm hại trên những tấm ván xù xì, ngập trong nắng. “Cứu tôi với!”

Ngồi cạnh con suối, với đứa bé đang ngủ trên đầu gối, người phụ nữ phát hiện ra rằng cô đã quên bình sữa của đứa bé. Cô ngồi đó khoảng một giờ sau khi Popeye rời đi. Rồi cô trở lại con đường cái và quay về hướng căn nhà. Khi cô đã đi được chừng nửa đường trở về nhà, ôm đứa bé trong tay, chiếc xe của Popeye chạy ngang qua cô. Cô nghe tiếng nó đang tới, tránh ra khỏi đường cái và đứng nhìn nó chạy xuống đồi. Temple và Popeye cùng ở trong xe. Popeye không tỏ bất cứ dấu hiệu gì, dấu cho Temple chăm chú nhìn người phụ nữ. Từ dưới vành mũ, Temple nhìn đắm đắm vào khuôn mặt người phụ nữ, dường như cô không nhận thức được bất cứ điều gì. Nét mặt Temple không thay đổi, đôi mắt vô hồn; nó giống như một cái mặt nạ với những màu chết chóc u sầu lướt qua và biến mất sau đó. Chiếc xe tiếp tục chạy, tròn trịa và xóc nảy trên những vết lún của con đường mòn. Người phụ nữ tiếp tục đi về ngôi nhà.

Ông già mù đang ngồi trên hiên trước, giữa ánh nắng. Khi vào hành lang, cô bước rất nhanh. Cô không để ý đến thân hình mong manh của đứa bé đang nằm trên tay mình. Cô nhìn thấy Goodwin trong phòng ngủ của họ. Ông ta đang thắt nút cà vạt, cô nhận ra ông mới cạo râu.

Cô nói: “Có chuyện gì vậy?”.

“Anh phải lên nhà Tull và gọi điện thoại cho cảnh sát trưởng”, ông ta nói.

“Cảnh sát trưởng”, cô nói. “Vâng. Được rồi.” Cô đến bên giường và thận trọng đặt đứa bé xuống. “Đến nhà Tull”, cô nói. “Ông ta có một cái điện thoại.”

“Em vẫn phải nấu ăn”, Goodwin nói, “Còn Pap ở đây nữa”.

“Anh có thể cho ông ta vài miếng bánh mì nguội. Ông ta không thấy phiền đâu. Còn lại một ít ở trong bếp lò đấy. Ông ta chẳng để ý mà.”

“Anh sẽ đi”, Goodwin nói. “Em ở nhà.”

“Đến nhà Tull”, cô nói. “Được rồi.” Tull là chủ của căn nhà mà Gowan từng tìm thấy một chiếc xe.

Nó cách đây khoảng hai dặm. Gia đình Tull đang ăn tối. Họ bảo cô đứng lại. “Tôi chỉ muốn dùng nhờ điện thoại”, cô nói. Điện thoại ở trong phòng ăn, nơi họ đang ngồi ăn tối. Cô gọi điện và bọn họ vẫn đang ngồi quanh bàn. Cô không hề biết số điện thoại. “Cảnh sát trưởng”, cô kiên nhẫn nói vào trong điện thoại. Sau đó, cô đã được nối máy với cảnh sát trưởng, gia đình Tull vẫn ngồi quanh cái bàn với bữa tối Chủ nhật. “Có một người chết. Ông đi qua nhà ông Tull khoảng một dặm và quẹo vào bên phải... Vâng, đúng là Old Frenchman. Vâng. Tôi là bà Goodwin... Goodwin. Vâng.”

Benbow đến cô em gái vào khoảng xế chiều. Nó cách thị trấn Jefferson khoảng bốn dặm. Anh ta và em gái sinh ra ở Jefferson, cách nhau bảy năm, trong một căn nhà mà tới giờ vẫn thuộc quyền sở hữu của họ. Mặc dù cô em từng muốn bán căn nhà khi Benbow cưới cô vợ đã ly dị với một người đàn ông tên là Mitchell và dọn đến Kinston. Benbow không bằng lòng, mặc dù anh đã dựng một ngôi nhà gỗ mới ở Kinston bằng khoản tiền vay mượn mà tới giờ vẫn đang phải trả tiền lãi.

Khi anh tới nơi, không có ai xung quanh đó. Anh vào nhà và khi đang ngồi trong phòng khách tối lờ mờ sau bức màn đã đóng, anh nghe thấy tiếng cô em đi xuống cầu thang, vẫn không biết đến sự hiện diện của anh. Anh vẫn giữ im lặng. Người phụ nữ sắp băng qua cánh cửa phòng khách và biến mất nhưng cô dừng lại và nhìn chằm chằm vào Benbow mà không hề ngạc nhiên, khuôn mặt với những nét bình thản và ngu xuẩn không thể lay chuyển giống như một bức tượng của vị anh hùng nào đó; cô ta mặc một bộ đồ toàn màu trắng. “Ồ, anh Horace”, cô kêu lên.

Anh không đứng dậy. Anh ngồi đó giống như một thằng nhóc đã làm điều gì sai trái. “Làm thế nào em lại...”, anh nói. “Có phải Belle đã...”

“Tất nhiên. Chị ấy đã đánh điện tín cho em hôm thứ Bảy nói rằng anh đã bỏ đi và nếu anh đến đây, thì nói lại với anh rằng chị ấy đã quay trở về nhà ở Kentucky và đã gửi Belle Bé nhỏ.”

“À... mẹ kiếp”, Benbow nói.

“Tại sao?”, cô em hỏi. “Anh muốn bỏ nhà đi, nhưng không muốn chị ta đi.”

Anh ở lại chỗ cô em hai ngày. Cô ta không chịu trò chuyện, sống một cuộc sống thực vật trầm lặng giống như những hạt bắp hay lúa mì vĩnh viễn ở trong một khu vườn được bao bọc chở che không bị mưa gió chạm tới thay vì ở ngoài cánh đồng và trong thời gian hai ngày đó, cô ta ra vào căn nhà với thái độ phản đối lạnh lẽ, buồn bã.

Sau bữa ăn tối, bọn họ ngồi trong phòng của bà Jenny, nơi mà Narcissa sẽ đọc tờ báo Memphis trước khi đưa thằng bé đi ngủ. Khi cô ra khỏi căn phòng, bà Jenny nhìn Benbow.

“Trở về nhà đi, Horace”, bà nói.

“Không phải Kinston”, Benbow nói. “Dù thế nào chẳng nữa, cháu cũng không có ý định ở lại đây. Cháu không muốn ở đây với Narcissa. Cháu không rời bỏ một người phụ nữ để chạy tới váy một người khác.”

“Nếu cháu tiếp tục tự nói với mình điều đó, một ngày nào đó cháu sẽ tin vào nó”, bà Jenny nói. “Vậy thì cháu sẽ làm gì?”

“Cô nói đúng”, Benbow trả lời. “Sau đó cháu sẽ phải ở nhà.”

Cô em đã quay trở lại. Cô ta bước vào phòng với một thái độ rõ ràng. “Chuyện gì vậy?”, Benbow nói. Cô ta đã không nói chuyện trực tiếp với anh cả ngày.

“Anh định sẽ làm gì, Horace?”, cô hỏi. “Anh nên chú tâm tới công việc của mình ở Kinston.”

“Đúng thế”, bà Jenny nói. “Cái mà cô muốn biết là, tại sao cháu bỏ đi. Cháu tìm thấy một người đàn ông dưới gầm giường sao, Horace?”

“Không may mắn thế đâu ạ”, Benbow nói. “Vào một ngày thứ Sáu, bất thành linh cháu nhận ra mình không thể đến nhà ga và lấy cái hộp tôm đó nữa và...”

“Nhưng anh đã làm việc đó cả mười năm nay rồi”, cô em nói.

“Anh biết. Nhờ thế anh biết rằng mình sẽ không bao giờ thích mùi tôm.”

“Đó là lý do cháu bỏ Belle?”, bà Jenny hỏi. Bà nhìn anh. “Cháu mất một thời gian dài mới học được điều đó, nếu người phụ nữ không phải là vợ tốt của một người đàn ông thì cô ta chẳng thể là vợ tốt của người đàn ông khác được, đúng không?”

“Nhưng anh chỉ biết bỏ đi như một thằng mọi à?”, Narcissa nói, “Rồi lăn lộn với bọn nấu rượu lậu và bọn đầu đường xó chợ?”.

“À, cậu ta đã bỏ đi rồi và cũng đã rời bỏ lũ đầu đường xó chợ”, bà Jenny nói. “Trừ phi cháu muốn lang thang ngoài đường với cái cắt

móng tay đó trong túi quần cho đến khi cô ta đến thị trấn.”

“Vâng”, Benbow nói. Anh kể lại lần nữa về chuyện ba người bọn họ, anh, Goodwin và Tommy đã ngồi trên hiên nhà, uống rượu từ cái bình và trò chuyện, Popeye luẩn quẩn quanh căn nhà, đi ra đi vào hết lần này đến lần khác để nhắc Tommy thắp một cái đèn xách tay và đi xuống kho lương thực với hắn. Khi Tommy không chịu làm thế, Popeye đã chửi rủa và Tommy ngồi trên sàn nhà, cạy bùn đất từ hai bàn chân trên những tấm ván với tiếng huýt sáo khe khẽ và điệu cười như nắc nẻ.

“Cô có thể cảm thấy cây súng ngắn trên người hắn giống như cái rồn của hắn vậy”, Benbow nói. “Hắn không uống rượu, bởi vì nó làm bệnh dạ dày hành hạ hắn như một con chó; hắn không ngồi lại và nói chuyện với mọi người; hắn không làm bất cứ việc gì; chỉ lần quất đầu đó, hút thuốc lá, như một thằng nhỏ ủ rũ và bệnh hoạn.”

“Goodwin và cháu đang trò chuyện. Ông ta từng là trung sĩ kỵ binh đóng ở Philippines và trên vùng biên giới, sau đó gia nhập vào một trung đoàn bộ binh đóng ở Pháp; ông ta không bao giờ nói với cháu tại sao ông ta thay đổi, bị chuyển sang bộ binh và mất cấp bậc. Có thể ông ta đã giết một ai đó, có thể bị sa thải. Ông ta đã kể chuyện về những cô gái ở Manila, Mexico và cười như nắc nẻ, rồi đổ ồng ọc rượu từ cái bình và đẩy mạnh nó vào cháu: ‘Uống thêm nữa đi’; và sau đó cháu biết rằng người phụ nữ khuất sau cánh cửa đó đang lắng nghe mọi chuyện. Họ không làm đám cưới. Cháu biết điều đó giống như cháu biết rằng gã đàn ông nhỏ bé da đen kia có một cây súng ngắn bé tẹo trong túi áo khoác. Nhưng người phụ nữ đang ở ngoài kia, làm những công việc cực nhọc như một người da đen, đã từng sở hữu những viên kim cương và xe ô tô trong thời hoàng kim của cô ấy, từng mua chúng với cái giá khủng khiếp hơn cả tiền bạc. Và người đàn ông mù đó, luôn ngồi ở cái bàn, chờ đợi người ta cho ăn với sự bất động của người mù lòa, giống như mặt sau nhãn cầu của họ khi cô nhìn vào đó, trong khi họ đang lắng nghe khúc nhạc mà cô không thể nghe thấy; người mà Goodwin đã dắt ra khỏi phòng và hoàn toàn rời khỏi trái đất, đi tới nơi đâu đó xa xôi nhất mà cháu có thể biết. Cháu đã không gặp lại ông ta nữa. Cháu không bao giờ biết ông ta là ai, ông ta đã đối xử tử tế với

những người nào. Có thể là không với ai cả. Có thể ông già người Pháp đã dựng lên căn nhà một trăm năm trước cũng không thích ông già mù và bỏ ông ở lại đó khi ông ta chết hoặc dọn đi.”

* * *

Buổi sáng hôm sau, Benbow lấy chìa khóa căn nhà từ em gái và đi vào thị trấn. Căn nhà nằm trên mặt phố, đã bị bỏ trống từ mười năm trước. Anh mở cửa, rút những cây đinh từ cửa sổ ra. Đồ đạc không bị xê dịch. Trong bộ quần áo lao động mới tinh khoác bên ngoài, với cây giẻ lau nhà và cái xô, anh lau chùi sàn nhà. Vào buổi trưa, anh đi xuống phố và mua chăn gối, nệm, ga giường và một ít đồ ăn đóng hộp. Sáu giờ, anh vẫn đang làm việc khi cô em đến trên chiếc ô tô của cô ta.

“Về nhà đi, anh Horace”, cô nói. “Anh không nhận thấy là anh không thể làm được việc này sao?”

“Anh đã khám phá ra điều em nói là sai ngay sau lúc anh bắt đầu”, Benbow nói. “Đến sáng nay, anh đã nghĩ rằng bất cứ ai với một tay và một xô nước cũng có thể rửa được sàn nhà.”

“Horace”, cô nói.

“Anh là anh trai của em, hãy nhớ thế”, anh nói. “Anh sẽ ở lại đây. Anh có mua một số bảo hiểm.” Anh đến khách sạn ăn tối. Khi quay lại, chiếc ô tô của em gái đã nằm trong chỗ đậu xe. Người tài xế da màu mang đến một túi chăn, gối và ga trải giường.

“Cô Narcissa nói mang tới cho ông dùng”, người da màu nói. Benbow cất cái túi vào trong kho chứa đồ và sử dụng những thứ mà anh đã mua.

Ngày hôm sau, vào buổi trưa, khi đang ăn những đồ ăn nguội trên bàn bếp, anh nhìn thấy qua cửa sổ một chiếc xe chở hàng dừng bên đường. Ba phụ nữ xuống xe và đứng trên lề đường, không hề ngượng ngùng, họ sửa sang trang điểm, vuốt phẳng váy và tóc, người này chải tóc cho người kia, rồi họ mở những gói hàng và khoác lên người những bộ quần áo lộng lẫy. Chiếc xe chở hàng tiếp tục chạy. Họ đi bộ theo sau và anh chợt nhớ ra rằng hôm đó là thứ Bảy. Anh cởi bỏ bộ quần áo lao động, diện đồ trang trọng và rời nhà.

Con đường này dẫn tới một con đường khác rộng hơn. Từ bên trái nó đi tới quảng trường, đó là khoảng trống giữa hai tòa cao ốc màu đen với một đám đông đang chuyển động chậm chạp như hai luồng kiến dài ngoằng đang bò, bên trên là cái vòm bát úp của trụ sở tòa án vươn lên từ một lùm cây sồi và bờ kết được bao bọc bởi những đống tuyết lờm chờm xơ xác. Anh tiếp tục đi về phía quảng trường. Những chiếc xe chở hàng trống không vượt qua anh và anh vượt qua những người phụ nữ đang đi bách bộ trong trang phục đen trắng, có thể nhận ra rõ ràng sự bất thường từ trang phục của họ cũng như cách họ đi lại, họ tin rằng những người dân thị trấn sẽ xem họ cũng là người của thị trấn, thậm chí không lừa gạt họ.

Những con hẻm liền kề đã bị tắc nghẽn bởi những dãy xe chở hàng, cả bọn quay ngược lại và dí mũi vào những bắp ngô qua miếng ván chặn đằng sau xe. Quảng trường được chia thành hai làn với hàng dãy ô tô, trong khi chủ nhân của chúng và chủ nhân của những chiếc xe chở hàng trong những chiếc áo khoác lao động và áo ka ki đơn điệu, với những thư đặt hàng khăn quàng cổ và ô, đang xúm lại, đi ra đi vào cửa hàng, xả ra lề đường vỏ trái cây và vỏ lạc. Họ di chuyển lặng lẽ, chậm chạp như đàn cừu, không thể nào vượt qua được, tràn ngập các con đường, ngắm nghía thường ngoạn cái sự vội vã mệt mỏi của người dân thành thị trong những chiếc áo thun hoặc áo cổ rộng, sự bí hiểm mờ hồ của những con gia súc hay của những vị thần, vượt ra cả thời gian, để thời gian trôi đi chậm chạp không tiên đoán được trên vùng đất xanh tươi với những cây ngô và bông trong một buổi chiều vàng rực.

Horace di chuyển giữa đám đông, thỉnh thoảng bị cuốn từ chỗ này tới chỗ kia bởi dòng người khoan thai thông thả, không hề nôn nóng. Anh biết một vài người trong số họ; hầu hết những người thương gia và những người đàn ông có nghề nghiệp đều nhớ ra anh khi là một cậu bé, một thanh niên, cho tới một luật sư - vượt qua tấm lưới tạo bởi những nhánh bờ kết, anh có thể thấy cửa sổ của căn nhà hai tầng xám xịt nơi anh và cha từng làm việc, khung kính không được lau chùi bằng nước và xà phòng, lúc này anh dừng lại, trò chuyện với họ một cách thông thả nhưng không lấy gì làm thoải mái.

Không gian ngập nắng với những âm thanh đua nhau phát ra từ những chiếc radio và máy hát của những quầy được phẩm và bán đĩa ca nhạc. Một đám đông suốt ngày đứng trước những cửa hàng này để lắng nghe. Lay động tâm hồn họ là những bản ballad với giai điệu và nội dung đơn giản, mơ hồ, kể về sự mất mát người thân, sự báo thù và ăn năn, những khuôn mặt chăm chú như đang bị hút vào những giọng hát bồn chồn kỳ quái, bi thương, khắc nghiệt và buồn bã từ những vỏ máy giả gỗ hay những chiếc loa, chúng giống như những bàn tay xương xẩu chậm chạp phủ bóng xuống trần thế.

Đó là một ngày thứ Bảy của tháng Năm: không có thời gian để quay lại. Tuy nhiên vào thứ Hai, hầu hết bọn họ quay lại lần nữa, bên những bụi cây xung quanh trụ sở tòa án, quảng trường và mua bán một chút trong những cửa tiệm vì khi đến đây, trên người họ là những bộ ka ki, áo khoác lao động và áo không cổ. Cả ngày dài, tốp người đó đứng xung quanh cánh cửa dẫn đến phòng khách của người làm dịch vụ lễ tang, bọn nhóc và cả những gã thanh niên có hoặc không có những cuốn sách giáo khoa đang nghiêng người dán mắt vào kính, những gã táo bạo hơn, trẻ hơn ở thị trấn thì bước vào từng tốp hai hay ba người để nhìn gã đàn ông tên Tommy. Hắn ta được đặt trên một chiếc bàn gỗ, chân trần, mặc áo khoác lao động, nắng chiếu nhạt nhòa trên những lọn tóc phía sau đầu đã bê bết bụi và máu khô, trong khi nhân viên điều tra những vụ chết người bất thường ngồi bên cạnh, cố gắng xác định họ của hắn. Nhưng không ai biết điều đó, thậm chí ngay cả những người đã từng biết hắn ta mười lăm năm nay ở vùng quê này, những người buôn bán thường chỉ có mặt vào những ngày thứ Bảy từng thấy hắn ta trong thị trấn cũng không biết nốt, chân trần, đầu trần, với vẻ ngu độn, cái nhìn chằm chằm trống rỗng và đôi má căng phồng vô tội, quai hàm chuyên nhai kẹo bạc hà. Với những hiểu biết mơ hồ của người dân quanh đây, hắn ta không có họ.

Vào cái ngày viên cảnh sát trưởng của quận đưa Goodwin đến thị trấn, đã có một tên da đen giết người nằm trong tù. Hắn đã giết vợ, cắt cổ người vợ bằng một lưỡi dao cạo, cả đầu cô ta ngửa về phía sau mỗi lúc một nhiều hơn khi máu me phun đầm đìa từ cổ họng đang sôi sục, cô ta chạy ra khỏi căn nhà gỗ nhỏ và đi được khoảng sáu hay bảy bước vào cái ngõ yên ắng lênh láng ánh trăng. Hắn tựa vào cửa sổ và ca hát suốt buổi chiều. Sau bữa tối, một vài tên da đen tụ tập bên chân song - đồm dáng, mặc những bộ com lê cũ và những chiếc áo khoác lao động đầy mồ hôi - vai kề vai và cùng hợp xướng với kẻ giết người, bọn chúng hát những bài dân ca tôn giáo trong khi những người da trắng đi chậm chậm và dừng lại trong bóng tối dưới những tán cây, trời sắp chuyển sang hè, để lắng nghe những kẻ mà chắc chắn sẽ chết và hắn ta - kẻ gần như đã chết - ca hát về thiên đường và sự mệt mỏi; trong cái khoảng lặng giữa những bài hát, một giọng trầm không rõ từ đâu, vượt ra khỏi cái bóng lờm xờm của cây thiên đường⁽⁶⁾ đang che phủ bóng đèn đường ở một góc, giọng hát ấy buồn thương, xót xa: “Bốn ngày nữa! Sau đó, chúng sẽ phá hủy giọng nam trung hay nhất của miền bắc Mississippi!”.

Đôi khi suốt cả ngày, hắn tựa vào đó, hát một mình, mặc dù một lúc sau, một hoặc hai thằng nhỏ đầu đường xó chợ hay vài người da đen với những cái giỏ giao hàng, dừng lại chỗ song cửa và mấy người da trắng đang ngồi trên những chiếc ghế dọc theo bức tường dính đầy dầu cáu bẩn của cái ga ra bên kia đường, đã nghiêng đầu lắng nghe. “Một ngày nữa thôi! Rồi tao sẽ là thằng chó đẻ tiêu tưng. Nói đi, không có chỗ cho người trên thiên đường đâu! Nói đi, không có chỗ cho người dưới địa ngục đâu! Nói đi, không có chỗ cho người trong nhà tù đâu!”

“Thằng khốn nạn đó”, Goodwin nói, giật mạnh đầu, khuôn mặt hốc hác, nâu sạm, mệt mỏi và phiền muộn. “Tôi không mong bất cứ thằng nào như thằng đó được may mắn, nhưng tôi sẽ bị đày xuống địa ngục...” Ông ta không nói hết câu. “Tôi không làm chuyện đó. Tự anh biết mà. Anh biết tôi không làm. Tôi không nói tôi nghĩ gì. Tôi

không làm chuyện đó. Trước tiên, họ phải tròng dây vào cổ tôi đã. Để họ làm thế đi. Tôi trong sạch. Nhưng nếu tôi nói điều mà tôi nghĩ hay tin tưởng, tôi sẽ không còn trong sạch nữa.” Ông ta ngồi trên cái giường trong xà lim, nhìn lên phía cửa sổ: hai cái lỗ không lớn hơn những vết kiếm chém bao nhiêu.

“Hắn ta bắn giỏi đến vậy ư?”, Benbow nói, “tới mức có thể bắn một người đàn ông xuyên qua một trong những cái cửa sổ đó?”.

Goodwin nhìn anh. “Ai?”

“Popeye”, Benbow nói.

“Popeye đã làm chuyện đó à?”, Goodwin hỏi.

“Không phải hắn à?”, Benbow nói.

“Tôi vừa nói tất cả những gì sẽ khai. Tôi không cần phải biện hộ cho chính mình, tùy bọn họ đổ tội cho tôi.”

“Vậy ông muốn điều gì ở một luật sư?”, Benbow hỏi. “Ông muốn tôi phải làm gì?”

Goodwin không nhìn anh. “Nếu được, anh hãy giữ lời cho thằng bé một công việc nào đó khi nó đủ lớn”, ông ta nói, “Ruby thì sẽ ổn thôi. Phải vậy không, người bạn đời của tôi?”. Ông ta đặt bàn tay lên đầu người phụ nữ, vuốt tóc cô. Cô ngồi cạnh ông trên cái giường nhỏ, ôm đứa bé trong lòng. Đứa bé nằm bất động theo kiểu say thuốc ngủ, giống như những đứa trẻ mà bọn ăn mày trên những đường phố Paris ẵm theo, khuôn mặt nhỏ xíu dễ thương với vẻ yếu ớt, lấm tấm mồ hôi, mái tóc ẩm ướt phủ trên sự hốc hác của đứa trẻ, cái sọ nổi gân, một làn hình lưỡi liềm màu trắng hiện ra bên dưới những mí mắt màu chì của nó.

Người phụ nữ mặc y phục bằng nhiều xám đã được vuốt gọn gàng và vá khéo léo bằng tay. Song song với đường may nổi của hai mép vải là vết chỉ lờ mờ được vá tỉ mỉ, mà người phụ nữ khác sẽ nhận ra được từ khoảng cách một trăm mét với một cái liếc mắt. Trên cổ cô ta là một món trang sức màu tím có thể mua được ở những cửa hàng mười xu hoặc bằng thư đặt hàng; trên cái giường nhỏ cạnh người phụ nữ là cái mũ xám với mạng che mặt cũng được vá khéo léo gọn gàng; Benbow chẳng thể nhớ được mình đã thấy

một cái như vậy trước đây là bao giờ, trước khi phụ nữ thôi mang những tấm mạng che mặt.

Anh dắt người phụ nữ về nhà mình. Họ đi bộ, cô ta ẵm đứa bé trong khi Benbow cầm chai sữa, vài thứ linh tinh và đồ hộp. Đứa bé vẫn ngủ. “Cô đã vất vả với thằng bé nhiều rồi”, anh nói, “Có thể chúng ta sẽ tìm được một bà vú cho nó”.

Anh để cô ở nhà và quay trở lại thị trấn, đến một trạm điện thoại, gọi cho cô em về việc chiếc xe. Chiếc xe đã đến đón Benbow. Anh đã kể với cô em và bà Jenny về chuyện tại bàn ăn tối.

“Anh chỉ dính vào chuyện tào lao!”, cô em nói, nét mặt bình thản nhưng giọng đầy tức giận. “Khi anh chiếm vợ và con của một người đàn ông khác, em nghĩ điều này thật tồi tệ, nhưng em nói ‘ít ra anh ta sẽ không còn mặt mũi nào để quay lại đây’. Và khi anh bước ra khỏi căn nhà đó giống như một tên mọi và rời bỏ người phụ nữ ấy, em cũng nghĩ nó thật tồi tệ, nhưng em không thể tin rằng anh dự định bỏ luôn cô ta. Và rồi khi anh khẳng khẳng đòi rời bỏ nơi đây mà không có bất kỳ lý do nào và quay lại căn nhà cũ, tự mình cọ rửa nó dưới con mắt dòm ngó của cả thị trấn, sống ở đó như một tên lang thang, khước từ ở đây - nơi mà mọi người mong đợi anh và thật buồn cười khi anh lại không ở; và giờ đây định dính dáng với người phụ nữ chính anh từng gọi là một gái đứng đường, người phụ nữ của một tên sát nhân.”

“Anh không thể không giúp. Cô ấy chẳng có gì, người thân cũng không. Trong một bộ quần áo đã lỗi mốt cách đây năm năm, được khâu vá lại, hoàn toàn sạch sẽ gọn gàng, còn đứa bé đó có lẽ chẳng được coi là đã sống, nó được quấn trong một mảnh chăn cũ mòn, bạc màu, hầu như chỉ còn lại màu trắng của vải. Không đòi hỏi bất cứ ai điều gì ngoại trừ việc hãy để cho cô ấy yên, cô ấy cố gắng thoát khỏi cuộc sống của mình trong khi mọi người phụ nữ tiết hạnh khác được bảo vệ chở che...”

“Ý cháu là một người nấu rượu lậu không có tiền để thuê một luật sư giỏi nhất ở thị trấn ư?”, bà Jenny hỏi.

“Không phải vấn đề đó”, Horace nói, “Cháu tin rằng ông ta có thể tìm một luật sư tốt hơn. Vấn đề là...”.

“Horace”, cô em nói. Cô quan sát anh. “Người phụ nữ đó đang ở đâu vậy?” Bà Jenny ngồi hơi nghiêng về phía trước trong chiếc xe lăn, cũng đang nhìn Benbow. “Anh đã đưa người phụ nữ đó vào trong nhà em?”

“Đó cũng là nhà của anh nữa.” Cô em đã không biết điều đó, trong mười năm anh đã từng lừa dối cô vợ anh để trả tiền lãi một khoản thế chấp căn nhà anh đã xây cho cô ta ở Kinston, như thế thì cô em không thể nào cho những người lạ thuê căn nhà kia ở Jefferson, căn nhà mà vợ anh đã không hề biết anh vẫn làm chủ một phần trong đó. “Miễn là nó còn bỏ trống, và với đứa bé đó...”

“Cái nhà đó là nơi mà cha mẹ chúng ta... Cái nhà đó là nơi em... Em sẽ không đồng ý. Em sẽ không đồng ý.”

“Chỉ một đêm thôi, rồi anh sẽ đưa cô ấy đến khách sạn vào sáng mai. Hãy nghĩ tới cô ấy, chỉ có một mình, với đứa bé... Giả sử đó là em và Bory và chồng của em bị buộc tội giết một người mà em biết anh ta không làm...”

“Em không muốn nghĩ về cô ta. Em ước gì em chưa bao giờ nghe toàn bộ câu chuyện. Để nghĩ rằng anh của mình... Anh không thấy rằng chính anh luôn phải cạo rửa người sau mỗi sự việc đó hay sao? Ý em là, không phải rác rưởi còn sót; vấn đề ở anh đấy... Nhưng mang một kẻ đầu đường xó chợ, một phụ nữ giết người, vào căn nhà nơi mà em được sinh ra...”

“Vớ vẩn”, bà Jenny nói. “Nhưng, Horace, có phải các luật sư hay gọi thông đồng là sự đồng lõa sai trái không?”. Horace nhìn bà. “Theo cô nghĩ, có vẻ cháu đã dính dáng quá nhiều với những người này hơn là việc một luật sư trong vụ án nên làm. Chính cháu đã từng ở nơi sự việc xảy ra cách đây không lâu. Công chúng có thể bắt đầu nghĩ cháu biết nhiều hơn điều cháu kể.”

“Vâng”, Horace, “Bà Blackstone⁽⁷⁾. Đôi khi cháu tự hỏi tại sao cháu vẫn chưa trở nên giàu có nhờ luật pháp. Có thể cháu sẽ giàu có, khi nào cháu đủ già để theo học trường luật mà cô đã học”.

“Nếu cô là cháu”, bà Jenny nói, “Cô sẽ lái xe quay lại thị trấn ngay bây giờ và đưa cô ấy đến khách sạn, ổn định cho cô ấy. Chưa muộn đâu”.

“Và quay về Kinston cho đến khi mọi chuyện giải quyết xong”, Narcissa nói, “Những người này không phải là người thân của anh. Tại sao anh phải làm vậy?”.

“Anh không thể khoanh tay đứng nhìn sự bất công...”

“Cháu sẽ chẳng bao giờ đuổi kịp sự bất công đâu, Horace”, bà Jenny nói.

“À, sự mỉa mai đó ẩn giấu trong những sự việc.”

“Hừm”, bà Jenny nói, “Phải như thế thôi bởi vì cô ấy là người phụ nữ cháu quen mà chẳng biết gì hết về chuyện những con tôm đó”.

“Dù sao chẳng nữa, cháu đã nói quá nhiều, như thói quen”, Horace nói, “Vì vậy cháu sẽ phải tin lời mọi người...”

“Vớ vẩn”, bà Jenny nói. “Cháu tưởng Narcissa muốn người thân nào của nó cũng quen biết loại người sẽ làm bất cứ chuyện gì cũng tự nhiên như làm tình cướp giật hoặc ăn trộm à?” Cô em gái của anh có đặc điểm đó. Trong cả bốn ngày giữa Kinston và Jefferson, anh đã trông đợi sự ích kỷ đó. Anh không mong cô ta - hay bất kỳ người phụ nữ nào - quấy rầy quá nhiều một người đàn ông mà cô ta không kết hôn cũng không sinh ra trong khi cô ta đã có một đứa con để yêu thương và quấy rầy. Anh đã trông đợi sự ích kỷ đó, vì cô ta đã như thế ba mươi sáu năm.

Khi anh đến căn nhà ở thị trấn, có ánh đèn sáng trong một căn phòng. Anh đi vào, băng qua sàn nhà chính anh đã cọ rửa, chợt nhớ lại mình tại thời điểm không biết sử dụng cây lau nhà một cách khéo léo hay như cách anh dùng cái búa đã hỏng, chính cây búa anh đã sử dụng để đóng cửa sổ, cửa chớp cách đây khoảng mười năm, thậm chí khi đó anh không biết lái một chiếc ô tô. Nhưng đã mười năm rồi, cây búa đã được thay thế bằng một cái mới, chính là cái mà anh dùng để nhổ những cây đinh một cách vụng về, những cửa sổ đã được cọ rửa mở ra khoảng trống cam lạng giống như những ô cửa chết trong sự bao phủ ma mị của những tấm vải trùm đồ đạc.

Người phụ nữ còn thức, áo quần vẫn mặc đầy đủ trừ cái mũ. Cái mũ đặt trên giường - nơi đứa bé đang ngủ. Nằm cùng nhau ở đó, chúng mang đến cho căn phòng nét tạm bợ hơn cả cái bóng đèn dùng tạm, sự tương phản của cái giường được trải ga đốm đáng

trong một căn phòng mặt khác gọi lại khoảng thời gian bị bỏ hoang khá lâu. Như thể đàn bà là dòng điện chạy qua một sợi dây kim loại treo một vài chiếc bóng đèn giống hệt nhau.

“Tôi có vài món trong nhà bếp”, người phụ nữ nói. “Sẽ không mất đến một phút đâu.”

Đứa bé nằm trên giường, bên dưới cái đèn không có chao, anh tự hỏi tại sao đàn bà, khi rời bỏ một căn nhà, lại tháo đi tất cả chao đèn dầu cho không sờ đến bất cứ thứ nào khác, rồi anh nhìn xuống đứa bé, vào hai mí mắt màu chì để lộ một mảnh lưỡi liềm mờ nhạt màu trắng xanh tương phản với hai gò má màu chì, mớ tóc ẩm ướt ôm lấy đầu, hai bàn tay nó ngửa lên, lòng bàn tay cụp lại, cũng ẩm mồ hôi, anh nghĩ về Chúa Nhân Từ. Chúa Nhân Từ.

Anh nghĩ lại lần đầu tiên trông thấy đứa bé nằm trong một cái thùng gỗ phía sau bếp lò trong căn nhà đồ nát cách thị trấn mười hai dặm; về sự hiện diện hắc ám của Popeye phủ lên căn nhà giống như bóng của một vật không lớn hơn que diêm kỳ dị đổ xuống một thứ lớn hơn cỡ của nó hai mươi lần; về hai người họ - anh và người phụ nữ - trong căn bếp được thắp sáng bởi một cây đèn đã nứt và đầy muội trên mặt bàn sạch sẽ đang bày những món ăn thanh đạm, Goodwin và Popeye ở đâu đó trong bóng đêm, bên ngoài vang vọng tiếng côn trùng và ếch nhái, tuy yên ả nhưng cũng bị bao phủ bởi sự hiện diện của Popeye cùng mối đe dọa đen tối không tên. Người phụ nữ kéo cái thùng từ phía sau bếp lò ra và đứng ngó xuống nó, hai bàn tay vẫn giấu trong bộ đồ quái gở. “Tôi phải giấu nó trong thùng để lũ chuột không thể đến gần nó được”, cô ta nói.

“Chao ôi”, Horace nói, “cô có một bé trai”. Khi đó, người phụ nữ xoay người, bỏ tay ra khỏi váy, thỉnh linh cô ta giật tay lại, giấu chúng đi và bảo rằng anh có thể mang cho cô một cái cắt móng tay.

Người phụ nữ quay lại, với thứ gì đó được gói kín trong một miếng giấy báo. Anh biết đó là một cái tã mới được giặt, thậm chí trước khi cô ta nói: “Tôi đã nhóm lửa trong lò. Tôi cho là mình đã quá trốn”.

“Dĩ nhiên là không”, anh nói, “Chỉ để phòng xa thôi, cô thấy đó. Tốt hơn nên đặt mọi người vào một chút khó chịu tạm thời hơn là gây

nguy hiểm cho vụ án của chúng ta”. Người phụ nữ có vẻ không lắng nghe. Cô ta trải cái tã ra giường và nhấc đứa bé lên trên đó. “Cô hiểu sự việc là như thế nào mà”, Horace nói, “Nếu quan tòa nghi ngờ tôi biết nhiều về chuyện ấy hơn sự thực đã biện hộ... Ý tôi là, chúng ta phải cố gắng làm cho mọi người nghĩ rằng việc giam giữ Lee vì tội giết người chỉ là...”.

“Anh đang sống ở Jefferson à?”, cô ta vừa hỏi vừa quán cái tã quanh đứa bé.

“Không, tôi sống ở Kinston. Tôi đã từng... mặc dù tôi làm việc ở đây.”

“Tuy vậy, anh có họ hàng ở đây. Phụ nữ. Họ từng sống trong căn nhà này.” Cô ta nhấc đứa bé lên, ủ cái chăn xung quanh nó. Rồi cô ta nhìn anh. “Không sao. Tôi hiểu mà. Anh thật tử tế.”

“Chết tiệt”, anh nói, “chẳng lẽ cô tưởng... Thôi nào. Đến khách sạn thôi. Cô sẽ được nghỉ một đêm yên bình và tôi sẽ có mặt vào sáng sớm. Để tôi bế đứa trẻ”.

“Cứ để tôi”, cô ta nói. Cô ta định nói điều gì đó, nhưng lại lặng im nhìn anh một lúc rồi tiếp tục đi. Anh tắt đèn, theo sau và khóa cửa. Người phụ nữ đã ngồi sẵn trong xe. Anh chui vào xe.

“Khách sạn, Isom”, anh nói. “Tôi chưa bao giờ học lái xe”, anh nói. “Nhiều khi tôi nghĩ về toàn bộ quãng thời gian đã phung phí chẳng học hỏi được gì...”

Con đường nhỏ hẹp, im ắng. Nó bây giờ đã được trải nhựa, mặc dù anh có thể nhớ khi ấy, sau một trận mưa, nó đã thành một con kênh đen kịt nửa đất, nửa nước, với những cái rãnh nơi anh và Narcissa bì bõm lội và vầy nước với áo quần vén cao và cái mông lấm bùn, đằng sau những con thuyền được gọt đẽo thô sơ, hoặc tạo ra những hố bùn bằng cách giẫm đi giẫm lại một chỗ. Anh có thể nhớ hồi chưa trải nhựa, đường phố được viền hai bên bởi những lối đi nhỏ lát gạch đỏ đơn điệu và mấp mô.

Những cái đèn hiem hoi có khung bọc tới tận chớp, nằm trên đường có mái che của một nhà ga đông đúc ở góc phố. Người phụ nữ đột ngột ngã người về phía trước. “Dừng ở đây, làm ơn”, cô ta nói. Isom đạp phanh. “Tôi sẽ ra khỏi xe và đi bộ”.

“Không được”, Horace nói. “Chạy tiếp đi, Isom.”

“Không, chờ đã”, người phụ nữ nói. “Chúng ta sẽ phải đi ngang qua những người quen biết anh. Và sau đó là quảng trường.”

“Vớ vẩn”, Horace nói. “Chạy đi, Isom.”

“Vậy thì, anh xuống xe và chờ đi”, cô ta nói. “Cậu lái xe sẽ quay lại ngay.”

“Không cần phải như thế”, Horace nói. “Lạy Chúa, tôi... Lái đi, Isom!”

“Anh nên làm thế”, người phụ nữ nói. Cô ta ngồi xuống, rồi nghiêng người ra phía trước lần nữa. “Nghe này. Anh thật tử tế. Anh có ý tốt, nhưng...”

“Ý cô là cô không nghĩ tôi là luật sư có đủ khả năng?”

“Tôi nghĩ rằng tôi chỉ còn cách chấp nhận những gì xảy đến với mình thôi. Chống lại nó chẳng ích lợi gì.”

“Tất nhiên là không, nếu cô nghĩ như vậy. Nhưng không phải thế đâu. Nếu không cô đã bảo Isom lái xe đưa cô đến ga xe lửa rồi. Phải không?” Người phụ nữ đang nhìn xuống đứa bé, chỉnh lại cái chần quanh nó. “Cô nghỉ ngơi một đêm và tôi sẽ có mặt vào sớm mai.” Họ băng qua nhà tù - một tòa nhà vuông vức chằng chịt những ánh đèn lờ mờ. Chỉ có cái cửa sổ ở giữa đủ rộng để được gọi là cửa sổ, chắn ngang dọc bởi những chấn song nhỏ. Tên giết người da đen tựa vào đó, dọc theo khung cửa sắt bên dưới là một dãy những cái đầu đội mũ và đầu trần ở trên những đôi vai rần rỏi quen lao động và những âm thanh trộn lẫn nhiều âm vực làm tăng sự ảm áp và buồn bã trong màn đêm dịu dịu, hân hát về thiên đàng và sự mỗi mệt. “Bây giờ cô đừng lo lắng gì cả. Ai cũng biết Lee không làm việc ấy mà.”

Họ lái xe đến khách sạn, những kẻ lang thang ngồi trên những cái ghế dọc theo lề đường lắng nghe tiếng hát. “Tôi phải...”, người phụ nữ nói. Horace bước xuống và mở cửa xe. Cô ta không động đậy. “Nghe đây. Tôi phải nói...”

“Được rồi”, Horace nói, giơ tay ra. “Tôi biết. Tôi sẽ có mặt vào sớm mai.” Anh đỡ cô bước xuống. Họ đi vào khách sạn và đến chỗ

bàn giấy, những tên lang thang quay lại để ngắm đôi chân của cô. Tiếng hát đuổi theo họ, chìm dần theo những bức tường và những ánh đèn.

Người phụ nữ đứng im lặng kê bên, bế đứa bé, cho đến khi Horace làm xong thủ tục lấy phòng.

“Nghe đây”, cô nói. Người bồi phòng cầm chìa khóa đi tiếp về hướng cầu thang. Horace chạm vào cánh tay người phụ nữ, xoay cô về hướng đó. “Tôi phải nói với anh”, cô nói.

“Sáng mai”, anh nói. “Tôi sẽ có mặt ở đây sớm”, anh nói, hướng dẫn cô đi về phía cầu thang. Người phụ nữ vẫn lưỡng lự, nhìn anh.

“Thôi được rồi”, cô nói. Giọng nói đều đều khẽ khàng, khuôn mặt cô nghiêng về phía đứa bé: “Chúng tôi chẳng có đồng nào hết. Tôi sẽ nói anh biết ngay bây giờ. Chuyến cuối cùng đó Popeye đã không...”

“Được rồi, được rồi”, Horace nói, “đó sẽ là việc đầu tiên vào sáng mai. Tôi sẽ có mặt vào đúng lúc cô dùng xong bữa điểm tâm. Ngủ ngon.” Anh quay trở lại chiếc xe, giọng hát vẫn chưa ngừng. “Về nhà, Isom”, anh nói. Bọn họ quay lại, ngang qua nhà tù, qua cái bóng xa xa tựa lên những chấn song và những cái đầu dọc theo những thanh sắt. Bên trên bức tường trần trụi và tróc lở, cái bóng rậm rạp của cây thiên đường rung giật một cách kỳ quái trong không gian lạnh gió, giọng hát trầm ấm và buồn bã rút lại phía sau. Chiếc xe tiếp tục lăn bánh êm ả băng qua con đường hẹp. “Đến nơi rồi”, Horace nói, “anh đi đâu vậy...”. Isom đập mạnh lên cái thắng.

“Cô Narcissa nói đưa ông trở về nhà ngoài kia.” cậu ta nói.

“Ồ, cô ta nói vậy à?”, Horace nói. “Cô ta thật là tốt bụng. Cậu có thể bảo cô ta, tôi không muốn làm theo điều cô ta nói.”

Isom lùi xe, quẹo vào con đường nhỏ hẹp và sau đó chạy ra con đường toàn tuyết tùng, những ánh đèn lóe lên và xoáy thẳng vào con đường rợp bóng cây như thể đó là một nơi sâu thẳm tối tăm nhất của biển cả, như thể lạc giữa những bóng ma tàn nhẫn đến nỗi ánh đèn cũng không thể chiếu sáng. Chiếc xe dừng lại trước cổng và Horace ra khỏi xe. “Cậu có thể bảo cô ta rằng tôi không muốn chạy đến tìm cô ta để xin giúp đỡ,” anh nói. “Nhớ đấy!”

(6) Tên địa phương của cây hồng hoàng gia. Đó là loại cây thân gỗ cao 10-25 m, với các lá to, bản rộng 15-40 cm, mọc thành cặp đối xứng trên cành. Chúng ra hoa vào đầu mùa xuân, các chùm hoa dài 10-30cm, với tràng hoa hình ống màu tím.

(7) William Blackstone (1723 - 1780), luật gia người Anh, tác giả của cuốn sách nổi tiếng về luật pháp có tên Commentaries on the Laws of England. Nó đã trở thành một nguồn tài liệu tham khảo chuẩn mực cho các luật sư. Ở đây Horace đang công nhận lời nói của bà Jenny là chính xác.

Bông hoa cuối cùng như chiếc kèn đồng đã rơi xuống từ cây thiên đường ở góc sân nhà tù. Chúng nằm dày đặc, lầy nhầy dưới chân, hương thơm từ ngọt ngào tới nồng đậm thái quá, bây giờ là ban đêm, cái bóng tả tơi của những chiếc lá già xao động trên những chấn song cửa sổ, đập chồm lên xuống tiêu sơ. Cái cửa sổ nằm trong một căn phòng bình thường, bức tường sơn trắng đã bị dính bẩn bởi những bàn tay bẩn thỉu, những chữ viết cầu thả và những vết xước đủ loại, những cái tên, ngày tháng năm, những lời báng bổ và thơ con cóc tục tĩu viết bằng chì, ngón tay hay lưỡi dao. Đêm đêm, tên giết người da đen tựa vào bức tường, khuôn mặt của hắn ẩn hiện trong bóng của những chấn song sắt tối đen, trong sự xao động không ngừng nghỉ của lá cây, hòa giọng trong màn đồng ca của những kẻ đang ngồi dọc theo những chấn song bên dưới.

Đôi khi ban ngày, hắn cũng hát một mình, mặc kệ những người khách chậm chạp đi ngang qua, những đứa trẻ đầu đường xó chợ và những người thợ chữa ô tô bên kia đường. “Một ngày nữa thôi! Không có chỗ cho người trên thiên đường! Không có chỗ cho người dưới địa ngục! Không có chỗ cho người trong nhà tù của bọn da trắng! Thằng mọi đen, người sẽ đi đến nơi nào? Người sẽ đi đến nơi nào, thằng mọi đen?”

Mỗi buổi sáng, Isom mang về một bình sữa để Horace chuyển nó tới cho người phụ nữ tại khách sạn, dành cho đứa bé. Vào buổi chiều Chủ nhật, anh đến nhà cô em. Anh để người phụ nữ ngồi trên cái giường nhỏ trong phòng giam của Goodwin, đứa bé nằm trên lòng cô ta. Trước đây nó nằm im với vẻ say thuốc vô cảm, mí mắt khép lại thành hình lưỡi liềm mỏng, nhưng hôm nay thì thoảng nó khẽ co giật, rên rĩ.

Horace đi lên phòng của bà Jenny. Cô em không xuất hiện. “Ông ta không khai”, Horace nói. “Ông ta chỉ nói bọn họ sẽ phải chứng minh ông ta đã làm chuyện đó. Ông ta nói bọn họ chẳng có chứng cứ gì để buộc tội ông ta. Thậm chí ông ta không thèm nghĩ đến việc đóng tiền để tại ngoại, nếu có thể làm điều đó. Ông ta nói thà bị nhốt

trong tù. Cháu cho là như vậy. Chuyện làm ăn của ông ta ngoài đó đã chấm dứt rồi, ngay cả khi cảnh sát trưởng không tìm thấy những cái bình rượu và phá hủy...”

“Bình?”

“Bình chưng cất rượu của ông ta. Sau khi ông ta tự nộp mình, bọn họ lùng sục xung quanh cho đến khi tìm thấy bình chưng cất rượu. Bọn họ đã biết ông ta làm gì, nhưng lại chờ cho đến lúc ông ta ở thế cùng đường. Rồi tất cả sẽ nhảy bổ vào tấn công dữ dội. Những khách hàng thân thiết trước giờ vẫn mua rượu whiskey của Goodwin và uống hết chỗ rượu ông ta đã tặng không cho chúng, có thể còn từng cố làm tình với vợ ông ta sau lưng ông ta. Cô nên nghe những tin tức ở dưới phố. Sáng nay vị mục sư Tin lành đã lấy ông ta làm đề tài. Không chỉ với tư cách một kẻ giết người, mà còn với tư cách một gã đàn ông thông dâm, một kẻ làm ô uế không khí tự do của những người theo đạo Tin lành thuộc tỉnh Yoknapatawpha. Cháu suy ra rằng ý của ông ta là cả Goodwin và người phụ nữ nên bị thiêu cháy để làm tấm gương cho đứa bé đó, đứa bé được nuôi nấng và dạy tiếng Anh chỉ để biết rằng nó được sinh ra trong tội lỗi bởi hai con người phải chịu tội hỏa thiêu. Chúa Nhân Từ, có thể nào loài người, loài người văn minh, lại thật sự...”

“Bọn chúng chỉ là những tín đồ Tin lành thôi mà”, bà Jenny nói. “Còn vấn đề tiền bạc thì sao?”

“Ông ta có một ít, gần một trăm sáu mươi đô la. Nó được chôn trong một cái hộp thiếc ở chuồng gia súc. Bọn họ để ông ta đào nó lên. Chỗ này sẽ giúp cô ấy sống tạm, ông ta nói, cho đến lúc xong xuôi mọi chuyện. Rồi chúng tôi sẽ dọn đi. Chúng tôi dự tính chuyện đó từ trước rồi. Nếu tôi chịu nghe lời cô ấy thì lúc này chúng tôi đã đi khỏi đây rồi. Em là một người phụ nữ tốt, ông ta nói. Cô ta đang ngồi trên cái giường nhỏ bên cạnh ông ta, bế đứa bé, ông ta nâng cằm cô ta lên và khẽ lắc đầu cô ta.”

“May là Narcissa sẽ không có mặt trong bồi thẩm đoàn”, bà Jenny nói.

“Vâng. Nhưng gã ngốc đó thậm chí sẽ không để cháu đề cập tới chuyện kẻ giết người đã có mặt ở hiện trường. Ông ta nói: Bọn họ

không thể chứng minh tôi có tội. Trước đây tôi cũng từng lâm vào một vụ bê bối. Bất cứ ai biết về tôi cũng biết rằng tôi chưa từng làm đau một kẻ yếu đuối. Nhưng đó không phải là lý do khiến ông ta không muốn nhắc đến tên sát nhân kia. Ông ta cũng biết cháu nghĩ là không phải như thế. Tôi sẽ ở đây cho đến khi chuyện này qua đi. Tôi sẽ yên ổn hơn khi ở trong này, dù sao chẳng nữa, ra ngoài cũng chẳng làm được gì. Điều này sẽ bảo vệ cô ấy và cho đến khi anh được trả tiền, có lẽ mọi chuyện đã qua đi. Nhưng cháu biết ông ta đang nghĩ gì. Tôi đã không biết ông chỉ là một tên hèn nhát đấy, cháu nói. Anh cứ làm như tôi bảo, ông ta nói. Tôi sẽ yên ổn ở trong này. Nhưng ông ta không...” Anh ngồi chúi về đằng trước, chậm chậm xoa hai bàn tay. “Ông ta không nhận ra... Chết tiệt, cô nói điều gì cô muốn nói đi ngoại trừ việc có một sự sai lầm thậm chí xem như tội lỗi, kể cả là ngẫu nhiên, cô không thể mặc cả, buôn bán với sự đòi hỏi... Cô đã thấy Narcissa thế nào ngay khi nghe nói về chuyện đó, câu chuyện đã làm nó bất an và nghi ngại ra sao. Cháu nghĩ cháu đã tự ý trở lại đây, nhưng bây giờ cháu thấy... Cô có cho rằng nó nghĩ cháu đã mang người phụ nữ kia vào nhà lúc đêm hôm, hay một việc gì tương tự như thế không?”

“Lúc đầu cô cũng nghĩ như vậy”, bà Jenny nói. “Nhưng bây giờ cô cho là cô ta đã biết cháu sẽ làm việc tận lực vì bất cứ lý do gì mà cháu nghĩ ra, hơn là vì những việc mà ai đó đề nghị hoặc mua chuộc cháu.”

“Ý cô là, cô ấy để cháu nghĩ rằng họ không có đồng nào, trong khi cô ấy...”

“Tại sao không? Chẳng lẽ không phải cháu vẫn đang làm tốt dù không được trả đồng nào sao?”

Narcissa đi vào.

“Bọn ta vừa mới nói chuyện về vụ giết người và tội ác”, bà Jenny nói.

“Vậy thì cháu hy vọng hai người đã nói chuyện xong”, Narcissa nói. Cô ta không ngồi xuống.

“Narcissa cũng có nỗi khổ riêng”, bà Jenny nói. “Phải không, Narcissa?”

“Chuyện gì vậy?”, Horace nói. “Nó không bắt gặp Bory với hơi thở nồng nặc mùi rượu đấy chứ?”

“Nó bị người yêu bỏ rơi. Anh chàng nịnh đầm của nó đã đi mất và bỏ rơi nó.”

“Cô thật ngu ngốc”, Narcissa nói.

“Được rồi, được rồi”, bà Jenny nói, “Gowan Stevens đã ruồng bỏ nó. Cậu ta thậm chí còn không thèm quay lại từ vũ hội Oxford để nói lời chia tay. Cậu ta chỉ viết cho nó một bức thư”. Bà bắt đầu tìm kiếm xung quanh chỗ của mình trên chiếc xe lăn. “Và bây giờ ta ngần ngại mỗi khi cái chuông cửa rung lên, nghĩ rằng mẹ của cậu ta...”

“Cô Jenny”, Narcissa nói, “cô đưa bức thư cho cháu đi”.

“Đợi chút”, bà Jenny nói, “Nó đây rồi. Bây giờ, cháu nghĩ gì về một cuộc phẫu thuật nhẹ nhàng cho trái tim con người mà không có thuốc gây mê? Cô đang bắt đầu tin vào mọi chuyện mình đã nghe, về việc làm thế nào những người trẻ tuổi học hỏi tất cả sự đời để đi đến hôn nhân.”

Horace cầm lấy lá thư.

Narcissa yêu quý của anh!

Thư này không có tiêu đề. Anh ước rằng nó có thể không có ngày tháng. Nhưng nếu trái tim anh cũng trống rỗng như trang giấy này, nó sẽ chẳng cần thiết chút nào. Anh sẽ không gặp em nữa. Anh không thể viết ra lý do, vì anh đã trải qua một việc mà anh không thể đối mặt. Bây giờ anh chẳng có gì ngoài một vết thương sâu kín, anh chẳng làm tổn thương ai ngoài chính bản thân bởi sự điên rồ đại dột của mình và em sẽ không bao giờ biết được giới hạn của sự đại dột ấy. Chính vì hy vọng em không bao giờ biết được điều đó là lý do duy nhất khiến anh không gặp em nữa. Hãy nghĩ tốt về anh như em có thể. Anh ao ước mình có thể nói ra, nhưng nếu em nghe thấy chuyện điên rồ đại dột anh đã làm thì cũng đừng quên anh.

G.

Horace đọc bức thư ngắn viết trên một trang giấy. Anh cầm nó giữa hai bàn tay, im lặng một lúc.

“Chúa ơi”, Horace nói. “Có người đã nhảm cậ ta với một người đàn ông Mississippi trên sàn khiêu vũ.”

“Em nghĩ, nếu em là anh...”, Narcissa nói. Sau một thoáng, cô tiếp tục: “Chuyện này sẽ kéo dài bao lâu nữa, Horace?”.

“Không lâu hơn thời gian anh có thể giúp. Nếu em biết bất kỳ cách nào để anh có thể mang ông ta ra khỏi nhà tù vào ngày mai...”

“Chỉ có duy nhất một cách thôi”, cô ta nói. Cô ta nhìn anh một lúc rồi quay về hướng cái cửa. “Bory đi về hướng nào vậy? Bữa tối sắp xong rồi.” Cô ta đi ra ngoài.

“Cháu biết cách đó là gì”, bà Jenny nói. “Nếu cháu không có chút nghị lực nào.”

“Cháu sẽ biết cháu có nghị lực hay không khi cô bảo cho cháu cách kia là gì.”

“Quay trở lại với Belle”, bà Jenny nói. “Về nhà.”

* * *

Tên giết người da đen sẽ bị treo cổ vào một ngày thứ Bảy trong lặng lẽ, chôn cất mà không kèm theo nghi lễ: đêm trước hán vẫn còn ca hát bên cửa sổ và hét vang với bóng đêm của một ngày tháng Năm, đêm sau hán đã ra đi, để lại cái cửa sổ cho Goodwin. Goodwin sẽ bị giam giữ cho tới phiên tòa tháng Sáu, không được tại ngoại. Nhưng ông ta vẫn không chịu để Horace tiết lộ sự hiện diện của Popeye ở hiện trường vụ giết người.

“Tôi bảo anh rồi, họ không có chứng cứ để buộc tội tôi”, Goodwin nói.

“Làm thế nào ông biết họ không có?”, Horace nói.

“Ờ thì, bất kể họ nghĩ họ có chứng cứ gì để buộc tội tôi, tôi chấp nhận sự may rủi ở phiên tòa. Còn nếu tin đồn lan đến Memphis rằng tôi nói hán đã quanh quẩn ở hiện trường vụ án, anh nghĩ tôi có còn cơ hội quay trở lại xà lim này sau khi làm chứng không?”

“Ông có luật pháp, công lý, nền văn minh.”

“Đúng thế, nếu tôi dành phần đời còn lại của mình ngồi xổm trong cái góc đằng kia. Đến đây.” Ông ta dẫn Horace đến bên cửa sổ. “Khách sạn đằng kia có năm cửa sổ nhìn sang cửa sổ này. Và tôi

từng nhìn thấy hắn bật diêm bằng một cây súng lục cách đây hai mươi feet. Sao nào, mẹ kiếp, tôi sẽ không bao giờ quay trở lại chỗ này từ phòng xử án vào ngày tôi làm chứng.”

“Nhưng có một thứ được gọi là cản trở...”

“Cản trở cái khỉ gì. Hãy để họ chứng minh tôi đã làm chuyện đó. Tommy đã được tìm thấy trong chuồng gia súc, bị bắn từ sau lưng. Hãy để họ tìm cây súng lục. Tôi đã ở đó, chờ đợi. Tôi không bỏ trốn. Tôi có thể làm thế, nhưng không làm. Chính tôi đã thông báo cho cảnh sát trưởng. Dĩ nhiên, việc tôi có mặt ở đây một mình không tính cô ấy và Pap quả thực có vẻ không ổn. Nếu đó là một mẹo đánh lừa, lương tri không bảo anh là tôi có thể bịa đặt ra một cái khác tốt hơn ư?”

“Hiện tại ông không bị lương tri xét xử, Horace nói. “Hiện tại ông đang bị bồi thẩm đoàn xét xử.”

“Vậy thì hãy để họ tận dụng nó. Đó là tất cả những gì họ sẽ có được. Người đàn ông chết trong chuồng gia súc, chưa ai đụng đến, tôi, vợ tôi cùng đứa bé và Pap ở trong nhà, không có thứ gì trong nhà bị đụng đến, tôi chính là người đã thông báo cho cảnh sát trưởng. Không, không, tôi biết rằng thế này là tôi đang chạy theo may rủi, nhưng chỉ cần tiết lộ về thằng khốn đó, tôi sẽ không có cơ may nào. Tôi biết tôi sẽ nhận được gì.”

“Nhưng ông đã nghe thấy tiếng súng”, Horace nói. “Ông đã nói vậy.”

“Không”, ông ta nói, “không. Tôi không nghe thấy gì hết. Tôi không biết gì về chuyện đó... Cảm phiền anh chờ bên ngoài một phút trong khi tôi nói chuyện với Ruby được chứ?”.

Năm phút sau cô ta ra gặp Benbow. Anh nói:

“Trong chuyện này còn có điều gì đó mà tôi chưa được biết, cô và Lee không muốn kể cho tôi. Một điều gì đó ông ta đã cảnh báo cô không nên nói với tôi. Đúng không?” Cô ta đang bế đứa bé đi cạnh anh. Nó vẫn thỉnh thoảng rên rỉ, ngộ nguậy cơ thể mỏng manh trong từng cơn co giật thỉnh thoảng. Người phụ nữ có gắng vuốt ve, dỗ dành đứa bé, khe khẽ hát ru và đu đưa nó trong hai cánh tay. “Cô bế nó quá nhiều”, Horace nói, “có lẽ cô nên để nó ở lại khách sạn...”.

“Tôi đoán Lee biết phải làm gì”, cô ta nói.

“Nhưng luật sư nên biết tất cả sự thật, mọi thứ. Ông ta là người quyết định cái gì nên nói ra và cái gì không nên nói ra. Nếu không như vậy thì có luật sư để làm gì? Giống như là trả tiền cho một nha sĩ để chữa răng cho cô và rồi từ chối không cho anh ta nhìn vào trong miệng cô, cô không thấy thế sao? Cô sẽ không đối xử với một nha sĩ hay một bác sĩ theo cách này được.” Cô ta không nói gì, chỉ cúi xuống nhìn đứa bé. Nó đang rên rỉ khóc.

“Suyt”, cô ta nói, “suyt, im nào”.

“Và tệ hơn nữa, có một thứ được gọi là cản trở công lý. Giả sử ông ta thề là ở đây không có ai khác, giả sử ông ta sẽ được trắng án - một điều không chắc sẽ xảy ra - và một ai đó xuất hiện, người đã thấy Popeye quanh quẩn ở hiện trường, hoặc thấy xe của hắn rời đi. Rồi họ sẽ nói, nếu Lee không khai thật về một việc không quan trọng, tại sao chúng ta phải tin ông ta khi có thể ông ta sắp phải đi gặp cái giá treo cổ.”

Họ đã tới khách sạn. Anh mở cửa. Cô ta không nhìn anh. “Tôi cho rằng Lee biết điều gì là tốt nhất”, cô ta nói, bước vào trong. Đứa bé rên rỉ, những tiếng khóc thút thít yếu ớt, đau đớn. “Nín đi”, cô ta nói. “Sssssssssuyt.”

Isom phải đi đón Narcissa về từ một bữa tiệc, lúc chiếc xe dừng lại ở góc phố để đón anh thì đã khá muộn. Một vài ánh đèn đã sáng lên, đám đàn ông đang đổ về quảng trường sau bữa ăn tối, nhưng vẫn còn quá sớm để tên sát nhân da đen bắt đầu hát. “Hắn ta nên hát nhanh lên”, Horace nói. “Hắn ta chỉ còn hai ngày nữa.” Nhưng hắn vẫn chưa xuất hiện ở đó. Nhà tù quay mặt về hướng tây, ánh nắng màu đồng mờ nhạt cuối cùng phủ lên chấn song của cái cửa sổ bẩn thỉu và trên cái bóng nhỏ nhợt nhạt của một bàn tay, không có lấy một chút gió, một làn khói thuốc xanh xanh lơ lửng bay ra ngoài và rời rạc tan đi.

* * *

Đêm ấy Horace nhóm một ngọn lửa nhỏ trong lò sưởi. Trời không lạnh. Hiện anh chỉ sử dụng một phòng, ăn tại khách sạn, phần còn lại của căn nhà một lần nữa được khóa lại. Anh cố ngồi lại để đọc

sách, rồi chịu thua và cởi quần áo, đi vào giường, nhìn ngọn lửa lụi dần trong lò sưởi. Anh nghe đồng hồ của thị trấn điểm mười hai tiếng. “Khi nào chuyện này kết thúc, mình nghĩ mình sẽ đi châu Âu”, anh nói. “Mình cần thay đổi. Hoặc là mình, hoặc là Mississippi, một trong hai.”

Có thể một vài người trong bọn họ vẫn tụ tập bên những chấn song, vì đây sẽ là đêm cuối cùng của hắn, đáng người đậm với cái đầu bé nhỏ của hắn sẽ bám vào song sắt, giống như con khỉ đột, ca hát, trong khi bên trên cái bóng của hắn, bên trên ô cửa sổ, bóng cây thiên đường rậm rạp xao động buồn bã, bông hoa cuối cùng lúc này đã rụng xuống lẫn trong sự bắn thối lầy nhầy trên lối đi bộ. Horace lại trở mình trên giường. “Họ phải dọn dẹp cái đồng bắn thối nhếch nhác tòi tẹt trên lối đi bộ đó đi”, anh nói. “Khốn kiếp. Khốn kiếp. Khốn kiếp.”

Anh ngủ dậy muộn vào buổi sáng hôm sau và thấy ánh sáng ban ngày. Anh bị đánh thức khi ai đó gõ vào cánh cửa. Lúc đó là sáu rưỡi. Anh đi đến cánh cửa. Tên bồi phòng da đen của khách sạn đang đứng đấy.

“Gì thế?”, Horace hỏi. “Có phải là bà Goodwin?”

“Bà ấy bảo tôi nhắc ông đến đó khi ông thức dậy”, tên da đen nói.

“Bảo bà ấy tôi sẽ có mặt trong mười phút nữa.”

Lúc đi vào khách sạn, anh vượt qua một người đàn ông trẻ tuổi xách một cái túi đen nhỏ, kiểu túi mà mấy tay bác sĩ hay mang. Horace tiếp tục đi. Người phụ nữ đứng ngay chỗ cánh cửa đang mở ra một nửa, nhìn xuống sảnh khách sạn.

“Cuối cùng tôi đã kiếm được một bác sĩ”, cô ta nói. “Tuy nhiên, dù sao chẳng nữa tôi muốn...” Đứa bé nằm trên giường, hai mắt nó nhắm nghiền, ửng đỏ và đầm mồ hôi, hai bàn tay nắm lại bên trên đầu trong tư thế bị đóng đinh, thở những hơi ngắn, hỗn hển. “Nó ốm cả đêm hôm qua. Tôi đã đi mua thuốc và cố gắng dỗ nó yên lặng cho đến sáng. Cuối cùng tôi đã tìm được bác sĩ.” Cô ta đứng bên giường, nhìn xuống đứa bé. “Đã có một người phụ nữ ở đấy”, cô ta nói. “Một cô gái trẻ.”

“Một...”, Horace nói. “Ồ. Tốt hơn cô nên kể cho tôi về chuyện đó.”

Popeye phóng nhanh nhưng không có vẻ hấp tấp hoặc trốn chạy trên con đường đất sét và sau đó là đoạn đường cát. Temple ngồi bên cạnh hắn ta. Mũ của cô bị ép chặt ra phía sau đầu, tóc bung ra rối tung từ vành mũ nhàu nhĩ. Mặt cô giống như của một kẻ mộng du khi cô mềm oặt lắc lư theo sự tròng trành của chiếc xe. Cô lão đảo chúi vào Popeye, nâng bàn tay mềm rũ lên theo phản xạ. Không buông tay lái, hắn dùng cùi chỏ huých cô. “Ngồi cho chắc vào”, hắn nói. “Mau lên.”

Trước khi đến chỗ cái cây, họ băng qua người phụ nữ. Cô ta đứng cạnh con đường, bế đứa bé, tà váy cuộn ngược phủ lên mặt nó, cô ta câm lặng nhìn họ từ dưới cái mũ vải cột dây ở cằm đã bạc màu, thoáng hiện ra trong tầm mắt Temple rồi trôi đi mà không có một cử chỉ, biểu hiện nào.

Khi bọn họ đến chỗ cái cây, Popeye lạng nhanh xe ra khỏi con đường, lái nó đâm vào trong tầng cây thấp, xuyên qua những ngọn cây nghiêng ngã và quay trở lại con đường, những thân lau xô dạt liên tục như loạt đạn súng trường dọc theo rãnh nước, không hề giảm tốc độ dù chỉ một chút. Cạnh cái cây, chiếc xe của Gowan nằm lật nghiêng một bên. Temple lơ đãng và ngơ ngẩn nhìn nó khi nó đã lùi lại đằng sau.

Popeye quay lại con đường cát lún. Vẫn chưa có vẻ trốn chạy trong hành động: hắn thực hiện chuyện đó với vẻ nóng nảy dữ dội, vậy thôi. Đó là một chiếc xe rất khỏe. Ngay cả trong cát nó vẫn giữ được tốc độ bốn mươi dặm một giờ và phóng qua cái rãnh hẹp vào con đường cái, tại đây hắn quay về hướng bắc. Ngồi bên hắn, chống lại những cú xóc, Temple thờ ơ nhìn chằm chằm trước mặt như thể con đường cô từng đi hôm qua bắt đầu lao vụt về đằng sau dưới những bánh xe như một ống chỉ, cảm thấy máu ri rỉ chảy ra từ bộ phận sinh dục. Cô ngồi mềm rũ trên chiếc ghế, ngắm mặt đất vun vút giạt lùi lại - rừng thông trong khung cảnh rộng mở loáng thoáng điểm những cây sơn thù du tàn úa, cây lách, những cánh đồng bông xanh tươi mơn mớn và thanh tịnh, như thể Chủ nhật là một đặc tính

của bầu khí quyền, ánh sáng và bóng tối - cô khép hai chân vào nhau, lắng nghe từng giọt máu ấm nóng rỉ rả chảy ra, ngờ nghệch nói với chính mình, mình vẫn còn đang chảy máu. Mình vẫn còn đang chảy máu.

Đó là một ngày êm đềm, rực rỡ, một buổi sớm mai tươi mát tràn ngập thứ ánh sáng dịu dịu, huy hoàng đến khó tin của tháng Năm, nhưng hứa hẹn một buổi trưa nóng nực, với những đám mây rất lớn trên cao như những viên kem được đánh lên, bồng bênh trôi như bóng phản chiếu trong một tấm gương, bóng của chúng bình thản phủ rợp mặt đường. Đã qua một mùa xuân thơm mùi oải hương. Những cây ăn quả đâm chồi nảy lộc, khi những đóa hoa nở rộ, chúng chưa bao giờ đạt được sắc trắng rực rỡ đó hồi mùa xuân vừa rồi, cây sơn thù du cũng đã nở đầy hoa đằng sau những chiếc lá màu xanh èo uột trước khi cứng cáp dần lên. Nhưng tử đinh hương đậu tía và hồng lộc, thậm chí những cây thiên đường tiểu tụy, chưa bao giờ tốt tươi như vậy, rực rỡ, với hương thơm mãnh liệt bay xa hàng trăm thước trong không gian vô định suốt tháng Tư và tháng Năm. Những bông hoa giấy ở hàng hiên sẽ to như những trái bóng rổ và nhẹ nhàng lơ lửng như những trái bong bóng. Thần thờ nhìn sang bên vệ đường đang vun vút lao qua, Temple bắt đầu hét lên.

Ban đầu là một tiếng kêu the thé, cao vút, bị bàn tay Popeye chặn lại đột ngột. Hai bàn tay đặt trên lòng, ngồi thẳng đứng, cô hét lên, nếm mùi vị hăng hắc từ những ngón tay hấn trong khi chiếc xe xoay ken két trên mặt đất rải sỏi, cô cảm thấy dòng máu ở chỗ kín của mình. Rồi hấn tóm chặt gáy cô và cô ngồi bất động, miệng há hốc như một cái hang nhỏ trống rỗng. Hấn lắc đầu cô.

“Câm mồm”, hấn nói, “im đi”, hấn giữ cô im lặng. “Nhìn lại bản thân đi. Đây này.” Hấn dùng tay kia xoay nhanh cái gương trên kính chắn gió và cô nhìn thấy chính mình, cái mũ lật ngửa, mớ tóc rối và cái miệng há hốc. Cô bắt đầu lóng ngóng lần mò mấy cái túi áo khoác, nhìn vào bóng phản chiếu của mình. Hấn buông cô ra và cô lấy một hộp phấn nhỏ, mở nắp và nhìn sẫm soi vào gương, khóc thút thít một lúc. Cô đánh phấn, tô son và sửa cái mũ ngay ngắn lại, thút thít với cái gương nhỏ xíu trên lòng trong khi Popeye quan sát

cô. Hấn chầm một điều thuốc. “Cô không thấy xấu hổ với chính mình sao?”, hấn nói.

“Vẫn còn chảy máu”, cô thút thít. “Tôi có thể cảm thấy nó.” Với cây son môi giơ lên lơ lửng, cô nhìn hấn và lại mở miệng. Hấn tóm chặt gáy cô.

“Ngừng lại ngay. Cô sẽ im miệng chứ?”

“Vâng”, cô rên rỉ.

“Vậy thì hãy xem cô làm thế nào. Nào. Ngồi yên đi.”

Cô cất hộp phấn. Hấn lại khởi động chiếc xe.

Con đường bắt đầu đông dân với những chiếc xe du lịch vào ngày Chủ nhật - những chiếc Ford và Chevrolet nhỏ bé bám đầy đất sét, thỉnh thoảng một chiếc xe to hơn phóng qua với những phụ nữ quần khăn kín mít và những giỏ mây bám bụi, những xe tải đầy những người dân quê chất phác trong những bộ quần áo giống nhau, thỉnh thoảng lại có một chiếc xe ngựa chở hàng hay một cỗ xe độc mã. Khu rừng nhỏ trước một nhà thờ gỗ bị biến dạng trên một ngọn đồi chật kín những cỗ xe, những chiếc ô tô và xe tải méo mó. Cây rừng nhường chỗ cho những cánh đồng, căn nhà xuất hiện nhiều hơn. Ngay bên trên đường chân trời, bên trên những nóc nhà và một, hai chóp tháp hình nón vút cao, làn khói treo lơ lửng. Con đường trải sỏi trở thành đường trải nhựa và họ đi vào Dumfries.

Temple bắt đầu nhìn xung quanh, giống như một người vừa tỉnh ngủ. “Không phải đây!”, cô nói. “Tôi không thể...”

“Im ngay đi”, Popeye nói.

“Tôi không thể... Có lẽ tôi...”, cô rên rỉ. “Tôi đói”, cô nói. “Tôi chưa ăn gì kể từ...”

“Ồi dào! Cô không đói. Hãy chờ cho đến khi chúng ta đến thị trấn.”

Cô nhìn xung quanh với đôi mắt đờ đẫn. “Có thể có người ở đây...” Hấn quặt tay lái về hướng trạm xăng. “Tôi không thể ra ngoài”, cô rên rỉ. “Nó vẫn còn chảy máu.”

“Ai bảo cô ra ngoài!” Hấn xuống xe và nhìn cô. “Đừng đi đâu.” Cô quan sát hấn đi lên con đường và bước vào một cánh cửa. Đó là

một cửa hàng bánh kẹo bản thủ. Hắn mua một bao thuốc lá và gắn một điều lên mồm. “Cho tôi vài thỏi kẹo”, hắn nói.

“Loại gì?”

“Kẹo”, hắn nói. Bên dưới cái chuông thủy tinh trên quầy tính tiền là một chiếc đĩa bày bánh mì kẹp thịt. Hắn lấy một cái và búng nhẹ tờ một đô la lên quầy tính tiền rồi quay người về hướng cửa.

“Tiền thừa của anh đây”, người bán hàng nói.

“Cứ giữ nó”, hắn nói. “Ông sẽ giàu nhanh hơn đấy.”

Khi hắn nhìn thấy chiếc xe, nó trống không. Hắn dừng lại cách đó mười feet và đổi cái bánh mì kẹp thịt qua bàn tay trái, điều thuốc lá chưa châm nghiêng xuống dưới cằm. Người thợ máy đang treo cái ống, nhìn thấy hắn và hất ngón tay cái về một góc tòa nhà.

Nơi góc tường đó có một cái hốc. Trong hốc là một cái thùng vấy mỡ một nửa đựng toàn những mảnh kim loại và cao su. Temple nấp ở giữa cái thùng và bức tường. “Anh ta suýt trông thấy tôi!”, cô rên rỉ. “Anh ta gần như nhìn thẳng vào tôi!”

“Ai?”, Popeye hỏi. Hắn nhìn ngược lên con đường. “Ai đã nhìn thấy cô?”

“Anh ta lúc ấy đang đi thẳng về phía tôi! Một tên con trai. Ở trường. Anh ta đang nhìn thẳng về phía...”

“Thôi nào. Đi ra khỏi chỗ đó đi.”

“Anh ta nhìn...” Popeye nắm lấy cánh tay cô. Cô nấp trong góc, giằng cánh tay bị hắn giữ ra, khuôn mặt tái mét ngẩng lên nhìn quanh.

“Đi thôi.” Thế rồi bàn tay hắn đã túm chặt gáy cô.

“Ồi chao”, cô gái rên rỉ nghẹn ngào. Hắn đang chậm chậm nhắc cô đứng thẳng lên chỉ bằng bàn tay đó. Trừ chuyện đó ra, không có hành động nào khác giữa hai người. Đứng cạnh nhau, hầu như cùng chiều cao, họ có vẻ lịch thiệp giống như hai người quen chào nhau trước khi đi vào nhà thờ.

“Cô có đi không?”, hắn nói. “Hả?”

“Tôi không thể. Bây giờ nó xuống đến tận tất của tôi rồi. Nhìn đây.” Cô nhấc váy lên trong một điệu bộ co rúm, rồi thả váy xuống và lại đứng lên, thân hình cô ngả ra phía sau, cái miệng im lặng hé mở khi hấn túm chặt lấy cô. Hấn buông cô ra.

“Bây giờ cô sẽ đi chứ?”

Cô bước ra từ đằng sau cái thùng. Hấn nắm cánh tay cô.

“Nó dính đầy phía sau áo khoác của tôi”, cô thút thít. “Nhìn đi rồi thấy.”

“Cô sẽ ổn thôi. Ngày mai tôi sẽ kiếm cho cô một cái áo khoác khác. Đi nào.”

Họ quay về chỗ cái xe. Đến góc phố, cô chùn lại lần nữa. “Cô muốn bị tôi túm cổ nữa hả, cô muốn chứ?” Hấn thì thầm, không chạm vào cô. “Cô muốn chứ?” Cô tiếp tục đi và im lặng chui vào trong xe. Hấn cầm lấy tay lái. “Đây, tôi mua cho cô một cái bánh mì kẹp thịt.” Hấn lấy nó ra từ trong túi và đặt vào tay cô. “Nào. Ăn đi.” Cô ngoan ngoãn cắn một miếng. Hấn nở mày và chọn đường đi Memphis. Một lần nữa, miếng bánh mì kẹp thịt ăn dở trong tay, cô ngừng nhai và há hốc miệng với vẻ tuyệt vọng của một đứa trẻ, một lần nữa bàn tay hấn rời khỏi tay lái và túm chặt lấy gáy cô, cô ngồi bất động, nhìn thẳng vào hấn, miệng mở ra và phân nửa mớ thức ăn đã nhai gặm bánh mì và thịt nằm trên lưỡi cô.

Họ tới Memphis vào giữa buổi chiều. Ở chân con dốc dưới đường Main, Popeye rẽ vào một con đường hẹp chạy giữa những ngôi nhà gỗ ám khói với dãy hành lang làm bằng gỗ, một khoảng đất nhỏ phía sau để trống, không có cỏ, thỉnh thoảng một cái cây trơ trọi tiều tụy tang thương - những nhánh mộc lan cằn cỗi bị tỉa xén, một cây đu còi cọc hoặc một cây bồ kết ba gai nở những bông hoa xam xám, nhợt nhạt - nằm rải rác ở phía sau ga ra, một đồng phế liệu trong một mảnh đất trống, một cánh cửa thấp xuất hiện lập lòe đáng nghi ngờ nơi một cái quầy tính tiền phủ vải dầu, một dãy ghế dài, một bình cà phê bằng kim loại và một người đàn ông mập ú trong cái tạp dề bẩn thỉu với một cây tăm trong miệng. Từ con dốc, bên kia dãy nhà cao tầng chĩa thẳng lên bầu trời ngập nắng, vọng đến tiếng xe cộ đi lại - tiếng còi ô tô, xe chở hàng - băng qua dòng sông gió nhẹ;

ở phía cuối con đường, một chiếc xe chở hàng hiện ra trong khoảng trống nhỏ hẹp như ma thuật và biến mất với một tiếng lách cách lạ lùng. Trên ban công tầng hai, một cô gái da đen mặc đồ lót ủ rũ hút thuốc, hai cánh tay cô ta đặt trên lan can.

Popeye lái xe đến trước một trong những căn nhà ba tầng bẩn thỉu, cửa vào của nó bị che khuất bởi một phòng nhỏ có rèm cửa xám xỉn có phần hơi méo mó. Trên bãi cỏ đầy bụi trước căn nhà, hai con chó nhỏ màu trắng, lông mịn như len, được buộc ruy băng quanh cổ, một con đeo màu hồng, con kia màu xanh, chạy lòng vòng có vẻ uể oải trông phát ghét. Trong ánh nắng, lông chúng trông như được cọ rửa bằng xăng.

Sau này Temple có thể nghe thấy chúng ở bên ngoài cửa phòng cô, rên ư ử và cào cào, hoặc nặng nề lao vào bên trong khi cô hầu gái da đen mở cửa, leo lên và nằm ườn trên giường hoặc trong lòng cô Reba với những tiếng khò khè, tự mãn và thè lưỡi theo cái cốc vại kim loại mà cô ta vung vẩy trong một bàn tay đeo nhẫn lúc nói chuyện.

“Bất kỳ ai ở Memphis cũng có thể nói cho em biết Reba Rivers là ai. Hỏi bất kỳ tên đàn ông nào trên đường phố, cảnh sát hay thường dân. Vài người thuộc đám tai to mặt lớn nhất ở Memphis từng có mặt tại đây, trong căn nhà này, những giám đốc ngân hàng, luật sư, bác sĩ - tất cả bọn họ. Từng có hai sếp cảnh sát uống bia trong phòng ăn của chị và bản thân ủy viên hội đồng cũng từng lên lầu với một trong những cô gái của chị. Bọn họ say xỉn, mở cửa phòng ông ta và thấy ông ta cởi truồng tồ hô, đang nhảy nhót theo điệu múa cổ truyền sôi nổi của Scotland. Một người đàn ông năm mươi tuổi, cao bảy feet, với cái đầu giống như một hạt đậu phộng. Ông ta là một người tốt. Ông ta biết chị. Tất cả bọn họ đều biết Reba Rivers. Bọn họ tiêu tiền ở đây như nước, bọn họ có tiền mà. Bọn họ biết chị. Chị chưa từng phản bội, qua mặt bất cứ ai bao giờ, cưng à.” Cô ta uống bia, thở một nhọc vào trong cái cốc vại kim loại, bàn tay kia, đeo những hạt kim cương màu vàng to như viên sỏi, chìm khuất giữa cặp vú căng phồng.

Hầu như ngay khi bước vào nhà, cô ta bắt đầu kể cho Temple về căn bệnh hen suyễn của cô ta, một nhọc leo lên cầu thang trước

mặt họ, gieo từng bước chân nặng nề trong đôi dép đi trong nhà, một chuỗi tràng hạt bằng gỗ trong một bàn tay và cái cốc vại trong bàn tay kia. Cô ta vừa từ nhà thờ về, mặc áo dài lụa đen và đội cái mũ cài đầy hoa dại, nửa dưới của cái cốc vại vẫn còn ẩm hơi nước với thứ thức uống lạnh bên trong. Cô ta nặng nề nhấc lần lượt hai bắp đùi to tướng lên, hai con chó quẩn quýt dưới chân, cô ta nói đều đều bằng cái giọng khàn khàn, hỏn hển, như một bà mẹ.

“Popeye biết nên mang em tới bất cứ chỗ nào khác ngoài nhà chị. Chị đã theo sau cậu ta bao nhiêu năm để rồi nhận lại một cô gái, hả cưng? Chị muốn nói, một gã trai trẻ không thể sống mà không có một cô gái...”

Thở hỏn hển, cô ta bắt đầu chửi rửa mấy con chó dưới chân, dừng lại để đạp chúng qua một bên. “Trở xuống dưới kia”, cô ta nói, lắc lắc chuỗi hạt về phía chúng. Chúng gầm gừ với cô ta bằng giọng hần học the thé, nhe răng ra, cô ta tựa vào tường trong mùi bia thoang thoảng, tay đặt lên ngực, miệng mở ra, đôi mắt trũng trũng với vẻ kinh hoàng buồn bã như đang nghẹt thở, cái cốc vại bằng kim loại to bè phản chiếu ánh sáng mờ dịu yếu ớt giống như bạc xỉn ánh lên trong bóng tối ảm đạm.

Khoảng cầu thang nhỏ hẹp cuộn ngược lên trên. Ánh sáng xuyên qua một cánh cửa che rèm dày ở mặt tiền và ô cửa sổ lắp cửa chớp cuối mỗi chiều nghỉ, có một vẻ yếu ớt. Một vẻ mệt mỏi, không tồn tại, kiệt sức - một sự mệt mỏi kéo dài giống như sự tù túng hư hoại thiếu ánh sáng mặt trời. Có mùi khắm mốc của thứ thức ăn không bình thường, mùi rượu phảng phất, và Temple, thậm chí ngay cả khi ngu ngơ, dường như cũng bị bao vây bởi một trạng thái hỗn độn mơ hồ của không khí chung chạ xác thịt đường mật, những tiếng thì thầm kín đáo vượt ra ngoài giới hạn từng cánh cửa câm lặng mà họ đi ngang qua. Ở đằng sau, quanh chân cô và Reba, hai con chó cào bới sùi bọt mép trong thứ ánh sáng yếu ớt, móng vuốt của chúng cào lít kít trên những vạch kim loại dùng để phân giới hạn giữa nền thảm đến cầu thang.

Sau đó, nằm trên giường, một cái khăn tắm quăn quanh thắt lưng, cô có thể nghe tiếng lũ chó khụt khịt đánh hơi và rên ư ử bên ngoài cánh cửa. Áo khoác và mũ của cô treo trên những cây đinh trên

cánh cửa, quần áo và tất xếp trên một cái ghế, dường như cô có thể nghe tiếng nước tong tổng nhịp nhàng của cái ván giặt ở đâu đó và cô lại quăng mình vào sự đau đớn của cả thể xác lẫn tinh thần cho hành động che giấu như cô đã làm khi bị bọn họ cởi quần lót của cô ra.

“Này, này”, cô Reba nói. “Bản thân chị từng ra máu bốn ngày. Không có gì đâu. Bác sĩ Quinn sẽ ngừng nó lại trong hai phút, Minnie sẽ giặt ủi tất cả và em sẽ không bao giờ nhận biết được nó nữa. Thứ máu đó sẽ đáng giá một ngàn đô la với em, cưng ạ.” Cô ta nâng cái cốc vaj kim loại lên, những cánh hoa sắp tàn trên mũ cô ta cứng ngắc, gục gặc như ma quỷ của địa ngục. “Những đứa con gái tội nghiệp chúng ta”, cô ta nói. Bóng đêm uể oải phá tan không gian tươi sáng, thổi vào trong căn phòng từng đợt sóng tàn tạ âm thanh của sự tấp nập ngày lễ hội Sabbath, đều đặn và phù du. Temple nằm bất động trên giường, hai chân cô khép lại, tấm chăn đắp lên tận cằm và khuôn mặt nhỏ bé xanh xao của cô được viền bởi đám tóc dày hỗn loạn. Cô Reba hạ thấp cái cốc vaj, thở hỗn hển. Bằng chất giọng khàn khàn, yếu ớt, cô ta bắt đầu nói cho Temple biết cô đã may mắn như thế nào.

“Mọi cô gái trong vùng đều từng cố thử để mong có được cậu ta, cưng à. Từng có một phụ nữ nhỏ bé đã có gia đình thỉnh thoảng trốn xuống đây, đề nghị tặng Minnie hai mươi lăm đô la chỉ để đưa được cậu ta vào phòng, tất cả chỉ có vậy. Nhưng em đừng nghĩ cậu ta muốn nhìn mặt một đứa trong bọn chúng. Bọn con gái nhận được một trăm đô la một đêm. Chắc chắn là không. Cậu ta tiêu tiền như nước, nhưng em nghĩ cậu ta có thèm nhìn một đứa trong bọn chúng ngoại trừ để khiêu vũ với ả? Chị luôn luôn biết cậu ta sẽ không chịu chọn một đứa nào trong mấy con điểm bình dân ở đây đâu. Chị thường nói với chúng, đứa nào trong bọn mày mà có được cậu ta sẽ được đeo kim cương, nhưng sẽ không phải một trong mấy con điểm bình dân tụi mày và bây giờ Minnie sẽ giặt ủi chỗ quần áo đó cho đến khi em không còn nhận ra nó.”

“Em không thể mặc lại nó”, Temple thì thầm. “Em không thể.”

“Em sẽ không phải mặc chúng nữa, nếu em không muốn. Em có thể đưa chúng cho Minnie, mặc dù chị không biết cô ta sẽ làm gì với

chúng ngoại trừ...” Bên cạnh cửa, lũ chó bắt đầu rên rĩ to hơn. Tiếng chân đến gần. Cánh cửa mở ra. Cô hầu gái da đen bước vào, mang theo cái khay, trên đó có chai bia một lít của Anh và một ly rượu gin, mấy con chó nhảy chồm lên quanh chân cô ta. “Ngày mai mấy cửa tiệm sẽ mở cửa và chị em mình sẽ đi mua sắm, cậu ta đã bảo chúng ta làm vậy. Như chị đã nói, đưa con gái có được cậu ta sẽ đeo đầy kim cương, em sẽ thấy nếu chị không...” Cô ta xoay người, to lớn đầy đà, cái cốc vại được nhắc lên, cùng lúc hai con chó leo lên trên giường và sau đó leo vào lòng cô ta, hần học táp lẫn nhau. Từ những cái mặt cong gãy dị hình của chúng, những con mắt hình hạt cườm trũng trũng nhìn với vẻ hung tợn cấu kính, mồm chúng há hốc đỏ hồng với những cái răng nhọn như mũi kim. “Reba!”, cô Reba nói, “xuống ngay! Mày, Binford!”, vứt hai con chó xuống, rằng chúng ngoạm vào hai bàn tay cô ta. “Mày vừa cắn tao, mày... Cô đã lấy cho... Em tên gì? Chị không nhớ rõ lắm.”

“Temple”, Temple thì thầm.

“Ý chị là tên của em kìa. Chúng ta không chịu được mấy vụ khách sáo ở đây.”

“Nó là vậy mà. Temple. Temple Drake.”

“Em có một cái tên con trai, đúng không?... Đã giặt đồ của cô Temple rồi chứ, Minnie?”

“Vâng, thưa cô”, cô hầu gái đáp. “Bây giờ chúng đang được phơi sau lò sưởi.” Cô ta bê cái khay đến, thận trọng hất mạnh lũ chó qua một bên khi chúng ngoạm vào mắt cá chân cô.

“Cô có giặt chúng sạch sẽ đằng hoàng không?”

“Tôi đã rất mất thời gian với chúng”, Minnie nói. “Có vẻ như đó là thứ máu khó...” Với một động tác cơ giật, Temple ngã phịch xuống, vùi đầu dưới tấm chăn. Cô cảm thấy bàn tay của cô Reba.

“Nào, nào. Nào, nào. Đây, uống thức uống của em đi. Cái này chị mời. Chị sẽ không để cho bất kỳ cô gái nào của Popeye...”

“Em không muốn nữa”, Temple nói.

“Nào, nào”, cô Reba nói. “Uống đi và em sẽ cảm thấy khá hơn.” Cô ta nâng đầu Temple lên. Temple giữ chặt tấm chăn lên tận cổ. Cô

Reba đưa cái ly đến môi cô gái. Cô nuốt nó, lại quần quai ngã vật xuống mấy tấm chăn. “Chị cá rằng em đã làm cho cái chăn đó bị lệch rồi”, cô Reba nói, đặt bàn tay lên mấy tấm chăn.

“Không”, Temple thì thào. “Nó ổn mà. Nó vẫn nằm đó.” Cô co ro, cúm rúm, người ta có thể nhìn thấy sự khép nép của hai chân cô dưới mấy tấm chăn.

“Cô mời bác sĩ Quinn rồi chứ, Minnie?”, cô Reba hỏi.

“Vâng, thưa cô.” Minnie đang rót bia từ cái chai vào cái cốc vại, một lớp hơi nước mờ đục tăng theo mức bia bên trong lớp kim loại. “Ông ta nói ông ta không nhận những cuộc gọi chiều Chủ nhật.”

“Cô có bảo ông ta là ai cần ông ta không? Cô đã bảo ông ta là cô Reba cần ông ta chứ?”

“Vâng, thưa cô. Ông ta nói ông ta không...”

“Cô hãy quay lại và bảo thằng cha khốn nạn đó... Bảo hắn là ta sẽ... Không, chờ chút.” Cô ta nặng nề đứng lên. “Nếu mà còn gửi lại cho ta một lời nhắn như thế nữa, ông ta có thể vào tù trên ba lần.” Cô ta lạch bạch đi về phía cửa, mấy con chó xúm lại quanh đôi dép nỉ. Người hầu gái theo sau và đóng cửa. Temple có thể nghe tiếng cô Reba chửi rủa lũ chó khi cô ta đi xuống những bậc thang với dáng vẻ cực kỳ chậm chạp. Những âm thanh tắt dần.

Bóng tối dần dần ứa vào qua cửa sổ, với những tiếng xào xạc mờ mờ. Temple bắt đầu nghe thấy tiếng một cái đồng hồ. Nó được đặt trên một cái vĩ sắt lót đầy giấy màu xanh có đường rãnh chỗ mặt lò sưởi. Đồng hồ bằng sứ chạm đầy hoa, được bốn nàng tiên bằng sứ nâng đỡ. Nó chỉ có một kim, mạ vàng, nằm ở khoảng giữa số mười và số mười một, khiến cho mặt trống bên kia có vẻ như nó chẳng liên quan gì đến thời gian.

Temple nhồm dậy khỏi giường. Giữ mảnh khăn tắm quanh người, cô rón rén đi về hướng cửa, hai tai tinh nhạy, đôi mắt hơi mờ đi vì căng thẳng, lắng nghe. Trời đã chạng vạng, qua một tấm gương mờ, một cái khung hình chữ nhật trong suốt của cảnh chiều tà nhá nhem, cô thoáng thấy mình như một con ma mảnh khảnh, một hình bóng nhợt nhạt di chuyển trong sự sâu thẳm vô cùng của bóng tối. Cô tới chỗ cánh cửa. Ngay lập tức cô bắt đầu nghe được hàng trăm âm

thanh tương phản trong một mối đe dọa hội tụ đơn lẻ và cô cào cấu cuồng nộ vào cánh cửa cho đến khi tìm thấy cái chốt, thả rơi khăn tắm để tìm cách về nhà. Rồi cô nhặt cái khăn tắm lên, ngoảnh mặt đi, chạy ngược lại và nhảy vào trong giường, kéo mấy tấm chăn đắp lên tận cằm và nằm đó, lắng nghe tiếng thì thầm bí ẩn từ dòng máu của mình.

Bọn họ gõ vào cánh cửa vài lần. “Là bác sĩ mà”, tiếng cô Reba hỗn hển khàn khàn. “Mau lên, nào. Hãy là một cô gái ngoan.”

“Em không thể”, Temple nói, giọng yếu ớt và lí nhí. “Em đang ngủ.”

“Mau lên, nào. Ông ấy muốn chữa cho em.” Cô ta thở hỗn hển, khàn khàn. “Lạy Chúa tôi, giá mà chị lại thở được bình thường. Chị đã không có một hơi thở bình thường kể từ...” Thấp hơn, bên ngoài cánh cửa, Temple có thể nghe thấy tiếng mấy con chó. “Cưng à.”

Cô gái đứng dậy khỏi giường, giữ cái khăn tắm quanh người. Cô đi đến cánh cửa, nín lặng.

“Nào”, cô Reba gọi.

“Đợi đã”, Temple nói. “Hãy để em quay trở lại giường trước đã. Hãy để em...”

“Một cô gái ngoan đấy”, cô Reba nói. “Tôi biết cô bé sẽ ngoan mà.”

“Đếm đến mười đi, nào”, Temple nói. “Chị sẽ đếm tới mười chứ, ngay bây giờ?”, cô nói vọng ra ngoài cánh cửa gỗ. Cô kéo tuột cái chốt cửa, không gây tiếng động, sau đó xoay người và nhanh chóng trở lại giường, tiếng lệt bệt từ đôi bàn chân trần của cô giảm dần.

Vị bác sĩ là một người đàn ông mập mạp với mái tóc mỏng, quăn. Ông ta đeo mắt kính gọng sừng loại không làm mắt thay đổi như thể chúng là kính trắng để đeo cho lịch thiệp. “Bắt họ đi ra ngoài đi”, cô thì thầm.

“Nào, nào”, cô Reba nói, “ông ta sẽ chữa cho em mà”.

Temple bám chặt lấy mấy tấm chăn.

“Giá mà quý cô nhỏ bé để cho...”, bác sĩ nói. Tóc ông ta xòa xuống trán. Khóe miệng bĩu xuống, môi dày và ướt đỏ. Sau đôi tròng

kính, hai mắt ông ta nhìn giống hai bánh xe đạp nhỏ đang quay với tốc độ chóng mặt, một màu nâu lục nhạt. Ông ta chìa ra bàn tay mập, trắng, đeo một chiếc nhẫn của Hội Tam Điểm, phủ đầy lông tơ màu hung đỏ đến tận khớp xương của đốt ngón tay thứ hai. Khí lạnh phả xuống thân thể cô, bên dưới hai bắp đùi; hai mắt cô nhắm nghiền. Nằm thẳng lưng, hai chân khép lại, cô bắt đầu khóc, tuyệt vọng và thụ động, như một đứa trẻ trong phòng đợi của nha sĩ.

“Nào, nào”, cô Reba nói, “uống thêm một ngụm gin đi, cưng. Nó sẽ khiến em cảm thấy khỏe hơn”.

* * *

Tám mảnh xếp chỗ cửa sổ thi thoảng mở tung ra với tiếng kẽo kẹt khe khẽ khi đập vào khung cửa, để ánh sáng buổi chiều tràn vào dâng đầy căn phòng. Qua tám mảnh, hoàng hôn màu khói hiện ra qua một làn gió nhẹ nhàng như khói, ngập đầy căn phòng. Những bức tượng bằng sứ làm bệ đỡ cho cái đồng hồ tỏa sáng yếu ớt trong sự im lặng uốn lượn nhịp nhàng uyển chuyển: đầu gối, khuỷu tay, sườn, cánh tay và ngực trong những tư thế uể oải kêu gọi. Mặt thủy tinh trở nên giống như gương soi, có vẻ giữ lấy tất cả thứ ánh sáng miễn cưỡng, giữ trong cái chiều sâu lặng lẽ của chính nó một tín hiệu tĩnh lặng của thời gian đang hấp hối. Mười rưỡi. Temple nằm trên giường, nhìn vào cái đồng hồ, nghĩ về mười-giờ-rưỡi.

Cô mặc một cái áo dài quá khổ bằng nhiều màu anh đào. Mái tóc đen lúc trước rối tung, bây giờ đã được chải lại, mượt, cổ và hai cánh tay của cô màu xám xám thò ra bên ngoài những tấm chăn đắp. Sau khi mấy người kia ra khỏi căn phòng, cô nằm yên một lúc, giấu người dưới mấy tấm chăn. Cô nằm như thế cho đến khi nghe thấy cánh cửa đóng lại và tiếng những bước chân đi xuống, ánh đèn của bác sĩ, giọng nói liên tục và hơi thở nặng nhọc của cô Reba trở nên xa dần trong cái hành lang xám xịt và tắt lịm. Rồi cô nhảy ra khỏi giường, chạy đến cửa và cài chốt, chạy ngược lại và một lần nữa trùm vội mấy tấm chăn lên đầu, nằm cuộn tròn cho đến khi không khí cạn kiệt.

Ánh sáng màu nghệ tây cuối cùng nằm trên trần nhà và phần trên của những bức vách, đã nhuộm màu đỏ tía bởi hàng rào có chấn

song răng cửa của đường Main đâm thẳng lên bầu trời hướng tây. Cô quan sát nó mờ dần khi những cú khép mở liên tục của mảnh cửa sổ ngốn ngấu nó. Cô quan sát ánh đèn cuối cùng tụ lại trên mặt đồng hồ và mặt đồng hồ biến đổi từ một lỗ tròn trong bóng tối thành một cái đĩa dẹt lơ lửng trong hư không và tiếp tục biến đổi thành một quả cầu thủy tinh trong chiều sâu tĩnh mịch và bí ẩn.

Cô đang nghĩ về mười rưỡi. Cái giờ để ăn diện cho một cuộc khiêu vũ, nếu bạn nổi tiếng thì không phải đến đúng giờ. Không gian sẽ đầy hơi nước vì những cuộc tắm rửa cách đây không lâu và có lẽ cả bột phấn trong ánh sáng trông như vỏ trấu trên gác xép của kho thóc, bọn họ nhìn ngấm nhau, so sánh, nói rằng liệu cô có thể làm gì gây hại hơn nữa nếu cô dừng lại việc nhảy nhót trên sàn giống như cô bây giờ không. Một vài đứa sẽ không nhảy, thường là những đứa có chân ngắn. Một vài đứa trong bọn họ cũng tạm được, nhưng bọn họ sẽ không nhảy. Bọn họ sẽ không nói tại sao. Đứa tệ nhất trong tất cả nói lũ con trai nghĩ rằng tất cả con gái đều xấu xí trừ khi chúng đã diện quần áo. Cô nói Con Rắn từng nhìn thấy Eva nhiều lần nhưng chưa bao giờ quan tâm đến cô ta cho đến khi Adam khiến cô ta phải che đậy bằng một cái lá sung. Làm sao cô biết? Họ hỏi và cô nói bởi vì Con Rắn đã có mặt ở đó trước Adam, bởi vì anh ta là người đầu tiên bị ném ra khỏi thiên đàng, mà hầu hết thời gian anh ta hiện diện ở đó. Nhưng đó không phải là những gì họ muốn hỏi và họ bảo Làm sao cô biết, Temple nghĩ đến cảnh cô gằn như dựa vào cái bàn trang điểm và những người còn lại trong bọn họ tạo thành một vòng tròn xung quanh với những mái tóc chải chuốt và những đôi vai đầy mùi xà phòng thơm cùng bột phấn trang điểm trong không khí, những con mắt như những con dao cho đến khi ngấm nhìn da thịt cô nơi những con mắt đang chạm đến, đôi mắt trên khuôn mặt xấu xí của cô vừa dửng dưng vừa sợ hãi vừa thách thức, tất cả bọn họ hỏi Làm thế nào cô biết được? Cho đến khi cô giơ tay lên thề là cô có biết. Đó là khi người trẻ tuổi nhất quay đi và chạy ra khỏi căn phòng. Cô bé tự nhốt mình trong phòng tắm và bọn chúng có thể nghe tiếng cô bé đang nôn mửa.

Cô nghĩ về mười rưỡi sáng Chủ nhật và những đôi nam nữ đang đi bộ về hướng nhà thờ. Cô nhớ rằng hôm nay vẫn là Chủ nhật, vẫn

Chủ nhật ấy. Có lẽ là mười rưỡi sáng nay, vào đúng lúc mười rưỡi đó. Vậy thì mình không ở đây, cô nghĩ. Đây không phải là mình. Mình đang ở trường. Tối nay mình có một cuộc hẹn với... cô nghĩ về gã sinh viên đã từng hẹn với cô. Nhưng cô chẳng thể nhớ gã đó là ai. Cô ghi chú những cuộc hẹn vào cuốn sách tiếng La tinh nhỏ xíu của mình, vì vậy cô không cần bận tâm đến việc hắn là kẻ nào. Cô chỉ cần diện đồ và sau đó một lát, người nào đó sẽ gọi cho cô. Vậy tốt hơn mình nên dậy và thay quần áo, cô vừa nói vừa nhìn vào cái đồng hồ.

Cô đứng lên và lặng lẽ băng ngang căn phòng. Cô quan sát mặt đồng hồ, dù có thể nhìn thấy tình trạng biến dạng của ánh sáng mờ nhạt và bóng tối trong cái vật nhỏ bé đu đưa qua lại này, cô vẫn không thể thấy chính cô. Chính là bộ đồ ngủ này, cô nghĩ, rồi nhìn vào hai cánh tay, ngực cô nhô cao trong cái áo mờ ảo, bên dưới nó những ngón chân cô lộ ra trong mỗi bước đi nhanh nhẹn. Cô nhẹ nhàng rút cái chốt cửa, quay trở lại giường và nằm rúc đầu trong hai cánh tay.

Vẫn còn một chút ánh sáng trong căn phòng. Cô nhận thấy mình đang nghe thấy tiếng đồng hồ, cô đã nghe nó được một lúc. Cô khám phá ra rằng căn nhà đầy những tiếng động, tuy đã bị hãm bớt và không thể phân biệt được khi chúng luồn vào phòng, cứ như là từ một khoảng cách xa vậy. Đâu đó có tiếng chuông rung yếu ớt và lạnh lốt, một người nào đó đang leo lên cầu thang trong tiếng sột soạt của quần áo. Tiếng chân tiếp tục đi ngang qua cửa phòng cô và leo lên một cầu thang khác rồi lịm mất. Cô lắng nghe tiếng đồng hồ. Một chiếc xe phía dưới cửa sổ đang khởi động, tiếng chuông lại rung lên, chói tai và kéo dài. Cô nhận ra ánh sáng yếu ớt vẫn còn trong phòng đến từ một cái đèn trên đường phố. Rồi cô ý thức rằng giờ đã là ban đêm và bóng tối ngoài kia ngập đầy những âm thanh của thành phố.

Cô nghe thấy hai con chó đi lên cầu thang với tiếng cào cào sục sạo điên cuồng. Tiếng động ngang qua cửa phòng và ngừng lại, trở nên hoàn toàn tĩnh lặng, đến nỗi cô gần như có thể nhìn thấy chúng nấp ở đó, trong bóng tối, áp vào bức tường, trông chừng cái cầu thang. Một trong hai con tên là gì đó, Temple nghĩ, chờ nghe tiếng

chân cô Reba trên cầu thang. Nhưng đó không phải là cô Reba, tiếng chân quá điềm tĩnh và nhẹ nhàng. Cánh cửa mở, mấy con chó sục vào phòng với hình thù mờ ảo, vội vã chui xuống gầm giường và trốn ở đó, rên rĩ. “Lũ chó này!”, là giọng Minnie. “Tụi mày làm tao đánh đổ cái này rồi.” Ánh đèn xuất hiện. Minnie bê một cái khay. “Tôi mang cho cô đồ ăn tối”, người hầu gái nói. “Mấy con chó đâu rồi?”

“Ở dưới gầm giường”, Temple nói. “Tôi không muốn ăn chút nào.”

Minnie đến, để cái khay lên giường và nhìn Temple, khuôn mặt người hầu gái dịu dàng, bình thản và đầy hiểu biết. “Cô muốn tôi...”, người hầu gái nói, đưa tay ra. Temple quay ngoắt mặt đi. Cô nghe Minnie quỳ xuống, dụ dỗ lũ chó, lũ chó đáp lại cô ta bằng tiếng rên rĩ, gầm gừ và tiếng khua răng lách cách. “Đi ra khỏi chỗ đó ngay”, Minnie nói. “Chúng biết cô Reba sẽ làm gì khi say. Mày đấy, Binford!”

Temple nhắc đầu lên. “Binford?”

“Nó là con có cái ruy băng màu xanh”, Minnie nói. Lom khom, cô hầu gái vung cánh tay vào lũ chó. Chúng lùi lại sát bức tường phía đầu giường, cúi kinh gầm gừ cô hầu gái trong sự khiếp sợ điên cuồng. “Ông Binford là người tình của cô Reba. Là chủ nhân của chỗ này mười một năm cho đến lúc ông ấy chết khoảng hai năm trước. Ngày hôm sau, cô Reba kiếm được mấy con chó này, đặt tên một con là Binford và con kia là Reba. Mỗi lần đến nghĩa trang, cô ấy lại bắt đầu uống rượu như buổi tối hôm nay, rồi cả hai con chó phải chạy trốn. Nhưng Binford là con vật không sợ bị hất hủi la mắng hay đánh đập. Lần gần đây nhất, cô ấy ném nó ra ngoài từ cửa sổ lầu trên và đi xuống, gom hết quần áo của ông Binford trong tủ và ném mọi thứ ra ngoài đường ngoài trừ những vật đã được chôn theo ông ấy.”

“Ồi chao”, Temple nói. “Thảo nào chúng khiếp sợ như thế. Cứ để chúng ở lại dưới đó. Chúng không làm phiền tôi đâu.”

“Chắc là tôi phải làm vậy rồi. Binford sẽ không chịu rời căn phòng này đâu, một khi nó biết chuyện đó.” Cô hầu gái lại đứng lên, nhìn xuống Temple. “Ăn bữa tối đó đi”, cô ta nói. “Cô sẽ cảm thấy khá hơn. Tôi cũng đã lén lấy cho cô một ly rượu gin đấy.”

“Tôi không muốn gì hết”, Temple nói, quay mặt đi. Cô nghe tiếng Minnie rời phòng. Cánh cửa được đóng lại yên ắng. Dưới gầm giường, hai con chó ẩn náu sát tường trong sự kinh hoàng giận dữ.

Cái đèn được treo chính giữa trần, bên dưới một cái chụp đèn bằng giấy có nếp gấp màu hồng đã ngả nâu. Sàn phòng trải một tấm thảm in hoa màu hạt dẻ, được đóng xuống sàn bằng những hàng đinh đầu dẹt, những vách tường dán giấy màu ô liu treo hai khung tranh thạch bản. Trên hai cửa sổ treo tấm rèm viền đăng ten kéo đi kéo lại được, có vẻ bụi bặm, những viền bụi mỏng kết tụ lại ở phần cuối. Toàn bộ căn phòng mang một vẻ nặng nề mốc meo, cái gương có khung gợn sóng đóng trên một cánh tủ quần áo đánh véc ni rẻ tiền, tất cả giống như trong một nơi tù đọng, dường như vẫn còn sót lại tàn tích của những khêu gợi và thèm khát dâm ô đã chết. Trong góc, bên trên một mảnh vải dầu bạc màu có nhiều vết sần rách được dính lên tấm thảm đặt một bồn rửa mặt có một chậu men in hoa và bình đựng nước, một dây khăn lau, trong cái góc phía sau nó để một lọ nước cũng được bọc trong giấy có rãnh in hoa màu hồng.

Dưới giường, lũ chó không gây ra tiếng động nào. Temple chuyển động nhẹ nhàng, tiếng kêu khô khan của tấm nệm lò xo tan biến vào giữa sự tĩnh mịch tuyệt đối nơi bọn chó ẩn nấp.

Căn nhà đầy ắp những âm thanh không thể phân biệt được và không biết bằng cách nào chúng chui được vào đây, như thể bản thân căn nhà đã từng ngủ say, rồi tự thức tỉnh cùng với sự hiện diện của bóng tối, cô nghe thấy dường như có tiếng cười lạnh lạnh chói tai của một phụ nữ. Mùi thơm bốc lên từ cái khay lướt qua mặt cô. Cô quay đầu lại và nhìn vào nó, những đĩa thức ăn bằng sứ dày cộp được đầy và có cái không được đầy. Giữa chúng là một ly rượu gin màu lò nhò, một bao thuốc lá và một hộp diêm. Cô chống hai khuỷu tay nhồm dầy, kéo áo ngủ lên. Cô nhắc những cái nắp đầy trên miếng thịt bò nướng dày, khoai tây, đậu Hà Lan, mấy ổ bánh mì nhỏ, một khối hồng nhật không biết tên mà có khả năng là một loại mứt. Cô kéo cái áo ngủ trễ nải lên lần nữa, nghĩ về bọn bạn học đang ăn ở trường trong sự ồn ào của những giọng nói và những cái nĩa kêu lách cách, về cha cô và những người anh em của cô tại bàn ăn tối ở nhà, về cái áo ngủ mượn của người khác và cô Reba nói rằng hai

người sẽ đi mua sắm vào ngày mai. Và mình chỉ có vền vện hai đô la, cô nghĩ.

Khi nhìn vào thức ăn, cô nhận ra mình không đói chút nào, thậm chí không muốn để mắt vào chúng. Cô nhấc cái ly lên và nốc cạn, nét mặt nhăn nhó, để ly xuống, cô vội vã quay mặt khỏi cái khay, lóng ngóng sờ soạng tìm bao thuốc. Khi đã bật diêm, cô lại nhìn cái khay và cẩn trọng nhón một miếng khoai tây để ăn. Cô ăn thêm miếng nữa, điều thuốc lá chưa được châm nằm trong bàn tay kia. Rồi cô bỏ điều thuốc lá xuống và cầm dao nĩa bắt đầu ăn, thi thoảng dừng lại để kéo vai áo ngủ lên.

Khi đã ăn xong, cô châm thuốc. Cô lại nghe tiếng chuông rung khê khàng. Xuyên qua một giọng phụ nữ lạnh lạnh, có tiếng cửa đập mạnh. Hai người leo lên cầu thang và băng ngang qua cửa phòng, cô nghe giọng cô Reba âm vang từ một nơi nào đó, cô lắng tai để nghe tiếng cô ta vất vả chậm chạp đi lên cầu thang. Temple thấp thỏm nhìn cái cửa cho đến khi nó mở ra và cô Reba đứng đó với cái cốc vại trong tay. Cô ta đang mặc một cái váy bông ở nhà và đội mũ của góa phụ có dây buộc ở cằm với một cái mạng che mặt. Cô ta bước vào trên đôi dép mềm bằng nỉ thêu hoa. Dưới giường, hai con chó cùng phát ra những âm thanh ghen ghen như tuyệt vọng hoàn toàn.

Cái váy nói ra ở phía lưng, bông bông ở hai vai cô Reba. Một bàn tay đeo nhẫn đặt trên ngực, bàn tay kia đưa cao chiếc cốc vại. Miệng cô ta mở ra, đầy những miếng trám răng bằng vàng, há hốc vì hơi thở nặng nhọc khàn khàn.

“Chúa ơi, Chúa ơi”, cô ta nói. Hai con chó lao ra từ dưới gầm giường và phóng mình về phía cửa với vẻ hoảng loạn điên cuồng. Trong khi chúng lao qua cô ta, cô ta xoay người và ném cái cốc vại vào chúng. Nó đập mạnh vào cửa, bắn tóe nước lên vách tường và nảy bật lại với một tiếng cách đơn điệu. Cô ta cố gắng điều chỉnh hơi thở dồn dập của mình, giữ chặt lấy ngực. Cô ta đến bên cái giường và nhìn Temple qua tấm mạng che mặt. “Chúng tôi đã hạnh phúc như hai con chim câu”, cô ta rên rỉ, ghen ngào, những chiếc nhẫn rung lên biểu lộ sự giận dữ đang cố kìm hãm trong những tia sáng lấp lánh giữa bộ ngực to lớn phập phồng. “Rồi ông ta chết đi

và bỏ lại tôi.” Cô ta cố gắng thở, miệng há hốc như sự đau đớn ẩn giấu trong những lá phổi bị tắc nghẽn, đôi mắt trắng dã trợn tròn bởi sự ngột thở tác động mạnh khiến chúng mở to hết sức “Như hai con chim câu”, cô ta rống lên với một giọng khàn khàn, tắc nghẹn.

* * *

Một lần nữa thời gian lại tê liệt nằm phía sau mặt kính đồng hồ: đồng hồ của Temple trên mặt bàn bên cạnh giường chỉ mười rưỡi. Trong hai tiếng đồng hồ, cô được nằm yên tĩnh lắng nghe, không bị quấy rầy. Bây giờ cô có thể phân biệt những giọng nói từ tầng dưới. Cô đã nghe thấy chúng một lúc khi nằm trong căn phòng bị cách ly, toàn mùi mốc meo. Lát sau, có tiếng đàn dương cầm bắt đầu vang lên. Thỉnh thoảng có nghe tiếng phanh xe ô tô rít lên trên đường phía dưới cửa sổ, có lần hai giọng cãi nhau chua chát vọng lên từ dưới.

Cô nghe tiếng hai người - một đàn ông và một phụ nữ - trèo lên cầu thang và đi vào căn phòng bên cạnh. Rồi cô nghe tiếng cô Reba vất vả leo lên cầu thang, đi ngang qua cửa phòng cô, cô nằm yên trên giường, mắt mở rộng và bất động, nghe tiếng cô Reba nện liên hồi vào cửa phòng kế bên bằng cái cốc vại kim loại và chõ vào cửa gỗ la hét. Khuất sau cánh cửa, người đàn ông và người phụ nữ hoàn toàn yên lặng, yên lặng đến nỗi Temple lại nghĩ về những con chó, nghĩ tới hình ảnh chúng đang núp mình sát bức tường dưới gầm giường trong sự cuồng nộ kinh hoàng và tuyệt vọng. Cô lắng tai nghe tiếng cô Reba khàn khàn la hét vào cửa gỗ. Rồi âm thanh lịm thành tiếng thở hổn hển cực lớn, sau đó là tiếng chửi thô tục và sung mãn của một người đàn ông. Khuất sau bức vách, người đàn ông và người phụ nữ không gây ra một tiếng động nào. Temple nhìn chằm chằm vào bức tường, bên kia giọng cô Reba lại rống lên cùng lúc cô ta nện liên hồi vào cánh cửa bằng cái cốc vại.

Temple không nghe cũng không nhìn thấy cửa phòng của cô khi nó mở ra. Cô chỉ tình cờ nhìn về phía ấy sau một khoảng thời gian cô chẳng biết là bao lâu và trông thấy Popeye đứng đó, mũ hấn sụp xuống mặt. Vẫn không gây chút tiếng động, hấn đi vào, đóng cánh cửa, cài chốt lại và đi về phía cái giường. Cùng lúc cô từ từ co rúm vào trong giường, kéo mấy tấm chăn lên tận cằm, quan sát hấn.

Hắn đến và nhìn cô. Cô quần quai chậm chạp, động tác khúm núm, vẻ cô lập như thể cô đã ở ranh giới trên tháp chuông nhà thờ. Cô mở miệng cười với hắn, miệng cô méo xệch, cứng ngắc, mỏng manh, vẻ khấn khoản nhưng lại lộ ra sự nhần nhó đau đớn.

Khi hắn đặt tay lên cô, cô bắt đầu rên rỉ thút thít. “Không, không”, cô thì thào, “ông ta nói bây giờ tôi không thể, ông ta nói...”. Hắn giật mạnh mấy tấm chăn ra và ném chúng qua một bên. Cô nằm bất động, hai bàn tay đưa lên che chỗ da thịt bên dưới thắt lưng, chỗ nhạy cảm của cô, cô co rúm về phía sau, rã rời như những con người khiếp đảm trong một đám đông. Khi hắn lại mò mẫm bàn tay xa hơn, cô nghĩ hắn sẽ đánh cô. Ngắm nhìn khuôn mặt hắn, cô thấy nó đang bắt đầu rúm ró và co giật giống như của một đứa trẻ sắp khóc, cô nghe hắn bắt đầu phát ra âm thanh rên rỉ. Hắn túm chặt lấy phía trên cái áo ngủ. Cô chộp lấy hai cổ tay hắn và bắt đầu lăn lộn, mở miệng la hét. Bàn tay hắn bịt miệng cô, tay còn lại túm chặt cổ tay kia, nước dãi cô chảy ra giữa những kẽ ngón tay hắn, thân hình cô quấy đạp dữ dội, cô nhìn thấy hắn đang cúi mình bên cạnh giường, nét mặt rúm ró bên trên cái cằm mờ nhạt, đôi môi tái xanh của hắn trề ra như thể đang thổi món xúp nóng, tạo nên một tiếng hí the the như ngựa kêu. Bên kia bức tường, cô Reba đang làm rộn hành lang căn nhà bằng một tràng chửi rửa tục tĩu khăn khăn và ghen ghen.

“**R**iêng về cô gái đó”, Horace nói. “Cô ta sẽ ổn thôi. Cô biết là cô ta ổn khi cô rời nhà mà, khi cô nhìn thấy cô ta trong ô tô với hân. Hân chẳng qua chỉ cho cô ta đi nhờ đến thị trấn. Cô ta sẽ ổn thôi. Cô biết là cô ta ổn mà.”

Người phụ nữ ngồi trên mép giường, nhìn xuống đứa bé. Nó nằm bên dưới cái chăn bạc màu, sạch sẽ, đôi bàn tay đưa lên cạnh đầu, như thể nó đã chết trước cả khi nỗi đau đớn cùng cực đến với nó. Đôi mắt nó nửa nhắm nửa mở, hai nhãn cầu không thấy đâu, chỉ thấy tròng trắng màu sữa nhạt. Mặt nó vẫn còn ửng vì mồ hôi, nhưng hơi thở đã thoải mái hơn. Nó không còn thở khò khè, yếu ớt như lúc Horace đi vào phòng nữa. Trên cái ghế cạnh giường có một cốc vai to tướng, trong đó là thứ nước nhàn nhạt biến màu với một cái thìa. Qua ô cửa sổ đang mở, những âm thanh hỗn độn từ quảng trường ủa vào - ô tô, xe ngựa, những bước chân trên vỉa hè và xuyên qua đó, Horace có thể nhìn thấy trụ sở tòa án, mấy người đàn ông đang ném qua ném lại những đồng xu vào những cái lỗ trên mặt đất bên dưới những cây bồ kết ba gai và sồi.

Người phụ nữ ủ rũ bên trên đứa bé. “Không một ai muốn cô ta tới đó. Lee đã từng nói đi nói lại với bọn chúng rằng không được mang phụ nữ tới, tôi cũng bảo cô ta trước khi trời tối rằng bọn họ không phải là loại người như cô ta và cô ta nên đi xa khỏi chỗ đó. Chính cậu ta đã mang cô ta đến. Cậu ta ngồi ngoài hiên nhà với bọn chúng, uống rượu tí tí và khi đi vào ăn tối, cậu ta thậm chí khó mà bước nổi. Cậu ta thậm chí không thèm rửa sạch máu trên mặt mình. Cái lũ mặc áo sơ mi đó cho rằng vì Lee vi phạm pháp luật nên bọn chúng có thể đến và coi nhà của chúng tôi như một... Những người trưởng thành tuy xấu xa, nhưng ít ra họ xem chuyện mua whiskey cũng giống như mua bất cứ thứ gì khác, chính những kẻ như cậu ta, những kẻ còn quá trẻ nên không thể nhận thức được rằng người ta không chỉ phạm pháp trong những ngày lễ.” Horace có thể nhìn thấy người phụ nữ phần nộ siết chặt hai bàn tay trong lòng. “Chúa ơi, nếu tôi có quyền, tôi sẽ treo cổ từng tên đàn ông làm ra, mua hay uống rượu, từng tên một trong bọn chúng.

Nhưng tại sao lại phải là tôi, là chúng tôi? Tôi từng đắc tội gì với cô ta, với loại người như cô ta? Tôi đã bảo cô ta đi xa khỏi chỗ ấy. Tôi đã bảo cô ta đừng có ở lại chỗ ấy khi trời tối. Nhưng cái tên thanh niên mang cô ta đến lại say mềm, cậu ta và Van gây chuyện với nhau. Phải chi cô ta đừng có chạy vòng quanh để bọn họ phải nhìn cô ta. Cô ta không chịu ở yên bất cứ đâu. Cô ta chỉ vừa xông ra từ một cái cửa, thoát cái đã lại chạy vào từ một hướng khác. Và phải chi ông ấy mặc kệ Van, bởi vì Van phải trở lại xe tải vào nửa đêm, như vậy Popeye sẽ làm cho hắn ta biết cư xử đàng hoàng hơn. Lại là tối thứ Bảy nữa, bọn họ ngồi uống rượu cả đêm, tôi phải chịu đựng hoài chuyện đó, tôi đã bảo Lee là hãy bỏ đi xa, nếu còn ở lại đây sẽ không đi tới đâu cả và sẽ xảy ra những sự việc đột biến như đêm qua, không có bác sĩ, không có điện thoại. Và rồi cô ta đến đó, sau khi tôi đã phải làm nô lệ cho ông ấy.” Bất động, đầu cúi xuống và hai bàn tay vẫn nằm trong lòng, cô ta im lặng, mỗi một hết như một cái ống khói vươn lên trên sự đổ nát của một căn nhà sau cơn lốc xoáy.

“Đứng nép trong góc, sau cái giường, với tấm áo mưa trên người. Cô ta rất sợ hãi, khi bọn họ mang cậu ta vào, cả người đầm máu. Bọn họ đặt cậu ta lên giường và Van lại đánh cậu ta, Lee chụp lấy cánh tay của Van, cô ta đứng đấy với đôi mắt giống như hai cái lỗ của một chiếc mặt nạ. Cái áo mưa lúc trước treo trên tường, cô ta đã mặc nó lên, bên ngoài áo khoác. Váy được xếp lại và đặt trên giường. Bọn họ ném cậu ta lên trên đó, máu me bê bết, tôi nói: ‘Chúa ơi, anh lại say nữa sao?’, nhưng Lee chỉ nhìn tôi và tôi thấy mũi của ông ấy đã trắng rồi, như mỗi lúc ông ấy bị say.

Cánh cửa không có bất kỳ cái chốt nào, nhưng tôi nghĩ rằng chẳng mấy chốc bọn họ phải đi xem chừng cái xe tải và tôi có thể làm một việc gì đó. Rồi Lee bắt tôi phải ra ngoài, ông ấy lấy cái đèn theo, thể là tôi phải chờ cho đến khi bọn họ trở lại chỗ hiên nhà thì mới quay lại. Tôi đứng ngay bên trong cánh cửa. Cậu ta ngáy trên giường, thở một cách nặng nhọc, mũi và miệng đều bầm dập, tôi có thể nghe được tiếng bọn họ trên hiên nhà. Rồi tôi nghe thấy bọn họ ngoài cửa, lòng vòng quanh căn nhà và cả ở sau nhà. Sau đó bọn họ lặng im.

Tôi đứng đấy, sát bức tường. Cậu ta ngáy và thở nghèn nghẹt, sau đó nín thở và rên rỉ, đại loại như vậy, tôi nghĩ về cô gái đang nằm đấy trong bóng tối với đôi mắt mở thao láo và lắng tai nghe bọn họ. Tôi phải đứng đấy, chờ cho bọn họ đi xa để mình có thể làm gì đó. Tôi đã bảo cô ta đi đi. Tôi nói: ‘Tôi có lỗi gì nếu cô chưa kết hôn? Tôi cũng không muốn sự có mặt của cô ở đây một chút nào hơn cô đâu’. Tôi nói: ‘Tôi đã sống cả đời mà không có bất kỳ sự giúp đỡ nào từ những người như cô, cô có quyền gì để tìm đến tôi nhờ giúp đỡ?’. Bởi vì tôi đã làm mọi chuyện vì ông ấy. Tôi đã từng ở trong bùn lầy như bạn vì ông ấy. Tôi đã bỏ lại mọi thứ sau lưng và tất cả những gì tôi muốn là mình được yên.

Rồi tôi nghe tiếng cửa mở. Tôi có thể nhận ra đó là Lee bởi cách thở của ông ấy. Ông ấy đến bên giường và nói: ‘Tôi muốn cái áo mưa. Ngồi dậy và cởi nó ra’, tôi có thể nghe được tiếng cởi áo sột soạt khi ông ấy lấy cái áo mưa khỏi cô ta, sau đó đi ra. Ông ấy chỉ lấy cái áo mưa và đi ra ngoài. Đó là cái áo mưa của Van.

Tôi đã đi vòng quanh nhà rất nhiều lần vào đêm đó, với những người đàn ông kia - những người đàn ông sống trên sự liều lĩnh của Lee, những người đàn ông sẽ không nhấc một ngón tay vì ông ấy nếu ông ấy bị bắt - cho đến khi tôi có thể nhận ra bất kỳ người nào trong bọn họ qua cách họ thở. Tôi có thể nhận ra Popeye bởi mùi của thứ quái quỷ đó trên tóc hắn. Tommy theo sau hắn. Tommy đi vào cửa sau lưng Popeye, nhìn tôi và tôi có thể thấy đôi mắt của hắn ta, như một con mèo. Rồi đôi mắt Tommy dờ đi và tôi có thể cảm thấy hắn ta ngồi xổm xuống cạnh tôi, chúng tôi có thể nghe thấy Popeye ở chỗ chiếc giường và cậu chàng kia đang ngáy khò khò.

Tôi chỉ có thể nghe thấy những âm thanh yếu ớt nho nhỏ, như vậy tôi biết tình hình vẫn còn ổn, sau một phút Popeye quay ra, Tommy đi theo hắn ta ra ngoài, rón rén sau lưng hắn, tôi đứng đó cho đến khi nghe thấy tiếng bọn họ đi xuống chỗ cái xe tải. Rồi tôi đi tới cái giường. Khi tôi chạm vào cô ta, cô ta bắt đầu chống cự. Tôi cố gắng đặt bàn tay lên miệng cô ta để cô ta không thể làm ồn, nhưng dù sao cô ta cũng không làm vậy. Cô ta chỉ nằm đó, giãy giụa, lăn đầu từ bên này qua bên kia, giữ chặt cái áo khoác.

‘Đồ ngu!’, tôi nói. ‘Là tôi đây - phụ nữ.’”

“Nhưng cô gái đó”, Horace nói. “Cô ta ổn. Lúc cô quay lại căn nhà vào buổi sáng hôm sau, sau khi cho đứa bé uống sữa, cô đã nhìn thấy cô ta và biết cô ta ổn mà.” Căn phòng trông ra quảng trường. Qua cửa sổ, anh có thể nhìn thấy đám đàn ông ném những đồng xu trong sân trụ sở tòa án và những xe chở hàng đang đi ngang qua hoặc những chiếc xe được buộc lại bằng dây xích, anh có thể nghe tiếng bước chân chậm chậm và giọng nói thông thả của những người khác trên lề đường phía dưới cửa sổ, họ đang mua sắm những vật dụng tiện nghi để mang về nhà và ngồi ăn ở những cái bàn ăn yên tĩnh. “Cô biết là cô ta sẽ ổn mà.”

* * *

Đêm hôm đó Horace đến nhà cô em, trên một cái xe thuê, vì anh không gọi điện trước. Anh thấy bà Jenny trong phòng của bà. “Tốt”, bà nói. “Narcissa sẽ...”

“Cháu không muốn gặp nó”, Horace nói. “Cái gã thanh niên tử tế, con nhà dòng dõi của nó. Cái gã Virginia quý phái hào hoa phong nhã của nó. Cháu biết tại sao cậu ta không quay lại đây.”

“Ai cơ? Gowan á?”

“Vâng, Gowan. Và, Chúa ơi, cậu ta tốt hơn đừng có trở lại. Lạy Chúa, khi cháu nghĩ rằng cháu có cơ hội...”

“Sao? Cậu ta đã làm gì?”

“Hôm ấy cậu ta mang một cô gái nhỏ khờ khạo đến đó với cậu ta, uống say mềm và chạy trốn, bỏ rơi cô gái. Đó là những gì cậu ta đã làm. Nếu không nhờ người phụ nữ đó... Và khi cháu nghĩ đến cảnh những gã như thế đi lại ngoài kia, được miễn mọi hình phạt chỉ vì mặc một bộ com lê đuôi tôm và từng học ở Virginia... Trên bất cứ chiếc tàu hỏa nào hoặc trong bất cứ khách sạn nào, trên đường phố, bất cứ nơi đâu...”

“Chao ôi”, bà Jenny nói. “Lúc đầu bà không hiểu cháu muốn nói tới ai. Chà”, bà nói. “Cháu nhớ lần cuối cậu ta ở đây chứ, ngay sau khi cháu đến? Cái ngày cậu ta không thể ở lại ăn tối và đi đến Oxford.”

“Vâng. Khi đó cháu nghĩ làm thế nào mà cháu có thể...”

“Cậu ta đã cầu hôn Narcissa. Nó bảo cậu ta rằng một đứa bé đã là đủ với nó.”

“Cháu đã nói nó không có trái tim. Nó không thể hài lòng nếu không xúc phạm người khác.”

“Thế là cậu ta nổi điên lên và nói cậu ta sẽ đi Oxford, nơi có một phụ nữ mà cậu ta tạm tin tưởng là trước mặt cô ta, cậu ta sẽ không có vẻ lố bịch, đại loại thế. Chà.” Bà nhìn anh, rồi cúi xuống để nhìn qua cặp kính. “Ta khẳng định rằng, những người làm cha thì rất nực cười, hãy để một người đàn ông dan díu với một người phụ nữ không có họ với anh ta... Điều gì khiến một người đàn ông nghĩ rằng vợ hay con gái của anh ta được phép sai lầm trong hành xử, nhưng tất cả những người không có quan hệ ruột thịt với anh ta thì bị giới hạn cảm đoán?”

“Vâng”, Horace nói, “và cảm ơn Chúa, cô ấy không phải là người thân của cháu. Cháu có thể cam chịu việc thi thoảng cô ấy dính dáng đến một tên vô lại, ngoại trừ việc bất cứ lúc nào cô ấy cũng có thể bị vướng vào một tên ngu xuẩn”.

“Ôi, cháu sẽ làm gì? Khởi động chiến dịch loại trừ gián à?”

“Cháu sẽ làm những gì cô ấy nói, cháu sẽ vận động để thông qua một điều luật có tính bắt buộc với tất cả mọi người, là phải bán bất cứ người đàn ông nào dưới năm mươi tuổi sản xuất, mua bán hoặc thậm chí có suy nghĩ về whiskey... Cháu có thể đổi mặt với những kẻ vô lại, nhưng việc nghĩ tới cảnh cô ấy dính dáng đến bất kỳ tên ngu xuẩn nào...”

Anh quay lại thị trấn. Đêm ẩm áp, bóng tối đầy âm thanh của lũ ve non vừa biết bay. Anh sử dụng một chiếc giường, một cái ghế, một bàn làm việc mà trên đó trải một cái khăn lau mặt và trên cái khăn lau mặt đặt bàn chải đánh răng, đồng hồ đeo tay, tàu hút thuốc, túi đựng thuốc và một bức hình đứa con gái riêng của vợ anh - Belle Bé nhỏ - tựa vào một cuốn sách. Trên mặt bàn, ánh sáng phản chiếu vào bức hình. Anh thay đổi vị trí bức hình cho đến khi khuôn mặt trở nên rõ ràng. Đứng trước nó, nhìn vào khuôn mặt xinh xắn dịu dàng, bí hiểm, khuôn mặt đang nhìn vào một cái gì đó đằng sau anh, về phía tám các tông màu chết chóc. Anh đang nghĩ về giàn nho ở

Kinston, về những buổi chạng vạng mùa hè và tiếng kêu nho nhỏ tắt dần trong sự yên lặng khi anh tới gần, người nào muốn nói tới chúng và con bé thì chẳng có hại gì, những tiếng rả rích tắt dần, chỉ còn lại tiếng sột soạt từ chiếc váy trắng của con bé - một loài động vật có vú thanh tú và mỏng manh trong thân hình nhỏ bé lạ thường không phải do anh sinh ra và trong cơ thể cô gái nhỏ bé, một điều gì đó đang bùng nổ tinh tế giống như những chùm hoa nho đang nở rộ kia.

Anh cử động một cách đột ngột. Theo đó, bức hình hơi tuột xuống, mất cân bằng. Hình ảnh bị mờ đi khi nó rơi vào chỗ sáng chói, giống như nhìn một thứ gì đó quen thuộc dưới sự xao động của mặt nước mặc dù đó là làn nước trong veo, anh nhìn vào bức ảnh quen thuộc với nỗi khiếp sợ và tuyệt vọng, vào khuôn mặt đột nhiên trở nên đầy tội lỗi và già dặn hơn cả anh, một khuôn mặt mờ ảo hơn là ngọt ngào, vào đôi mắt nhiều bí ẩn hơn là dịu dàng. Khi với lấy bức hình, anh lại làm đổ nó, đằng sau khuôn mặt ngây thơ thánh thiện là sự chế giễu độc ác của cái miệng tô son, khuôn mặt kia đang suy tính điều gì đó khuất sau vai anh. Anh nằm trên giường, mặc nguyên quần áo, với ánh đèn đang sáng, cho đến khi nghe tiếng đồng hồ ở trụ sở tòa án điểm ba tiếng. Rồi anh rời nhà, bỏ đồng hồ và bịch thuốc vào trong túi.

Ga tàu hỏa cách đó ba phần tư dặm. Phòng chờ được thấp sáng bởi một bóng đèn yếu ớt. Nó vắng hoe ngoại trừ một người đàn ông trong bộ quần áo lao động đang ngủ trên ghế dài, đầu anh ta gối trên cái áo choàng xếp lại, đang ngáy, một người phụ nữ mặc váy hoa, đeo chiếc khăn choàng tối màu và cái mũ còn mới được trang trí bằng những bông hoa héo úa, khô cứng được đặt vuông vắn và vụng về trên đầu cô ta. Đầu cô ta cúi xuống, có thể đã ngủ, hai bàn tay vắt chéo trên một gói hàng bọc bằng giấy báo nằm trên lòng, một va li màu vàng rơm ở dưới chân. Lúc đó Horace nhận ra là anh đã bỏ quên cái túi thuốc.

Tàu hỏa đến, người ta thấy anh đi tới đi lui dọc theo chỗ người ta đóng than xỉ bên lề phải đường. Người đàn ông và người phụ nữ lên tàu, người đàn ông mang theo cái áo khoác nhàu nát của anh ta, người phụ nữ mang gói hàng và cái va li. Anh đi theo họ vào trong

toa hành khách đang tràn đầy tiếng ngáy, với những thân hình đang nằm, thò cả nửa người ra lối đi giữa các dãy ghế như thể vừa trải qua một cuộc càn quét kinh hoàng và bất ngờ, với những cái đầu ngoẹo sang một bên, những cái mồm há hốc, những cổ họng ngửa lên hết cỡ như thể đang chờ cú thọc xuống của những con dao.

Anh lơ mơ ngủ. Tàu hỏa lách cách chuyển động, chốc chốc dừng lại, xóc nảy. Anh thức dậy và lại lơ mơ ngủ. Một người nào đó lay anh ra khỏi giấc ngủ vào lúc ánh bình minh có màu vàng nhạt, giữa những khuôn mặt sưng húp lởm chồm râu ria chưa cạo, chỉ được vỗ nước sơ sài, nhấp nháy những đôi mắt mờ đẫn. Anh ra khỏi toa, ăn sáng và kiểm chỗ khác, đi vào một toa nơi có đứa bé đang rên rỉ khóc một cách tuyệt vọng, những vò lặc dưới chân bị nghiền răng rắc khi anh di chuyển lên đầu toa sắc mùi ammoniac ngai ngái cho đến khi tìm thấy chỗ ngồi cạnh một người đàn ông. Một lát sau, người đàn ông nghiêng người về phía trước và nhổ bã thuốc vào giữa hai đùi anh. Horace mau chóng đứng dậy và đi về phía trước, chui vào toa hút thuốc. Toa này cũng đông nghẹt, cánh cửa chắn giữa toa này và đoàn bầy nâng ô tô mở đu đưa. Đứng ở lối đi giữa các dãy ghế, anh có thể nhìn thấy hành lang thu nhỏ phía trước với lưng những chiếc ghế bằng nhung xanh lổ nhố những cái mũ đang lắc lư cùng lúc, trong khi cơn gió mạnh thổi ngược những tiếng chuyện trò và tiếng cười ra sau, con tàu vẫn chuyển động đều đều trong không khí tặc tịu của những gã đàn ông da trắng, khạc nhổ vào lối đi.

Anh lại đổi chỗ. Đám đông đang chờ đợi bao gồm những gã trai trẻ mặc đồng phục trường đại học với những huy hiệu bí hiểm nhỏ xíu trên sơ mi và gi lê, hai cô gái với khuôn mặt nhỏ nhắn tô son trát phấn mặc những bộ váy bó sát màu như những bông hoa nhân tạo giống hệt nhau được bao quanh bởi những con ong nhanh nhẹn, không biết mệt mỏi. Khi tàu hỏa đến, họ hân hoan đẩy nhau về phía trước, trò chuyện và cười đùa, lách qua những người lớn tuổi hơn với sự khiếm nhã, va vào nhau chan chát và ném phịch người xuống ghế ngồi yên, ngửa mặt lên cười, những khuôn mặt lạnh lùng của họ vẫn đang mỉm cười khi ba phụ nữ trung niên di chuyển xuống cuối toa, nhìn ngó vào hai bên những chiếc ghế đã có người ngồi.

Hai cô gái ngồi cùng nhau, cời cái mũ nâu vàng và cái mũ xanh da trời ra, nâng những bàn tay thon thả lên và tô điểm những móng tay chưa được tạo kiểu, hai cái đầu kê sát của họ được nhìn thấy giữa những khuỷu tay ngổ ngang; đầu của hai người trẻ tuổi dựa vào lưng ghế và vây quanh bởi những chiếc mũ đủ màu cao thấp khác nhau bởi vị trí ngồi của những chủ nhân của chúng trên những tay ghế hay đứng trong lối đi, ngay sau đó xuất hiện cái mũ lưỡi trai của người soát vé khi anh ta len giữa bọn họ với những tiếng hô cầu khẩn, như tiếng của một con chim.

“Vé tàu. Vé tàu nào”, giọng anh ta lên bổng xuống trầm như đang hát. Ngay tức khắc, anh ta bị giữ lại tại đây, không còn trông thấy được ngoại trừ cái mũ. Rồi hai cậu trai trẻ nhanh chóng lần xuống phía dưới, chui vào chỗ ngồi sau lưng Horace. Anh có thể nghe được tiếng thở của họ. Tiến về phía trước, người soát vé bấm lỗ lách cách hai lần. Anh ta quay lại. “Vé tàu”, anh ta hô lên. “Vé tàu.” Anh ta bấm vé của Horace và dừng lại nơi hai cậu trai trẻ đang ngồi.

“Anh soát vé của tôi rồi”, một cậu nói. “Ở trên kia.”

“Cuồng vé của cậu đâu?”, người soát vé hỏi.

“Anh chưa đưa cho chúng tôi bất cứ thứ gì mặc dù anh đã lấy vé của chúng tôi. Vé của tôi mang số...”, cậu ta lém lỉnh đọc lại một con số, bằng một giọng thành thật, dễ thương. “Mày có để ý số vé của mày không, Shack?”

Cậu thứ hai lặp lại một con số với vẻ thành thật. “Chắc chắn là anh đã lấy vé của chúng tôi rồi mà. Tìm xem.” Cậu ta bắt đầu huýt sáo, nhịp điệu đứt quãng, chẳng lấy gì làm êm tai.

“Mày ăn ở nhà ăn Gordon à?”, cậu kia hỏi.

“Không. Tao mắc bệnh hôi miệng bẩm sinh.” Người soát vé đi tiếp. Tiếng huýt sáo lớn dần, được vỗ nhịp bởi hai bàn tay phát lên hai đầu gối, thốt lên những tiếng đa-đa-đa. Sau đó cậu ta chỉ phát ra những âm thanh vô nghĩa, khiến người khác quay cuồng chóng mặt, Horace cảm thấy như đang ngồi trước những trang giấy với những đoạn văn ngắn khó hiểu, không đầu không cuối.

“Cô ấy từng đi một nghìn dặm mà không cần vé tàu.”

“Marge cũng vậy.”

“Beth nữa.”

“Đa-đa-đa.”

“Tao sẽ chọc thủng lỗ của mình vào đêm thứ Sáu.”

“Hả?”

“Mày có thích người sống không?”

“Tao không thể đi xa đến thế.”

Chúng huyết sáo, vừa điên cuồng giậm gót chân, vừa nói đa-đa-đa. Cậu thứ nhất bật lưng ghế vào đầu Horace. Cậu ta đứng lên. “Thôi nào”, cậu ta nói. “Gã soát vé đi rồi.” Một lần nữa cái ghế đập vào người Horace và anh quan sát bọn chúng trở lại, nhập vào nhóm người đang làm tắc nghẽn lối đi, nhìn thấy một tên trong bọn chúng đặt bàn tay trơ trẽn, thô lỗ lên một trong những khuôn mặt sáng sủa, dịu dàng đang ngược lên bọn chúng. Phía bên kia nhóm người đó, một phụ nữ nông thôn bế một đứa bé trong tay đang đứng tựa vào một cái ghế. Chốc chốc cô ta lại ngoái nhìn lối đi bị tắc nghẽn và những cái ghế trống ở tận phía bên kia.

Đến Oxford, anh xuống tàu, hòa mình vào đám đông những người trẻ tuổi đó tại nhà ga, chúng không đội mũ, mặc những bộ quần áo sáng sủa, thi thoảng lại có người cầm sách và bị bao phủ bởi những đoàn người trong những chiếc áo sơ mi nhiều màu. Horace rất khó vượt lên trên chúng. Những bàn tay vung vẩy hợm mình xất xọc, bọn chúng nhớn nhoe lên đòi đi về hướng trường đại học, nhún nhảy, nhìn Horace bằng đôi mắt lạnh lùng khi anh bước sang bên lề để qua mặt chúng.

Ở trên đỉnh đồi, con đường rẽ làm ba, xuyên qua một khu rừng rộng lớn, đằng kia, trong khung cảnh màu xanh lục phía xa xa, những tòa nhà bằng gạch đỏ và đá xám hiện ra mờ mờ, tiếng một cái chuông trong trẻo bắt đầu ngân. Đoàn người nhanh chóng chia thành ba dòng, từng đôi nắm tay nhau nhẩn nha đi dạo, dập dìu như sóng, thỉnh thoảng chúng lại bất ngờ kêu to lên một cách không chủ định giống như lũ trẻ đang nô đùa.

Con đường rộng hơn dẫn đến văn phòng. Anh đi vào.

“Tôi đang tìm một cô gái trẻ, cô Temple Drake. Tôi có lẽ vừa lỡ mất cơ hội gặp cô ấy, phải vậy không?”

“Cô ấy không còn học ở đây nữa”, người thư ký nói. “Cô ấy đã bỏ học khoảng hai tuần trước.” Người thư ký còn trẻ, có một khuôn mặt dần dần, nhẵn nhụi đằng sau cặp kính gọng sừng, mái tóc chải quá tỉ mỉ. Sau một lúc, Horace nhẹ nhàng hỏi:

“Anh không biết cô ta đi đâu à?”

Người thư ký nhìn Horace. Anh ta nhích người tới, hạ giọng: “Ông cũng là thám tử hả?”.

“Vâng”, Horace nói, “vâng. Nhưng điều này không quan trọng”. Sau đó anh lặng lẽ bước xuống những bậc thềm, đi dưới ánh nắng mặt trời. Anh đứng đó trong khi ở hai bên, mấy cô cậu sinh viên đi qua trong những bộ quần áo màu sắc giản dị, tay không mang gì, những cái đầu sáng sủa chụm vào nhau, với sự thờ ơ giống hệt nhau, vẽ ngây thơ, không hề bối rối mà anh biết rất rõ trong những đôi mắt và ở thứ son giống nhau được tô lên những cái miệng, những con người đó chuyển động như dòng chảy của âm nhạc, như mật ong đổ tràn trong ánh mặt trời, gợi nhớ về tất cả những ngày đã mất và những niềm vui đã trôi đi, trong ánh mặt trời. Chói chang, rung rung với sức nóng, nó nằm trong những khoảng mở giữa những khu rừng thưa giống như ảo ảnh thoáng qua của đá và gạch: những cột trụ không có ngọn, những tháp đài đổ nát dường như trôi nổi bên trên một đám mây xanh lục đang cố chống đỡ lại những cơn gió tây nam mang điềm gỗ, không thể lường trước được. Anh đứng đó lắng nghe tiếng chuông tu viện trầm lắng, suy nghĩ: Làm gì đây? Làm gì đây? Và tự anh trả lời: Tại sao? Không gì hết. Không gì hết. Chuyện đã kết thúc rồi.

Anh quay lại nhà ga trước giờ tàu chạy một tiếng đồng hồ với một cái tàu được nhồi đầy thuốc nhưng chưa châm trong tay. Ở phòng vệ sinh, anh trông thấy, trên bức tường hơi hám và bẩn thỉu, tên cô gái được viết nguệch ngoạc bằng bút chì. Temple Drake. Anh khẽ đọc, cúi đầu xuống, chậm chạp vẽ lên cái tàu thuốc chưa châm.

Nửa tiếng trước khi tàu hỏa đến, mọi người bắt đầu tụ tập lại, tản bộ xuống đồi và dồn lại dọc sân ga với những tiếng cười nho nhỏ,

khàn khàn, rạng rỡ, những đôi chân bước đi uể oải, thân thể chuyển động liên tục bên trong những y phục bó sát với sự vụng về và kêu gọi không chủ tâm của tuổi trẻ.

Chuyến tàu hỏa lúc về có một toa hạng sang. Anh tiếp tục đi xuyên qua toa hành khách và vào đó. Ở đấy, chỉ có một người, một người đàn ông ở giữa toa, bên cạnh cửa sổ, đầu trần, đang ngửa ra sau, khuỷu tay đặt trên cửa sổ và một chiếc xì gà chưa châm lửa nằm trong bàn tay đeo nhẫn. Khi tàu hỏa chạy, vị hành khách kia đứng lên và đi về hướng toa thường. Ông ta mang theo một cái áo khoác trên cánh tay và cái mũ phớt nhạt màu đã dính bẩn. Liếc sang bên, Horace thấy bàn tay ông ta sờ soạng túi áo ngực, Horace quan sát người đàn ông khép nép đi qua người phục vụ trong lối đi và biến mất, ra khỏi tầm nhìn và tâm trí anh vào lúc ông ta chụp cái mũ lên đầu. Tàu hỏa tăng tốc, lắc lư ở những khúc cua, thỉnh thoảng lao vút qua một căn nhà, chạy qua những đường cắt ngang và băng qua thung lũng.

Tàu hỏa giảm tốc độ, sau đó là một cú giạt mạnh bất thành lĩnh về phía sau và bốn tiếng còi vang lên. Người đàn ông đội cái mũ bẩn đi vào, lấy một chiếc xì gà từ trong túi áo ngực. Ông ta nhanh chóng đi xuống lối đi giữa hai hàng ghế, nhìn Horace. Ông ta đi chậm lại, chiếc xì gà kẹp giữa những ngón tay. Tàu hỏa lại xóc nảy. Người đàn ông vung nhanh tay ra và chộp lấy lưng ghế đối diện Horace.

“Đây không phải là luật sư Benbow sao?” Ông ta nói. Horace ngẩng lên nhìn bản mặt to bành sưng húp không có bất kỳ dấu vết nào của tuổi tác “Chẳng phải tôi đang nói chuyện với luật sư Benbow sao?”, ông ta nói, chìa tay ra. “Tôi là thượng nghị sĩ Snopes, Cla’ence Snopes.”

“Ồ”, Horace nói, “Vâng. Rất hân hạnh”.

Người đàn ông ve vẩy chiếc xì gà, lòng bàn tay kia ngửa lên trước mặt Horace, ngón giữa đổi màu nhợt nhạt ở phần giáp với chỗ đeo một chiếc nhẫn khổng lồ. Horace lắc lắc nó và buông bàn tay ông ta ra. “Tôi nghĩ tôi đã nhận ra anh khi anh lên tàu ở Oxford”, Snopes nói, “nhưng tôi... Cho phép tôi ngồi xuống chứ?”, ông ta nói, chân đã xô mạnh vào đầu gối Horace. Ông ta ném áo choàng - một cái áo

màu xanh xoàng xĩnh với cổ áo bằng nhung bẩn thỉu - lên ghế và ngồi xuống lúc tàu hỏa ngừng lại. “Vâng, mời ông.” Ông ta chồm qua người Horace và nhìn chăm chú ra ngoài cửa sổ vào một nhà ga nhỏ xám xịt với tấm bảng thông báo được viết bằng phấn, một xe tải tốc hành chở một cái chuồng bằng kim loại chứa hai con gia cầm đáng thương, ba hoặc bốn người đàn ông mặc quần áo lao động đang nghỉ ngơi cạnh một bức tường và nhai một cái gì đó. “Dĩ nhiên anh không còn ở trong tỉnh của tôi nữa, nhưng theo ý tôi, bạn bè là bạn bè, cho dù anh có bỏ phiếu cho tôi hay không. Bởi vì một người bạn là một người bạn và dù anh ta có thể làm được bất cứ điều gì cho tôi hay không...” Ông ta ngả người trở lại, điều xì gà chưa hút nằm giữa những ngón tay. “Vậy anh không từ thị trấn lên tận đây chứ?”

“Không”, Horace nói.

“Bất cứ khi nào anh ở trong địa phận Jackson, tôi sẽ vui lòng giúp đỡ anh như thể anh vẫn ở trong tỉnh của tôi. Theo ý tôi thì không có người đàn ông nào bận rộn đến mức không có thì giờ cho những người bạn cũ của mình. Để xem nào, bây giờ anh đang ở Kinston, phải không? Tôi biết mấy vị thượng nghị sĩ chỗ anh. Những người tốt, cả hai người bọn họ, nhưng tôi không thể nói ra tên họ.”

“Bản thân tôi cũng không thể”, Horace nói. Tàu hỏa đã khởi hành. Snopes nghiêng người ra phía lối đi, nhìn ngược lại đằng sau. Bộ com lê màu xám nhạt của ông ta được là phẳng nhưng không được giặt sạch. “Chà”, ông ta nói. Ông ta đứng dậy và cầm áo khoác lên. “Bất cứ khi nào anh ở trong thị trấn... Anh đang đi đến Jefferson, tôi đoán vậy.”

“Vâng”, Horace trả lời.

“Tôi sẽ gặp lại anh sau nhé.”

“Sao ông không ngồi ở toa này?”, Horace nói. “Ông sẽ thấy thoải mái hơn.”

“Tôi sẽ lên toa trên và hút thuốc”, Snopes nói, vung vẩy điều xì gà. “Tôi sẽ gặp lại anh sau.”

“Ông có thể hút thuốc ở đây. Không có bất kỳ quý bà nào đâu.”

“Chắc vậy”, Snopes nói. “Tôi sẽ gặp anh ở Holly Springs.” Ông ta tiếp tục đi ngược về phía toa thường và ra khỏi tầm nhìn với điều xì gà trên miệng. Horace nhớ mười năm trước đây, ông ta là một thanh niên to lớn, vụng về, đần độn, con trai của một chủ nhà hàng, thành viên của một gia đình di cư từ Bend thuộc vùng lân cận Frenchman tới Jefferson hai mươi năm trước, một dòng họ phân thành nhiều nhánh đến mức đủ để bầu ông ta vào cơ quan lập pháp mà không cần nhờ cậy đến việc bỏ phiếu của quần chúng.

Anh ngồi yên lặng, cái tẩu thuốc nguội lạnh trong lòng bàn tay. Anh đứng lên và đi về phía trước, xuyên qua toa hành khách thông thường, rồi vào trong toa dành cho người hút thuốc. Snopes ở lối đi, dùng điều xì gà chưa hút để ra hiệu. Horace trông thấy ông ta và gạt đầu ra hiệu từ hành lang. Một lát sau Snopes đến gặp anh, vắt cái áo khoác trên cánh tay.

“Những việc ở thủ đô thế nào rồi?”, Horace hỏi.

Snopes bắt đầu nói bằng cái giọng khó nghe, quả quyết. Trước mắt họ, dần hiện ra bức tranh của những vụ kiện tụng ngu muội và sự mục nát nhỏ nhen cho những kết cục xuẩn ngốc và đê tiện... “Bất kỳ khi nào anh ở thị trấn”, ông ta nói. “Tôi thích đưa những chàng trai đi loanh quanh. Hỏi bất cứ ai trong thị trấn, họ sẽ nói nếu như có chuyện gì xảy ra, Cla'ence Snopes sẽ biết chỗ đó là ở đâu. Anh có một vụ kiện khá là khó nhằn ở quê, tôi nghe nói như vậy.”

“Chưa thể nói được gì cả”, Horace nói. Anh tiếp tục: “Tôi đã ghé Oxford ngày hôm nay, đến trường đại học, nói chuyện với vài đứa bạn của con gái vợ tôi. Một trong những đứa bạn thân nhất của nó không còn học ở trường đó nữa. Một quý cô quê ở Jackson tên Temple Drake”.

Snopes đang nhìn anh bằng hai con mắt nhỏ và mờ đục. “Ồ, vâng, con gái của thẩm phán Drake”, ông ta nói. “Cái cô đã bỏ đi.”

“Bỏ đi?” Horace nói. “Bỏ về nhà ấy hả? Vấn đề là gì vậy? Thất bại trong học tập à?”

“Tôi không biết. Khi tin đó xuất hiện trên báo nhiều người nghĩ rằng cô ta đã bỏ trốn với anh chàng nào đó. Một trong những vụ kết hôn có thỏa thuận của bọn họ.”

“Nhưng khi cô ta quay về nhà, họ biết rằng chuyện không phải như thế, tôi nghĩ vậy. Ôi, ôi chà, Belle sẽ ngạc nhiên. Cô ấy hiện đang làm gì vậy? Tôi cho rằng cô ấy đang chạy lòng vòng quanh Jackson?”

“Cô ấy không ở đây.”

“Không à?”, Horace nói. Anh có thể cảm thấy người kia đang nhìn anh. “Cô ấy ở đâu?”

“Người nhà của cô ấy đã gửi cô ấy lên chỗ nào đó ở phía bắc, với một bà cô. Michigan. Tin này được in trong mấy số báo vài ngày sau đó.”

“Ồ” Horace nói. Anh vẫn cầm cái tàu thuốc lạnh tanh và bàn tay đang lục tìm diêm trong túi. Anh hít một hơi thật sâu. “Tờ nhật báo Jackson là một tờ báo rất tốt. Nó được xem là tờ báo đáng tin cậy nhất trong bang, đúng không?”

“Chắc chắn”, Snopes nói. “Anh đến Oxford để tìm chỗ ở của cô ta?”

“Không, không. Tôi chỉ tình cờ gặp một người bạn của con gái tôi, người đó bảo tôi rằng cô ta đã bỏ học. Thôi được, tôi sẽ gặp ông ở Holly Springs.”

“Chắc chắn rồi”, Snopes nói. Horace quay lại toa hạng sang và ngồi xuống chậm tàu thuốc.

Lúc tàu hỏa chạy chậm lại khi đến Holly Springs, anh đi ra hành lang, rồi nhanh chóng quay vào trong toa. Snopes hiện ra từ toa thường ngay khi người phục vụ mở cửa. Snopes bước xuống. Ông ta lấy một cái gì đó từ trong túi áo ngực và đưa nó cho người phục vụ. “Đây, George”, ông ta nói, “làm một điều xì gà đi”.

Horace bước xuống. Snopes tiếp tục đi, cái mũ bắn vọt cao hơn những người khác nửa cái đầu. Horace nhìn người phục vụ.

“Ông ta cho anh thứ đó à, phải không?”

Người phục vụ day nhẹ điều xì gà trong lòng bàn tay. Anh ta bỏ nó vào trong túi.

“Anh bạn sẽ làm gì với nó?”, Horace hỏi.

“Tôi sẽ cho người quen của tôi”, người phục vụ nói.

“Ông ta có thường xuyên làm như thế này không?”

“Ba, bốn lần một năm. Có lẽ tôi cũng là người thường xuyên nhận được của ông ta... Cám ơn ngài.”

Horace nhìn thấy Snopes đi vào phòng đợi, cái mũ bần và cả cái cổ đồ sộ. Anh lại nhồi đầy tẩu thuốc.

Cách một quãng xa, anh nghe thấy chuyến tàu hỏa Memphis đang tới. Nó đã ở sân ga khi anh tới. Snopes đứng bên cạnh hành lang mở, đang nói chuyện với hai thanh niên đội những cái mũ mới. Tàu hỏa hú còi. Hai thanh niên lên tàu. Horace bước lùi lại quanh góc nhà ga.

Khi tàu đến, anh thấy Snopes leo lên tàu phía trước mình và đi vào toa dành cho người hút thuốc. Horace gỡ tẩu thuốc, đi vào toa thông thường và tìm được một chỗ ngồi ở cuối toa, quay mặt về phía sau.

Lúc Horace rời khỏi nhà ga ở Jefferson, một chiếc xe hướng về thị trấn đi chậm lại bên cạnh anh. Đó là chiếc taxi mà anh đã ngồi khi rời khỏi nhà em gái. “Tôi sẽ chở ông đi lần này”, người tài xế nói.

“Cám ơn nhiều”, Horace nói. Anh chui vào trong xe. Khi chiếc xe đi vào quảng trường, đồng hồ của trụ sở tòa án chỉ tám giờ hai mươi, nhưng vẫn chưa có ánh đèn nào trong phòng khách sạn. “Có lẽ đứa bé đang ngủ”, Horace nói. “Anh bạn vui lòng thả tôi xuống khách sạn...” Rồi anh nhận ra người tài xế đang quan sát mình, bằng một sự tò mò kín đáo.

“Ông đã ra khỏi thị trấn ngày hôm nay à?”, người tài xế hỏi.

“Ừ”, Horace nói. “Sao vậy? Chuyện gì đã xảy ra ở đây hôm nay?”

“Cô ấy không còn ở khách sạn nữa, tôi nghe nói bà Walker đã đưa cô ấy vào trong nhà tù.”

“Ồ”, Horace nói. “Tôi sẽ xuống chỗ khách sạn.”

Tiền sảnh trống không. Sau một lúc, người chủ khách sạn xuất hiện: một người đàn ông mặc quần áo bó chặt, tóc màu xám với một cây tăm xỉa răng, chiếc áo gi lê mở phanh ra trên cái bụng gọn gàng. Người phụ nữ không có mặt ở đó. “Đó là do mấy quý bà ở nhà thờ”, ông ta nói. Ông ta hạ thấp giọng, cây tăm xỉa răng kẹp giữa mấy ngón tay. “Họ đến đây sáng nay. Cả một hội đồng. Tôi cho rằng ông biết chuyện là như thế nào.”

“Ý ông là ông để cho nhà thờ Baptist chỉ định ai sẽ là khách của ông?”

“Đó là những quý bà. Ông biết sẽ như thế nào mà, khi họ công kích điều gì đó. Một người đàn ông chỉ có thể chịu thua và làm theo ý họ. Tất nhiên, với tôi...”

“Chúa ơi, nếu ở đây có một người đàn ông...”

“Suyt”, người chủ khách sạn nói. “Ông biết sẽ như thế nào khi bọn họ...”

“Nhưng dĩ nhiên là ở đây chẳng có một người đàn ông nào có thể... Và nếu ông tự gọi chính mình là một người đàn ông, vậy thì

hãy...”

“Tôi phải giữ vững địa vị của tôi”, người chủ nói với giọng xoa dịu. “Nếu như ông có mặt ở đây lúc đó.” Ông ta bước lùi lại một chút, tựa vào cái bàn giấy. “Tôi cho rằng tôi có thể quyết định ai sẽ được và không được ở trong nhà của tôi”, ông ta nói. “Và tôi biết nhiều người nữa quanh đây cũng sẽ làm giống như vậy. Tôi không phải chịu ơn người nào hết. Không phải với ông, không một chút nào.”

“Cô ấy bây giờ đang ở đâu? Hay là họ đã đuổi cô ấy khỏi thị trấn?”

“Người ta đi đâu sau khi trả phòng không phải là việc của tôi”, người chủ khách sạn nói, quay lưng đi. Ông ta nói: “Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng ai đó đã giúp đỡ cô ta”.

“Ồ vâng”, Horace nói. “Những người Cơ đốc giáo. Những người Cơ đốc giáo.” Anh xoay người về phía cửa. Người chủ khách sạn gọi anh. Anh quay lại. Người đàn ông đang lấy một tờ giấy từ hộp tủ đựng giấy tờ. Horace bước trở lại bàn. Tờ giấy nằm trên đó. Người chủ khách sạn nghiêng người về phía trước với hai tay chống trên bàn, cái cằm nghiêng nghiêng trong miệng ông ta.

“Cô ấy nói ông sẽ thanh toán”, ông ta nói.

Anh thanh toán hóa đơn, đếm tiền với hai bàn tay run rẩy. Anh đi vào sân nhà tù, đi tiếp đến cánh cửa và gõ. Một lúc sau, một người phụ nữ cao kều, nhếch nhác xuất hiện với cây đèn bão, giữ chặt chiếc áo khoác đàn ông trên ngực. Cô ta nhìn anh chăm soi và nói trước cả khi anh có thể lên tiếng:

“Tôi cho là ông đến tìm bà Goodwin.”

“Vâng. Làm sao cô biết...”

“Ông là luật sư. Tôi từng thấy ông trước đây. Cô ấy ở đây. Hiện đang ngủ.”

“Cám ơn”, Horace nói, “Cám ơn. Tôi biết rằng có người... Tôi không thể tin được chuyện ấy...”.

“Tôi nghĩ là tôi lúc nào cũng có thể kiếm được giường cho một phụ nữ và một đứa bé”, người phụ nữ nói. “Tôi không quan tâm Ed nói gì. Ông có cần gặp cô ấy gấp không? Bây giờ cô ấy đang ngủ.”

“Không, không, tôi chỉ muốn...”

Người phụ nữ quan sát anh qua cây đèn bão. “Vậy thì tôi thấy không cần quấy rầy cô ấy lúc này. Ông có thể đến đây vào buổi sáng và tìm cho cô ấy một chỗ nghỉ ngơi. Nhưng tôi thấy không cần vội.”

* * *

Chiều hôm sau, Horace đến nhà cô em, một lần nữa bằng chiếc xe thuê. Anh kể cho cô em nghe những gì đã xảy ra. “Anh phải đưa cô ấy về nhà ngay.”

“Không được đưa về nhà em”, Narcissa nói.

Anh nhìn cô em. Sau đó bắt đầu nhồi thuốc vào tẩu một cách chậm chạp và cẩn trọng. “Đó không phải là vấn đề chọn lựa, em thân yêu ạ. Em phải thấy thế.”

“Không được đưa về nhà em”, Narcissa nói. “Em nghĩ rằng chúng ta đã giải quyết chuyện đó.”

Anh đánh diêm, châm tẩu thuốc và cẩn thận bỏ que diêm vào trong lò sưởi. “Em không thấy rằng cô ấy đã bị đẩy ra ngoài đường sao? Chuyện đó...”

“Chuyện đó không phải là một thử thách gay go. Cô ta nên làm quen với nó.”

Anh nhìn cô em. Anh đặt cái tẩu thuốc vào miệng, hút và ngẫm nhìn bàn tay mình đang run rẩy trên ống tẩu. “Nghe đây. Có lẽ ngày mai họ sẽ yêu cầu cô ấy rời khỏi thị trấn. Chỉ bởi vì cô ấy chưa kết hôn với người đàn ông là cha của đứa bé mà cô ấy mang theo khắp nơi trên những con đường đã được thánh hóa. Nhưng ai đã nói với họ? Đó là điều anh muốn biết. Anh biết rằng không một ai ở Jefferson biết điều ấy ngoại trừ...”

“Cháu là người đầu tiên nói điều ấy cho cô nghe”, bà Jenny nói. “Nhưng, Narcissa, tại sao...”

“Không phải trong nhà của cháu”, Narcissa nói.

“Thôi nào”, Horace nói. Anh rút cái tẩu. “Tất nhiên là chuyện ấy sẽ giải quyết theo cách đó”, anh nói một cách cứng rắn.

Cô em đứng lên. “Anh sẽ ở lại đây tối nay chứ?”

“Cái gì? Không. Anh sẽ... Anh đã bảo cô ấy là anh sẽ đến tìm cô ấy ở nhà tù và...” Anh bập bập cái đầu. “Chao ôi, anh không nghĩ rằng chuyện đó quan trọng. Anh hy vọng thế.”

Cô ta tạm dừng bước, quay lại. “Anh sẽ ở hay không ở?”

“Anh có thể bảo cô ấy rằng xe anh bị thủng lốp”, Horace nói. “Rốt cuộc thời gian không phải là một thứ xấu xa đến vậy. Sử dụng nó đúng cách và em có thể kéo căng bất cứ thứ gì, giống như một sợi dây cao su, cho đến khi nó đứt ở đâu đó và em ở đấy, với tất cả bi kịch và tuyệt vọng trong hai nút thắt nhỏ giữa ngón tay cái và ngón tay của mỗi bàn tay.”

“Anh sẽ ở lại, hay không ở lại, Horace?”, Narcissa nói.

“Anh nghĩ anh sẽ ở lại”, Horace nói.

* * *

Anh nằm trên giường. Anh đã nằm trong bóng tối khoảng một tiếng đồng hồ, khi cánh cửa phòng mở ra, anh cảm thấy chứ không phải bằng thính giác hay thị giác. Đó là Narcissa. Anh chống hai khuỷu tay nhôm dậy. Hình dáng cô ta lơ mờ, đang tiến lại gần cái giường. Cô ta đến và nhìn xuống anh. “Anh sẽ duy trì chuyện này đến bao giờ?”

“Chỉ đến buổi sáng”, anh nói. “Anh sẽ quay trở lại thị trấn. Em sẽ không phải nhìn thấy anh nữa.”

Cô ta đứng bất động cạnh giường. Sau một thoáng, bằng giọng lạnh lùng, đều đều, kiên quyết, cô ta nói: “Anh biết em muốn nói gì”.

“Anh hứa sẽ không đưa cô ấy về nhà của em nữa. Em có thể cử Isom đến, trốn trong gầm giường.” Cô ta không nói gì. “Chắc chắn em không phản đối việc anh sống ở đó, phải không?”

“Em không quan tâm đến việc anh sống ở đâu. Vấn đề là, em sống ở đâu. Em sống ở đây, trong thị trấn này. Em sẽ phải sống ở đây. Nhưng anh là một người đàn ông. Nó không quan trọng đối với anh. Anh có thể ra đi.”

“Ồ”, anh nói. Anh nằm yên lặng. Cô em đứng phía trên, bất động. Họ nói chuyện nhẹ nhàng, cứ như thể đang bàn luận về giấy dán tường và thức ăn.

“Anh hiểu không, đây là nhà của em, nơi em phải sống hết phần đời còn lại. Nơi em đã được sinh ra. Em không quan tâm anh đi đâu, cũng không quan tâm anh làm gì. Em không quan tâm anh có bao nhiêu người phụ nữ mà cũng không quan tâm họ là ai. Nhưng em không thể để người anh của em dính líu với một người đàn bà mà người ta đang bình phẩm. Em không mong anh chiếu cố đến em, em yêu cầu anh nghĩ đến cha mẹ của chúng ta. Hãy đưa cô ta đi Memphis. Họ nói anh từ chối cho người đàn ông đóng tiền thế chân tại ngoại để rời khỏi nhà tù, hãy đưa cô ta đến Memphis. Anh cũng có thể nghĩ ra một lời nói dối để bảo người đàn ông ấy về chuyện đó.”

“Chao ôi. Hóa ra em nghĩ như thế hả, phải không?”

“Em không nghĩ gì về chuyện ấy. Em không quan tâm. Đó là những gì mà người trong thị trấn nghĩ. Như vậy dù nó là sự thực hay không cũng không quan trọng. Cái mà em cảm thấy phiền lòng là, hằng ngày anh buộc em phải nói những điều dối trá hộ anh. Đi khỏi đây đi, Horace. Bất cứ ai trừ anh ra cũng nhận thức được rằng đó là một vụ giết người tàn nhẫn.”

“Và vì cô ấy, tất nhiên. Anh tin là họ còn nói như vậy nữa. Họ đã nói chính anh đã giết hấn ta chưa?”

“Em không thấy việc ai đã giết người tạo nên bất kỳ sự khác biệt nào. Vấn đề là, anh cứ muốn dính vào chuyện này ư? Khi người ta đã tin chắc anh và cô ta lén vào trong nhà em vào ban đêm.” Chát giọng lạnh tanh, đều đều của cô ta tạo thành bóng tối trùm lên phía trên anh. Xuyên qua cửa sổ, trong bóng đêm, vọng ra những âm thanh chói tai của ve sầu và lũ dế.

“Em có tin chuyện đó không?”, anh nói.

“Em tin vào điều gì cũng không quan trọng. Đi đi, Horace. Em yêu cầu đấy.”

“Và rời bỏ cô ấy - bọn họ, thẳng thừng, dứt khoát?”

“Hãy thuê một luật sư, nếu ông ta vẫn khẳng định là ông ta vô tội. Em sẽ trả tiền cho chuyện đó. Anh có thể kiếm được một luật sư chuyên về tội ác giết người hơn anh mà. Cô ta sẽ không biết chuyện đó. Cô ta thậm chí sẽ không quan tâm. Anh không thấy rằng cô ta chỉ

đang muốn anh đem ông ta ra khỏi nhà tù mà chẳng mất đồng nào sao? Anh không biết rằng người phụ nữ đó đã cất giấu tiền ở đâu đó sao? Anh sẽ quay trở lại thị trấn vào ngày mai, phải vậy không?”, cô em quay lưng, bắt đầu hòa mình vào trong bóng tối. “Anh sẽ không được đi trước bữa ăn sáng.”

* * *

Sáng hôm sau, lúc ăn sáng, cô em nói: “Ai sẽ là luật sư bên nguyên?”.

“Công tố viên của quận. Sao?”

Cô ta rung chuông và gọi mang bánh mì mới tới. Horace quan sát cô ta. “Tại sao em hỏi điều đó?” Rồi anh nói: “Mẹ kiếp! Thằng ôn con trơ tráo”. Anh đang nói về tên công tố viên quận, kẻ cũng từng lớn lên ở Jefferson và đi học ở ngôi trường trong thị trấn với họ. “Anh tin rằng hắn ta là kẻ đứng đằng sau sự việc hai đêm trước. Hắn đã khiến cô ấy bị tống ra khỏi khách sạn vì tác động của công chúng. Nhân danh Chúa, nếu anh biết rằng hắn ta đã làm thế chỉ để được bầu vào Quốc hội...”

Sau khi Horace rời đi, Narcissa lên phòng của bà Jenny. “Ai là công tố viên quận vậy ạ?”, cô ta hỏi.

“Cháu phải nhớ tên anh ta chứ”, bà Jenny nói. “Cháu thậm chí từng bầu cho anh ta. Eustace Graham. Cháu muốn biết chuyện đó để làm gì vậy? Cháu đang tìm một người thay thế cho Gowan Stevens à?”

“Cháu chỉ thắc mắc thôi”, Narcissa nói.

“Vớ vẩn”, bà Jenny nói. “Cháu đâu thắc mắc. Cháu chỉ gây chuyện và sau đó ngừng lại cho đến lần gây chuyện tiếp theo.”

* * *

Horace gặp Snopes đi ra từ tiệm cắt tóc. Hàm dưới của ông ta có màu trắng vì bột kem cạo râu, mùi dầu bôi tóc xông ra nồng nặc. Trên ngực áo sơ mi, phía dưới cái nơ bướm, ông ta đeo một món trang sức giả hồng ngọc nhìn khá hợp với chiếc nhẫn. Cái nơ bướm màu xanh chấm bi, những đốm trắng trên nó hiện ra bần thiêu khi nhìn gần, toàn thân người đàn ông với cái cằm vừa cạo sạch râu, bộ

quần áo được là phẳng và đôi giày bóng láng phần nào tạo ra ấn tượng rằng ông ta vừa được giặt khô chứ không phải vừa tắm rửa.

“Ôi may quá! Luật sư”, ông ta nói. “Tôi nghe nói anh đang có vài rắc rối trong việc tìm một chỗ ở cho thân chủ của anh. Như tôi vẫn luôn nói...”, ông ta nghiêng người, hạ thấp giọng, đôi mắt màu bùn đảo qua một bên, “... nhà thờ không có chỗ trong chính trị, và phụ nữ không có chỗ trong cả chính trị và nhà thờ, hướng hồ là pháp luật. Hãy để cho phụ nữ ở nhà và họ sẽ tìm thấy nhiều chuyện để làm mà không làm đảo lộn việc kiện cáo của người đàn ông. Hơn nữa, một người đàn ông cũng chỉ là một con người và những gì anh ta làm không phải là chuyện của ai khác mà là của chính anh ta. Anh đã làm gì với cô ta?”.

“Cô ấy đang ở trong tù”, Horace nói. Anh nói qua loa cho xong chuyện, rồi dậm bước. Nhưng người đàn ông đã cản anh lại một cách vụng về.

“Dù sao đi nữa, anh đã làm bọn họ bị kích động. Người ta đang nói anh không cho Goodwin đóng tiền để tại ngoại, vì vậy ông ta phải ở lại...”, một lần nữa Horace định bước qua. “Một nửa những phiền phức trên thế giới này là do phụ nữ gây ra, tôi đã luôn luôn nói vậy. Giống như kiểu cô gái đó đã làm rối tung mọi chuyện, rồi bỏ đi mất như cô ta đã xong việc và phui tay. Tôi cho rằng ông ta đã hành xử đúng khi đưa cô ấy ra khỏi bang.”

“Vâng”, Horace nói với giọng khô khốc, bực bội.

“Tôi cực kỳ vui mừng khi nghe nói vụ kiện của anh đang diễn tiến tốt. Chỉ anh và tôi biết thôi nhé, tôi muốn trông thấy một luật sư giỏi làm cho tên công tố viên đó bẽ mặt. Giao một văn phòng quận bé nhỏ cho một thằng cha như thế và hán ta trở nên phát phì tức thì. Chà, thật vui khi gặp anh. Tôi có vài việc ở trên thị trấn chừng một hoặc hai ngày. Tôi không nghĩ là anh sẽ đi lên đó.”

“Cái gì?”, Horace nói. “Lên đâu?”

“Memphis. Tôi có thể làm gì cho anh?”

“Không”, Horace nói. Anh tiếp tục đi. Anh không thể thấy gì trong tầm mắt. Anh bước đi nặng nề, cơ miệng bắt đầu đau nhức, đi

ngang qua những người đang nói gì đó với anh, nhưng anh không hề nhận thấy.

Lúc tàu hỏa tới gần Memphis, Virgil Snopes ngừng nói và dần trở nên yên lặng, trong khi người bạn đồng hành của cậu, đang ăn bắp rang và mật đường trong một gói giấy, càng lúc càng sôi nổi hơn với vẻ say sưa, dường như không chú ý đến trạng thái ngược lại của bạn mình. Cậu ta vẫn tiếp tục nói không ngừng trong khi kéo những chiếc va li giả da mới tinh, đi xuống nhà ga. Trong phòng chờ, Fonzo nói:

“Chà, chúng ta sẽ làm gì trước tiên đây?” Virgil không nói gì. Một người nào đó xô vào họ, Fonzo giữ chặt cái mũ của cậu. “Chúng ta sẽ làm gì?”, cậu hỏi. Rồi cậu nhìn vào Virgil. “Có vấn đề gì vậy?”

“Không có vấn đề gì cả”, Virgil nói.

“Tốt, chúng ta sẽ làm gì đây? Cậu từng tới đây trước rồi. Tôi thì chưa.”

“Tôi nghĩ là chúng ta nên nhìn ngó xung quanh cái đã”, Virgil nói.

Fonzo đang quan sát cậu ta, đôi mắt xanh như được làm bằng sứ. “Cậu làm sao vậy? Lúc ở trên tàu, cậu đã nói về chuyện đã từng ở Memphis bao nhiêu lần. Tôi đánh cược rằng cậu chưa bao giờ...” Một ai đó chen vào, tách rời họ ra, một dòng người bắt đầu chen giữa hai người họ. Giữ chặt cái va li và mũ của mình, Fonzo cố gắng xoay xở quay lại với bạn.

“Tôi đã từng đến đây”, Virgil vừa nói vừa thần thờ nhìn xung quanh.

“Tốt, vậy thì, chúng ta làm gì đây? Nó sẽ không mở cửa trước tám giờ sáng.”

“Vậy thì cái gì làm cậu vội vã thế?”

“Ồi dào, tôi không có ý định ở đây cả đêm... Cậu đã làm gì khi cậu ở đây lần trước?”

“Đến khách sạn”, Virgil nói.

“Khách sạn nào? Đâu chỉ có một khách sạn ở đây. Cậu cho là tất cả mấy người này có thể ở trong một khách sạn sao? Nó là cái nào vậy?”

Đôi mắt của Virgil cũng có màu xanh nhạt. Cậu ta thần thờ nhìn xung quanh. “Khách sạn Gayoso”, cậu ta nói.

“Tốt, hãy đi đến đó”, Fonzo nói. Họ di chuyển về hướng cửa ra. Một người đàn ông hét to “taxi” với họ, một công nhân khuôn vác cố gắng cầm lấy hành lý của Fonzo. “Coi chừng”, cậu ta nói, kéo giật hành lý lại. Trên đường phố nhiều tài xế taxi nữa cũng hò hét mời chào họ.

“VẬY RA ĐÂY LÀ MEMPHIS”, Fonzo nói. “Bây giờ, đi đường nào đây?” Cậu ta không có câu trả lời. Cậu ta nhìn quanh và thấy Virgil đang ngoảnh mặt đi với một tài xế taxi. “Cậu...?”

“Đi lối này”, Virgil nói. “Không xa đâu.”

Quãng đường dài một dặm rưỡi. Họ đổi tay xách hành lý liên tục. “VẬY RA ĐÂY LÀ MEMPHIS”, Fonzo nói. “Tôi đã ở đâu suốt cả đời mình thế nhỉ?” Khi họ đi vào Gayoso, một người phục vụ đề nghị xách những va li giúp họ. Họ lướt qua anh ta và đi vào, bước thận trọng trên sàn. Virgil dừng lại.

“Tiếp tục đi”, Fonzo nói.

“Chờ chút”, Virgil nói.

“Tôi tưởng hồi trước cậu đã từng đến đây”, Fonzo nói.

“Đúng thế. Chỗ này đắt lắm. Họ sẽ đòi một đô la một ngày.”

“Vậy mình sẽ làm gì?”

“Làm một cuộc thăm dò xung quanh.”

Họ quay trở lại đường phố. Đã năm giờ. Họ tiếp tục đi, nhìn xung quanh, xách va li hành lý. Họ đến một khách sạn khác. Nhìn vào trong họ thấy cẩm thạch, những ống nhỏ bằng đồng thau, những anh chàng nhân viên xách hành lý bận bịu, những người khách ngồi giữa những chậu cây cảnh bày xung quanh.

“Khách sạn đó cũng chỉ tệ vậy thôi”, Virgil nói.

“Vậy chúng ta sẽ làm gì? Chúng ta không thể cuộc bộ loanh quanh cả đêm.”

“Hãy ra khỏi con đường này”, Virgil nói. Họ rời đường Main. Ở cái góc kế tiếp, Virgil lại rẽ. “Hãy tìm xuống con đường này. Tránh xa

khỏi tất cả những cái đĩa thủy tinh cổ đất tiền và lũ khỉ mọi đen. Đó là thứ cậu phải trả tiền khi ở chỗ của bọn họ.”

“Tại sao? Chúng đã được mua trước khi đến đó. Tại sao chúng ta phải trả tiền cho chúng?”

“Giả sử một ai đó làm vỡ cái đĩa khi chúng ta ở đó. Giả sử họ không thể bắt được ai đã làm vỡ nó. Cậu nghĩ là họ sẽ tha không bắt chúng ta phải trả một phần ư?”

Vào lúc năm giờ ba mươi, họ đi vào một con đường hẹp bên thỉu có những ngôi nhà gỗ và sân để đồ phế thải. Chẳng mấy chốc, họ đến một căn nhà ba tầng trong một cái sân nhỏ không trồng cỏ. Trước cổng nhà, một hàng rào mắt cáo dựng trên lối vào. Một phụ nữ to lớn ngồi trên bậc tam cấp trong bộ váy lung nhùng, quan sát hai con chó trắng lông mịn đang chạy loăng quăng quanh sân.

“Hãy thử cái đó”, Fonzo nói.

“Nó đâu phải là khách sạn. Bảng hiệu đâu?”

“Tại sao không?”, Fonzo nói. “Đương nhiên nó là chỗ trọ. Có ai từng nghe về bất cứ người nào chỉ sống một mình trong căn nhà ba tầng chưa?”

“Chúng ta không thể đi vào bằng lối này”, Virgil nói. “Chỗ này là phía sau. Cậu không thấy nhà vệ sinh kia sao?”, hất mạnh đầu về phía hàng rào mắt cáo.

“Chà, vậy thì hãy đi vòng ra phía trước”, Fonzo nói. “Đi nào.”

Họ đi vòng quanh căn nhà. Phía bên kia là một hàng xe đang đậu giống như là nơi bán ô tô vậy. Họ đứng trong khoảng giữa của căn nhà, hành lý xách bên tay phải.

“Tôi không tin cậu đã từng tới chỗ này trước đây, tuyệt nhiên không”, Fonzo nói.

“Hãy quay lại. Chỗ đó phải là phía trước.”

“Với một nhà vệ sinh được xây trên cửa trước?”, Fonzo nói.

“Chúng ta có thể hỏi quý bà đó.”

“Ai có thể? Tôi thì không.”

“Dù sao đi nữa, hãy quay lại xem sao.”

Họ quay lại chỗ cũ. Người phụ nữ và hai con chó đã không còn ở đó.

“Bây giờ cậu đã xong việc”, Fonzo nói. “Phải vậy không?”

“Hãy chờ một lát. Có thể bà ta sẽ trở lại.”

“Đã gần bảy giờ rồi”, Fonzo nói.

Họ đặt hành lý xuống cạnh hàng rào. Những ánh đèn đã xuất hiện, run rẩy bên trong dãy cửa sổ sát nhau tương phản với bầu trời phía tây quang tạnh.

“Tôi có thể ngửi thấy mùi giấm bông nữa đây”, Fonzo nói.

Một chiếc taxi chạy đến. Một phụ nữ tóc vàng đẩy đà ra khỏi xe, theo sau là một người đàn ông. Hai người nhìn họ bước trên lối đi và đi về phía cái hàng rào mắt cáo. Fonzo hít một hơi dài. “Mẹ kiếp”, cậu ta thì thầm.

“Có thể đó là chồng cô ta”, Virgil nói.

Fonzo xách hành lý của mình lên. “Đi nào.”

“Chờ đã”, Virgil nói. “Cho họ một chút thì giờ.”

Họ chờ. Người đàn ông đi ra, chui vào chiếc taxi và đi khỏi.

“Không thể là chồng của cô ta”, Fonzo nói. “Tôi sẽ không bỏ cuộc. Đi nào.” Cậu ta đi vào cổng.

“Đợi đã”, Virgil nói.

“Cậu có thể mà”, Fonzo nói. Virgil xách hành lý lên và theo sau. Cậu ta dừng lại khi Fonzo cẩn trọng mở cái hàng rào mắt cáo và nhòm vào bên trong. “Ái chà, đồ chết tiệt”, cậu ta nói. Cậu ta đi vào. Ở đó có một cánh cửa khác, bằng kính và được che rèm. Fonzo gõ cửa.

“Tại sao cậu không nhấn cái nút đó?”, Virgil nói. “Cậu không biết mấy người thành phố không trả lời tiếng gõ cửa sao?”

“Được rồi”, Fonzo nói. Cậu ta nhấn chuông. Cánh cửa mở ra. Đó là người phụ nữ trong bộ váy lưng nhùng, họ có thể nghe thấy tiếng lữ chó sau lưng cô ta.

“Còn phòng không?”, Fonzo hỏi.

Cô Reba nhìn những cái mũ mới và hành lý của họ.

“Ai chỉ mấy cậu tới đây?”, cô ta hỏi.

“Không ai cả. Chúng tôi chỉ tình cờ chọn nơi này.” Cô Reba nhìn cậu ta. “Mấy cái khách sạn thì quá đắt.”

Cô Reba thở nặng nhọc. “Mấy cậu đang làm gì?”

“Chúng tôi đến đây làm việc”, Fonzo nói. “Chúng tôi định ở lại khá lâu đấy.”

“Nếu giá cả không quá cao”, Virgil nói.

Cô Reba nhìn cậu ta. “Các cậu từ đâu tới vậy, cưng?”

Họ trả lời cô ta và xưng tên. “Chúng tôi định ở đây một tháng hoặc lâu hơn, nếu nó thích hợp.”

“Tôi tính như thế này”, cô ta nói sau một thoáng. Cô ta nhìn họ. “Tôi có thể dành cho mấy cậu một phòng, nhưng tôi sẽ phải tính thêm phí mỗi khi mấy cậu làm việc trong đó. Tôi cũng phải kiếm sống như tất cả mọi người.”

“Chúng tôi không làm việc trong đó đâu”, Fonzo nói. “Chúng tôi sẽ làm việc ở trường.”

“Trường gì?”, cô Reba hỏi.

“Trường dạy cắt tóc”, Fonzo nói.

“Nhìn đây”, cô Reba nói, “cậu nhóc con bướng bỉnh”. Rồi cô ta bắt đầu cười, bàn tay cô ta ôm lấy ngực. Họ nghiêm túc nhìn cô Reba trong khi cô ta cười và thở hổn hển. “Chúa ơi, Chúa ơi”, cô ta nói. “Đi vào trong này.”

Căn phòng nằm ở phía sau, tầng trên cùng của căn nhà. Cô Reba chỉ cho họ phòng tắm. Khi cô ta đặt bàn tay lên cánh cửa, một giọng phụ nữ nói: “Chờ một phút”, cánh cửa mở ra và cô ta đi ngang qua họ, trong bộ kimono. Họ nhìn cô ta đi trên hành lang, bản năng trong hai chàng trai bị xao động bởi mùi hương mà cô ta để lại. Fonzo lén huých cùi chỏ vào Virgil. Trong phòng của họ, một lần nữa cậu ta nói:

“Đó là một cô gái khác. Cô ta có hai con gái. Hãy giữ tôi lại, cậu ngốc ơi, tôi đang chui đầu vào một chuồng gà mái.”

Họ không ngủ được trong đêm đầu tiên đó, vì cái giường, căn phòng và những âm thanh xa lạ... Bên dưới cửa sổ, cậu có thể nghe thấy tiếng nói, của một phụ nữ, rồi của một người đàn ông, hai giọng nói hòa trộn vào nhau, rầm rì, tiếng một cánh cửa đóng lại. Một người nào đó đi lên cầu thang, tiếng quần áo kêu sột soạt, tiếng gót giày cứng của một phụ nữ gõ vội vã.

Cậu bắt đầu lắng nghe những âm thanh trong căn nhà: những giọng nói, tiếng cười, tiếng đàn dương cầm nổi lên. “Cậu có nghe thấy không?”, cậu thì thầm.

“Cô ta có một gia đình khá đông người, tôi nghĩ vậy”, Virgil nói, giọng cậu đã uể oải vì buồn ngủ.

“Gia đình cái khi”, Fonzo nói. “Nó là một bữa tiệc. Ước gì tôi được tham dự.”

Vào ngày thứ ba, khi họ rời nhà vào buổi sáng, cô Reba gặp họ ở cửa. Cô ta muốn dùng căn phòng của họ trong buổi chiều lúc họ vắng mặt. Cô ta nói là có một hội nghị của các thám tử trong thành phố, họ họp mặt để tìm kiếm vài giải pháp tốt hơn. “Đồ đạc của mấy cậu sẽ không sao hết. Tôi sẽ sai Minnie cất hết mọi thứ trước giờ hội nghị. Sẽ không một ai lấy trộm được đồ gì của mấy cậu trong nhà tôi đâu.”

“Cậu nghĩ cô ta đang làm gì?”, Fonzo nói khi họ ra đến đường.

“Không biết”, Virgil nói.

“Dù sao chẳng nữa, tôi ước gì được làm việc cho cô ta”, Fonzo nói. “Với tất cả đám phụ nữ mặc kimono và chạy vòng quanh như thế.”

“Cậu chả được nước mẹ gì đâu”, Virgil nói. “Bọn họ đã kết hôn cả rồi. Cậu không nghe thấy sao?”

Chiều hôm sau, khi từ trường về, họ thấy đồ lót phụ nữ nằm dưới cái bồn rửa mặt. Fonzo nhặt nó lên. “Cô ấy là thợ may”, cậu ta nói.

“Chắc thế”, Virgil nói. “Để ý xem họ có lấy thứ gì của cậu không.”

Căn nhà xem ra có rất nhiều những người không ngủ chút nào vào ban đêm. Hai người có thể nghe thấy tiếng của họ suốt nhiều giờ, chạy lên chạy xuống cầu thang và Fonzo luôn nhận ra họ nếu là

phụ nữ bởi mùi da thịt giống cái. Mùi hương đó đã bay tới nơi cậu ta đang nằm trên cái giường, không gian xung quanh là những người phụ nữ, bên cạnh là anh chàng Virgil đang ngáy đều đều, hai lỗ tai căng ra để nghe những tiếng rì rầm, tiếng sột soạt của tơ lụa lọt vào qua những bức vách và sàn nhà, cậu nghĩ rằng mình đã ở Memphis được mười ngày, vậy mà phạm vi quen biết của cậu chỉ gói gọn trong một vài tên bạn học ở trường. Sau khi Virgil ngủ, cậu đứng lên, mở chốt cửa và để nó mở hé, nhưng chẳng có gì xảy ra.

Vào ngày thứ mười hai, cậu bảo Virgil họ sẽ đi chơi với một tên trong đám học viên cắt tóc.

“Ở đâu?”, Virgil hỏi.

“Ồn thôi. Cậu cứ đi. Tôi đã phát hiện ra một điều gì đó. Và khi tôi nghĩ mình đã ở đây được hai tuần lễ mà không biết gì về vấn đề đó...”

“Tốn bao nhiêu tiền?”, Virgil hỏi.

“Có bao giờ cậu được vui vẻ mà không mất gì không hả?”, Fonzo nói. “Đi nào.”

“Tôi sẽ đi”, Virgil nói. “Nhưng tôi không hứa là sẽ chi một xu nào đâu.”

“Cậu hãy đợi và nói câu ấy khi chúng ta tới đó”, Fonzo nói.

Tên học viên cắt tóc đưa họ tới một nhà chứa. Khi họ đi ra, Fonzo nói: “Nghĩ xem tôi đã ở đây hai tuần lễ mà không hề biết gì về cái nhà đó”.

“Tôi ước gì cậu chưa bao giờ biết”, Virgil nói. “Nó đã làm tôi mất ba đô la.”

“Với cậu nó không đáng giá à?”, Fonzo nói.

“Chẳng có gì đáng giá ba đô la mà cậu không thể khuôn theo”, Virgil nói.

Khi họ về tới nhà, Fonzo dừng lại. “Bây giờ bọn mình phải lên vào”, cậu ta nói. “Nếu cô ta khám phá ra tội mình đã từng đi đâu và làm gì, cô ta có lẽ sẽ không để bọn mình ở trong nhà với các quý cô nữa đâu.”

“Thế đấy”, Virgil nói. “Quý tha ma bắt cậu đi. Cậu làm tôi tiêu mất ba đô la và bây giờ cậu để cả hai chúng ta bị ném ra ngoài.”

“Cậu cứ làm như tôi làm”, Fonzo nói. “Đó là tất cả những gì cậu phải làm. Đừng nói gì cả.”

Minnie mở cửa cho họ vào. Tiếng dương cầm tràn ngập căn nhà. Cô Reba xuất hiện ở một cánh cửa, với cái tách bằng thiếc trong tay. “Ài chà chà”, cô ta nói, “tối nay mấy cậu đi chơi về muộn quá”.

“Vâââng”, Fonzo nói, thúc Virgil về hướng cầu thang. “Chúng tôi đến buổi họp mặt cầu nguyện.”

Trên giường, trong bóng tối, họ vẫn nghe thấy tiếng dương cầm.

“Cậu làm tôi tiêu mất ba đô la”, Virgil nói.

“Ồi dào, cảm ơn đi”, Fonzo nói. “Khi tôi nghĩ mình đã ở đây gần trọn hai tuần lễ...”

Chiều hôm sau, họ về nhà lúc chạng vạng, khi những ánh đèn nhấp nháy bắt đầu lóe lên và sáng lấp lánh, những người phụ nữ với những đôi chân dài gập gối những người đàn ông, leo vào những chiếc ô tô và cứ như thế.

“Bây giờ chuyện về ba đô la đó nên tính thế nào?”, Fonzo hỏi.

“Tôi nghĩ rằng chúng ta không nên đi mỗi đêm”, Virgil nói. “Sẽ rất tốn kém.”

“Đúng thế”, Fonzo nói. “Ai đó có thể thấy bọn mình và nói lại cho cô ta.”

Họ chờ hai đêm sau. “Bây giờ sẽ là sáu đô la”, Virgil nói.

“Vậy thì, đừng đến đó nữa”, Fonzo nói.

Khi họ về tới nhà, Fonzo nói: “Lần này cố gắng hành động cho tự nhiên. Lần trước cô ta gần như bắt được tội mình vì cái cách cậu hành xử đó”.

“Cô ta bắt được thì đã sao?”, Virgil nói với giọng rầu rĩ. “Cô ta không thể ăn thịt tội mình.”

Họ đứng bên ngoài cái hàng rào mắt cáo, thăm thì.

“Làm sao cậu biết cô ta không thể?”, Fonzo nói.

“Cô ta không muốn, vậy thôi.”

“Làm sao cậu biết cô ta không muốn?”

“Có lẽ cô ta không muốn”, Virgil nói. Fonzo mở cái cửa trên hàng rào mắt cáo.

“Tôi không thể nuốt trôi sáu đô la đó, không cách nào”, Virgil nói. “Ước gì tôi có thể.”

Minnie để bọn chúng vào trong. Cô nói: “Có người đang tìm mấy cậu”. Bọn chúng đứng chờ trong đại sảnh.

“Bọn mình bị tóm rồi”, Virgil nói. “Tôi đã bảo cậu ném những đồng tiền đó đi.”

“Ôi dào, cảm ơn đi”, Fonzo nói.

Một người đàn ông hiện ra chỗ cửa, một người đàn ông to lớn, cánh tay ông ta đang ôm một người phụ nữ tóc vàng mặc y phục màu đỏ. “Đó là Cla’ence”, Virgil nói.

Trong phòng của chúng, Cla’ence nói: “Làm thế nào hai người vào được chỗ này?”.

“Chỉ tìm thấy thôi”, Virgil nói. Chúng kể ông ta nghe về chuyện đó. Ông ta ngồi trên giường, đội cái mũ vấy bẩn, một miếng xì gà trên mấy ngón tay.

“Hai người đã ở đâu tối nay?”, ông ta hỏi. Chúng không trả lời mà nhìn ông ta với vẻ mặt cảnh giác, không biểu cảm. “Nhanh nào. Ở đâu?” Chúng đành phải nói cho ông ta biết chúng đã đi đâu.

“Tồn của tôi ba đô la nữa”, Virgil nói.

“Ta sẽ bị nguyên rủa nếu bọn mi không phải là những đứa ngu nhất”, Cla’ence nói. “Đi theo ta. Chúng bên lên đi theo. Ông ta dẫn chúng ra khỏi nhà và đi qua khoảng ba hay bốn dãy nhà nữa. Họ băng qua một con đường có những cửa hàng của người da đen, những rạp hát và rẽ vào một con đường hẹp tối om, dừng lại ở một căn nhà với những tấm màn màu đỏ che những ô cửa sổ sáng đèn. Cla’ence nhấn chuông. Họ có thể nghe tiếng nhạc bên trong, những tiếng nói rít lên như cú óc và tiếng bước chân. Họ được đưa vào trong một hành lang trống trơn nơi hai tên da đen ăn mặc xoàng xĩnh đang cãi nhau với một tên da trắng say xỉn mặc bộ quần áo lao động đầy dầu mỡ. Qua một cái cửa mở, họ nhìn thấy một căn phòng

đầy phụ nữ có làn da màu cà phê mặc những bộ y phục sáng màu, với mái tóc được trang sức lộng lẫy, đang tươi cười.

“Là bọn mọi đen”, Virgil nói.

“Dĩ nhiên họ là mọi đen”, Cla'ence nói. “Nhưng có nhìn thấy gì đây không?”, ông ta vẫy một tờ giấy bạc trước mặt tên em họ của ông ta. “Thứ này mù màu.”

Vào ngày thứ ba trong cuộc tìm kiếm, Horace đã tìm thấy chỗ ở cho người phụ nữ và đứa bé. Đó là căn nhà đồ nát của một bà cụ da trắng nửa điên nửa khùng, người được cho là chuyên chế tạo ra những loại bùa chú cho người da đen. Nó nằm ở rìa thị trấn, được dựng trên một mảnh đất nhỏ xíu ngập đầy cỏ hoang cao đến tận thắt lưng, một khu rừng hoang chạy ngang mặt trước ngôi nhà. Phía sau, một con đường mòn dẫn từ cái cổng đồ nát đến cửa nhà. Ban đêm, ánh đèn mờ mờ tỏa ra từ căn nhà sâu hút kỳ bí và gần như vào bất kỳ lúc nào trong ngày, người ta đều nhìn thấy một chiếc xe bò chở hàng hoặc xe độc mã được buộc trong cái hẻm nhỏ đằng sau căn nhà và một người da đen đi vào hoặc đi ra cửa sau.

Căn nhà có lần đã bị các viên chức xộc vào để săn lùng whiskey. Họ không tìm thấy gì ngoài một vài bó cỏ khô và một bộ sưu tập những cái chai bần thủ đựng thứ chất lỏng mà họ không biết đó là gì ngoại trừ việc nó chắc chắn không phải là rượu, trong lúc bà lão bị hai người đàn ông giữ chặt, mái tóc muối tiêu của bà rũ xuống run rẩy trước khuôn mặt suy sụp, hét lên những lời thóa mạ bọn họ bằng giọng the thé. Trong căn phòng ở nhà kho, có một cái giường, một cái thùng đựng rác và những vật phế thải không tên với lũ chuột chạy rầm rầm suốt đêm, người phụ nữ đã tìm thấy một nơi trú ngụ cho mình.

“Ở đây cô sẽ ổn”, Horace nói. “Bất cứ lúc nào cô cũng có thể liên lạc được với tôi qua điện thoại, tại nhà...”, anh nói cho cô tên của một người hàng xóm. “Không, chờ đã, ngày mai tôi sẽ lắp lại điện thoại ở chỗ tôi. Rồi cô có thể...”

“Vâng”, người phụ nữ nói. “Tôi cho rằng tốt hơn anh không nên đến chỗ này.”

“Tại sao? Chẳng lẽ cô nghĩ rằng điều đó sẽ... rằng tôi để tâm đến việc...”

“Anh còn phải sống ở nơi này.”

“Tôi đáng bị nguyên rủa nếu làm vậy. Tôi đã từng để quá nhiều phụ nữ điều khiển công việc của tôi và nếu việc bị vợ xỏ mũi...”

Nhưng anh biết mình chỉ nói như vậy thôi. Anh biết cô ta cũng biết điều ấy, bởi sự dè dặt, nỗi ngờ vực về tất cả hoạt động của những người mà có vẻ như ban đầu chỉ là sự đồng cảm nhưng thực tế lại là sự khôn ngoan thực sự.

“Tôi chắc chắn sẽ tìm anh nếu có gì cần”, cô ta nói. “Tôi chẳng thể làm được gì khác hơn.”

“Chúa ơi”, Horace nói. “Cô đừng để bọn họ... Lũ chó cái”, anh nói, “chó cái”.

Ngày hôm sau anh lắp điện thoại. Anh không gặp cô em gái trong một tuần, cô ta không thể biết được anh đã có một chiếc điện thoại, vậy mà, một tuần trước ngày bắt đầu phiên tòa, vào một buổi tối, điện thoại reo inh ỏi trong lúc anh đang ngồi đọc sách, anh nghĩ rằng đó là Narcissa cho đến khi, qua tiếng nhạc từ xa vọng lại của máy hát hoặc radio, một giọng đàn ông vang lên thận trọng như vọng lên từ dưới đáy mồ.

“Snopes đây. Anh mạnh khỏe chứ, luật sư?”

“Cái gì cơ?”, Horace nói. “Ai vậy?”

“Thượng nghị sĩ Snopes. Cla’ence Snopes.” Tiếng máy hát vọng lại chói tai, anh có thể hình dung ra người đàn ông đó, cái mũ bần, bờ vai rộng, đang tựa vào chiếc máy kia - trong một hiệu thuốc hoặc quán ăn - bàn tay đeo nhẫn mềm mại, to lớn, cái điện thoại như thứ đồ chơi trong bàn tay ông ta.

“Ồ”, Horace nói. “Vâng. Chuyện gì vậy?”

“Tôi có một mẫu tin nhỏ có thể làm anh quan tâm.”

“Thông tin làm tôi quan tâm?”

“Tôi nghĩ vậy. Nó sẽ làm cả hai bên quan tâm.”

Cái radio hay máy hát đang trình tấu một hợp âm xào xạc như tiếng lau sậy của hai chiếc kèn saxophone đập vào tai Horace. Tục tũu, dễ dãi, âm thanh đó giống như tiếng hai con khỉ đang cãi nhau trong một cái chuồng. Anh có thể nghe thấy tiếng thở hổn hển của người đàn ông ở đầu dây bên kia.

“Được rồi”, anh nói. “Ông biết điều gì sẽ làm tôi quan tâm?”

“Tôi sẽ để anh đánh giá việc đó.”

“Được rồi. Tôi sẽ có mặt ở thị trấn vào buổi sáng. Ông có thể tìm thấy tôi ở đâu đó.”

Rồi anh nói ngay tức thì: “A lô!”. Người đàn ông như đang thở vào lỗ tai Horace: một âm thanh thô bạo, bất thành hình như báo điềm dữ. “A lô!” Horace nói.

“VẬY là rõ ràng nó không làm anh quan tâm. Tôi nghĩ tôi sẽ thương lượng với bên kia và không làm phiền anh nữa. Tạm biệt.”

“Không, chờ đã”, Horace nói. “A lô! A lô!”

“Hả?”

“Tôi sẽ đến đó ngay tối nay. Tôi sẽ có mặt ở đó trong vòng mười lăm...”

“Không cần thế đâu”, Snopes nói. “Tôi có ô tô. Tôi sẽ lái tới đó.”

Anh đi xuống cánh cổng. Tối nay có trăng. Bên dưới vòm cây tuyết tùng đen sẫm, những con đom đóm nhỏ bé chập chờn bay trong không trung lấp lánh ánh trắng. Những cây tuyết tùng màu đen chìa lên bầu trời như một cái bóng cắt bằng giấy, bãi cỏ lấp lánh như một đĩa kim loại mỏng bằng bạc. Ở đâu đó tiếng một con chim bắt muỗi lặp lại, run rẩy, xen lẫn tiếng những loài côn trùng. Ba chiếc ô tô phóng vụt qua. Chiếc thứ tư chạy chậm lại và ngoặt về phía cổng. Horace bước vào vùng ánh sáng. Đằng sau tay lái, cái bóng đồ sộ của Snopes hiện ra lơ lửng, khiến người ta liên tưởng ra ông ta đã bị nhét vào ô tô trước khi mui xe được ráp lên. Ông ta chìa bàn tay ra với Horace.

“Tối nay anh khỏe không, luật sư? Tôi không biết anh lại quay về sống trong thị trấn cho đến khi tôi cố hỏi về anh ở chỗ bà Sartorises.”

“Thế à, cảm ơn”, Horace nói. Anh rút tay lại. “Ông có thông tin gì vậy?”

Ông ta nhoài người qua cửa kính xe, liếc xung quanh với vẻ thăm dò.

“Chúng ta sẽ nói chuyện ở đây”, Horace nói. “Tránh cho ông khỏi phải quay xe.”

“Ở đây không kín đáo lắm”, Snopes nói. “Nhưng anh đã nói như thế.” To lớn và béo tròn, ông ta hiện ra lơ mờ, thân người cong lại, khuôn mặt không rõ đường nét. Horace có thể cảm thấy Snopes quan sát anh, anh cảm thấy sự xuất hiện của điềm gờ đã đến qua điện thoại, một kiểu tính toán xảo quyệt và đầy hàm ý.

“Hãy vào nhà để nói chuyện”, Horace nói. Snopes mở cửa xe. “Lái tiếp đi”, Horace nói. “Tôi sẽ đi bộ lên.” Snopes tiếp tục lái. Ông ta đang chui ra khỏi ô tô khi Horace bắt kịp ông ta. “Nào, đó là chuyện gì vậy?”, Horace hỏi.

Một lần nữa, Snopes nhìn vào căn nhà. Ông ta nói: “Như tôi luôn nói, người đàn ông đã kết hôn nên có một chỗ trú nhỏ bé cho riêng mình, nơi anh ta có thể ra thoát khỏi mọi thứ, làm việc của mình mà không bị bất cứ ai làm phiền. Tất nhiên người đàn ông nợ vợ anh ta một điều gì đó, nhưng những gì họ không biết không thể làm họ đau đớn, đúng không?”.

Horace nói: “Ông muốn gặp tôi để nói vấn đề gì vậy?”.

Một lần nữa anh có cảm tưởng Snopes đang quan sát mình, cái nhìn chăm chăm trơ trẽn, tính toán và hoàn toàn không đáng tin tưởng. “Chà, như tôi luôn nói, không ai quan tâm tới chuyện riêng tư của một người đàn ông ngoài chính anh ta. Tôi không trách anh. Nhưng khi anh hiểu tôi rõ hơn, anh sẽ biết tôi không phải kẻ hay đưa chuyện... Hút một điếu xì gà chứ?” Bàn tay to lớn của ông ta đập nhẹ vào ngực và chìa ra hai điếu xì gà.

“Không, cảm ơn.”

Snopes đốt một điếu xì gà, khuôn mặt ông ta bên cạnh que điềm giống như một cái bánh nướng đặt trên một lưới dao sắc.

“Ông muốn gặp tôi về vấn đề gì vậy?”, Horace hỏi.

Snopes bập bập điếu xì gà. “Hai ngày trước đây tôi đã thu thập được một thông tin sẽ có giá trị với anh, nếu tôi không lầm.”

“Ồi chao. Giá trị. Giá trị gì?”

“Tôi sẽ để anh đánh giá điều đó. Tôi có thể thương lượng với phe kia, nhưng tôi và anh là đồng hương và những cái gì đó tương tự thế.”

Tâm trí Horace lập tức nhớ ra gia đình của Snopes có gốc ở đâu đó gần Bend ở Frenchman và vẫn còn sống ở đó. Anh biết những cách bất chính mà từ đó thông tin được truyền từ người này qua người kia của loại người thất học ấy, loại người cư trú tại khu vực đó của đất nước. Nhưng chắc chắn đó không thể là thông tin mà ông ta bán được cho nhà nước, anh suy nghĩ. Anh đâu phải là tên ngu dốt.

“Vậy thì tốt hơn ông nên bảo tôi nó là chuyện gì”, anh nói.

Anh có thể cảm thấy Snopes đang quan sát mình. “Anh nhớ cái ngày anh lên tàu tại Oxford chứ, nơi anh tới vì một vài công việc...”

“Có”, Horace nói.

Snopes bập bập điệu xì gà. Ông ta giơ tay lên và đưa nó ra sau gáy. “Anh nhớ đã nói với tôi về một cô gái?”

“Vâng. Thì sao?”

“Đó là anh nói vậy.”

Anh có thể ngửi thấy mùi hoa kim ngân và nghe thấy tiếng chim bắt muỗi, du dương, náo nức, lặp đi lặp lại. “Ý ông là, ông biết cô ta ở đâu?” Snopes không nói gì. “Và ông sẽ ra giá cho nó?” Snopes vẫn im lặng. Horace nắm hai bàn tay, đút vào túi quần và khép vào cạnh sườn. “Điều gì khiến ông nghĩ rằng thông tin đó sẽ làm tôi quan tâm?”

“Cái đó để cho anh đánh giá. Tôi không phải là người đang nhận một vụ án giết người như anh. Tôi đầu có xuống Oxford để kiếm cô ấy. Dĩ nhiên, nếu nó không làm anh quan tâm, tôi sẽ thương lượng với phe kia. Tôi chỉ đang cho anh cơ hội.”

Horace xoay về hướng bậc tam cấp. Anh di chuyển cẩn trọng như một ông già. “Ngồi xuống đi”, anh nói. Snopes theo sau và ngồi lên bậc thềm. Họ ngồi dưới ánh trăng. “Ông biết cô ta ở đâu?”

“Tôi đã thấy cô ta.” Một lần nữa ông ta đưa tay ra sau gáy. “Chắc chắn. Nếu cô ta không... chưa từng ở đó, anh có thể lấy lại tiền. Tôi không thể nói gì công bằng hơn nữa, phải không?”

“Và cái giá ông đưa ra là?”, Horace hỏi. Snopes lại bập bập điệu xì gà. “Tiếp đi”, Horace nói. “Tôi sẽ không mặc cả.” Snopes trả lời: “Được rồi”. Horace nói: “Tôi sẽ thanh toán nó”. Anh dựng hai đầu gối

lên, chống khuỷu tay lên trên đó và úp hai bàn tay vào mặt. “Ở đâu... Đợi đã. Ông có phải là người của cộng đồng Baptist không?”

“Mấy người thân của tôi thì có. Bản thân tôi lại bị ảnh hưởng bởi chủ nghĩa tự do. Tôi không bảo thủ chút nào, như anh sẽ nhận thấy khi anh biết tôi rõ hơn.”

“Được rồi”, Horace nói. “Cô ta ở đâu?”

“Tôi tin anh”, Snopes nói. “Cô ấy ở trong một *nhà chứa* tại Memphis.”

Khi Horace đi vào cánh cổng nhà cô Reba và tiếp cận cái cửa mắt cáo, một người nào đó gọi tên anh phía sau lưng. Đang là buổi tối, những ô cửa sổ trên bức tường tróc vảy, dầm mưa dãi nắng đang đóng kín, xám xịt. Anh dừng bước và ngoái lại. Ở một góc phố liền kề, cái đầu của Snopes nhô ra, như một con gà tây. Ông ta bước tới, nhìn lên căn nhà, rồi rảo bước. Ông ta đi dọc theo hàng rào và bước vào cổng với vẻ cảnh giác.

“Ái chà, luật sư”, ông ta nói. “Những cậu bé sẽ luôn là những cậu bé, không phải sao?”

“Bây giờ thì là chuyện gì?”, Horace hỏi. “Ông muốn gì ở tôi?”

“Này, này, luật sư. Tôi sẽ không kể chuyện này ở nhà đâu. Bỏ hết ý nghĩ đó ra khỏi tâm trí của anh đi. Nếu đáng nam nhi chúng ta bắt đầu kể về những gì chúng ta biết, sẽ không ai trong chúng ta có thể xuống khỏi chuyến tàu hỏa ở Jefferson một lần nữa, phải không nào?”

“Ông cũng biết rằng tôi đang làm gì ở đây. Ông muốn gì ở tôi?”

“Chắc chắn, chắc chắn mà”, Snopes nói. “Tôi biết một anh chàng kết hôn và không hiểu được vợ của anh ta đang ở đâu, sẽ cảm thấy thế nào mà.” Ông ta nháy mắt với Horace. “Thoải mái đi. Tôi cũng hiểu mà. Chỉ là tôi ghét phải thấy một người tốt...” Horace tiếp tục đi về phía cửa. “Luật sư”, Snopes khẽ gọi. Horace quay lại. “Đừng ở lại.”

“Đừng ở lại?”

“Gặp cô ta rồi rồi đi luôn. Đó là chỗ cho những thằng ngu dễ bị lừa. Chỗ cho những anh chàng nông dân... Tôi sẽ đợi ở ngoài này và chỉ cho anh một chỗ...” Horace tiếp tục đi và bước vào cái cửa mắt cáo. Hai tiếng sau, khi anh đang ngồi nói chuyện với cô Reba tại phòng cô ta trong khi bên ngoài cánh cửa, tiếng bước chân và thi thoảng những giọng nói vọng đến trôi đi trong cái hành lang và trên những bậc cầu thang, Minnie đi vào với một mảnh giấy nham nhở và đưa nó cho Horace.

“Cái gì đó?”, cô Reba hỏi.

“Cái ông mặt bánh nướng to phồng hung tợn đó gửi nó cho ông này”, Minnie nói. “Ông ta bảo ông đi xuống dưới đó.”

“Cô có để cho ông ta vào không?”, cô Reba hỏi.

“Không. Ông ta không muốn vào trong.”

“Anh có biết ông ta không?”, cô ta hỏi Horace.

“Có. Tôi dường như không có cách nào thoát khỏi ông ta”, Horace nói. Anh mở mảnh giấy. Nó được xé từ một tờ thông cáo phát tay, trên đó có một địa chỉ được viết bằng bút chì với nét chữ nắn nót, uyển chuyển.

“Ông ta xuất hiện ở đây chừng hai tuần nay”, cô Reba nói. “Vào đây tìm hai cậu trai và ngồi lì ở phòng ăn, thư giãn và sờ mông mấy đứa con gái, nhưng ông ta có tiêu một xu hay không thì tôi không biết. Ông ta có bao giờ gọi đồ gì không, Minnie?”

“Không”, Minnie nói.

“Và một, hai đêm sau ông ta lại tới. Không bỏ ra lấy một đồng, không làm gì cả và chỉ nói nên tôi bảo ông ta: ‘Này ông, những người sử dụng phòng đợi này bây giờ hoặc chút nữa đều sẽ say mèm cả đấy’. Thế là lần sau ông ta mang theo nửa lít whiskey. Tôi không quan tâm đến chuyện đó, nếu là một khách sộp. Nhưng khi một thằng cha như ông ta đến đây ba lần, cầu véo mấy cô gái của tôi, mang theo nửa lít whiskey và gọi bốn lon Coca... Chỉ là một gã rẻ tiền, thô bỉ. Vì thế tôi bảo Minnie không để cho ông ta vào đây bất kỳ lần nào nữa và rồi một buổi chiều tôi đang ngả lưng định chợp mắt thì... Tôi không biết ông ta đã dùng cách gì với Minnie để lọt vào đây. Tôi biết ông ta chẳng bao giờ cho Minnie thứ gì cả. Làm sao mà ông ta làm được chuyện đó, Minnie? Hẳn là ông ta đã cho cô xem thứ cô chưa bao giờ nhìn thấy. Đúng không?”

Minnie lắc đầu. “Ông ta chẳng có cái gì khiến tôi muốn xem cả. Tôi đã làm việc rất cực nhọc để mong đời mình khá hơn.” Chồng Minnie đã bỏ cô ta. Anh chàng không chấp nhận công việc của Minnie. Anh ta là đầu bếp của một nhà hàng và đã lấy tất cả quần áo cùng nữ trang mà những phụ nữ da trắng từng cho Minnie rồi bỏ đi với một cô tiếp viên trong nhà hàng đó.

“Ông ta cứ hỏi và gợi ý bóng gió về cô gái đó”, cô Reba nói, “và tôi bảo ông ta đi mà hỏi Popeye nếu ông ta nóng lòng muốn biết đến thế. Tôi chẳng nói gì với ông ta ngoại trừ *đi đi và ra ngoài*, anh thấy đấy, ngày hôm nay vào khoảng hai giờ chiều, khi tôi đang ngủ, Minnie đã để cho ông ta vào. Ông ta hỏi ai đang ở đây và cô ta đã trả lời rằng không có ai cả, rồi ông ta đi lên lầu. Minnie nói đúng lúc ấy Popeye đi vào. Cô ta nói cô ta không biết phải làm gì lúc đó. Cô ta sợ không dám để cho Popeye vào trong, vì cô ta biết nếu để Popeye vào thì cậu ta sẽ bắn tan xác gã đàn ông chó đẻ béo phì kia ra khắp sàn tầng trên và tôi sẽ đuổi cô ta ra khỏi đây trong khi chồng cô ta vừa bỏ rơi cô ta.

Thế là Popeye đi lên lầu một cách rón rén như một con mèo và tới gần chỗ bạn anh, nhòm trộm qua cái lỗ khóa. Minnie nói Popeye đứng sau lưng ông ta chừng một phút. Cậu ta lấy ra một miếng thuốc lá, đánh một que diêm lên móng tay cái mà không gây chút tiếng động nào và châm miếng thuốc, sau đó Popeye tới gần và để que diêm ngay phía sau gáy của bạn anh. Minnie nói cô ta đứng ở lưng chừng cầu thang và quan sát bọn họ: tên đàn ông đó quỳ ở đấy với bản mặt giống như cái bánh nướng bị lấy ra khỏi lò quá sớm, Popeye phun khói qua lỗ mũi và hằm hằm nhìn ông ta. Rồi cô ta đi xuống và độ mười giây sau, ông ta xuống cầu thang với hai bàn tay trên đỉnh đầu, đi ầm ầm nghiêng ngả giống như một trong những chiếc xe ngựa chở hàng lớn và cào cào cánh cửa khoảng một phút. Minnie nói ông ta rên rỉ như gió trong một ống khói, cho đến khi cô ta mở cửa và để ông ta ra ngoài. Đó là lần cuối ông ta nhấn chuông nhà này cho đến tối nay... Đưa tôi xem cái đó.” Horace đưa cho cô ta mảnh giấy. “Đó là nhà thổ của tụi mọi đen”, cô ta nói. “Đồ chấy rận... Minnie, bảo ông ta là bạn của ông ta không có ở đây. Bảo ông ta là tôi không biết anh ấy đi đâu.”

Minnie đi ra ngoài. Cô Reba nói: “Tôi đã từng tiếp đủ loại đàn ông trong nhà mình, nhưng tôi biết vị trí của mình là ở đâu. Tôi quen cả những tay luật sư. Một tay luật sư lớn nhất ở Memphis đang ở phía sau kia, trong phòng ăn tối của tôi, đang chiêu đãi mấy cô gái. Một tay triệu phú. Ông ta nặng hai trăm tám mươi cân Anh và tự đặt làm cho mình một cái giường đặc biệt rồi gửi đến đây. Lúc này nó đang

nằm trên lầu. Nhưng trên hết là cung cách làm ăn của tôi, không phải của họ. Tôi sẽ không để cho bất cứ cô gái nào của tôi bị quấy rầy bởi những gã luật sư không có lý do chính đáng.”

“Cô không xem đây là lý do chính đáng? Tính mạng của một người đàn ông đang bị đe dọa vì một việc mà ông ta không làm. Cô có thể bị kết tội ngay bây giờ về việc chứa chấp và che giấu một kẻ trốn tránh công lý.”

“Vậy thì hãy để họ đến bắt cậu ta. Tôi chẳng liên quan gì đến việc đó. Tôi có quá nhiều cảnh sát trong nhà này nên không việc gì phải sợ bọn họ.” Cô ta đưa cái cốc vại lên uống và chùi miệng bằng mu bàn tay. “Tôi không dính dáng tới việc mà tôi không biết. Những gì Popeye làm bên ngoài là việc của cậu ta. Khi nào cậu ta bắt đầu giết người trong nhà của tôi, khi ấy tôi sẽ nhúng tay vào.”

“Cô có con không?” Cô ta nhìn anh. “Tôi không có ý soi mói vào những mối quan hệ của cô”, anh nói. “Tôi chỉ đang nghĩ về người phụ nữ đó. Cô ấy sẽ lại phải ra đứng đường và chỉ có Thượng đế mới biết đứa bé đó sẽ trở thành cái gì.”

“Có”, cô Reba nói. “Tôi có bốn đứa, hiện đang ở quê nhà Arkansaw. Tuy nhiên, không phải là con của tôi.” Cô ta nâng cái cốc vại lên và nhìn vào trong đó, nhẹ nhàng lắc lư nó. Cô ta lại đặt nó xuống. “Tốt hơn là không một đứa nào trong bọn chúng ra đời.” Cô ta đứng lên và di chuyển nặng nề đến chỗ Horace, thở hắt hắt phía trên đầu anh. Cô ta đặt tay lên đầu Horace và nâng mặt anh lên. “Anh không lừa dối tôi chứ, phải không?”, cô ta nói, đôi mắt sắc bén, chăm chú và buồn bã. “Không, anh không nói dối.” Cô ta bỏ tay ra khỏi mặt anh. “Chờ ở đây một phút. Tôi sẽ xem xét xem sao.” Cô ta đi ra ngoài. Anh nghe tiếng cô ta nói chuyện với Minnie trong hành lang, rồi tiếng cô ta khó nhọc đi lên những bậc thang.

Anh ngồi lặng im như lúc cô ta rời khỏi. Căn phòng có một chiếc giường gỗ, một bức bình phong có họa tiết, ba cái ghế bọc nệm, một kết sắt gắn liền vào hốc tường. Bàn trang điểm bừa bãi với những vật dụng buộc bằng những cái nơ bằng sa tanh màu hồng. Trên mặt lò sưởi có một bông hoa loa kèn bằng sáp bên dưới một cái chuông thủy tinh, bên trên đó, phủ nhiễu đen, là bức hình của một người

đàn ông trông hiền lành với bộ ria mép rậm rạp. Trên tường treo vài bức tranh bằng đá về những thắng cảnh của Hy Lạp và một bức tranh bằng đất nung. Horace đứng lên và đi đến cửa. Minnie ngồi trên một cái ghế trong hành lang lờ mờ.

“Minnie”, anh nói. “Tôi phải uống một cái gì đó. Cho tôi một vai lớn.”

Anh vừa mới uống xong thì Minnie bước vào. “Cô ấy bảo anh đi lên trên đó”, cô ta nói.

Anh đi lên cầu thang. Cô Reba đang chờ ở tầng trên cùng. Cô ta mở một cánh cửa đi vào một căn phòng tối om. “Anh phải nói chuyện với cô ấy trong bóng tối”, cô ta nói. “Cô ấy sẽ không cho bật đèn đâu.” Ánh đèn từ hành lang hắt qua cánh cửa và vắt ngang giường. “Đây không phải phòng cô ấy”, cô Reba nói. “Cô ấy thậm chí không muốn gặp anh trong phòng của mình. Tôi nghĩ rằng anh nên chiều theo ý cô ấy cho đến khi anh tìm hiểu được điều anh muốn biết.” Họ đi vào. Ánh đèn hắt ngang qua giường, chiếu lên hình dáng ai đó đang nằm cong cong bất động dưới tấm chăn. Cô ấy sẽ ngạt thở mất, Horace nghĩ. “Cưng à”, cô Reba nói. Thân hình ấy không hề động đậy. “Anh ta đây này. Vì em trùm kín hết rồi, hãy để chị bật đèn nhé. Rồi chúng ta có thể đóng cửa.” Cô ta bật đèn lên.

“Cô ấy sẽ ngạt thở mất”, Horace nói.

“Cô ấy sẽ chui ra trong vòng một phút thôi”, cô Reba nói. “Tiếp tục đi. Nói cho cô ấy biết anh muốn gì. Tôi nên ở lại đây. Nhưng đừng quan tâm đến tôi. Tôi không thể tồn tại trong công việc làm ăn này nếu không học cách trở nên câm điếc từ bao lâu nay. Và nếu có bất kỳ sự tò mò nào, tôi đã bào mòn nó từ lâu trong căn nhà này rồi. Ghế đây.” Cô ta xoay người, nhưng Horace đã nhanh tay hơn và kéo ra hai cái ghế. Anh ngồi xuống bên cạnh giường và hướng vào khối chăn bất động, anh nói:

“Tôi chỉ muốn biết chuyện gì đã xảy ra. Cô sẽ không phải cam kết gì cả. Tôi biết rằng cô không làm chuyện đó. Tôi hứa rằng cô sẽ không phải làm chứng trong phiên tòa trừ phi họ muốn treo cổ ông ta mà không cần điều đó. Tôi biết cảm giác của cô là như thế nào.

Tôi sẽ không làm phiền đến cô nếu mạng sống của người đàn ông đó không bị đe dọa.”

Khối chần không hề lay động.

“Họ sẽ treo cổ ông ta vì một tội ác mà ông ta không hề gây ra”, cô Reba nói. “Và người đàn bà đó sẽ không còn gì cả, ngay cả người thân. Em thì có những viên kim cương, còn cô ta chỉ có đứa bé tội nghiệp đó. Em đã thấy nó rồi, đúng không cưng?”

Khối chần vẫn không hề lay động.

“Tôi biết cảm giác của cô là như thế nào”, Horace nói. “Cô có thể dùng một cái tên khác, hóa trang và đeo kính để không ai nhận ra cô.”

“Họ sẽ không bắt Popeye, cưng à”, cô Reba nói. “Cậu ta tinh ranh như thế. Em không biết tên cậu ta, tuyệt nhiên không, và nếu em phải đi làm chứng trong phiên tòa, chị sẽ gửi lời nhắn đến cậu ta sau khi em rời đi và cậu ta sẽ đến một nơi nào đó rồi liên lạc với em. Em và cậu ta không muốn ở Memphis này. Luật sư sẽ bảo vệ em và em sẽ không phải nói bất cứ điều gì mà em...” Khối chần bắt đầu chuyển động. Temple hét tắt chần ra và ngồi dậy. Mái tóc bù xù. Hơi thở dồn dập, hai má phớt hồng và miệng cô tạo thành hình cánh cung của thần ái tình. Cô nhìn chăm chăm Horace một lát với vẻ phản đối, rồi nhìn đi chỗ khác.

“Tôi muốn một ly rượu”, cô vừa nói vừa kéo vai áo ngủ lên.

“Nằm xuống”, cô Reba nói. “Em sẽ bị cảm lạnh đó.”

“Tôi muốn một ly rượu nữa”, Temple nói.

“Nằm xuống và đắp chăn lên tận cổ em đi”, cô Reba vừa nói vừa đứng lên. “Em đã uống ba ly kể từ bữa tối rồi còn gì.”

Temple lại kéo áo ngủ lên lần nữa. Cô nhìn Horace. “Vậy anh cho tôi một ly rượu đi.”

“Thôi nào, cưng”, cô Reba nói, cố đẩy cô nằm xuống. “Nằm xuống, đắp chăn lại và kể cho anh ấy nghe chuyện đó. Chị sẽ lấy cho em một ly rượu trong vòng một phút nữa.”

“Hãy để tôi yên”, Temple nói, lăn lộn để vùng ra. Cô Reba kéo mấy tấm chăn lên vai cô gái. “Vậy cho tôi một liều thuốc đi. Anh có thuốc

không?”, cô hỏi Horace.

“Chị sẽ lấy thuốc cho em trong vòng một phút”, cô Reba nói. “Em sẽ làm những gì anh ta muốn em làm chứ?”

“Cái gì?”, Temple nói. Cô nhìn chăm chăm Horace với vẻ gầy chiến.

“Cô không cần phải nói với tôi hắn ta đang ở đâu”, Horace nói.

“Đừng nghĩ là tôi sợ không dám kể”, Temple nói. “Tôi sẽ nói ở bất cứ đâu. Đừng nghĩ là tôi sợ. Tôi chỉ muốn một ly rượu.”

“Em hãy nói với anh ấy rồi chị sẽ lấy rượu cho em”, cô Reba nói.

Ngồi dậy trên giường, khoác tấm chăn trên vai, Temple kể cho anh nghe về cái đêm cô ở trong căn nhà đổ nát, từ lúc cô đi vào căn phòng và cố chặn cánh cửa bằng chiếc ghế, cho đến khi người phụ nữ đến bên giường và dẫn cô đi ra. Đó dường như là phần duy nhất của toàn bộ câu chuyện đêm hôm đó đã để lại chút ấn tượng với cô: cái đêm cô đã trải qua trong sự sợ hãi, lo lắng bản thân sẽ bị xâm phạm. Thi thoảng Horace cố gắng lái cô đến gần hơn vụ án mạng, nhưng cô lờ đi và quay lại với việc mình đang ngồi trên giường, lắng nghe tiếng của những người đàn ông ngoài hiên, hoặc đang nằm trong bóng tối những khi họ vào phòng, đến bên giường và đứng phía trên cô.

“Vâng, điều đó”, cô gái nói, “đã xảy ra. Tôi không biết. Tôi đã sợ hãi lâu đến nỗi tôi nghĩ rằng mình chỉ vừa mới được sinh ra. Vì vậy tôi chỉ ngồi đó, trên vỏ hạt bông và quan sát anh ta. Lúc đầu tôi cứ nghĩ đó là một con chuột. Ở đó có hai con. Một con đang ở trong một cái góc, nhìn tôi và con kia trong một cái góc khác. Tôi không biết chúng sống bằng gì, bởi vì ở đây chẳng có bất cứ thứ gì ngoài những lõi ngô và vỏ hạt bông. Có lẽ chúng vào nhà để kiếm thức ăn. Nhưng trong nhà chẳng có con chuột nào cả. Tôi chưa bao giờ nghe thấy tiếng chuột trong nhà. Tôi nghĩ có thể đó là một con chuột khi tôi nghe thấy tiếng của chúng lúc đầu, nhưng anh có thể cảm nhận được có người trong một căn phòng tối: anh biết điều đó chứ? Anh không cần phải nhìn thấy họ. Anh có thể cảm thấy họ như lúc anh đang ở trong một chiếc ô tô khi họ bắt đầu tìm chỗ để xuống xe...” Cô tiếp tục như thế, trong một bản độc thoại phù phiếm mà những

người phụ nữ có thể thao thao bất tuyệt khi họ nhận ra rằng họ đang ở trung tâm của sân khấu. Đột nhiên Horace nhận thức rằng cô đang thuật lại những trải nghiệm với lòng tự hào thực sự, một sự kiêu hãnh ngây thơ, như thể cô đang dựng chuyện, cô hết nhìn anh lại nhìn cô Reba với những cái liếc mắt sắc cạnh, nhanh như tên bắn hết như một con chó đang chặn hai con gia súc trên con đường nhỏ.

“Vì thế bất cứ khi nào thờ, tôi lại nghe thấy những tiếng góm ghiếc đó. Tôi không hiểu sao người ta lại có thể ngủ được trên một cái giường như thế. Nhưng có lẽ anh sẽ quen dần với nó. Hoặc có thể họ quá mệt mỏi nên chỉ cần một cái giường để ngủ. Tôi nghe thấy bọn họ đang uống say trên cái hiên. Tôi bắt đầu nghĩ mình có thể biết được đâu họ tựa vào chỗ nào ở bức vách đằng sau lưng và tôi nói: Bây giờ tên này đang uống rượu từ cái bình. Bây giờ tên kia đang uống. Như một mớ hỗn độn trên giường sau khi anh thức dậy, anh hiểu không?

Rồi tôi phải nghĩ đến một chuyện buồn cười. Anh sẽ biết phải làm gì khi sợ hãi. Tôi nhìn vào hai chân và cố ra vẻ mình là một thằng con trai. Tôi nghĩ giá mà mình là một thằng con trai và rồi cố gắng biến mình thành con trai bằng ý nghĩ. Anh biết anh làm được những việc như thế bằng cách nào... Tôi đã nghĩ về những gì họ kể cho trẻ con, về chuyện hôn khuỷu tay⁽⁸⁾ và tôi đã cố thử. Tôi đã thực sự làm thế. Tôi đã rất sợ hãi, và tự hỏi liệu tôi có thể nói được khi điều đó xảy ra hay không. Ý tôi là, trước khi điều đó xảy ra, tôi sẽ đi ra ngoài và chỉ cho bọn họ thấy... anh biết đấy. Tôi sẽ bật một que diêm và nói: Nhìn đây. Thấy không? Giờ thì hãy để tôi yên. Và rồi tôi có thể đi ngủ. Tôi nghĩ khi đó tôi có thể lên giường và đi ngủ, bởi vì tôi buồn ngủ. Tôi buồn ngủ đến nỗi hầu như không thể điều khiển nổi hai mắt mở ra.

Vì vậy tôi nhắm nghiền mắt và nói ‘Bây giờ tôi là con trai’. Bây giờ tôi là con trai. Tôi nhìn vào hai cẳng chân mình và nghĩ về chuyện tôi đã đối xử với chúng như thế nào. Tôi đã nghĩ tới biết bao cuộc khiêu vũ mà tôi đã tham dự, tôi đã hành hạ chúng... Thật là điên rồ. Và bây giờ chúng đưa tôi vào trong hoàn cảnh này. Cho nên tôi nghĩ về chuyện cầu nguyện để biến thành một thằng con trai, tôi cầu nguyện

và rồi ngồi hết sức yên lặng, chờ đợi. Sau đó, tôi nghĩ có lẽ mình không thể nói được gì nếu chuyện đó xảy ra và tôi đã sẵn sàng để nhìn. Rồi tôi nghĩ có lẽ hãy còn quá sớm để nhìn, nếu nhìn quá sớm tôi có thể làm hỏng mọi chuyện và nó sẽ không xảy ra, chắc chắn thế. Vì vậy tôi đếm. Ban đầu, tôi nói trước hết phải đếm đến năm mươi, rồi tôi nghĩ vẫn còn quá sớm, phải đếm thêm năm mươi nữa. Sau đó, tôi lại nghĩ nếu tôi không nhìn đúng lúc, có thể sẽ quá muộn.

Rồi tôi nghĩ đến chuyện tự buộc chặt mình lại bằng cách nào đó. Có một cô gái từng ra nước ngoài nghỉ hè đã kể tôi nghe về một loại đai sắt trong một viện bảo tàng được một ông vua hay gì gì đó dùng để khóa hoàng hậu lại khi ông ta phải đi xa và tôi nghĩ giá mà tôi có cái đó. Đó là lý do tôi lấy cái áo mưa và mặc nó. Cái bi đồng treo kế bên nó, tôi lấy luôn cả nó và để nó trong...”

“Bi đồng?”, Horace nói. “Tại sao cô làm vậy?”

“Tôi không biết tại sao mình lại lấy nó. Tôi sợ không dám để nó lại đó, tôi cho là vậy. Nhưng tôi đã nghĩ giá mà tôi có cái vật của Pháp đó. Tôi đã nghĩ có lẽ nó phải có những cái đinh dài nhọn hoắt, anh ta sẽ không biết điều đó cho đến khi quá muộn và tôi sẽ thọc mạnh nó vào anh ta. Tôi sẽ thọc mạnh hết cỡ và nghĩ về chuyện máu chảy lên người tôi và tôi sẽ nói: Tôi nghĩ cái đó sẽ cho anh một bài học! Tôi nghĩ bây giờ anh sẽ để tôi yên! Tôi sẽ nói vậy. Tôi không biết sự việc lại diễn biến theo một cách khác... Tôi muốn một ly rượu.”

“Chị sẽ lấy cho em sau một phút nữa”, cô Reba nói. “Tiếp tục kể cho anh ấy đi.”

“Ồ, vâng, đây là một chuyện buồn cười khác mà tôi đã làm.” Cô kể về chuyện nằm với Gowan đang ngay bên cạnh trong bóng tối, lắng nghe tiếng cọt kẹt than vãn của cái giường và nghe thấy tiếng của tất cả những chuyển động trong bóng đêm, cảm thấy Popeye đang đến gần. Cô có thể nghe thấy máu mình chuyển động trong những tĩnh mạch, những cơ thịt bé nhỏ ở khoe mắt đang nứt rạn một cách yếu ớt và chiếc mũi hết lạnh rồi lại nóng. Rồi anh ta đứng phía trên đầu giường và cô nói: Nào. Chạm vào tôi đi. Chạm vào tôi đi! Anh là một tên hèn nhát nếu không làm thế. Hèn nhát! Hèn nhát!

“Lúc đó tôi muốn ngủ, anh hiểu đó. Mà anh ta cứ đứng đấy. Tôi đã nghĩ nếu anh ta tiến tới và làm cho xong chuyện, tôi có thể đi ngủ. Vì vậy tôi nói: Anh là một tên hèn nhát nếu không làm thế! Anh là một tên hèn nhát nếu không làm thế! Tôi có thể cảm thấy miệng mình đang gào lên và cái viên tròn tròn bé nhỏ nóng hổi đó bên trong anh ta cũng đang gào thét. Rồi nó chạm vào tôi, bàn tay nhỏ bé lạnh ngắt bắn thiu đó, nghịch ngợm vờ vẩn bên trong cái áo mưa nơi tôi đang trần truồng. Nó lạnh như nước đá và da tôi bắt đầu nhẩy khỏi nó giống như những con cá chuồn bé xíu bơi đằng trước một con tàu. Như thể da tôi biết bàn tay đó sẽ đi đường nào trước khi nó bắt đầu chuyển động, da tôi cứ tiếp tục bật nảy mạnh ngay phía trước nó mỗi khi nó lại gần.

Rồi bàn tay ấy đưa xuống phía bụng, tôi chưa ăn gì từ bữa tối hôm trước, ruột tôi bắt đầu sôi ùng ục và tiếng cọt kẹt của cái giường bắt đầu phát ra liên hồi đến nỗi giống như nó đang cười nhạo. Tôi đã nghĩ rằng nó cười nhạo tôi bởi vì lúc đó bàn tay anh ta đang đi vào bên trong cái quần lót và tôi vẫn chưa biến thành một thằng con trai.

Đó là một chuyện thật buồn cười, bởi vì khi đó tôi không thờ. Tôi đã không thờ một lúc lâu. Vì vậy tôi nghĩ mình đã chết. Rồi tôi làm một chuyện rất buồn cười. Tôi có thể thấy chính mình trong cái quan tài. Tôi trông khá là dễ thương... anh biết đấy: mặc toàn màu trắng. Tôi đeo mạng che mặt như một cô dâu và đang khóc bởi tôi đã chết hoặc trông xinh xắn hay đại loại thế. Không: Tôi khóc bởi vì âm thanh cọt kẹt từ chiếc quan tài tôi đang nằm, lúc đó tôi có thể cảm thấy mũi mình hết lạnh lại nóng và hết nóng lại lạnh, tôi có thể nhìn thấy tất cả mọi người đang ngồi xung quanh quan tài và nói: Nhìn cô ta mà không xinh ư? Dễ thương đấy chứ!

Nhưng tôi cứ tiếp tục nói: Đồ hèn nhát! Đồ hèn nhát! Chạm vào tôi đi, đồ hèn nhát! Tôi nổi điên, bởi vì anh ta quá chần chừ. Tôi nói với anh ta: Anh nghĩ tôi sẽ nằm đây cả đêm, chỉ để chờ đợi anh ư? Tôi nói vậy đấy. Tôi nói: Hãy để tôi bảo cho anh biết tôi sẽ làm gì. Và tôi nằm đó, tiếng cọt kẹt của cái giường đang cười nhạo tôi, tôi bật nảy về phía bàn tay anh ta và tôi nghĩ mình sẽ nói với anh ta cái gì. Tôi sẽ nói chuyện với anh ta giống như việc giáo viên hay làm ở trường,

tôi sẽ là một cô giáo và anh ta là một thằng bé da đen, kiểu như thế. Tôi hỏi: Mình bao nhiêu tuổi? Và tôi tự trả lời: Mình bốn mươi lăm tuổi. Tôi có mái tóc muối tiêu, đeo kính và đầy đầ như những người phụ nữ ở đây. Tôi mặc một bộ vest màu xám, tôi không bao giờ mặc được màu xám. Rồi tôi nói với anh ta là tôi sẽ làm cái gì và bàn tay ấy có vẻ nhích dần lên trên giống như nó có thể đã thấy được sự biến đổi.

Rồi tôi nói: Điều đó sẽ không hiệu quả. Mình phải là một người đàn ông. Thế là tôi biến thành một ông già, với chòm râu dài trắng xóa, cái tên da đen nhỏ bé kia thì ngày càng nhỏ lại và tôi nói: Thế nào? Anh thấy chưa? Bây giờ tôi là một người đàn ông. Rồi tôi nghĩ đến việc làm một người đàn ông, nhưng ngay khi tôi nghĩ tới nó, điều đó đã xảy ra. Nó tạo ra một tiếng tòm. Tôi cảm thấy nó lạnh lạnh, như bên trong miệng anh khi anh mở miệng ra. Tôi có thể cảm thấy nó và tôi nằm thật yên để khỏi phải cười về chuyện anh ta sẽ bị ngạc nhiên như thế nào. Tôi có thể cảm thấy cái giật nảy đang diễn ra bên trong cái quần lót chèn gối của tôi và tôi nằm đó, cố gắng không cười về việc anh ta sẽ ngạc nhiên và nổi điên thế nào trong khoảng một phút nữa. Rồi đột nhiên tôi ngủ thiếp đi. Tôi thậm chí không còn tỉnh táo cho đến khi bàn tay anh ta đưa tới chỗ đó. Tôi chỉ ngủ thiếp đi. Tôi thậm chí không thể cảm thấy chính mình đã giật nảy lên, nhưng tôi có thể nghe thấy tiếng cái giường. Tôi không thức dậy cho đến lúc người phụ nữ đó đến và đưa tôi xuống căn nhà nhỏ.”

Trong lúc anh rời căn nhà, cô Reba nói: “Tôi mong anh đưa cô gái ấy đi và đừng để cô ấy trở lại. Tôi sẽ tự tìm người nhà của cô ấy, nếu tôi biết. Nhưng anh biết đấy... Cô ấy sẽ chết, hoặc vào viện tâm thần trong vòng một năm, căn cứ theo cái cách Popeye và cô ấy tiếp tục ở trong căn phòng đó. Chuyện có vẻ gì đó khô hài mà tôi chưa khám phá được. Có thể chính là cô ấy. Cô ấy không được sinh ra để sống kiểu như thế này. Số phận sẽ an bài anh được sinh ra để làm đồ tể hoặc thợ cắt tóc, tôi nghĩ vậy. Sẽ không có bất kỳ ai là đồ tể hoặc thợ cắt tóc chỉ vì tiền hoặc sự vui vẻ”.

Cô gái ấy có lẽ bây giờ đang sống nhưng không bằng chết, Horace nghĩ và tiếp tục bước.

Anh không quay về khách sạn. Anh đến nhà ga. Anh có thể bắt một chuyến tàu hỏa vào nửa đêm. Anh uống một tách cà phê và ngay lập tức thấy hối hận, bởi nó như một quả cầu nóng bỏng nằm trong dạ dày. Ba tiếng đồng hồ sau khi xuống tàu hỏa ở Jefferson, nó vẫn chưa được tiêu hóa. Anh đi bộ vào trung tâm thị trấn và băng qua quảng trường hoang vắng. Anh nghĩ về buổi sáng trước đó khi băng qua cái quảng trường này. Như thể thời gian chưa từng trôi qua: những cái kim chậm chậm quay trên mặt đồng hồ ngời sáng, cùng những cái bóng giống như loài chim kèn kèn trên khung cửa, có thể giờ vẫn là buổi sáng đó và anh chỉ vừa mới đi ngang qua quảng trường, quay đầu và trở lại, tất cả những chuyện vừa diễn ra chỉ là một giấc mơ đầy những hình dạng đáng sợ của chính anh. Thành linh anh bước nhanh, món cà phê vừa uống xóc nảy lên như một hòn đá nóng bỏng, nặng nề bên trong dạ dày.

(8) Truyền thuyết cho rằng khi bạn hôn khuỷu tay mình, bạn có thể thay đổi giới tính.

Lần đầu tiên Temple đi tới đầu cầu thang, hai con người của Minnie hiện lên trong ánh đèn mờ tối bên cạnh cánh cửa phòng cô Reba. Tựa mình vào cánh cửa đã cài then, Temple nghe thấy cô Reba nặng nhọc đi lên cầu thang và gõ cửa. Temple nín lặng tựa vào cánh cửa khi cô Reba hỏn hển và khò khè bên kia cửa với những lời dỗ dành và dọa dẫm. Cô gái vẫn không gây chút tiếng động. Sau một lúc, cô Reba đi xuống cầu thang.

Temple rời khỏi cánh cửa và đứng giữa căn phòng, khẽ vỗ hai bàn tay vào nhau, đôi mắt cô đen thẳm trên khuôn mặt tái xanh. Cô mặc bộ đồ đạo phở, đội một cái mũ. Cô cởi mũ ra, quăng nó vào một góc, bước đi và quăng mình nằm sấp trên giường. Giường vẫn chưa được dọn. Chiếc bàn bên cạnh vương đầy đầu mẩu thuốc lá, sàn nhà chỗ đó toàn tàn thuốc. Cái gối rơi xuống đúng chỗ sàn đó, lổm đóm những cái lỗ nâu. Thường thường trong đêm, cô thức dậy để ngửi mùi thuốc lá và thấy đóm lửa lập lòe giống như một con mắt màu hồng ngọc ở bên miệng của Popeye.

Lúc đó là giữa buổi sáng. Một tia nắng rơi xuống bên dưới tấm màn che cửa sổ phía nam, nằm trên ngưỡng cửa và sau đó chạy vào nằm dài trên sàn nhà. Căn nhà hoàn toàn yên tĩnh, với vẻ mệt mỏi đặc trưng vào giữa những buổi sáng. Thi thoảng một chiếc ô tô đi ngang qua con đường phía dưới.

Temple trở mình trên giường. Khi làm thế, cô nhìn thấy một trong vô số bộ com lê màu đen của Popeye vắt ngang trên ghế. Cô nằm nhìn nó một lúc, rồi đứng lên và vồ lấy bộ y phục, ném mạnh vào trong góc nơi có cái mũ. Trong góc khác là một buồng nhỏ để quần áo được quây bằng những tấm vải hoa. Nó chứa đủ loại quần áo và tất cả đều mới. Cô giật dứ giật chúng xuống và ném mạnh theo sau bộ com lê, rồi tới một hàng mũ trên cái kệ. Những bộ com lê khác của Popeye cũng treo ở đó. Cô vứt mạnh chúng xuống. Đằng sau chúng, treo trên một cái đinh móc, là một cây súng lục tự động nằm trong một cái bao. Cô thận trọng lấy nó xuống, lôi khẩu súng ra và

cầm nó trong tay. Sau một thoáng, cô đi đến bên giường và giấu nó dưới gối.

Bàn trang điểm bữa bộn với đủ những vật dụng - lược và gương, còn mới nguyên, những chai lọ thanh mảnh, kỳ lạ, đều mang nhãn hiệu Pháp. Cô nhặt từng thứ lên và ném mạnh chúng vào trong góc với những tiếng huých và loảng xoảng. Giữa các thứ đó là một chiếc ví màu bạc, nó cũng theo những thứ đó bay vào trong góc. Sau đó, cô quay lại giường và nằm úp mặt xuống trong không khí đậm đặc mùi hương đất tiền.

Buổi trưa, Minnie gõ nhẹ vào cánh cửa. “Bữa ăn của cô đây.” Temple không động dậy. “Tôi sẽ để nó bên cạnh cửa. Cô có thể lấy nó khi nào cô muốn.” Tiếng chân cô người làm bỏ đi. Temple vẫn không động dậy.

Ánh nắng chầm chậm di chuyển trên sàn nhà. Temple ngồi dậy, quay đầu sang bên như thể đang lắng nghe tiếng gì đó, vừa vuốt tóc theo thói quen. Cô lặng lẽ đứng lên, đi tới cánh cửa và lại chăm chú lắng nghe. Rồi cô mở cửa. Khay thức ăn để trên sàn. Cô bước qua nó và đi tới cầu thang, nhìn sẫm soi qua hành lang. Sau một lúc, cô thấy Minnie bước ra, ngồi trên một cái ghế trong hành lang.

“Minnie”, cô nói. Đầu Minnie ngẩng lên, một lần nữa hai mắt cô người làm trợn ngược lên. “Mang cho tôi một ly rượu”, Temple nói. Cô quay về phòng. Cô chờ mười lăm phút. Cô đập mạnh cánh cửa và giậm chân thành thành trên cầu thang khi Minnie xuất hiện trong hành lang.

“Vâng, thưa cô”, Minnie nói, “cô Reba nói... Chúng tôi không còn...”. Cửa phòng cô Reba mở ra. Không nhìn Temple, cô ta nói với Minnie. Minnie lại cao giọng. “Vâng, thưa cô, được rồi. Tôi sẽ mang nó lên trong vòng một phút.”

“Cô nên làm thế”, Temple nói. Cô quay lại và đứng ngay bên trong cánh cửa cho đến khi nghe thấy Minnie leo lên cầu thang. Temple mở cửa he hé.

“Cô sẽ không ăn tối à?”, Minnie nói, dùng đầu gối thúc vào cánh cửa. Temple giữ nó lại.

“Nó đâu rồi?”, cô nói.

“Tôi không dọn phòng cô sáng nay”, Minnie nói.

“Đưa nó đây”, Temple nói, thò tay qua khe hở. Cô lấy ly rượu từ cái khay.

“Cô nên xem ly đó là ly cuối”, Minnie nói. “Cô Reba nói cô sẽ không được ly nào nữa... Tại sao cô lại đối xử với cậu ta như vậy, hả? Cách cậu ta đã tiêu tiền cho cô, cô phải thấy xấu hổ chứ. Cậu ta đúng là một người đàn ông nhỏ bé đẹp trai, dù cậu ta không phải là John Gilbert⁽⁹⁾ và cách cậu ta tiêu tiền...” Temple đóng cửa và cài chặt then. Cô uống ly rượu gin rồi kéo một cái ghế đến bên giường, châm thuốc và ngồi xuống ghế với hai chân gác trên giường. Một lúc sau, cô chuyển cái ghế đến cửa sổ và vén rèm lên một chút để có thể nhìn thấy con đường bên dưới. Cô châm một điếu khác.

Vào lúc năm giờ, cô nhìn thấy cô Reba hiện ra, mặc y phục lụa đen và đội mũ kết hoa, đi xuôi theo con đường. Cô nhẩy lên và bới tìm cái mũ từ đồng quần áo trong góc rồi đội nó lên. Đến cửa, cô quay người trở lại cái góc moi cái ví màu bạc lên và xuống gác. Minnie ở trong hành lang.

“Tôi sẽ cho cô mười đô la”, Temple nói. “Tôi sẽ không đi quá mười phút đâu.”

“Tôi không thể làm chuyện ấy, cô Temple à. Nếu cô Reba phát hiện ra thì tôi sẽ bị đuổi việc và cái cổ của tôi sẽ ko được tha nếu Popeye biết được.”

“Tôi thề tôi sẽ quay lại trong mười phút. Tôi thề tôi sẽ làm thế mà. Hai mươi đô la.” Cô đặt tờ giấy bạc vào tay Minnie.”

“Cô nên quay lại”, Minnie nói, mở cánh cửa. “Nếu cô mà không quay lại đây trong mười phút nữa, tôi cũng sẽ không ở đây nữa đâu.”

Temple mở cái cửa mắt cáo và quan sát bên ngoài. Đường phố trống trơn ngoại trừ một chiếc taxi ở lề đường đối diện và một người đàn ông đội chiếc mũ lưỡi trai đứng bên. Cô bước xuống đường thật nhanh. Ở góc đường, một chiếc taxi vượt qua cô, chạy chậm lại, người tài xế nhìn cô dò hỏi. Cô rẽ vào trong một tiệm thuốc ở góc đường và quay lại bắt điện thoại công cộng. Rồi cô đi về ngôi nhà.

Khi rẽ ở góc đường, cô gặp người đàn ông đội mũ lưỡi trai, tựa vào cửa lúc nãy. Cô đi vào hàng rào mắt cáo. Minnie mở cửa.

“Cảm tạ lòng tốt của cô”, Minnie nói. “Khi cái taxi ở ngoài kia nổ máy, tôi cũng đã sẵn sàng bỏ đi. Nếu cô không nói chút gì về chuyện đó, tôi sẽ lấy cho cô một ly rượu.”

Khi Minnie đem rượu gin đến, Temple bắt đầu uống. Bàn tay run rẩy và khuôn mặt cô có vẻ phấn khởi khi một lần nữa đứng ngay bên trong cánh cửa để nghe ngóng với ly rượu trong tay. Mình sẽ còn cần đến nó, cô nói. Mình sẽ cần nhiều hơn thế. Cô đẩy ly rượu bằng một cái đĩa và cẩn thận giấu nó. Sau đó cô bới đồng y phục trong góc và tìm thấy một chiếc váy dạ hội dài, cô giữ nó rồi treo lại trong buồng để quần áo. Cô quan sát những thứ khác một lúc, rồi quay về giường và nằm xuống. Ngay lập tức, cô đứng lên, kéo ghế ngồi xuống, hai chân gác trên cái giường bừa bộn. Khi ánh sáng ban ngày tắt dần trong căn phòng, cô ngồi hút hết điều thuốc này đến điều thuốc khác, lắng nghe từng âm thanh trên cầu thang.

Vào lúc sáu giờ ba mươi, Minnie mang bữa tối lên. Trên cái khay có thêm một ly rượu gin nữa. “Cô Reba gửi ly này”, cô ta nói. “Cô ấy hỏi, cô cảm thấy thế nào?”

“Bảo cô ấy là tôi ổn”, Temple nói. “Tôi sẽ tắm rửa rồi đi ngủ, bảo cô ấy thế.”

Khi Minnie đã đi rồi, Temple đổ hai ly rượu vào trong một cái cốc vại và nhìn nó đầy thềm muốn, chiếc cốc run rẩy trong hai bàn tay cô. Cô cẩn thận đặt nó sang một bên, đẩy lại và ăn bữa tối ở trên giường. Khi ăn xong, cô châm thuốc lá. Những động tác của cô thật ngớ ngẩn, cô hút thuốc rất nhanh rồi đi lòng vòng quanh phòng. Cô đứng ở chỗ cửa sổ một lát, vén rèm cửa qua một bên, rồi cô bỏ nó xuống và quay trở lại phòng, tự quan sát mình trong gương. Cô xoay người trước gương, ngắm nghía chính mình, phì phèo điều thuốc.

Cô phun nó ra đằng sau, về hướng lò sưởi và đi đến chỗ cái gương để chải tóc. Cô kéo rèm, lấy chiếc váy xuống, đặt nó lên giường và quay trở lại, kéo một ngăn tủ quần áo ra và lấy một bộ y phục. Cô mặc bộ đồ, đóng ngăn kéo lại và chộp ngay lấy cái váy dài

khiêu vũ, treo lại trong buồng để quần áo. Một lát sau, cô thấy mình đi đi lại lại trong phòng, một chiếc thuốc khác đang cháy dở trên tay, không hề nhớ rằng mình đã châm nó. Cô vứt thuốc, đi tới cái bàn, nhìn vào đồng hồ và dựng nó tựa vào bao thuốc để có thể nhìn thấy nó từ trên giường rồi nằm xuống. Khi nằm xuống, cô cảm thấy cây súng lục dưới cái gối. Cô lôi nó ra nhìn ngắm, rồi dặt vào bên hông, nằm bất động, hai chân thẳng, hai bàn tay đặt sau đầu, đôi mắt tập trung, đôi tai lắng nghe từng tiếng động nhỏ nhất phía cầu thang.

Đúng chín giờ, cô đứng dậy, nhặt cây súng lên, một thoáng sau cô nhét nó dưới tấm nệm, cởi đồ và mặc một cái áo choàng kiểu Trung Hoa có những họa tiết rồng vàng, viên ngọc bích và những đóa hoa màu đỏ tươi, cô rời căn phòng. Khi quay lại, những sợi tóc xoắn tít ẩm ướt bám quanh khuôn mặt. Cô đi đến bồn rửa mặt và cầm cái cốc vại lên, giữ nó trong hai bàn tay, nhưng rồi lại để xuống.

Cô thay quần áo, thu dọn chai lọ từ cái góc. Những động tác của cô hãy còn tức giận tuy thế vẫn đòi hỏi phải cẩn thận. Cô đi đến bồn rửa mặt và cầm cái cốc vại lên, nhưng một lần nữa cô ngập ngừng và đi đến cái góc, lấy áo choàng mặc lên và bỏ cái ví màu bạc vào túi áo, nghiêng người một lần nữa tới cái gương. Rồi cô cầm cái cốc vại lên, uống cạn rượu gin và rời căn phòng một cách vội vã.

Một bóng đèn đơn độc tỏa sáng trong hành lang. Hành lang trống trơn. Cô có thể nghe thấy những tiếng nói trong phòng cô Reba, nhưng hành lang bên dưới vắng tanh. Cô lặng lẽ đi nhanh xuống và ra đến cửa. Cô tin rằng họ sẽ chặn cô lại ở cửa và nghĩ tới cây súng lục với sự hối tiếc sâu sắc, biết rằng cô sẽ sử dụng nó mà không ân hận chút nào. Cô nhào tới cánh cửa và lóng ngóng lần đến chốt cửa, đầu ngoảnh ra sau.

Cửa mở. Cô nhảy ra ngoài chạy xuống lối đi, ra khỏi cổng. Cùng lúc có một chiếc ô tô, di chuyển chậm chậm dọc theo lề đường, dừng lại phía đối diện cô. Popeye ngồi ở tay lái. Dường như hắn không hề cử động nhưng cửa xe từ từ mở ra. Hắn không cử động, im lặng. Hắn chỉ ngồi đó, cái mũ nghiêng về một bên.

“Tôi sẽ không về!”, Temple nói. “Tôi sẽ không về!”

Hắn ta không cử động, không phát ra bất cứ tiếng động nào. Cô đã đến bên chiếc ô tô.

“Tôi nói cho anh biết, tôi sẽ không về đâu!” Rồi cô khóc điên dại: “Anh sợ anh ta! Anh sợ!”.

“Tôi đang cho hắn cơ hội”, hắn nói. “Cô sẽ đi về căn nhà đó, hay chui vào trong chiếc xe này?”

“Anh sợ!”

“Tôi đang cho hắn cơ hội”, hắn nói, giọng nhẹ nhàng nhưng lạnh tanh. “Nhanh lên. Quyết định đi.”

Cô nghiêng người về phía trước, đặt bàn tay lên cánh tay hắn. “Popeye”, cô nói. Cánh tay hắn ẻo lả, không lớn hơn cánh tay của một đứa trẻ nhỏ, khô cứng và nhẹ như một cây gậy.

“Tôi không quan tâm cô làm gì”, hắn nói. “Nhưng hãy làm đi. Tiếp tục đi.”

Cô nghiêng người về phía hắn, bàn tay đặt trên cánh tay hắn. Rồi cô chui vào trong ô tô. “Anh sẽ không làm thế. Anh sợ nên không dám làm. Anh ta là một người đàn ông tốt hơn anh.”

Hắn vớ tay và đóng cánh cửa. “Ở đâu?”, hắn hỏi. “Grotto?”

“Anh ta là một người đàn ông tốt hơn anh!”, Temple rít lên the thé. “Anh thậm chí không phải là đàn ông! Anh ta biết điều đó.” Chiếc ô tô chuyển động. Cô bắt đầu la hét với hắn. “Anh, một gã đàn ông, một gã đàn ông bắt lương tro tráo, anh thậm chí không thể... Khi anh phải mang một người đàn ông thực sự đến đây... Và anh trèo qua giường, rên rỉ và nhỏ dãi giống như một con... Anh không thể lừa tôi hơn một lần, đúng không? Chẳng ngạc nhiên khi tôi bị chảy máu và này nọ...” Bàn tay hắn bịt ngang miệng cô, móng tay hắn cắm vào da thịt cô. Bằng bàn tay kia, hắn lái chiếc ô tô với tốc độ kinh người. Khi họ đi qua những ánh đèn, cô có thể thấy hắn đang nhìn cô trong lúc cô vùng vẫy, kéo tay hắn ra, hất đầu tứ tung.

Cô ngừng vùng vẫy, nhưng tiếp tục vặn vẹo đầu từ bên này sang bên kia, giật mạnh bàn tay của hắn. Một ngón tay, đeo chiếc nhẫn dày cộp, tách hai môi cô ra, những đầu ngón tay hắn bấm sâu vào gò má cô. Với bàn tay kia, hắn quật chiếc ô tô chập vào luồng giao

thông, tạt đầu những chiếc ô tô khác cho đến khi họ tránh qua một bên với những tiếng phanh rít ken két và hấn phóng bạt mạng qua những ngã tư. Có lúc một viên cảnh sát hét lên với họ, nhưng hấn thậm chí không thèm để ý.

Temple bắt đầu khóc thút thít, rên rĩ đằng sau bàn tay hấn, chảy nước dãi lên ngón tay hấn. Chiếc nhẫn như một dụng cụ của nha sĩ, cô không thể ngậm miệng lại để nuốt nước bọt. Khi hấn bỏ tay ra, cô có thể cảm thấy vết hấn của những ngón tay lạnh lẽo trên quai hàm. Cô đưa tay lên sờ vào nó.

“Anh làm đau miệng tôi”, cô thút thít. Họ đang ra đến vùng ngoại ô, đồng hồ tốc độ chỉ năm mươi dặm. Cái mũ của hấn sụp xuống trên khuôn mặt nhìn nghiêng. Cô xoa xoa quai hàm. Những căn nhà nhường chỗ cho những lô đất tối tăm, rộng rãi được phân biệt bằng những dấu hiệu lò mờ. Cô bắt đầu lặng lẽ khóc, cảm thấy hơi lạnh của hai ly rượu gin bên trong người. “Anh làm đau miệng tôi”, cô nói bằng giọng yếu ớt, than thở. Cô xoa xoa quai hàm và ấn thử những ngón tay vào đó, càng ngày càng ấn mạnh hơn cho đến khi thấy đau nhói. “Anh sẽ hối hận vì chuyện này”, cô nói bằng giọng ghen ghét. “Khi tôi kể với Red. Anh không ao ước được là Red sao? Anh không ao ước có thể làm được những gì mà anh ta có thể làm sao?”

Họ rẽ vào Grotto, chạy sát theo một bức tường chắn, từ đó vang lên một thứ âm nhạc đầy quyến rũ. Cô nhảy ra ngoài trong khi hấn đang khóa xe và chạy lên những bậc thang. “Tôi đã cho anh cơ hội”, cô nói. “Anh mang tôi đến đây. Tôi không mời anh đến.”

Cô vào nhà vệ sinh. Cô kiểm tra mặt mình trong gương. “Tiếng cọt kẹt của cái giường”, cô nói, “nó không để lại dấu vết nào, mình vẫn thế”, cô sẫm soi làn da của mình rất lâu. “Đồ loắt choắt”, cô nói, nhìn chăm chú vào bóng phản chiếu của mình. Cô tô lại son. Một phụ nữ khác đi vào. Họ sẫm soi quần áo của nhau bằng những cái liếc mắt vụng trộm, lạnh lùng.

Popeye đang đứng ở cửa đại sảnh khiêu vũ, điều thuốc lá kẹp giữa những ngón tay.

“Tôi đã cho anh cơ hội”, Temple nói. “Anh không nên đến đây.”

“Tôi không hành xử liều lĩnh”, hấn nói.

“Anh đã làm thế còn gì”, Temple nói. “Anh hối tiếc hả?”

“Tiếp tục đi”, hắn nói, bàn tay đặt trên lưng cô. Cô đang bước qua ngưỡng cửa thì đột ngột quay lại nhìn hắn, mắt họ gần như ngang tầm, rồi bàn tay cô vung nhẹ về phía hắn. Hắn chớp lấy cổ tay cô, bàn tay còn lại của Temple cũng vung về phía hắn. Hắn chớp nốt bàn tay đó bằng bàn tay lạnh giá của mình. Họ nhìn vào mắt nhau, miệng cô mở ra và vẻ hồng hào dần dần tối lại trên khuôn mặt.

“Tôi đã cho cô cơ hội lúc ở trong thành phố”, hắn nói. “Cô đã chọn nó.”

Đằng sau cô, tiếng nhạc dồn dập, đầy quyến rũ, hứng khởi, với chuyển động của những bàn chân, sự cuồng loạn khoái lạc của những cơ bắp sủi ầm mùi của xác thịt, của máu. “Ồi chao, Chúa ơi, ôi chao, Chúa ơi”, cô nói, đôi môi gần như không chuyển động. “Tôi sẽ đi. Tôi sẽ đi về.”

“Cô đã chọn nó”, hắn nói. “Tiếp tục đi.”

Chậm chậm, hắn hướng cô về phía cửa, đầu cô quay lại. “Anh dám!”, cô la lớn. “Anh chỉ...” Bàn tay hắn áp sau gáy cô, những ngón tay hắn giống như thép mặc dù chúng lạnh lẽo và nhẹ như nhôm. Cô có thể nghe thấy các đốt xương sống cùng nhau rít lên yếu ớt và giọng nói của hắn, lạnh lẽo và vô cảm.

“Cô sẽ nhảy chứ?”

Cô gật đầu. Rồi họ khiêu vũ. Cô vẫn có thể cảm thấy bàn tay hắn sau gáy mình. Qua vai hắn, cô nhìn thật nhanh xung quanh căn phòng, mắt cô lướt qua từng khuôn mặt của đám người đang khiêu vũ. Bên kia một khung cửa tò vò thấp, trong một căn phòng khác, một nhóm người đứng xung quanh cái bàn súc sắc. Cô nghiêng bên này, ngó bên kia, cố nhìn những khuôn mặt trong nhóm người đó.

Rồi cô trông thấy bốn người đàn ông. Họ đang ngồi ở một cái bàn gần cửa. Một trong số họ đang nhai kẹo cao su, phần dưới của khuôn mặt anh ta gây ấn tượng với những cái răng có màu trắng bạc và kích thước không tưởng. Khi nhìn thấy bọn họ, cô xoay Popeye lại để lưng hắn hướng về phía họ, khiến hai người lại tiến về cửa. Một lần nữa đôi mắt của cô lướt nhanh qua từng khuôn mặt trong đám đông.

Khi cô nhìn lại lần nữa, hai người trong bọn đàn ông đã đứng lên. Họ tiến đến gần. Cô kéo Popeye vào lối đi, vẫn giữ lưng hấn xoay về hướng bọn họ. Hai người đàn ông dừng lại và cố gắng đi vòng qua cô, cô lại kéo Popeye lùi vào lối đi của họ lần nữa. Cô cố gắng nói một điều gì đó với họ, nhưng miệng cô đông cứng. Giống như cố gắng nhặt một cây đinh bằng những ngón tay bị tê cứng. Đột nhiên cô cảm thấy mình bị nhấc qua một bên, hai cánh tay nhỏ thó của Popeye nhẹ và cứng ngắc như sắt. Cô lão đảo lùi lại, tựa vào tường và nhìn theo hai người đàn ông đang rời căn phòng. “Tôi sẽ đi về”, cô nói. “Tôi sẽ đi về.” Cô bắt đầu cười rít lên lạnh lạnh.

“Câm mồm”, Popeye nói. “Cô có câm mồm lại không?”

“Lấy cho tôi một ly rượu đi”, cô nói. Cô cảm thấy bàn tay hấn và hai chân cô đông cứng lại, như thể chúng không phải là của cô vậy. Họ đang ngồi ở một cái bàn. Cách đó hai bàn, người đàn ông kia vẫn đang nhai kẹo, hai khuỷu tay anh ta đặt trên bàn. Người đàn ông thứ tư ngồi tựa lưng vào thành ghế, hút thuốc, áo khoác cài nút chéo qua ngực.

Cô quan sát những bàn tay: Một bàn tay nâu trong ống tay áo màu trắng, một bàn tay trắng dơ dáy dưới một cổ tay áo bản thủ, đang xếp những cái chai trên bàn. Cô cầm một ly rượu trong tay. Cô uống cạn, với cái ly rỗng trên tay, cô nhìn thấy Red đang đứng ở cửa, mặc bộ com lê xám và thắt nơ bướm chấm bi. Trông anh ta giống một sinh viên đại học, anh ta nhìn quanh căn phòng cho đến khi trông thấy cô. Anh ta nhìn về phía đầu Popeye, rồi nhìn cô lúc cô ngồi với một ly rượu trên tay. Hai người đàn ông ở cái bàn nọ không di chuyển. Cô có thể nhìn thấy cử động yếu ớt, đều đặn của hai tai một người khi anh ta nhai kẹo. Âm nhạc bắt đầu.

Cô giữ lưng của Popeye hướng về phía Red. Anh ta vẫn đang quan sát cô, anh ta cao hơn mọi người một cái đầu. “Tiếp tục đi”, cô nói vào tai Popeye. “Nếu anh muốn khiêu vũ, hãy khiêu vũ đi.”

Cô uống thêm một ly. Họ lại khiêu vũ. Red đã biến mất. Khi tiếng nhạc ngừng lại, cô lại uống một ly nữa. Chẳng ích gì. Nó chỉ nằm cứng đờ và nóng hừng hực bên trong cô. “Nào”, cô nói, “đừng bỏ cuộc chứ”. Nhưng hấn không đứng lên và cô đứng chôn chân bên

cạnh hần, những bắp thịt của cô đang rã rời và giật thành linh với tình trạng kiệt sức. Cô bắt đầu chế giễu hần ta. “Hãy tự gọi mình là một người đàn ông, một người đàn ông trơ tráo, xấu xa và bắt cô gái khiêu vũ cùng anh cho tới khi hai chân anh không muốn hoạt động nữa”. Rồi khuôn mặt cô trở nên hốc hác mệt mỏi và cô nói chân thật như một đứa trẻ, với sự tuyệt vọng nhưng rất tỉnh táo. “Popeye.” Hần đang ngồi đó, đặt hai bàn tay trên bàn, cầm một điều thuốc lá rất kiểu cách, ly rượu thứ hai đang tan đá trước mặt hần. Cô đặt tay lên vai hần, xê dịch để che chắn cho họ khỏi ánh mắt từ mọi người trong phòng, bàn tay cô luồn về phía hông của Popeye, chạm vào báng của cây súng lục. “Đưa nó cho tôi”, cô thì thầm. Cô tựa đầu vào vai hần, mơn trớn cánh tay hần bằng hông cô. “Đưa nó cho tôi”, cô thì thầm thì. Thành linh bàn tay cô luồn thật nhanh xuống dưới thân thể hần, rồi giật lại một cách khiếp sợ. “Tôi quên”, cô thì thầm, “tôi không cố ý... Tôi không...”.

Một trong hai người đàn ông ngồi ở bàn nọ rít qua kẽ răng. “Ngồi xuống”, Popeye nói. Cô ngồi xuống rút đầy ly của mình, quan sát hai bàn tay mình thực hiện động tác đó. Rồi cô nhìn vào góc của cái áo khoác xám. Anh ta có một cái nút áo bị vỡ, cô ngốc nghếch nghĩ. Popeye không cử động.

“Khiêu vũ bản này nhé?”, Red nói.

Đầu anh ta cúi xuống nhưng không nhìn vào cô. Anh ta hơi xoay người, đối mặt với hai người đàn ông ở cái bàn nọ. Popeye vẫn không cử động. Hần tỉ mỉ xé vụn đầu mẫu thuốc, lõi phần thuốc nhồi bên trong ra. Sau đó, hần bỏ nó vào trong mồm.

“Tôi không khiêu vũ”, Temple nói.

“Không à?”, Red hỏi. Anh ta vẫn đứng lại, không di chuyển, nói với giọng đều đều: “Cậu nhỏ thế nào?”.

“Tốt”, Popeye nói. Temple quan sát hần quẹt một que diêm, nhìn thấy ngọn lửa méo đi qua ly rượu. “Cô uống đủ rồi”, Popeye nói. Bàn tay hần lấy lại ly rượu cô đang đưa lên miệng. Cô nhìn hần đổ nó vào cái bát đựng đá. Âm nhạc lại bắt đầu nổi lên. Cô ngồi lặng im nhìn xung quanh căn phòng. Một giọng nói bắt đầu khe khẽ rì rầm vào tai cô, rồi Popeye nắm cổ tay cô, lắc nó, cô thấy miệng mình

đang mở và chắc là cô đã gây ra một âm thanh nào đó. “Câm mồm ngay”, hấn nói. “Cô có thể uống thêm một ly nữa.” Hấn rót rượu vào ly.

“Tôi chẳng cảm thấy gì hết”, cô nói. Hấn đưa cho cô ly rượu. Cô uống. Khi đặt cái ly xuống, cô nhận ra mình đã say. Cô tin rằng cô đã say được một lúc. Cô nghĩ có lẽ mình đã bất tỉnh và sự việc đó đã xảy ra rồi. Cô có thể nghe chính mình nói: Mình hy vọng nó đã xảy ra. Mình hy vọng nó đã xảy ra. Rồi cô tin rằng nó đã xảy ra và cô bị đánh bại bởi cảm giác mát mát và khao khát dục vọng. Cô nghĩ: Nó sẽ không bao giờ lặp lại một lần nữa và cô chìm đắm trong sự thất vọng đờn đau quần quại và niềm khao khát nhục dục, nghĩ về thân thể Red, ngắm nghía bàn tay cô đang cầm cái ly rỗng.

“Cô đã uống hết rồi”, Popeye nói. “Đứng lên ngay. Khiêu vũ cho tỉnh rượu.” Họ lại khiêu vũ. Cô di chuyển cứng ngắc và lừ đừ, đôi mắt mở nhưng không nhìn thấy gì, thân thể cô đi theo tiếng nhạc mà không nghe thấy giai điệu trong một lúc lâu. Rồi cô bắt đầu nhận thức rằng dàn nhạc vẫn đang chơi bản nhạc lúc Red mời cô khiêu vũ. Nếu thế thì sự việc chưa thể xảy ra. Cô thấy vô cùng nhẹ nhõm. Chưa phải là quá muộn: Red vẫn còn sống, cô cảm thấy những con sóng khao khát nhục dục tiến lại gần, kéo hai con người trở lại sọ trong niềm kích động run rẩy.

Bọn họ ở bàn chơi súc sắc. Cô có thể nghe thấy chính mình đang reo hò với con súc sắc. Cô đang đổ súc sắc, thắng, những thẻ tiền đang chắt đống trước mặt cô trong lúc Popeye gom chúng lại, vừa chỉ dẫn, vừa nhắc nhở cô bằng cái giọng yếu ớt, hay cái kính của hấn ta. Hấn đứng bên cạnh, thấp hơn cô.

Hấn cũng đổ súc sắc. Cô xảo quyết đứng bên cạnh hấn, cảm giác ham muốn đi qua cơ thể như từng đợt sóng theo âm nhạc và mùi da thịt của chính cô. Cô trở nên câm lặng. Cô nhích từng chút từng chút qua một bên cho đến khi một người nào đó chui vào chỗ của cô. Rồi cô bước nhanh nhẹn và cẩn trọng ngang qua sàn căn phòng về phía cửa, những người đang khiêu vũ, âm nhạc xoay chậm chậm xung quanh cô trong trập trùng những gợn sóng ánh sáng. Chiếc bàn nơi hai người đàn ông nọ vừa ngồi trống không, nhưng cô không liếc mắt tới nó. Cô đi vào hành lang. Một người phục vụ gặp cô.

“Phòng”, cô nói. “Nhanh lên.”

Căn phòng chứa một cái bàn và bốn chiếc ghế. Người phục vụ bật đèn lên và đứng ở cửa. Cô phẩy tay với anh ta, anh ta bỏ đi. Cô khoanh tay lại, tựa vào bàn, nhìn chằm chằm ra cửa, cho đến khi Red đi vào.

Anh ta tiến về phía cô. Cô không động đậy. Đôi mắt cô bắt đầu dần tối đi, vô cảm trống rỗng như mắt của một pho tượng. Cô bắt đầu nói A a a a như đang hấp hối, thân thể cô chầm chậm uốn cong ra như thể đang đối mặt với một sự tra tấn tinh vi, đầy kích thích. Khi anh ta chạm vào cô, thân thể cô bật ra như một cây cung, tự đổ lên trên anh ta, miệng cô há rộng và xấu xí như thể một con cá đang giãy chết khi cô quần quai cọ bộ phận nhạy cảm nhất của mình vào anh ta.

Hông cô chà xát vào anh ta, miệng cô mở rộng, biến dạng, cứng đờ, tái nhợt, cô bắt đầu nói. “Nhanh lên. Bất cứ đâu. Em đã bỏ hẩn. Em đã bảo hẩn như vậy. Đó không phải là lỗi của em. Đó có phải là lỗi của em không? Anh không cần mũ của anh và em cũng không cần. Hẩn đến đây để giết anh nhưng em nói em đã cho hẩn cơ hội. Đó không phải lỗi của em. Và bây giờ sẽ chỉ có chúng ta thôi. Không có hẩn ở đây theo dõi. Làm đi. Anh còn chờ gì nữa?” Cô đưa miệng hướng về anh ta, kéo đầu anh ta xuống, cất lên một tiếng rên rỉ. Anh ta ghì lại. “Em đã bảo hẩn ta thế. Em nói nếu anh mang tôi tới đây. Tôi sẽ cho anh cơ hội. Và bây giờ hẩn sắp xếp bọn chúng ở đó để giải quyết dứt điểm anh. Nhưng anh đâu sợ bọn chúng. Phải không?”

“Em có biết chuyện đó khi em gọi điện thoại cho anh không?”, anh ta nói.

“Cái gì? Hẩn nói em sẽ không được gặp anh nữa. Hẩn nói hẩn sẽ giết anh. Nhưng hẩn đã theo dõi em khi em gọi điện thoại. Em đã nhìn thấy hẩn. Nhưng anh không phải sợ đâu. Hẩn thậm chí không phải là đàn ông, nhưng anh thì có. Anh là một người đàn ông. Anh là một người đàn ông.” Cô bắt đầu cọ vào anh ta, ghì đầu anh ta xuống, thì thầm với anh, nước dãi chảy quanh hai bờ môi nhợt nhạt của cô. “Anh sợ ư?”

“Sợ thằng con hoang đàn độn đó ư?” Nhắc cơ thể của cô lên, anh ta quay lại đối diện với cửa ra vào và rút bàn tay phải của mình ra. Cô có vẻ không ý thức được rằng anh ta đã di chuyển.

“Làm ơn. Làm ơn. Làm ơn. Làm ơn. Đừng để em phải đợi. Em đang cháy lên đây.”

“Được rồi. Em quay lại đi. Hãy đợi cho đến khi anh ra hiệu cho em. Em sẽ quay lại chứ?”

“Em không thể đợi. Anh phải làm việc đó đã. Em đã bảo anh là em sắp không chịu nổi rồi.” Cô bám vào anh ta. Họ cùng nhau mò mẫm bằng ngang căn phòng tiến ra phía cửa, anh ta ôm cô bằng tay phải của mình, cô đang trong một cơn ngầy ngất khoái lạc, không biết rằng họ đang di chuyển và cô ôm cứng người tình cứ như thể đang cố gắng cùng lúc đụng chạm anh ta bằng tất cả thân thể mình. Anh ta gỡ cô ra và đẩy mạnh vào lối đi.

“Đi đi”, anh ta nói. “Anh sẽ có mặt ở đây trong một phút nữa.”

“Sẽ không lâu chứ? Em muốn lắm rồi. Em đang chết đây.”

“Không. Không lâu đâu. Đi ngay đi.”

Nhạc đang chơi. Cô di chuyển ngược lên hành lang, hơi loạng choạng. Cô nghĩ rằng mình đang tựa vào tường, khi cô nhận ra mình đang khiêu vũ thì cô đang khiêu vũ với hai người đàn ông cùng một lúc, rồi cô nhận ra không phải mình đang khiêu vũ mà là đang di chuyển về hướng cái cửa giữa người đàn ông nhai kẹo cao su và người mặc áo khoác cài nút. Cô cố gắng dừng lại, nhưng bọn họ xốc nách cô, cô mở miệng để hét lên, quay nhìn lần cuối một cách tuyệt vọng quanh căn phòng đang đảo lộn.

“Hét lên đi”, người đàn ông mặc áo khoác cài nút nói. “Nhưng chỉ nên thử một lần thôi.”

Red đang ở bàn súc súc. Cô nhìn thấy anh ta quay đầu lại, đang đưa bàn tay cầm cái chén đựng súc súc lên như muốn gửi lời chào và chúc vui vẻ tới cô. Anh ta nhìn cô biến mất qua cánh cửa, giữa hai người đàn ông. Rồi anh ta nhìn bao quát căn phòng. Khuôn mặt trơ tráo và thản nhiên, nhưng hai lỗ mũi lấm tấm mồ hôi và trán ẩm ướt. Anh ta lúc lắc cái chén và điềm tĩnh gieo súc súc.

“Mười một”, gã nhân viên nói.

“Để yên nó đấy”, Red nói. “Tôi sẽ thắng cả triệu lần trong tối nay.”

Bọn họ đỡ Temple vào trong ô tô. Người đàn ông mặc áo khoác cầm tay lái. Một chiếc xe du lịch dài đang đậu trên con đường dẫn ra cao tốc tại chỗ rẽ vào lối đi. Khi bọn họ đi qua nó, Temple nhìn thấy, cong người với bàn tay khum lại che que diêm, khuôn mặt nhìn nghiêng hình lưỡi cày của Popeye bên dưới cái mũ sùm sụp lúc hắn ta châm thuốc. Que diêm tóe ra như một ngôi sao chết trong một bức họa, một khuôn mặt đang nghiêng vào trong bóng tối hút thuốc khi bọn họ băng qua một cách vội vã.

(9) John Gilbert (10/07/1897 - 09/01/1936) là một diễn viên ngôi sao người Mỹ trong thời kỳ những bộ phim câm.

Những cái bàn đã được di chuyển tới đầu kia của sàn khiêu vũ. Trên mỗi mặt bàn được phủ một tấm khăn trải bàn màu đen. Rèm cửa được vén lên, ánh đèn dày đặc màu cá hồi xuyên qua chúng. Ngay bên dưới bức chơ nhạc là cái quan tài. Đó là một cái quan tài đắt tiền: màu đen, viền bạc, phủ đầy hoa tươi. Những bông hoa đó ngập tràn quan tài, chiếm cả chỗ trên bức của dàn nhạc và cây đàn dương cầm, hương thơm của chúng đậm đặc trong không khí.

Chủ nhân của nơi đó di chuyển loanh quanh giữa các bàn, nói chuyện với những người mới đến khi họ bước vào và tìm chỗ ngồi. Những người phục vụ da đen, mặc áo sơ mi đen bên trong áo khoác ngoài hồ cứng, đang ra ra vào vào với những chiếc ly và những chai rượu gừng. Họ di chuyển với vẻ đường hoàng và lịch thiệp, khung cảnh chói lọi rực rỡ, với một sự yên tĩnh, không khí ma quái và nóng nực.

Lối đi có mái vòm tới phòng chơi súc sắc được che rèm đen. Một tấm vải phủ quan tài màu đen trải trên bàn súc sắc, bên trên đó bắt đầu được chất đồng từng vòng và bó hoa đủ hình dạng. Người ta đi vào đều đặn, những người đàn ông mặc com lê đen đứng đắn, những người khác mặc y phục nhẹ nhàng, sáng sủa, làm tăng thêm sự đối lập với không khí ma quái. Những người phụ nữ trẻ tuổi cũng mặc y phục sáng màu, đội mũ và đeo khăn quàng cổ, những người lớn tuổi hơn mặc y phục nhã nhặn màu xám, đen hoặc xanh nước biển, lấp lánh kim cương: những hình tượng đoan trang giống như những bà nội trợ trong một buổi du ngoạn chiều Chủ nhật.

Căn phòng bắt đầu ngập tràn những cuộc chuyện trò rì rầm, léo nhéo. Những người phục vụ đi đi lại lại với những cái khay cao ngất, bấp bênh, những cái áo khoác trắng và sơ mi đen của họ giống như âm bản của những bức ảnh. Vị chủ nhân đi từ bàn này đến bàn kia với cái đầu hói, một viên kim cương to đùng trên chiếc cà vạt đen, theo sau là một tên cận vệ, một gã đầu tròn, chắc nịch, vai u thịt bắp, có vẻ sắp bung ra khỏi cái áo dạ tiệc đuôi tôm của gã, bắn tung về đằng sau, như một tổ kén.

Trong một phòng ăn tối riêng, trên mặt bàn phủ khăn đen, có một cái bát khổng lồ chứa thứ rượu punch với đá viên nổi lênh bênh và những miếng trái cây xắt lát. Một người đàn ông béo phì mặc bộ com lê xanh lục dị dạng tựa mình lên bàn, từ cổ tay áo xắn thui thoi ra hai bàn tay viền những móng tay đen. Cái cổ áo đen kịt rủ xuống quanh cổ ông ta thành những nếp nhàu nhĩ, được thắt lại bởi một cái cà vạt màu đen bắn dính một viên đá giả hồng ngọc. Mặt ông ta bóng loáng và ông ta khấn nài mọi người xúm lại xung quanh chiếc bát khổng lồ bằng một giọng khàn khàn:

“Lại đây nào, các bạn. Là Gene mời mà. Các bạn không phải trả đồng nào hết. Bước lên đây và uống đi. Chưa bao giờ có một cậu trai nào tốt hơn cậu ta.” Họ uống và lúi lại, nhường cho những người khác với những cái ly giơ ra. Thi thoảng, một cậu phục vụ đi vào với đá viên và trái cây xắt lát, đổ chúng vào cái bát khổng lồ; Gene lôi ra những chai rượu còn nguyên từ một va li dưới gầm bàn và rót chúng vào cái bát khổng lồ, rồi ra dáng ông chủ, khấn nài, toát mồ hôi, ông ta nhai lại bản độc thoại cứng nhắc của mình, lau mặt bằng tay áo. “Lại đây nào, các bạn. Tất cả là do Gene mời mà. Tôi chẳng là gì cả ngoài một gã bán rượu lậu, nhưng cậu ta chẳng bao giờ có một người bạn nào tốt hơn tôi. Bước lên đây và uống đi, các bạn. Ở nơi sản xuất còn nhiều thứ đó lắm.”

Từ phòng khiêu vũ vắng đến một điệu nhạc. Người ta đi vào và tìm chỗ ngồi. Trên bục là ban nhạc đến từ một khách sạn ở trung tâm, mặc những cái áo khoác dạ tiệc. Vị chủ nhân và một người đàn ông nữa đang bàn bạc với chỉ huy trưởng của ban nhạc.

“Hãy để họ chơi nhạc Jazz đi”, người đàn ông thứ hai nói. “Chẳng có ai thích khiêu vũ hơn Red được.”

“Không, không”, người chủ nói. “Thời điểm Gene cho tất cả mọi người được say sưa với whiskey ‘chùa’, họ sẽ bắt đầu khiêu vũ. Trông sẽ rất tồi tệ.”

“Thế *Danube Blue* được không?”, chỉ huy trưởng của ban nhạc hỏi.

“Không, không, đừng có chơi nhạc Blue, tôi bảo anh đấy”, người chủ nói. “Có một người đàn ông chết trong quan tài kia.”

“Đó không phải là nhạc Blue”, chỉ huy trưởng của ban nhạc nói.

“Nó là gì vậy?”, người đàn ông thứ hai hỏi.

“Một bản Waltz của Strauss.”

“Một wop⁽¹⁰⁾?”, người đàn ông thứ hai nói. “Như địa ngục. Red là một người Mỹ. Anh có thể không phải người Mỹ, nhưng cậu ta thì có. Anh không biết bất cứ cái gì của Mỹ ư? Chơi bài *I can't give you anything but love* đi. Cậu ta luôn thích bài đó.”

“Và khiến tất cả mọi người khiêu vũ?”, người chủ hỏi. Ông ta liếc nhìn lại những cái bàn, nơi những người phụ nữ đang bắt đầu léo nhéo. “Anh nên bắt đầu với bài *Nearer, my God, to thee* đi”, ông ta nói, “và làm họ tỉnh rượu đôi chút. Tôi đã bảo Gene rằng ông ta đang mạo hiểm về chuyện món rượu punch đó, bắt đầu nó quá sớm. Tôi đã đề nghị ông ta đợi cho đến lúc chúng ta quay trở lại thành phố. Nhưng có lẽ tôi đã quen biết một người muốn biến nó thành một lễ hội. Tốt hơn là nên bắt đầu thật nghiêm túc và duy trì nó như vậy cho đến khi tôi ra hiệu cho anh.”

“Red sẽ không thích nghiêm túc đâu”, người đàn ông thứ hai nói. “Và anh biết điều đó mà.”

“Vậy thì hãy đưa cậu ta đi chỗ khác”, người chủ nói. “Tôi chỉ thực hiện điều này như một sự thỏa hiệp. Tôi đâu có điều hành dịch vụ tang lễ.”

Ban nhạc chơi bài *Nearer, my God, to thee*. Thính giả dần dà yên lặng. Một phụ nữ mặc y phục đồ lão đảo đi vào cửa. “Hoan hô”, cô ta nói, “tạm biệt Red. Anh ta sẽ có mặt ở địa ngục trước khi tôi có thể đến được Little Rock”.

“Sssssuyt!”, nhiều giọng nói cất lên. Cô ta ngã phịch xuống một cái ghế. Gene đi đến chỗ cửa và đứng ở đó cho đến khi tiếng nhạc dừng lại.

“Nào nào, mọi người”, ông ta la lớn, vung vẩy hai cánh tay béo phị, “đến và uống đi. Là do Gene mời mà. Tôi không muốn một cỗ hống khô khốc hay con mắt ráo hoảnh ở chốn này trong vòng mười phút nữa”. Những người ở phía cuối di chuyển về hướng cửa. Người chủ bật dậy và phẩy tay với ban nhạc. Người thổi kèn cornet

đứng lên và chơi solo bài *In that heaven of rest*, nhưng đám đông ở phía cuối căn phòng tiếp tục tản dần qua cánh cửa nơi Gene đứng vung vẩy cánh tay. Hai người phụ nữ trung niên lặng lẽ khóc dưới những cái mũ kết hoa.

Đám đông tràn lên và la hét xung quanh cái bát khổng lồ đã gần cạn. Từ phòng khiêu vũ vang đến tiếng trầm trầm của kèn cornet. Hai cậu trai trẻ bần thiêu len lỏi về phía cái bàn, la lên hai từ lặp đi lặp lại: “Tránh đường, tránh đường”, tay xách những chiếc va li. Họ mở chúng ra và đặt những chai rượu lên bàn, trong khi Gene, bây giờ đang khóc lóc, mở những chai rượu ra và dốc cạn chúng vào trong cái bát khổng lồ. “Đến đây, mọi người. Tôi thương yêu cậu ta như con đẻ của mình”, ông ta hét khản cả tiếng, kéo tay áo ngang qua mặt.

Một người phục vụ lách đến chỗ cái bàn với cái bát đựng đá viên và trái cây, định để chúng vào cái bát khổng lồ chứa thứ rượu thập cẩm. “Cậu đang làm cái quái quỷ gì vậy?”, Gene hỏi, “đổ cái thứ tạp nham đó vào trong này à? Cút ra khỏi đây ngay”.

“Dôôôôôôôôôôôô!” Đám đông hét lên, cộng ly với nhau, nốc hết mọi thứ còn lại khi Gene chặn bát trái cây từ bàn tay người phục vụ và một lần nữa dốc thứ rượu nguyên chất vào cái bát khổng lồ, đổ nó vào trong đó, cả trên những bàn tay giơ ra và những cái ly. Hai cậu trai trẻ tất bật mở những chai rượu.

Cứ như thể lướt trên tiếng kèn đồng của dàn nhạc, người chủ đã xuất hiện ở cửa, mặt ông ta phien nhiều, vung vẩy tay, “Nhanh lên, mọi người”, ông ta hét lên, “hãy kết thúc chương trình âm nhạc. Nó tốn tiền của chúng ta đấy”.

“Xuống địa ngục với nó đi”, họ hét lên.

“Tốn tiền của ai?”

“Ai thêm quan tâm?”

“Tốn tiền của ai?”

“Ai bực mình đấy? Tôi sẽ trả tiền. Nhân danh Chúa trời. Tôi sẽ tổ chức cho anh ta hai lễ tang.”

“Mọi người! Mọi người!”, người chủ hét lên. “Mấy người không nhận thấy có một cái quan tài trong phòng kia sao?”

“Tồn tiền của ai?”

“Bia⁽¹¹⁾?”, Gene nói. “Bia?” Ông ta nói bằng giọng the thé. “Có ai ở đây đang cố gắng sỉ nhục tôi bằng...”

“Ông ta bực mình với Red về vụ tiền nong.”

“Ai vậy?”

“Joe đó, thằng chó để rở tiền.”

“Có ai ở đây đang cố gắng sỉ nhục tôi...”

“Vậy thì hãy chuyển tang lễ đi. Đây không phải là địa điểm duy nhất trong thành phố.”

“Hãy chuyển Joe đi.”

“Bỏ thằng chó để đó vào trong quan tài đi. Hãy tổ chức hai đám tang.”

“Bia? Bia? Có ai đó...”

“Bỏ thằng chó để vào trong quan tài. Xem nó thích chuyện đó như thế nào.”

“Bỏ thằng chó để vào trong quan tài”, người phụ nữ mặc y phục đồ rít lên. Bọn họ xô đẩy nhau về phía cửa, nơi người chủ đứng vung vẩy tay trên đầu, giọng ông ta rít lên át cả tiếng ồn trước khi ông ta xoay người chạy trốn.

Trong căn phòng chính, một nhóm tứ tấu nam chuyên biểu diễn cho một sân khấu tạp kỹ đang hát. Họ đang hát bài hát về người mẹ, bài *Sonny boy*. Tiếng khóc lan ra giữa đám phụ nữ lớn tuổi. Mấy phục vụ mang rượu cho họ và họ ngồi đó, cầm những cái ly trong bàn tay mập ú, đeo đầy nhẫn, khóc lóc.

Ban nhạc lại chơi. Người phụ nữ mặc y phục đồ lão đảo đi vào trong phòng. “Nào nào, Joe”, cô ta hét lên, “bắt đầu trò chơi đi. Tổng cái tử thi khốn kiếp đó ra khỏi đây và bắt đầu chơi đi”. Một người đàn ông cố gắng giữ cô ta lại, cô ta chống trả, văng ra một tràng tục tĩu, tiếp tục tiến tới cái bàn súc sắc phủ vải liệm và quăng một vòng hoa tang xuống sàn nhà. Chủ ban tang lễ xông tới, theo sau là một

tên cận vệ. Người chủ túm lấy người phụ nữ khi cô ta nhấc một vòng hoa khác lên. Người đàn ông vừa cố gắng giữ cô ta xen vào, người phụ nữ rít lên nguyên rủa và đập cái vòng hoa vào cả hai người bọn họ. Tên cận vệ chộp lấy cánh tay của người đàn ông, anh ta quay lại và đánh tên cận vệ, tên này đánh anh ta ngã văng ra xa nửa căn phòng. Ba người đàn ông nữa xông vào. Người thứ tư nhổm dậy từ sàn và bốn người bọn họ nhào vào tên cận vệ.

Hắn quật ngã người thứ nhất, xoay mình và nhảy vào trong căn phòng chính với một tốc độ nhanh không thể tưởng tượng được. Ban nhạc đang chơi, tức thì bị ngập trong một sự hỗn loạn bất ngờ của những cái ghế và tiếng la hét. Tên cận vệ lại xoay người lần nữa và chạm mặt bốn người đàn ông đang rượt đuổi. Họ xông vào nhau, người đàn ông thứ hai bay ra ngoài và ngã ngửa người trượt trên sàn phòng, gã cận vệ thoát ra. Rồi hắn ta xoay người và xô vào bọn họ, trong cơn vật lộn bọn họ chúi xuống quan tài và đâm sầm vào nó. Ban nhạc đã ngừng chơi và các nhạc công leo lên ghế cùng với những nhạc cụ của họ. Những vòng hoa phúng điếu tung bay, chiếc quan tài nghiêng ngả. “Giữ lấy nó!” Một tiếng hét to. Họ lao về phía trước, nhưng chiếc quan tài nặng nề đổ rầm xuống sàn nhà, bật nắp. Xác người chết chậm chậm bình thản lộn ra ngoài và nằm yên với khuôn mặt úp vào giữa một vòng hoa.

“Chơi cái gì đó đi!”, chủ ban tang lễ gào lên, vung tay, “Chơi đi! Chơi đi!”.

Khi họ khiêng cái xác chết lên, vòng hoa cũng được nâng lên theo, nó dính vào cái xác bởi một đầu dây kẽm xuyên vào gò má cái xác. Cái xác từng đội một cái mũ lưới trai, khi bị văng ra, nó phơi bày một cái lỗ nhỏ màu xanh ở giữa trán anh ta. Nó đã được trám bằng sáp và tô điểm cẩn thận, nhưng lớp sáp đã tróc ra và rơi mất. Họ không thể tìm được nó, nhưng bằng cách tháo dây cài của chiếc mũ, họ có thể kéo sục nó xuống tận mắt của người chết.

* * *

Khi đám tang tới gần khu thương mại, thêm nhiều ô tô nhập vào. Theo sau xe tang là sáu chiếc Packard du lịch được lái bởi những tài xế mặc đồng phục và chở đầy hoa. Chúng trông giống hệt nhau

và được thuê theo giờ từ những đại lý xe cao cấp. Kể đến là một chuỗi khó phân loại gồm taxi, xe mui trần, ô tô, tăng dần khi đám ma chậm chạp xuyên qua khu vực bị hạn chế, nơi có những khuôn mặt đứng dưới bóng râm đang nhìn chăm chú, chúng đi về phía con đường huyết mạch dẫn ra ngoài thành phố, hướng về nghĩa trang.

Trên đại lộ, chiếc xe tang tăng tốc độ. Chẳng mấy chốc những chiếc ô tô riêng và taxi bắt đầu tách ra. Tại mỗi ngã tư, họ rẽ bên này hoặc bên kia, cho đến cuối cùng chỉ còn lại chiếc xe tang và sáu chiếc Packard du lịch, mỗi chiếc không chở ai ngoại trừ người tài xế mặc đồng phục. Đường phố rộng rãi nhưng hiện giờ vắng tanh. Xe tang nhanh chóng tăng tốc lên bốn mươi dặm một giờ và rồi bốn mươi lăm, sau đó năm mươi.

Một trong những chiếc taxi dừng lại trước cửa nhà cô Reba. Cô ta bước ra, theo sau là một phụ nữ gầy gò mặc y phục nghiêm trang, giản dị, đeo kính gọng vàng trên mũi, cùng một phụ nữ thấp béo đội cái mũ tròn, khuôn mặt cô ta bị che sau một chiếc khăn tay và một cậu bé đầu nhọn như đầu đạn, cỡ năm hay sáu tuổi. Người phụ nữ mang khăn tay tiếp tục nức nở khi họ bước lên lối vào nhà và đi vào cánh cửa. Bên trong cửa chính, lũ chó sủa nhặng lên. Khi Minnie mở cửa, chúng ào tới xung quanh chân cô Reba. Cô ta đá chúng qua một bên. Chúng lại xông vào cô ta với vẻ mừng rỡ cuồng quýt, cô ta lại hất chúng vào tường với những tiếng huých huých.

“Vào đi, vào đi”, cô ta nói, bàn tay đặt trên ngực. Khi đã vào bên trong nhà, người phụ nữ mang khăn tay bắt đầu khóc thành tiếng.

“Anh ta là một chàng trai rất tử tế”, cô ta khóc than. “Anh ta thật sự rất tốt bụng.”

“Nào, nào”, cô Reba nói, dẫn đường tới phòng mình, “vào đây và uống chút bia đi. Hai bạn sẽ cảm thấy khá hơn. Minnie!”. Họ đi vào căn phòng có những tủ quần áo được trang hoàng, kết sắt, bình phong, bức chân dung phủ vải. “Ngồi xuống, ngồi xuống”, cô ta thở hắt hắt, đẩy những cái ghế về phía trước. Cô ta ngồi xuống.

“Bud à”, người phụ nữ khóc than nói, chấm chấm nhẹ hai mắt. “Vào đây và tháo giày cho cô Reba.”

Cậu bé quỳ xuống tháo giày cho cô Reba. “Và làm ơn lấy cho ta đôi dép đi trong nhà dưới gầm giường”, cô Reba nói. Cậu bé mang đôi dép đến. Minnie đi vào, lủ chớ theo sau. Chúng nhảy xổ vào cô Reba và bắt đầu ngoạm những chiếc giày mà cô ta vừa tháo ra.

“Cút đi!” Cậu bé quát, dùng tay đập vào một con trong bọn chúng. Nó quay ngoắt đầu lại, hàm răng sít lại, đôi mắt sáng rực đầy đe dọa. Cậu bé lùi lại. “Mày dám cắn tao, đồ chó đẻ”, cậu nói.

“Bud!”, người phụ nữ béo quát, khuôn mặt tròn của cô ta nhăn lại thành những nếp gấp béo phì và lan những vệt nước mắt, quay nhìn cậu bé với vẻ ngạc nhiên kinh hoàng, những cái lông chim gật gù bấp bênh trên đầu. Đầu của Bud khá tròn trĩnh, mũi cậu lấm tẩm tàn nhang như những vết bẩn của trận mưa rào lớn trên vỉa hè. Người phụ nữ kia ngồi thẳng, nghiêm trang, đeo chiếc kính gọng vàng trên mũi với một sợi dây màu vàng và mái tóc màu xám gọn gàng. Cô ta nhìn giống như một giáo viên tiểu học. “Tuyệt vời làm sao!”, người phụ nữ béo nói. “Tôi không biết làm cách nào mà cậu ta lại có thể học được những từ ngữ đó trong một nông trại ở Arkansaw.”

“Chúng sẽ học sự hèn hạ ở bất cứ nơi đâu”, cô Reba nói. Minnie hạ một cái khay có ba cái cốc vại lạnh xuống. Bud quan sát với đôi mắt tròn như hoa ngô khi mỗi người trong bọn họ cầm lấy một cốc. Người phụ nữ béo lại bắt đầu khóc.

“Anh ấy rất tử tế!”, cô ta rên rỉ.

“Tất cả chúng ta đều phải chịu đựng việc này”, cô Reba nói, “Ôi, nó có thể là một ngày dài”, rồi nâng chiếc cốc lên. Mọi người uống bia, nghiêng đầu mời nhau theo nghi thức. Người phụ nữ béo lau khô mắt, hai người khách lau bọt trên miệng họ với sự lịch thiệp đứng đắn. Người phụ nữ gầy tế nhị quay sang một bên để ho, tay che miệng.

“Bia ngon quá”, cô ta nói.

“Đúng vậy”, người phụ nữ béo nói. “Tôi luôn nói đó là thứ tôi thích nhất khi ghé thăm cô Reba.”

Họ bắt đầu trò chuyện lịch sự với những câu nói ngắt quãng bởi tiếng thở hổn hển tỏ ý tán thành. Cậu bé đã thơ thẩn ra chỗ cửa sổ, nhìn chăm chú xuống bên dưới qua tấm màn che được nâng lên.

“Cậu bé sẽ ở với cô bao lâu, cô Myrtle?”, cô Reba nói.

“Chỉ tới thứ Bảy”, người phụ nữ béo nói. “Sau đó cậu ta sẽ trở về nhà. Ở với tôi trong một, hai tuần sẽ làm nên sự thay đổi nho nhỏ có lợi cho cậu ta. Và tôi vui thích khi có cậu nhỏ.”

“Trẻ con là một nguồn an ủi cho ta”, người phụ nữ gầy nói.

“Vâng”, cô Myrtle nói. “Thế hai cậu chàng dễ thương vẫn còn ở với cô chứ, cô Reba?”

“Vâng”, cô Reba nói. “Tuy nhiên, tôi nghĩ chắc tôi phải tống họ đi. Tôi không phải là người tốt bụng cho lắm, nhưng rất cuộc giúp đỡ những cậu trai trẻ biết được sự hèn hạ bần xỉn trong thế giới này cho đến khi họ bắt buộc phải học thì không phải là vô ích. Tôi đã phải cấm mấy đứa con gái không được đi lại trong nhà mà không mặc gì hết và bọn chúng không thích vậy.”

Họ lại uống, lịch sự, điệu đà nâng những chiếc cốc, ngoại trừ cô Reba bầu chặt lấy cốc của mình như thể nó là một thứ vũ khí. Cô ta đặt cái cốc rỗng xuống. “Tôi khát quá, dường như vậy”, cô ta nói. “Quý cô uống thêm một ly nữa nhé?” Bọn họ thì thầm, trịnh trọng. “Minnie!”, cô Reba hét lên.

Minnie đi vào và lại rót đầy những cái cốc. “Quả thực, tôi xấu hổ quá”, cô Myrtle nói. “Nhưng cô Reba có thứ bia thực là ngon. Và tất cả chúng ta đang có một buổi chiều đau khổ.”

“Tôi chỉ ngạc nhiên là mình không còn thấy đau khổ nữa”, cô Reba nói. “Khi mời mọi người tất cả số rượu đó như Gene đã làm.”

“Nó phải tốn cả một món tiền lớn”, người phụ nữ gầy nói.

Cô Reba nói: “Và người nào được lợi lộc từ việc ấy? Nói tôi nghe xem. Ngoại trừ cái lợi là chỗ của anh ta đông nghẹt đám người không hề chi một xu.” Cô ta đặt cái cốc lên chiếc bàn cạnh ghế của mình. Bất thành lình cô ta quay ngoắt đầu lại và nhìn vào nó. Bud đang đứng phía sau ghế của cô ta, tựa người vào bàn. “Cậu không uống trộm bia của tôi đấy chứ, đúng không, cậu nhỏ?”, cô ta nói.

“Cậu, Bud”, cô Myrtle nói. “Cậu không xấu hổ ư? Tôi tuyên bố, xảy ra sự việc như thế tôi không dám dắt cậu đến đâu nữa. Tôi chưa

bao giờ nhìn thấy một cậu bé uống trộm bia trong đời tôi. Cậu lại đây mau. Nhanh lên.”

“Vâng, thưa bà”, Bud nói. Cậu ta di chuyển, nhưng không về hướng nào đặc biệt. Cô Reba uống và đặt cái cốc vại trở lại mặt bàn rồi đứng lên.

“Vì tất cả chúng ta đều đã tan nát cõi lòng”, cô ta nói, “tôi có thể mời các quý cô một ngụm nhỏ rượu gin chẳng?”.

“Thực sự đấy chứ?”, cô Myrtle nói.

“Cô Reba là một vị chủ nhà tuyệt vời”, người phụ nữ gầy nói. “Cô đã nghe tôi nói điều đó bao nhiêu lần rồi, cô Myrtle?”

“Tôi không dám chắc, bạn thân yêu”, cô Myrtle nói.

Cô Reba biến mất sau tấm màn che.

“Cô có bao giờ thấy tháng Sáu nóng như thế này không, cô Lorraine?”, cô Myrtle nói.

“Chưa bao giờ”, người phụ nữ gầy nói. Khuôn mặt cô Myrtle lại bắt đầu nhăn nhó. Đặt cái cốc vại xuống, cô ta bắt đầu lần tìm chiếc khăn tay.

“Nó cứ ập đến với tôi như thế này đây”, cô ta nói, “bọn họ hát bài *Sonny boy* đó. Anh ta là người dễ chịu mà”, cô ta rên rỉ.

“Nào, nào”, cô Lorraine nói. “Uống một chút bia đi. Cô sẽ cảm thấy khá hơn. Cô Myrtle lại khóc nữa rồi!”, cô nói, lên giọng.

“Tôi có một trái tim quá nhạy cảm”, cô Myrtle nói. Cô ta sụt sịt sau cái khăn tay, sờ soạng tìm cái cốc. Cô ta mò mẫm trong chốc lát và rồi nó chạm vào tay cô ta. Cô ta ngược vội lên. “Cậu, Bud!”, cô ta nói. “Chẳng phải tôi đã bảo cậu biến ra khỏi chỗ đó sao? Mấy người có thể tin điều này không? Một buổi chiều kia, khi rời chỗ này tôi đã quá nhục nhã đến nỗi không biết phải làm gì. Tôi xấu hổ nếu bị nhìn thấy trên đường phố với một cậu bé say rượu như cậu.”

Cô Reba hiện ra từ phía sau bức rèm với ba ly rượu gin. “Thứ này sẽ thêm chút hăng hái cho chúng ta”, cô ta nói. “Chúng ta cứ ngồi đây như ba con mèo bệnh tật già nua vậy.” Họ cúi đầu mời nhau theo nghi thức và nhấp từ từ. Rồi họ bắt đầu nói. Tất cả cùng nói

một lúc, lại với những câu lấp lửng, nhưng chẳng hề có sự ngừng nghỉ để người khác có thể tán đồng hoặc khẳng định.

“Đó là phụ nữ chúng ta”, cô Myrtle nói. “Bọn đàn ông không thể chỉ vì một lý do nào đó chiếm giữ rồi lại rời bỏ chúng ta bởi lý do là bản thân chúng ta. Bọn họ làm chúng ta thành phụ nữ, rồi mong mỗi chúng ta trở nên khác đi. Đòi hỏi chúng ta không bao giờ được nhìn người đàn ông khác, trong khi họ đến và đi khi nào họ thích.”

“Người phụ nữ nào muốn lãng nhãng với hơn một người đàn ông trong cùng một thời điểm là một kẻ ngu ngốc”, cô Reba nói. “Tất cả bọn đàn ông đều phiền phức và tại sao cô lại muốn nhân đôi phiền phức của mình chứ? Và người phụ nữ nào không thể chân thật với một người đàn ông tốt khi cô ta có được anh ấy, một người phóng khoáng, rộng lượng chẳng bao giờ khiến cô ta bất an hoặc nặng lời với cô ta...”, nhìn vào hai người kia, đôi mắt cô ta bắt đầu tràn ngập vẻ buồn bã, khó tả và tuyệt vọng.

“Này, này”, cô Myrtle nói. Cô ngả người về phía trước và vỗ nhẹ vào bàn tay to lớn của Reba. Cô Lorraine chặc lưỡi khe khẽ. “Tự cô sẽ bắt đầu lại mọi thứ được mà.”

“Đó là một người đàn ông tốt”, cô Reba nói. “Chúng tôi đã như hai con chim câu. Trong mười một năm, chúng tôi đã gắn bó như hai con chim câu.”

“Nào, bạn thân yêu, nào”, cô Myrtle nói.

“Nhìn anh ta nằm bên dưới những vòng hoa”, cô Reba nói. “Làm tôi nhớ tới chuyện kia cũng đổ xuống đầu tôi như vậy.”

“Anh ta không bao giờ có nhiều hoa hơn ông Binford được”, cô Myrtle nói. “Nào, nào. Uống chút bia đi.”

Cô Reba quạt tay áo ngang qua mắt. Cô ta uống vài ngụm bia.

“Anh ta không nên mạo hiểm với cô gái của Popeye”, cô Lorraine nói.

“Bọn đàn ông chẳng bao giờ biết được điều đó, bạn thân yêu ạ”, cô Myrtle nói. “Cô cho rằng bọn chúng đã đi đâu, cô Reba?”

“Tôi không biết và tôi không quan tâm”, cô Reba nói. “Kể cả chuyện bao lâu nữa họ mới bắt được và thiêu sống hắn về tội giết

cậu trai ấy, tôi cũng không quan tâm. Tôi không quan tâm gì nữa.”

“Hắn ta đến tận Pensacola mỗi mùa hè để thăm mẹ hắn”, cô Myrtle nói. “Một người đàn ông làm việc đó không thể hoàn toàn xấu được.”

“Tôi không biết cô muốn chúng xấu xa đến đâu nữa”, cô Reba nói. “Tôi đang cố gắng điều hành một ngôi nhà đứng đắn, tôi đã làm được điều đó trong hai mươi năm và hắn ta cố biến nó thành một trò xem phim qua cái lỗ nhỏ có kính phóng đại.”

“Chính những người đàn bà tội nghiệp chúng ta”, cô Myrtle nói, “là nguyên nhân của mọi rắc rối và gặt hái tất cả những khổ đau”.

“Tôi nghe nói hai năm trước hắn ta không bình thường trong chuyện đó”, cô Lorraine nói.

“Tôi đã biết điều đó ngay từ đầu rồi,” cô Reba nói. “Một người đàn ông trẻ tiêu tiền như nước cho các cô gái và chẳng bao giờ ngủ với một cô nào. Thật trái với tự nhiên. Tất cả các cô gái nghĩ rằng đó là vì hắn ta có một phụ nữ nhỏ bé ở đâu đó bên ngoài thành phố, nhưng hãy ghi nhớ những lời của tôi, ở hắn có điều gì khác lạ. Một điều kỳ cục.”

“Hắn ta là một tên tiêu tiền rộng rãi, tốt thôi”, cô Lorraine nói.

“Quần áo và nữ trang cô gái đó mua sắm, thật đáng xấu hổ”, cô Reba nói. “Cô ta đã trả một trăm đô la cho một cái áo khoác mặc trong nhà kiểu Trung Hoa - nó là đồ nhập khẩu, mua nước hoa với giá mười đô la một ounce, và sáng hôm sau khi tôi lên đó, tất cả chúng bị vứt đồng trong xô nhà, nước hoa và phấn hồng vỡ vụn như vừa trải qua một cơn lốc. Đó là những gì cô ta sẽ làm khi nào cô ta nổi điên với hắn, khi nào hắn đánh đập cô ta. Sau đó, hắn nhốt cô ta lại và không cho cô ta rời khỏi căn nhà. Hắn rình mò trước cửa nhà tôi như thể nó là một...” Cô ta nhắc cái cốc từ trên bàn đưa lên miệng. Rồi cô ta sững lại, chớp mắt. “Rượu của tôi...?”

“Bud!”, cô Myrtle quát. Cô ta túm lấy cánh tay cậu bé, lôi cậu ta ra từ đằng sau ghế của cô Reba và lắc mạnh cậu ta, cái đầu tròn của cậu ta lắc lư trên đôi vai với một vẻ đều đều ngớ ngẩn. “Mi không xấu hổ ư? Mi không xấu hổ ư? Tại sao mi không thể tránh xa mấy cốc bia của các quý cô đây? Ta nảy ra một ý nghĩ hay ho là lấy đồng

đô la đó lại và bắt mi mua cho cô Reba một thùng bia, ta làm thật đấy. Bây giờ, đi ngay ra chỗ cửa sổ đằng kia và ở lại đó, nghe không?”

“Vô ích”, cô Reba nói. “Chẳng còn lại mấy. Mấy cô cũng đã sẵn sàng cho một cốc khác, phải không nào? Minnie!”

Cô Lorraine chấm khăn tay lên miệng. Đằng sau cặp kính, đôi mắt cô ta đảo sang một bên, liếc nhìn một cách kín đáo. Cô ta đặt bàn tay còn lại lên bộ ngực gầy già xẹp lép của mình.

“Chúng ta đã quên mất bệnh tim của cô, bạn yêu quý”, cô Myrtle nói. “Cô không cho rằng cô nên uống gin lần này sao?”

“Thực sự thì, tôi...”, cô Lorraine nói.

“Vâng, làm vậy đi”, cô Reba nói. Cô ta nặng nề đứng lên và mang ra ba ly rượu gin nữa từ sau tấm rèm. Minnie đi vào và lại rót đầy mấy cái cốc vại. Họ uống và lại chùi miệng.

“Chuyện gì đang diễn ra vậy?”, cô Lorraine nói.

“Lần đầu tôi biết là khi Minnie kể tôi nghe rằng có điều gì đó kỳ lạ đang xảy ra”, cô Reba nói. “Hắn ta hầu như không ở đây, cứ cách mỗi đêm lại bỏ đi, và khi nào hắn ta ở đây, chẳng có chút dấu hiệu gì vào buổi sáng hôm sau khi Minnie lên dọn phòng. Minnie đã nghe thấy họ cãi nhau, nó nói là vì cô ta muốn ra ngoài còn hắn không cho. Với tất cả đồng áo quần mà hắn đã mua cho cô ta, hắn không muốn cô ta rời khỏi nhà, cô ta nổi điên và khóa cửa, thậm chí không cho hắn ta vào trong phòng.”

“Có thể hắn ta rời đi và có quan hệ với một đứa nào đó trong đám quái vật ở đây, lũ quái vật này, và nó bỏ rơi hắn ta”, cô Myrtle nói.

“Rồi một buổi sáng, hắn đến cùng với Red và đưa cậu ta lên đó. Họ ở lại khoảng một giờ và bỏ đi, Popeye không chường mặt ra nữa cho đến sáng hôm sau. Rồi hắn và Red quay lại và ở trên đó chừng một giờ. Khi họ rời đi, Minnie đến kể tôi nghe chuyện gì đang diễn ra, vì vậy ngày hôm sau tôi đã chờ họ. Tôi gọi hắn vào đây và nói: Nghe này, cậu là một thằng ch...” Cô ta ngừng lại. Ngay lập tức, ba người họ ngồi bất động, hơi ngả người về đằng trước. Rồi họ chậm chậm xoay đầu lại và nhìn cậu bé đang tựa lên bàn.

“Bud”, cô Myrtle nói, “muốn ra sân chơi với Reba và Binford không?”.

“Dạ có, thưa bà”, cậu bé nói. Cậu ta đi về phía cửa. Bọn họ nhìn theo cậu ta cho đến khi cánh cửa đóng lại. Cô Lorraine kéo ghế lại, họ cùng chụm đầu vào nhau.

“Và đó là những gì họ đã làm hả?”, cô Myrtle nói.

“Tôi nói ‘Tôi trông coi căn nhà này được hai mươi năm, nhưng đây là lần đầu tiên tôi gặp một chuyện như thế này xảy ra trong đó. Nếu cậu muốn dẫn một con ngựa giống đến với cô gái của cậu’, tôi nói, ‘đến chỗ khác mà làm việc đó. Tôi sẽ không để cho nhà của tôi biến thành một nhà thổ kiểu Pháp đâu’.”

“Tên chó đẻ”, cô Lorraine nói.

“Hắn ta có đủ sự điên dại của một lão già xấu xí”, cô Myrtle nói. “Cám dỗ lũ con gái tội nghiệp như thế đó.”

“Lũ đàn ông luôn luôn đòi hỏi chúng ta biết cưỡng lại sự cám dỗ”, cô Lorraine nói. Cô ta đang ngồi thẳng như một giáo viên tiểu học. “Lũ chó đẻ tồi tệ.”

“Trừ những gì chúng tự làm cho chính chúng”, cô Reba nói. “Rồi xem họ... Trong bốn ngày, sáng nào chuyện đó cũng xảy ra, rồi họ không quay lại. Suốt một tuần Popeye không hề xuất hiện, đưa con gái đó lòng lộn như một con ngựa cái non. Tôi nghĩ có thể hắn ta đã ra khỏi thành phố vì công việc, cho đến khi Minnie bảo tôi hắn chẳng đi đâu cả và rằng hắn ta đã cho cô ta năm đô la một ngày để không cho cô gái đó rời khỏi căn nhà hay sử dụng điện thoại. Tôi đã cố nhấn hắn ta đến đưa cô gái ấy ra khỏi nhà tôi bởi vì tôi không muốn bất cứ chuyện gì kiểu như thế tiếp tục xảy ra. Vâng, thưa các quý cô, Minnie nói cô gái đó và Red, hai người bọn họ trần truồng như hai con rắn và Popeye đứng ở chân giường, thậm chí không cởi mũ, thốt ra những âm thanh như tiếng ngựa hí.”

“Có thể là hắn ta đang làm bọn họ phấn khích”, cô Lorraine nói. “Đồ chó đẻ tồi tệ.”

Tiếng chân bước trên hành lang, họ có thể nghe thấy giọng Minnie. Cánh cửa mở ra. Cô ta bước vào, xách cổ Bud bằng một tay. Đầu gối cậu bé rũ ra đu đưa, khuôn mặt ngu ngốc đờ đẫn vô

hồn. “Cô Reba”, Minnie nói, “cậu nhóc này đã mở trộm thùng đá và uống cả chai bia. Mà, thằng nhóc!”, cô ta nói, lắc người cậu bé, “đứng lên!”. Cậu ta rũ ra đùng đùng, đang nhe răng cười cứng nhắc, chảy cả nước dãi. Rồi mặt cậu lại chuyển sang vẻ âu lo, khiếp đảm, Minnie thả cậu ta ra ngay lúc cậu bé bắt đầu nôn mửa.

(10) Tiếng lóng: Chỉ người Mỹ gốc Ý.

(11) *Beer*: đồng âm với chữ *bier* (quan tài).

Khi mặt trời lên, Horace chưa ngủ mà ngay cả quần áo cũng chưa cởi ra. Anh vừa mới hoàn tất một bức thư cho vợ, gửi đến địa chỉ nhà bố vợ tận Kentucky, yêu cầu được ly dị. Anh ngồi ở bàn, nhìn xuống tờ đơn được viết ngay ngắn, lần đầu tiên cảm thấy yên tĩnh và trống rỗng kể từ khi nhận ra Popeye đang quan sát anh bên kia dòng suối bốn tuần trước đây. Trong khi đang ngồi ở đấy, anh bắt đầu nghĩ thấy mùi cà phê đầu đó. “Mình sẽ kết thúc chuyện này và sau đó sẽ đi châu Âu. Mình phát ốm lên được. Mình không còn trẻ để làm điều này. Mình đã quá già rồi, và mình cũng chán ngán sự tĩnh lặng này rồi.”

Anh cạo râu, pha cà phê, uống một tách và ăn chút bánh mì. Khi anh đi ngang qua khách sạn, chiếc xe buýt đón chuyển tàu hỏa buổi sáng đang đậu ở lề đường, những người đi chào hàng đang bước lên nó. Cla'ence Snopes là một trong số họ, ông ta mang theo một va li màu nâu vàng.

“Tôi xuống Jackson có chút việc”, ông ta nói. “Tiếc là tôi đã để vượt mất anh tối qua. Tôi quay lại trong một chiếc ô tô. Tôi cho rằng anh đã có một buổi tối yên bình, phải vậy không?” Ông ta nhìn xuống Horace, vẽ kẻ cả, ngu độn, ý định của ông ta không thể nhầm lẫn được. “Đáng lẽ tôi đã có thể đưa anh đến một chỗ mà đa số bọn họ không biết. Nơi một người đàn ông có thể làm bất cứ điều gì anh ta đủ sức làm. Nhưng thôi để lần khác, khi tôi hiểu anh nhiều hơn.”

Cũng trong sáng hôm đó, từ xa anh thấy cô em gái đi đằng trước, rẽ và biến mất vào trong một cánh cửa. Anh cố gắng tìm cô ta bằng cách nhìn vào bên trong tất cả các cửa hàng trong khúc đường mà cô ta có thể rẽ vào, hỏi thăm những người bán hàng. Cô ta không vào trong mấy cửa hàng đó. Chỗ duy nhất anh không kiểm tra là một cầu thang kẹp giữa hai cửa hàng dẫn tới một dãy văn phòng trên tầng đầu tiên, một trong số đó là văn phòng của công tố viên quận, Eustace Graham.

Graham có chân trong một câu lạc bộ, cái mà đã đưa anh ta lên vị trí anh ta đang ngồi. Anh ta đã xoay xở thi được và tốt nghiệp

trường đại học của bang, khi anh ta còn trẻ cả thành phố nhớ đến anh ta như một gã đánh xe ngựa chở hàng và rồi là tài xế xe tải cho những cửa tiệm tạp hóa. Trong năm đầu ở trường đại học, anh ta đã tạo dựng được tên tuổi nhờ sự cần cù chăm chỉ. Anh ta đã trình một tờ đơn xin phục vụ dân chúng và có được một hợp đồng với chính phủ để vận chuyển thư từ cho bưu điện địa phương mỗi khi tàu hỏa tới, khắp khiêng vác một chiếc bao tải trên vai: một thanh niên trẻ trung, vui vẻ, chân chất luôn chào hỏi mọi người và đôi mắt dự báo tính tham lam. Vào năm thứ hai, anh ta để hợp đồng vận chuyển thư từ rơi vào tay người khác, bỏ công việc phục vụ dân chúng, anh ta sắm bộ com lê mới. Mọi người vui mừng rằng vì anh ta đã dành dụm được tiền bằng công việc trước đó và bây giờ có thể dành tất cả thì giờ cho học tập. Lúc đó, anh ta đang học Luật và những vị giáo sư trường Luật đã dạy dỗ anh ta như một con ngựa đua. Anh ta tốt nghiệp suôn sẻ, dù không xuất sắc. “Bởi lúc khởi đầu cậu ta đã bị cản trở”, những vị giáo sư nói. “Nếu có sự khởi đầu giống như những người khác... cậu ta sẽ tiến xa hơn”, họ nói.

Chỉ đến khi anh ta rời trường, mọi người mới biết anh ta đã từng chơi bài bạc suốt ba năm trong văn phòng của một cơ sở nuôi ngựa cho thuê. Hai năm sau khi ra trường, khi anh ta được bầu vào Cơ quan Lập pháp Tiểu bang, người ta bắt đầu kể những giai thoại thời đi học của anh ta.

Chuyện xảy ra trong một ván bài tại văn phòng của cơ sở nuôi ngựa cho thuê. Tới phiên Graham đặt cược, anh ta nhìn qua bên kia bàn, về phía chủ nhân của chuồng ngựa, đối thủ còn lại duy nhất của anh ta.

“Ông còn bao nhiêu tiền đây, ông Harris?”, anh ta nói.

“Bốn mươi hai đô la, Eustace”, người chủ nói. Eustace nhét mạnh vài thẻ tiền vào trong cái lọ. “ Bao nhiêu vậy?”, người chủ hỏi.

“Bốn mươi hai đô la, ông Harris.”

“Hừm”, người chủ nói. Ông ta kiểm tra lại bài trên tay mình. “Anh rút mấy lá bài vậy, Eustace?”

“Ba, ông Harris.”

“Hừm. Ai đã chia bài, Eustace?”

“Tôi, thưa ông Harris.”

“Tôi bỏ qua, Eustace.”

Anh ta đã là công tố viên quận nhưng chỉ trong thời gian ngắn, chưa nóng chỗ anh ta đã mơ ước về công việc giữ hồ sơ phạm tội ở Quốc hội, do đó khi thấy mình đang đối mặt với Narcissa ngang qua bàn giấy trong cái văn phòng bẩn thỉu của mình, biểu hiện của anh ta giống như khi đặt bốn mươi hai đô la vào trong cái lọ.

“Giá mà đó không phải là anh trai cô”, anh ta nói. “Tôi ghét nhìn thấy một chiến hữu, tôi có thể nói như thế, dính vào một vụ tồi tệ.” Narcissa đang quan sát anh ta với cái nhìn vô cảm. “Tóm lại, chúng ta phải bảo vệ xã hội, ngay cả khi nó có vẻ...”

“Anh có chắc là anh ấy không thể thắng không?”, cô ta hỏi.

“Chà, nguyên lý đầu tiên của pháp luật là, chỉ có Chúa mới biết bởi thẩm đoàn sẽ quyết định thế nào. Tất nhiên, cô không thể mong đợi...”

“Nhưng anh không nghĩ là anh ấy sẽ thắng chứ?”

“Tất nhiên, tôi...”

“Anh có lý do thích đáng để nghĩ anh ấy không thể thắng. Tôi cho rằng có những chuyện anh biết mà anh ấy không biết.”

Anh ta nhìn cô một thoáng. Sau đó, anh ta cầm một cây bút chì và bắt đầu gọt nó bằng con dao rọc giấy. “Đây hoàn toàn là bí mật. Tôi đang vi phạm lời tuyên thệ của mình với nghề nghiệp, tôi không được phép nói cho cô biết điều đó. Nhưng cô có thể bớt lo lắng khi biết rằng anh ta không có chút cơ hội nào đâu. Tôi biết anh ta sẽ thất vọng thế nào, nhưng điều đó không thể tránh khỏi. Chúng tôi biết người đàn ông đó có tội. Vì vậy, nếu cô có bất kỳ cách nào để kéo anh trai cô ra khỏi vụ án, tôi khuyên cô nên làm điều đó. Một luật sư thua kiện cũng giống như thất bại trong bất kỳ ngành nghề nào khác, cầu thủ, thương gia hay bác sĩ: công việc của anh ta sẽ...”

“Vậy anh ấy càng thua nhanh thì càng tốt, phải không?”, cô ta nói.

“Nếu họ treo cổ người đàn ông đó và kết thúc vụ việc.” Hai bàn tay anh ta hoàn toàn bất động. Anh ta không nhìn lên. Cô ta nói bằng giọng lạnh tanh và đều đều: “Tôi có lý do để mong Horace thoát ra

khỏi vụ kiện này. Càng sớm càng tốt. Ba đêm trước, ông Snopes, một người trong cơ quan lập pháp, đã gọi điện đến nhà tôi, để tìm anh tôi. Ngày hôm sau, anh ấy đi Memphis. Tôi không biết vì việc gì. Anh sẽ phải tự tìm hiểu chuyện đó. Tôi chỉ muốn Horace thoát ra khỏi việc này càng sớm càng tốt”.

Cô ta đứng lên đi về phía cửa. Anh ta tập tễnh ra mở cửa, một lần nữa cô ta lại nhìn anh ta chăm chăm, lạnh lùng, khó hiểu như thể anh ta là một con chó hay một con bò và cô ta chờ đợi nó cút khỏi lối đi của mình.

“Anh nghĩ vụ án sẽ kết thúc vào ngày nào?”, cô ta hỏi.

“Tại sao, tôi không... Phiên tòa mở ngày Hai mươi”, anh ta nói. “Đây sẽ là vụ xử đầu tiên. Cứ cho là... hai ngày, hoặc cùng lắm là ba ngày, với sự hỗ trợ đặc biệt của cô. Tôi đảm bảo với cô rằng nó sẽ được tiến hành trong sự tin tưởng hợp tác giữa chúng ta...” Anh ta di chuyển về phía Narcissa, nhưng cái nhìn chăm chăm vô cảm của cô ta giống như một bức tường bao quanh anh ta.

“Đó sẽ là ngày Hai mươi tư.” Sau đó, Narcissa nhìn anh ta một lần nữa. “Cảm ơn”, cô ta nói và đóng cửa.

Đêm đó, cô viết thư cho Belle nói rằng Horace sẽ về nhà vào ngày Hai mươi tư. Cô gọi điện thoại cho Horace và hỏi địa chỉ của Belle.

“Để làm gì?”, Horace hỏi.

“Em sẽ viết cho chị ấy một bức thư”, cô ta nói bằng giọng bình thản, không có vẻ đe dọa. *Mẹ kiếp*, Horace nghĩ, cầm ống nghe đã ngắt, *Làm thế nào mình chống lại được những người thậm chí không cả muốn nói dối khi giờ thủ đoạn*. Nhưng chẳng mấy chốc anh đã quên rằng cô em đã gọi. Anh không gặp lại cô ta lần nào nữa trước khi phiên tòa mở ra.

* * *

Hai ngày trước phiên tòa, Snopes hiện ra từ văn phòng của một nha sĩ, ông ta đứng ở lề đường khạc nhổ. Lấy từ túi một chiếc xì gà quấn trong lớp giấy vàng, ông ta tháo lớp giấy và thận trọng đặt nó vào giữa hai hàm răng. Ông ta có một con mắt thâm tím, sống mũi dán lớp bông băng bẩn thỉu. “Bị một chiếc ô tô ở Jackson tông”, ông ta kể với mọi người trong tiệm cắt tóc. Ông ta nhét một tập hóa đơn

màu vàng vào một cái ví và cất đi. “Tôi là một người Mỹ”, ông ta nói. “Tôi không khoác lác về chuyện đó, bởi vì tôi được sinh ra là một người Mỹ. Và tôi cũng là một tín đồ Tin lành nghiêm túc suốt cả cuộc đời. Ồ, tôi không phải một nhà truyền giáo và không phải là một gái già, thỉnh thoảng tôi đi chơi với các cậu trai trẻ, nhưng tôi cho rằng mình không tệ hơn những quý ông cứ giả vờ hát thật to trong nhà thờ.

“Vậy thì, tại sao ông lại bán cho anh ta?”, người thợ cắt tóc hỏi.

“Cái gì?”, Snopes nói. Người thợ cắt tóc đang nhìn ông ta.

“Ông đã cố gắng bán cái gì vậy khi chiếc ô tô cán qua ông?”, người thợ cắt tóc hỏi.

“Hút một điếu xì gà đi”, Snopes nói.

Phiên tòa được bố trí vào ngày Hai mươi tháng Sáu. Một tuần sau cuộc viếng thăm Memphis, Horace gọi điện cho cô Reba. “Tôi chỉ muốn biết liệu cô ấy có còn ở đây không”, anh nói. “Như vậy tôi có thể liên lạc được với cô ấy khi cần.”

“Cô ta có ở đây”, cô Reba nói. “Nhưng cái vụ liên lạc này, tôi không thích. Tôi không muốn mấy tên cóm lảng vảng quanh đây trừ phi tụi nó đến vì công việc của tôi.”

“Sẽ chỉ có một viên chức đi đưa trát đòi cho tòa án quận thôi”, Horace nói. “Sẽ có người đưa một tờ giấy tới tận tay cô ấy.”

“Vậy thì, để người đưa thư làm chuyện đó đi”, cô Reba nói. “Dù gì thì anh ta cũng phải đến đây. Mặc đồng phục nữa. Anh ta nhìn cũng không tệ trong bộ đồng phục hơn một tên cóm trang bị tới tận răng đâu. Hãy để anh ta làm chuyện đó.”

“Tôi sẽ không làm phiền cô”, Horace nói. “Tôi sẽ không gây cho cô bất kỳ rắc rối nào.”

“Tôi biết thế”, cô Reba nói. Giọng cô ta qua đường dây mỏng và khàn khàn. “Tôi sẽ không cho phép anh. Tối nay Minnie vừa khóc một thôi một hồi, vì chuyện thằng chó đẻ rời bỏ nó, còn tôi và cô Myrtle đang ngồi đây, chúng tôi cũng bắt đầu khóc. Tôi, Minnie và Myrtle. Chúng tôi đã uống cả một chai gin. Tôi không có khả năng đó. Vì vậy, anh đừng có gửi tụi cóm ngu xuẩn tới đây với mấy thư thư từ gì đó cho bất kỳ ai. Anh gọi điện cho tôi, tôi sẽ đẩy cả hai đứa chúng nó ra đường và anh có thể bắt giữ chúng ngoài đó.”

Vào đêm Mười chín, anh gọi điện thoại cho cô Reba lần nữa. Anh gặp khó khăn trong việc liên lạc với cô ta.

“Bọn họ đi rồi”, cô ta nói. “Cả hai. Anh không đọc báo à?”

“Báo nào?”, Horace hỏi. “A lô. A lô!”

“Bọn họ không còn ở đây nữa, tôi nói rồi”, cô Reba nói. “Tôi chẳng biết bất cứ điều gì về bọn họ và tôi cũng không muốn biết bất cứ điều gì ngoại trừ việc ai là người sẽ trả cho tôi tiền thuê phòng một tuần...”

“Nhưng cô không biết cô ấy đã đi đâu sao? Tôi có thể cần cô ấy.”

“Tôi không biết gì cả và tôi không muốn biết gì cả”, cô Reba nói. Anh nghe tiếng cạch ở đầu dây bên kia. Nhưng đường dây chưa bị ngắt ngay. Anh nghe tiếng ống điện thoại rơi “huych” trên mặt bàn và tiếng cô Reba gọi Minnie: “Minnie. Minnie!”. Sau đó, bàn tay của ai đấy nhấc ống nghe lên và đặt nó vào vị trí cũ, đầu dây bên kia “cạch” một tiếng.

* * *

Phiên tòa mở vào ngày hôm sau. Trên bàn rải rác các vật chứng mà công tố viên quận cung cấp: viên đạn từ hộp sọ của Tommy, một bình gốm đựng rượu whiskey ngô. “Tôi sẽ gọi bà Goodwin lên ghế nhân chứng”, Horace nói. Anh không nhìn đằng sau. Anh có thể cảm thấy đôi mắt Goodwin đang chiếu trên lưng mình khi anh giúp người phụ nữ ngồi vào chỗ. Cô ta tuyên thệ, đưa bé nằm trên đùi cô ta. Cô ta lặp lại câu chuyện đã từng kể với anh sau ngày đứa bé bị bệnh. Goodwin cố gắng ngắt lời hai lần và bị tòa bắt im lặng. Horace không nhìn ông ta.

Người phụ nữ kể xong câu chuyện. Cô ta ngồi thẳng, mặc chiếc váy màu xám cũ kỹ nhưng gọn gàng, đội cái mũ có mạng che mặt, đeo một đồ trang sức màu tím trên cổ. Đứa bé nằm trên đùi cô ta, hai mắt nó nhắm nghiền bất động như say thuốc. Bàn tay cô ta mơn trớn xung quanh khuôn mặt đứa bé, biểu hiện tình mẫu tử một cách vô thức.

Horace ngồi xuống. Sau đó, anh chỉ nhìn Goodwin. Nhưng người đàn ông kia lúc này đang ngồi lặng lẽ, hai cánh tay khoanh lại và đầu hơi cúi xuống, Horace có thể thấy lỗ mũi ông ta trắng bệch vì tức giận trên khuôn mặt đen sạm. Anh ngả người về phía ông ta và thì thầm, nhưng Goodwin không cử động.

Công tố viên quận bây giờ đối diện người phụ nữ.

“Bà Goodwin”, anh ta nói, “ngày bà kết hôn với ông Goodwin là khi nào?”.

“Tôi phản đối!”, Horace nói, đứng bật dậy.

“Bên nguyên có thể trình bày xem câu hỏi này có liên quan đến vụ án như thế nào không?”, quan tòa nói.

“Tôi bỏ qua, thưa ngài”, công tố viên quận nói, liếc nhìn bồi thẩm đoàn.

Khi ngày xử án hôm đó kết thúc, Goodwin chua chát nói: “Ồi, mấy người đó đã từng nói sẽ giết tôi một ngày nào đó, nhưng tôi không nghĩ lời nói đó là thật. Tôi không nghĩ rằng mấy người đó...”.

“Đừng có ngu ngốc như thế”, Horace nói. “Ông không thấy mình đang thắng sao? Họ đã giảm việc công kích nhân cách nhân chứng của ông.” Nhưng khi họ rời nhà tù, anh thấy người phụ nữ vẫn quan sát mình như dự báo của một điềm gở nào đó. “Cô không phải lo lắng gì hết, nghe không? Có thể cô biết về chuyện làm rượu whiskey hay tình yêu rõ hơn tôi, nhưng tôi biết nhiều về thủ tục hình sự hơn cô, hãy nhớ vậy.”

“Anh không nghĩ rằng tôi đã gây ra một lỗi lầm nào đó à?”

“Tôi biết cô không gây ra lỗi lầm nào cả. Cô không thấy vụ án của họ đã nổ tung ra như thế nào ư? Điều tốt nhất họ có thể hy vọng bây giờ là ý riêng của bồi thẩm đoàn. Và cơ hội cho điều đó không phải là một trên năm mươi. Tôi cho cô biết, ngày mai ông ấy sẽ bước ra khỏi nhà tù như một người tự do.”

“Vậy tôi cho là đã đến lúc nghĩ về chuyện trả thù lao cho anh.”

“Được”, Horace nói, “được rồi mà. Tôi sẽ đi ra ngoài tối nay”.

“Tối nay?”

“Phải. Ngày mai ông ta có thể gọi cô trở lại ghế nhân chứng. Dù sao chẳng nữa, chúng ta nên chuẩn bị cho việc ấy.”

Vào lúc tám giờ, anh bước vào sân nhà người phụ nữ bị điên. Một ánh đèn lẻ loi chiếu sáng trong sự sâu thẳm hoang vu của căn nhà, như một con đom đóm vướng vào một đám cây thạch nam, nhưng người phụ nữ không xuất hiện khi anh cất tiếng gọi. Anh đi đến cửa và gõ. Một giọng the thé hét lên điều gì đó, anh đợi một giây. Anh chuẩn bị gõ thêm một lần nữa thì lại nghe thấy giọng nói đó, chát chúa, hoang dại và mơ hồ, như thể vọng đến từ một chốn xa xăm, giống như một cây lau sậy bị chôn vùi bởi mưa bão. Anh đi vòng quanh căn nhà trong đám cỏ dại rậm rạp mọc đến thắt lưng. Cửa bếp mở. Cây đèn đặt ở đó, mù mờ trong cái chụp đèn bần thiêu, căn phòng tràn ngập mùi hôi hám lưu niên của phụ nữ. Đôi nhãn cầu

đảo lộn trong cái đầu hình viên đạn cứng đờ, người da đen mặc một cái áo bên trong cái quần có dây đeo qua hai vai rộng lưng thùng. Bên cạnh người da đen, người đàn bà điên đang xoay về hướng cái tủ bếp đang mở, chải mái tóc rũ rượi của bà ta ngược ra sau.

“Con chó cái của mày đã vào tù rồi”, bà ta nói. “Đi với nó đi.”

“Tù?”, Horace nói.

“Đúng thế, tao đã nói với nó: Khi mày có một ông chồng, mày phải chăm sóc hắn trong tù.” Bà ta quay sang người da đen, cầm một chai rượu dẹt nhỏ trong tay. “Tới đây. Trả tao một đô la cho món này. Mày có nhiều tiền mà.”

Horace trở lại thị trấn, đến nhà tù. Họ cho anh vào. Anh trèo lên cầu thang, người cai ngục khóa cánh cửa đằng sau lưng anh.

Người phụ nữ cho anh vào xà lim. Đứa bé đang nằm trên cái giường nhỏ. Goodwin ngồi bên cạnh nó, hai cánh tay khoanh lại, hai chân duỗi ra như điệu bộ của một người đàn ông sắp kiệt sức.

“Tại sao ông lại ngồi ở đó, ngay trước cái khe hở?”, Horace nói. “Tại sao không đi vào trong góc và chúng tôi sẽ đắp chăn cho ông?”

“Anh đến để xem chuyện kết thúc như thế nào, phải không?”, Goodwin nói. “Phải rồi. Đó là công việc của anh. Anh đã hứa tôi sẽ không bị treo cổ, phải vậy không?”

“Ông còn một giờ nữa”, Horace nói. “Chuyến tàu Memphis không đến đây trước tám giờ ba mươi. Hắn chắc chắn sẽ không ngu gì mà đến đây trong chiếc ô tô màu hoàng yến đó.” Anh quay sang người phụ nữ. “Còn cô. Tôi đã nghĩ cô sẽ thông minh hơn thế này. Tôi biết rằng ông ấy và tôi là kẻ ngu xuẩn, nhưng tôi nghĩ cô phải giỏi hơn chúng tôi.”

“Anh đang ban ơn cho cô ấy”, Goodwin nói. “Cô ấy chắc chắn sẽ bị ảnh hưởng bởi câu chuyện của tôi và sẽ chẳng thể nào lấy được một người đàn ông tử tế. Nếu anh hứa sẽ xin cho đứa trẻ một công việc nào đó khi nó đủ lớn, tôi sẽ thanh toán hơn.”

Người phụ nữ đã trở lại cái giường. Cô ta nhắc đứa bé lên đùi. Horace đi đến bên cô ta. Anh nói: “Hiện giờ, cô chỉ việc tiến về phía trước. Sẽ không có chuyện gì xảy ra đâu. Ở đây ông ấy sẽ ổn thôi.

Ông ấy biết vậy mà. Cô phải về nhà và ngủ một giấc, bởi vì cả hai người sẽ được rời khỏi đây vào ngày mai. Đi nào.”

“Tôi cho là mình nên ở lại”, người phụ nữ nói.

“Khỉ thật, cô không biết rằng cứ nghĩ về tai họa thì sẽ tự chuốc lấy xui xẻo sao? Lee biết điều đó mà. Lee, bảo cô ấy ngừng việc này đi.”

“Đi đi, Ruby”, Goodwin nói. “Về nhà và đi ngủ đi.”

“Em cho là mình nên ở lại”, cô ta nói.

Người phụ nữ trầm ngâm cạnh đứa bé, mặt cô ta cúi xuống và toàn thân bất động. Goodwin tựa lưng vào tường, cổ tay áo sơ mi bạc màu đang xăn lên.

“Ông là một người đàn ông”, Horace nói. “Phải không? Tôi mong rằng bởi thẩm đoàn có thể nhìn thấy ông bây giờ, bị nhốt trong một cái xà lim bằng bê tông, dọa nạt phụ nữ và trẻ em với những câu chuyện ma của lớp Năm. Họ sẽ biết ông không bao giờ có đủ can đảm để giết bất kỳ ai.”

“Anh nên về nhà ngủ đi”, Goodwin nói. “Chúng tôi có thể ngủ ở đây, nếu ngoài kia không tiếp tục có quá nhiều tiếng ồn.”

“Không”, Horace nói. Anh rời xà lim. Người cai ngục mở cửa và anh rời khỏi tòa nhà. Mười phút sau, anh quay trở lại với một gói đồ. Goodwin không động đậy. Người phụ nữ quan sát anh mở cái gói. Trong đó có một chai sữa, một hộp kẹo, một hộp xì gà. Anh đưa cho Goodwin một điếu xì gà và lấy cho mình một điếu. “Cô đã mang bình sữa cho đứa bé, đúng không?”

Người phụ nữ lấy cái bình từ một bọc bên dưới gầm giường. “Vẫn còn một ít”, cô ta nói. Cô ta đổ sữa từ chai vào đầy bình. Horace châm điếu xì gà của mình và của Goodwin. Khi anh nhìn lại, cái chai đã được cất đi.

“Chưa tới giờ cho nó ăn à?”, anh hỏi.

“Tôi đang hâm nóng nó”, người phụ nữ nói.

“Ồ”, Horace nói. Anh ngả cái ghế tựa vào tường, đối diện với cái giường trong xà lim.

“Trên giường còn chỗ”, người phụ nữ nói. “Nó êm hơn một chút.”

“Tuy nhiên, không đủ để thay đổi được gì”, Horace nói.

“Nghe này”, Goodwin nói, “anh về nhà đi. Anh làm thế này không ích gì đâu”.

“Chúng ta còn chút chuyện cần làm”, Horace nói. “Tên luật sư đó sẽ lại gọi cô ấy lên vào buổi sáng. Đó là cơ hội duy nhất của hần: làm mất hiệu lực lời khai của cô ấy bằng cách nào đó. Ông có thể ngủ một chút trong khi chúng tôi duyệt lại từng chi tiết.”

“Được rồi”, Goodwin nói.

Horace bắt đầu luyện tập cho người phụ nữ, anh đi tới đi lui trên sàn phòng chật hẹp. Goodwin đã hút hết điếu xì gà và lại ngồi bất động, hai cánh tay khoanh lại và đầu cúi xuống. Đồng hồ trên tường gõ chín tiếng, rồi mười tiếng. Đứa bé rên rỉ, quấy đạp. Người phụ nữ ngừng lại và thay tã cho nó, rồi lấy bình sữa và cho nó uống. Sau đó, cô ta ngả người về phía trước một cách cẩn trọng và nhìn vào khuôn mặt Goodwin. “Anh ấy ngủ rồi”, cô ta thì thầm.

“Ta sẽ đặt ông ấy nằm xuống chứ?”, Horace khẽ hỏi.

“Không. Hãy để anh ấy ở yên đó.” Di chuyển nhẹ nhàng, cô ta đặt đứa bé lên giường và ngồi xuống đầu còn lại của chiếc giường. Horace mang chiếc ghế đến bên cạnh cô. Họ thì thầm trò chuyện.

Đồng hồ điểm mười một tiếng. Horace vẫn luyện tập cho người phụ nữ, tiếp tục ôn đi ôn lại hiện trường tưởng tượng. Cuối cùng, anh nói: “Tôi nghĩ thế là đủ rồi. Giờ cô đã nhớ chưa? Nếu hần ta hỏi cô bất cứ điều gì mà cô không thể trả lời bằng những từ chính xác mà cô đã học được đêm nay, đừng nói gì hết trong một giây. Tôi sẽ lo phần còn lại. Cô nhớ chưa?”.

“Vâng”, cô ta thì thầm. Anh vờ tay lấy hộp kẹo từ trên giường, mở nó ra, lớp giấy bóng kính khẽ kêu loạt xoạt. Cô ta lấy một viên. Goodwin vẫn không động đậy. Cô ta nhìn ông ta, rồi chuyển hướng nhìn cái khe hẹp của cửa sổ.

“Thôi đi”, Horace thì thầm. “Hần không thể phi một cái ghim cài mũ trúng vào ông ấy, huống hồ là một viên đạn. Cô không biết điều đó ư?”

“Vâng”, cô ta nói, cầm viên kẹo trong tay. Cô ta không nhìn anh. “Tôi biết những gì anh đang nghĩ”, cô ta thì thầm.

“Cái gì?”

“Khi anh đến nhà và tôi không có ở đó. Tôi biết anh nghĩ gì.” Horace quan sát cô ta, cô ta ngoảnh đi. “Anh nói đêm nay là thời điểm để bắt đầu trả nợ cho anh.”

Anh nhìn cô ta một lúc lâu. “À”, anh nói. “Ồi những thói xấu chồng chất! Ôi địa ngục! Những động vật có vú ngu xuẩn các cô chẳng bao giờ tin rằng bất kỳ người đàn ông nào, mọi người đàn ông... Cô nghĩ tôi đến vì cái đó hả? Cô nghĩ nếu tôi muốn làm chuyện ấy, tôi phải chờ lâu thế này à?”

Cô ta thoáng nhìn anh. “Nếu anh không chờ đợi, sẽ chẳng có gì cả.”

“Cái gì?Ồ. Vâng. Tuy nhiên cô định làm chuyện đó tối nay ư?”

“Tôi nghĩ đó là những gì...”

“Vậy thì bây giờ cô sẽ làm chứ?” Cô ta nhìn sang Goodwin. Ông ta đang ngáy. “Ồ, tôi không có ý nói là ngay phút này”, anh thì thầm. “Nhưng cô sẽ làm theo yêu cầu.”

“Tôi nghĩ đó là những gì anh muốn. Tôi đã bảo anh chúng tôi không có... Nếu anh không cần chuyện đó, thì tôi không biết rằng mình đã đổ trách nhiệm cho anh.”

“Không phải thế. Cô biết là không phải như vậy. Tuy nhiên, cô không thể biết rằng một người đàn ông làm một điều gì đó chỉ bởi vì anh ta biết điều đó là lẽ phải sao?”

Người phụ nữ chậm chậm xoay cái kẹo trong bàn tay. “Tôi nghĩ anh bức dộc về ‘hắn’.”

“Lee?”

“Không. Nó.” Cô chạm vào đứa bé. “Bởi vì tôi phải mang nó theo chúng tôi.”

“Ý cô là, với nó ở cuối giường, có lẽ thế?”

Cô ta nhìn anh, đôi mắt đờ đẫn và trầm tư. Bên ngoài, đồng hồ điểm mười hai tiếng.

“Chúa ơi”, anh thì thào. “Cô đã biết những loại đàn ông nào vậy?”

“Tôi từng một lần đưa anh ấy ra khỏi nhà tù bằng cách đó. Ra khỏi Leavenworth nữa. Khi họ biết anh ấy có tội.”

“Cô đã làm thế?”, Horace nói. “Đây. Lấy một viên khác đi. Viên đó đã chảy ra rồi.” Cô ta nhìn xuống những ngón tay bị dính sôcôla và viên kẹo biến dạng. Cô ta bỏ nó xuống đằng sau cái giường. Horace đưa cho cô ta cái khăn tay của mình.

“Nó sẽ bắn mất”, cô ta nói. “Đợi đã.” Cô ta lau những ngón tay vào đồng tử vừa thay của đĩa bé và lại ngồi xuống, hai bàn tay siết chặt trong lòng. Goodwin vẫn ngáy đều đều. “Khi anh ấy sang Philippines, anh ấy để tôi lại San Francisco. Tôi kiếm được một công việc và sống trong một phòng trọ nhỏ xíu, nấu ăn trên một cái đèn hàn khí nhỏ, bởi vì tôi đã nói với anh ấy tôi sẽ quyết tâm. Tôi không biết anh ấy sẽ đi bao lâu, nhưng tôi đã hứa với anh ấy tôi sẽ làm vậy và anh ấy biết tôi quyết tâm. Khi anh ấy giết một người lính khác vì một con đàn bà da đen, tôi thậm chí không hề biết chuyện đó. Tôi không nhận được một bức thư nào của anh ấy trong năm tháng. Chỉ đến khi tình cờ nhìn thấy một tờ báo cũ trải trên một cái bàn nơi tôi làm việc, tôi mới biết trung đoàn ấy đang về nhà và khi tôi nhìn vào lịch thì đúng là ngày hôm ấy. Tôi đã rất ổn suốt thời gian đó. Tôi từng có những cơ hội tốt, hằng ngày tôi đều gặp may bởi những người đàn ông đến nhà hàng.

Họ không cho tôi nghỉ để đi đón anh ấy, do đó tôi phải bỏ việc. Rồi họ không cho tôi gặp anh ấy, thậm chí không cho tôi lên tàu. Tôi đứng đó trong lúc họ lần lượt rời tàu, tìm kiếm anh ấy và hỏi từng người đi qua liệu họ có biết anh ấy ở đâu không. Họ đùa cợt tôi rằng tôi đã có cuộc hẹn nào tối hôm đó chưa, bảo tôi rằng họ chưa bao giờ nghe nói về anh ấy hoặc anh ấy đã chết hay đã bỏ trốn sang Nhật Bản với bà vợ của ông đại tá. Tôi lại cố lên tàu lần nữa, nhưng họ không cho tôi lên. Vì vậy, đêm đó tôi mặc quần áo đẹp lên người và đi đến những hộp đêm cho đến khi tôi tìm ra một tên trong bọn họ, đi theo hắn như một con bò lạc và hắn đã kể cho tôi nghe mọi việc. Quả tình giống như là tôi đã chết. Tôi ngồi đó với tiếng nhạc ầm ĩ và tên lính say rượu đang sờ soạng mình và tôi tự hỏi tại sao không từ bỏ, vào cuộc với hắn ta, uống cho say và không bao giờ

tỉnh lại nữa, tôi đã nghĩ ‘Đây là cái phần thú vật mình đã lãng quên một năm qua’. Tôi đoán rằng đó là lý do tại sao tôi đã không từ bỏ.

Dù sao, tôi đã không làm vậy. Tôi đi về phòng mình và ngày hôm sau bắt đầu tìm kiếm anh ấy. Tôi cứ tiếp tục, người ta nói dối tôi và cố gắng làm tôi tin, cho đến khi tôi khám phá ra là anh ấy đang ở Leavenworth. Tôi không có đủ tiền mua vé, do đó tôi phải kiếm một công việc khác. Tôi mất hai tháng mới kiếm đủ tiền. Sau đó, tôi đi đến Leavenworth. Tôi có một công việc khác là làm nhân viên phục vụ bàn, ở nhà hàng Childs’, ca đêm, như vậy cứ cách hai tuần tôi có thể gặp Lee vào chiều Chủ nhật. Chúng tôi quyết định thuê một luật sư. Chúng tôi không biết luật sư không thể làm bất cứ điều gì cho một tù nhân liên bang. Tên luật sư không nói với tôi điều ấy và tôi không nói với Lee làm thế nào tôi thuê được một luật sư. Anh ấy nghĩ tôi đã để dành được một ít tiền. Tôi sống chung với tên luật sư hai tháng trước khi khám phá ra sự thật.

Rồi chiến tranh xảy ra và họ thả Lee để gửi anh ấy sang Pháp. Tôi đến New York và kiếm được việc làm tại một công xưởng quốc phòng. Tôi sống đàng hoàng, với những thành phố đầy lính tráng sẵn tiền để vung ra và thậm chí cả những đứa con gái hư hỏng mặc quần là áo lượt. Nhưng tôi vẫn sống đàng hoàng. Rồi anh ấy trở về. Tôi đến chỗ con tàu để đón anh ấy. Anh ấy rời khỏi tàu, họ đưa anh ấy về lại Leavenworth vì tội giết người lính kia ba năm trước. Sau đó, tôi thuê một luật sư để tìm một nghị sĩ Quốc hội can thiệp cho anh ấy ra ngoài. Tôi đã đưa người luật sư đó tất cả số tiền tôi dành dụm được. Vì vậy, khi Lee được thả ra, chúng tôi không có gì cả. Anh ấy nói chúng tôi nên kết hôn, nhưng chúng tôi không có khả năng. Khi tôi kể với anh ấy về chuyện tên luật sư hồi trước, anh ấy đã đánh tôi.”

Một lần nữa, cô ta bỏ viên kẹo đã bị biến dạng ra phía sau cái giường và lau tay vào mảnh tã lót bẩn thỉu của đứa bé. Cô ta chọn một viên kẹo khác trong hộp và ăn. Vừa nhai, vừa nhìn Horace chăm chăm, ánh mắt trống rỗng. Qua khe cửa sổ, bóng tối tỏa vào hơi lạnh và không khí chết chóc.

Goodwin đã ngừng ngáy. Ông ta cựa quậy và ngồi dậy.

“Mấy giờ rồi?”, ông ta nói.

“Cái gì?”, Horace nói. Anh nhìn vào đồng hồ đeo tay của mình.
“Hai giờ ba mươi phút.”

Gần sáng Horace đã ngủ trên ghế. Khi anh thức dậy, một tia nắng hồng rơi xuống cầu thang, xuyên qua cửa sổ. Goodwin và người phụ nữ đang khe khẽ nói chuyện trên cái giường nhỏ. Goodwin nhìn anh chán chường.

“Chào buổi sáng”, ông ta nói.

“Tôi hy vọng ông không mơ thấy ác mộng”, Horace nói.

“Nếu tôi gặp ác mộng, đó sẽ là cơn ác mộng cuối cùng mà tôi có. Họ nói anh không nằm mơ ở đó.”

Horace nói: “Vậy sao? Tôi cho rằng ông sẽ tin tưởng chúng tôi, sau chuyện này”.

“Tin tưởng, quỷ tha ma bắt”, Goodwin nói, ông ta ngồi rất lặng lẽ, rất kiềm chế, với khuôn mặt ủ rũ, lơ đãng trong bộ quần áo lao động bên ngoài sơ mi màu xanh, “anh nghĩ rằng gã đàn ông đó sẽ để tôi bước ra khỏi cánh cửa kia, đi trên phố và vào trong tòa án sau ngày hôm qua? Anh đã sống với loại người nào trong suốt cuộc đời vậy? Trong nhà giữ trẻ à? Tôi sẽ không làm điều đó, bản thân tôi sẽ không làm điều đó.”

“Nếu hán ta làm thế, hán ta đã nhảy vào chính cái bẫy của mình”, Horace nói.

“Cái đó sẽ có ích gì cho tôi hả? Để tôi nói cho...”

“Lee”, người phụ nữ nói.

“... anh vài điều: lần sau nếu anh muốn chơi may rủi với cái cổ của một người đàn ông...”

“Lee”, người phụ nữ nói. Cô ta đang dịu dàng vuốt tóc Goodwin và vuốt phẳng cái áo sơ mi cho ông ta. Horace quan sát hai người họ.

“Ông có muốn ở lại đây ngày hôm nay không?”, Horace khẽ nói.
“Tôi có thể dàn xếp chuyện đó.”

“Không”, Goodwin nói. “Tôi ngán nó lắm rồi. Tôi sẽ vượt qua chuyện này. Chỉ cần bảo cái tên nghị sĩ mắc dịch đó đừng có bước

quá gần tôi. Anh và cô ấy tốt hơn nên đi ăn sáng đi.”

“Em không đói”, người phụ nữ nói.

“Em hãy làm theo những gì anh bảo em”, Goodwin nói.

“Lee.”

“Đi đi”, Horace nói. “Cô có thể quay lại đây sau mà.”

Bên ngoài, trong không khí buổi sáng mát mẻ, anh bắt đầu thở những hơi thật sâu. “Hít đầy lá phổi của cô đi”, anh nói. “Một đêm trong chỗ đó sẽ làm bất cứ ai bị mê sảng. Hình dung ra cảnh ba người trưởng thành... Chúa ơi, đôi khi tôi tin rằng tất cả chúng ta đều là trẻ con. Nhưng hôm nay sẽ là ngày cuối cùng. Trưa nay, ông ấy sẽ bước ra khỏi chỗ đó như một con người tự do: cô có ý thức được điều đó không?”

Họ đi dạo trong ánh mặt trời tươi thắm, dưới bầu trời cao cao, dịu mát. Trên bầu trời xanh, những đám mây nhỏ được thổi đến từ phía tây nam và làn gió hiu hiu làm run rẩy những đóa hoa bồ kết ba gai.

“Tôi không biết anh muốn được trả công như thế nào”, cô ta nói.

“Quên nó đi. Tôi đã được trả rồi mà. Cô sẽ không hiểu được chuyện đó, nhưng linh hồn tôi đã học việc bốn mươi ba năm rồi. Bốn mươi ba năm. Dài gấp rưỡi cuộc đời cô đã sống. Vì vậy, cô thấy cái điều điên rồ nực cười đó cũng như sự bần cùng nghèo đói, sẽ tự quan tâm tới chính nó.”

“Và anh biết rằng anh ấy... rằng...”

“Thôi đi. Chúng ta đều mơ điều đó thành hiện thực. Chúa đôi khi cũng xuẩn ngốc, nhưng chí ít Ngài là một người cao quý. Cô không biết điều đó sao?”

“Tôi luôn luôn coi Ngài là một người đàn ông”, người phụ nữ nói.

* * *

Tiếng chuông đổ dồn khi Horace băng qua quảng trường về hướng tòa án. Quảng trường đã đông nghịt xe ngựa, ô tô và những người mặc quần áo lao động, họ dần dần tụ tập bên dưới lối vào kiểu Gothic của tòa nhà. Chiếc đồng hồ trên đầu đánh chín tiếng khi anh đặt chân lên cầu thang.

Các cánh cửa lớn phía đầu cầu thang chật hẹp đã được mở. Đằng sau chúng, mọi người đang tìm chỗ ngồi. Horace có thể nhìn thấy những cái đầu của họ - những cái đầu hói, những cái đầu hoa râm, những cái đầu bờm xờm, những cái đầu bôi dầu thơm bên trên những cổ áo kiểu cách và đây đó một cái mũ có buộc dây dưới cằm hoặc một cái mũ gắn hoa.

Không khí ùa vào qua những ô cửa sổ mở, thổi qua những mái đầu và dội ngược lại Horace ở chỗ cửa chính, nặng mùi thuốc lá, mùi mồ hôi chua, mùi đất và thứ mùi không lẫn vào đâu được của những phòng xử án, thứ mùi mốc meo của dục vọng tàn lụi, của tham lam, tranh cãi ti tiện và cay đắng. Các cửa sổ nhìn ra ban công khép lại dưới mái vòm cong cong. Cơn gió nhẹ luồn qua chúng, mang theo tiếng chíp chíp, tiếng gù gù của lũ chim sẻ và bồ câu làm tổ chỗ mái hiên nhô ra, thi thoảng tiếng còi ô tô từ quảng trường bên dưới vọng lên và chìm trong sự ảm ỉ của những bước chân trên hành lang và cầu thang.

Chỗ ghế ngồi của quan tòa trống không. Tại một cái bàn dài, anh có thể nhìn thấy mái tóc đen, khuôn mặt nâu sạm hốc hác của Goodwin và cái mũ xám của người phụ nữ. Ở đầu kia của bàn, là một người đàn ông đang ngồi xĩa răng. Hộp sọ của ông ta được bọc sát bởi một cái mũ nhỏ bên những lọn tóc đen xoắn tít mỏng manh trên chỗ đầu bị hói. Ông ta có cái mũi dài xấu xí, mặc bộ com lê vàng nâu, một cái cặp da lịch sự và cái mũ viền dải lụa màu đỏ và vàng nhạt đặt trên mặt bàn gần đó, ông ta vừa nhìn chăm chăm ra cái cửa sổ bên trên những dãy đầu, vừa xĩa răng của mình. Horace đứng lại ngay bên cửa. “Đó là một luật sư”, anh nói. “Một luật sư Do Thái đến từ Memphis.” Sau đó, anh nhìn về phía sau những cái đầu xung quanh chiếc bàn, nơi các nhân chứng và những người có khả năng làm chứng sẽ ngồi. “Mình biết mình sẽ tìm thấy gì trước khi tìm thấy nó”, anh nói. “Cô ta đội một cái mũ màu đen.”

Anh bước lên lối đi. Từ bên ngoài cửa sổ - nơi những tiếng chuông phát ra và bên dưới cái mái hiên vươn ra, những con chim bồ câu gù gù trong cổ họng - tiếng nói của viên mõ tòa vang lên:

“Tòa án đáng kính của quận Yoknapatawpha bây giờ bắt đầu y theo luật pháp...”

Temple đội một chiếc mũ đen. Viên thư ký gọi tên cô hai lần trước khi cô di chuyển lên ghế nhân chứng. Một lát sau, Horace nhận ra rằng quan tòa, với một chút gắt gỏng, đang nói với anh:

“Đây có phải là nhân chứng của ông không, ông Benbow?”

“Đúng vậy, thưa ngài.”

“Ông muốn cô ấy tuyên thệ và lời khai của cô ấy được ghi chép lại chứ?”

“Tôi muốn, thưa ngài.”

Giọng của viên mõ tòa vẫn còn đều đều, lặp đi lặp lại, mặc dù tiếng chuông đã dứt.

Công tố viên quận đối diện với bồi thẩm đoàn. “Tôi xin đưa ra một đồ vật được tìm thấy tại hiện trường vụ án để làm bằng chứng.” Anh ta giữ trong tay một cái lõi ngô. Nó như đã bị nhúng vào sơn màu nâu sẫm. “Lý do thứ này không được đưa ra sớm hơn là vì sự liên quan của nó với vụ án chưa được làm rõ trước khi có lời khai của vợ bị cáo mà tôi vừa đọc lớn lên cho quý vị nghe từ hồ sơ.”

Quý vị vừa nghe lời khai của chuyên viên hóa học và bác sĩ phụ khoa - những người mà, như quý vị đã biết, là chuyên gia về những vấn đề thiêng liêng nhất của điều thiêng liêng nhất trong cuộc sống: phụ nữ - họ nói rằng việc sẽ có một đao phủ hay cuộc tắm đót bằng xăng dầu là không tránh khỏi...”

“Tôi phản đối!”, Horace nói. “Bên nguyên đang áp đặt...”

“Chấp nhận”, quan tòa nói. “Hãy bỏ câu bắt đầu bằng *họ nói rằng* đi, ông thư ký. Ông có thể hướng dẫn cho bồi thẩm đoàn để bỏ nó đi, ông Benbow. Còn ông công tố viên quận, hãy kiểm soát ngôn từ của mình.”

Công tố viên quận cúi người. Anh ta quay sang ghế nhân chứng, nơi Temple đang ngồi. Từ bên dưới cái mũ đen, những lọn tóc xoắn màu đỏ xoắn chặt như những cục nhựa của cô xoắn ra. Trên mũ có đính một viên kim cương giả. Trên vạt váy sa tanh màu đen, là một cái ví màu bạc. Chiếc áo khoác màu vàng nhạt, đính cái nơ màu tím trên một bên vai. Tay cô bất động, lòng bàn tay ngửa lên trên đùi. Cặp chân dài tuyệt đẹp bắt chéo, đôi giày mềm bất động với những móc khóa lấp lánh hai bên. Cô gái ngồi với thái độ vừa tách biệt vừa khúm núm, ánh mắt cô gắn chặt vào một thứ gì đó phía cuối phòng. Khuôn mặt xanh xao, hai mảng phấn hồng như những cái đĩa giấy dán lên hai bên gò má của Temple, miệng cô tô vẽ như những cánh cung đẹp hoàn hảo và hoang dại, cũng giống như một cái gì đó vừa biểu tượng vừa bí ẩn được cắt cẩn thận từ giấy màu đỏ và dán ở đó.

Công tố viên quận đứng trước cô gái.

“Tên cô là gì?” Cô không trả lời. Cô khẽ cử động đầu, như thể anh ta chần mắt tầm nhìn của cô, nhìn chăm chú vào một thứ gì đó phía cuối căn phòng. “Tên cô là gì?”, anh ta lặp lại, cũng di chuyển theo, chần mắt tầm nhìn của cô lần nữa. Miệng cô mấp máy. “To lên”, anh ta nói. “Nói to lên. Sẽ không ai làm hại cô đâu. Hãy để những người đàn ông đứng đắn đây, những người cha và những người chồng, nghe thấy những gì cô cần nói và giúp cô đòi lại công bằng.”

Quan tòa liếc sang Horace, cặp lông mày của ông ta nhướng lên. Nhưng Horace không động đậy. Anh hơi cúi đầu xuống, hai bàn tay nắm chặt trên đùi.

“Temple Drake”, Temple nói.

“Cô bao nhiêu tuổi?”

“Mười tám.”

“Nhà cô ở đâu?”

“Memphis”, cô trả lời bằng giọng khó mà nghe được.

“Nói lớn hơn một chút. Các quý ông đây sẽ không làm hại cô đâu. Họ có mặt ở đây để giúp cô đòi lại công bằng. Cô sống ở đâu trước khi đến Memphis?”

“Ở Jackson.”

“Cô có người nhà ở đó à?”

“Vâng.”

“Nào. Nói cho những quý ông tử tế đây nghe...”

“Cha tôi.”

“Mẹ cô đã qua đời?”

“Vâng.”

“Cô có chị em gì không?”

“Không.”

“Cô là con gái duy nhất?”

Quan tòa lại nhìn Horace, một lần nữa anh không động đậy.

“Vâng.”

“Cô sống ở đâu kể từ ngày Mười hai tháng Năm năm nay?” Đầu cô khẽ cử động, như thể cô định nhìn qua anh ta. Anh ta di chuyển vào tầm nhìn của cô, bắt lấy ánh mắt cô. Cô lại nhìn chòng chọc vào anh ta, đưa ra những câu trả lời như một con vẹt.

“Cha cô có biết là cô đã ở đó không?”

“Không.”

“Ông ấy nghĩ là cô ở đâu?”

“Ông ấy nghĩ là tôi ở trường.”

“Vậy thì hẳn cô đang đi trốn, bởi một điều gì đó đã xảy ra và cô không dám...”

“Tôi phản đối!”, Horace nói. “Câu hỏi được dẫn...”

“Chấp nhận”, quan tòa nói. “Tôi đã định cảnh cáo ông vài lần, ông công tố viên, nhưng bên bị không hiểu sao lại không phản đối.”

Công tố viên quặn cúi người về phía ghế quan tòa. Anh ta quay lại với nhân chứng và nhìn chăm chăm vào cô.

“Cô đã ở đâu vào sáng Chủ nhật, ngày Mười hai tháng Năm?”

“Tôi ở trong một căn nhà nhỏ.”

Cả gian phòng xì xào. Một số người mới vào, nhưng họ túm tụm lại phía cuối căn phòng và đứng yên ở đó. Đầu Temple lại động đậy. Công tố viên nhìn theo hướng cô gái đang nhìn. Anh ta quay người lại và chỉ vào Goodwin.

“Trước đây cô đã bao giờ nhìn thấy người đàn ông đó chưa?” Cô gái nhìn chăm chăm vào công tố viên, khuôn mặt đờ đẫn, vô cảm. Từ một khoảng cách ngắn, đôi mắt, hai bên phần hông và miệng cô, giống như năm vật thể vô nghĩa trong một cái đĩa nhỏ hình trái tim. “Hãy nhìn nơi tôi đang chỉ.”

“Vâng.”

“Cô đã thấy ông ta ở đâu?”

“Trong căn nhà nhỏ.”

“Lúc đó cô đang làm gì trong căn nhà nhỏ đó?”

“Tôi đang lẩn trốn.”

“Cô đang lẩn trốn ai?”

“Trốn ông ta.”

“Người đàn ông ở đằng kia phải không? Hãy nhìn nơi tôi đang chỉ.”

“Vâng.”

“Nhưng ông ta đã tìm ra cô.”

“Vâng.”

“Còn ai khác ở đây không?”

“Còn Tommy. Anh ấy nói...”

“Anh ta ở bên trong hay bên ngoài căn nhà nhỏ?”

“Anh ấy ở bên ngoài cánh cửa. Anh ấy đang canh chừng. Anh ấy nói sẽ không cho phép...”

“Chờ một chút. Cô đã xin anh ta không để cho bất cứ ai vào?”

“Vâng.”

“Và anh ta đã khóa cửa từ bên ngoài?”

“Vâng.”

“Nhưng Goodwin đã đi vào.”

“Vâng.”

“Ông ta có bất kỳ cái gì trong tay không?”

“Ông ta có cây súng lục.”

“Tommy có cố ngăn cản ông ta không?”

“Có. Anh ấy nói ông ta...”

“Chờ đã. Ông ta đã làm gì Tommy?”

Cô gái nhìn chăm chăm vào ông ta.

“Ông ta có cây súng lục trong tay. Vậy thì ông ta đã làm gì?”

“Ông ta bắn anh ấy.” Viên công tố bước sang một bên. Ngay tức thì, cái nhìn chăm chăm của cô di chuyển xuống phía cuối căn phòng và gắn chặt ở đó. Viên công tố quay lại, bước vào trong tầm nhìn của cô gái. Cô ngọ nguậy đầu, anh ta giơ cái lõi ngô bắn thủ lên trước mắt cô. Căn phòng tràn ngập những tiếng xì xào.

“Cô đã bao giờ thấy vật này trước đây chưa?”

“Rồi.”

Công tố viên quay đi. “Thưa ngài quan tòa tôn kính và quý vị, quý vị đã lắng nghe câu chuyện khủng khiếp, không thể tưởng tượng được mà cô gái trẻ này đã kể, quý vị đã nhìn thấy bằng chứng và nghe lời khai của bác sĩ: tôi sẽ không bắt cô gái bị hủy hoại, không có khả năng tự vệ này phải bị đau đớn khổ sở bởi...”, anh ta ngừng lại, những cái đầu đồng loạt quay lại và nhìn về phía một người đàn ông đang oai vệ đi trên lối đi hướng về phía ghế quan tòa. Ông ta bước từng bước, điềm tĩnh, theo sau là những cái nhìn chằm chằm kinh ngạc của những khuôn mặt trắng nhỏ, một tiếng xuýt xoa chằm chằm rít lên. Ông ta có mái tóc bạc gọn gàng và bộ ria mép tía ngấn như một thanh búa bạc tương phản với màu da sạm của ông. Bên dưới mi mắt hơi sưng mọng. Bộ com lê nỉ vừa vặn, không có một khuyết điểm. Ông ta cầm một cái mũ panama bằng một tay và một cây gậy đen mảnh khảnh ở tay kia. Ông ta bước oai vệ trên lối đi, không nhìn sang bất cứ bên nào. Ông ta đi qua ghế nhân chứng mà không liếc Temple lấy một cái - người vẫn còn nhìn chăm chăm vào một thứ gì đó phía cuối căn phòng, ông bước qua tầm nhìn của cô như một vận động viên điền kinh chạy qua dải băng và dừng lại trước vành móng ngựa bên trên chỗ quan tòa đang ngáp ngừng nửa đứng nửa ngồi, hai cánh tay của ông đặt trên chiếc bàn giấy.

“Thưa ngài”, ông già nói, “có phải tòa án đã xong việc với nhân chứng này?”.

“Vâng, thưa ngài thẩm phán”, vị quan tòa nói, “vâng, thưa ngài. Bị cáo, anh có từ bỏ...”.

Ông già chằm chằm quay lại, đứng thẳng và nhìn xuống sáu người tại bàn tư vấn. Đằng sau ông già, nhân chứng vẫn không động đậy. Cô ngồi trong bất động, nhìn đăm đăm qua những khuôn mặt giống như một người bị say thuốc, hướng về phía cuối căn phòng. Ông già quay sang cô và chìa bàn tay ra. Cô không động đậy. Mọi người trong căn phòng như thở hắt ra, hít vào một cách nhanh chóng và lại nín thở. Ông già chạm vào cánh tay cô gái. Cô quay đầu về phía ông, đôi mắt cô trống rỗng. Cô đặt bàn tay vào bàn tay ông già và đứng lên, cái ví màu bạc trượt từ đùi xuống sàn với một tiếng động nhỏ, một lần nữa cô nhìn về phía cuối căn phòng.

Ông già hất cái ví vào trong góc bằng chiếc mũi giày nhỏ bóng loáng - nơi bồi thẩm đoàn cùng với quan tòa đang ngồi, nơi để cái ống nhỏ - rồi ông điềm tĩnh đỡ cô gái xuống từ cái bục. Cả căn phòng lại thở hắt ra khi họ di chuyển xuống lối đi.

Đi được nửa chừng, cô gái lại dừng lại, chiếc áo khoác thanh nhã không cài nút, khuôn mặt vô hồn, rồi lại tiếp tục đi, bàn tay đặt trong bàn tay ông già. Họ bước xuống lối đi, ông già đi bên cạnh cô gái, không nhìn bất cứ ai, từng bước ngang qua tiếng thì thầm buồn tẻ của những người trong phòng xử án. Một lần nữa, cô gái dừng bước. Cô bắt đầu co rúm, thân thể từ từ cong lại. Ông già cúi mình về phía cô, nói gì đó, cô lại đi, điệu bộ co rúm và sợ hãi. Bốn người đàn ông trẻ đang đứng thẳng gần lối ra như những người lính, nhìn thẳng về phía trước cho đến khi ông già và cô gái tới chỗ họ. Rồi họ bước tới và vây quanh hai người, cô gái bị chìm lấp giữa bọn họ, họ di chuyển về phía cửa. Tại đây, họ dừng lại một lần nữa, người ta có thể nhìn thấy cô gái co rúm tựa vào bức tường ngay bên trong cánh cửa, thân hình lại cong gập. Cô gái xem ra đang bám vào đó, rồi nắm thân hình kia lại bao vây cô, cả nhóm người băng qua cửa và biến mất. Cả phòng hít thở: một âm thanh rì rầm như cơn gió dậy lên, di chuyển tới phía trước với nhịp độ tăng chậm chậm, về phía chiếc bàn dài nơi bị cáo, người phụ nữ với đứa bé, Horace, công tố viên và vị luật sư đến từ Memphis ngồi, ngang qua bồi thẩm đoàn và áp vào ghế của quan tòa. Vị luật sư Memphis đang ngồi thẳng lưng, nhìn mơ màng ra ngoài cửa sổ. Đứa bé phát ra một tiếng kêu cáu kỉnh.

“Suyt, im nào”, người phụ nữ nói. “Sssssssuyt.”

Bồi thẩm đoàn đã ra được tám phút. Khi Horace rời tòa án, trời đang tối dần. Những chiếc xe ngựa cột ở đấy đang được đánh ra ngoài, một số chúng sắp phải trải qua chặng đường mười hai hay mười sáu dặm heo hút. Narcissa đang đợi anh trong ô tô. Anh bước ra khỏi đám người mặc quần áo lao động, chậm chạp chui vào trong xe một cách khó nhọc như một ông già, với nét mặt buồn bã. “Anh có muốn về nhà không?”, Narcissa hỏi.

“Ừ”, Horace nói.

“Em muốn nói là về nhà, không phải là ở ngoài đâu.”

“Ừ!”, Horace nói.

Cô em đang lái xe. Động cơ đang hoạt động. Cô ta nhìn anh, hôm nay anh mặc một bộ đồ mới sẫm màu với cổ áo màu trắng giản dị, một cái mũ màu tối.

“Nhà nào?”

“Nhà”, anh nói. “Anh không quan tâm. Chỉ là nhà thôi.”

Họ đi ngang qua nhà tù. Đứng dọc theo hàng rào là những kẻ lêu lổng, những người quê mùa, những gã du thủ du thực và đám thanh niên đã đi theo sau Goodwin và người được ủy quyền của tòa án. Người phụ nữ đứng bên cánh cổng, đội chiếc mũ màu xám có mạng che mặt, bế đứa bé trong tay. “Ông ta đứng ở nơi mà có thể thấy nó qua cửa sổ”, Horace nói. “Anh cũng ngửi thấy mùi thịt lợn muối. Có lẽ ông ấy sẽ được ăn trước khi chúng ta về tới nhà.” Rồi anh bắt đầu khóc ngay bên cạnh em gái. Cô ta lái xe rất từ tốn. Không lâu sau, họ đã rời thị trấn và những hàng cây bông tươi non mơn mớn đều đưa hai bên đường dần dần lùi xa. Vẫn còn một ít tuyết trên những bông hoa bồ kết ba gai nở đầy trên đường xe leo dốc. “Đã là cuối mùa”, Horace nói. “Mùa xuân.”

Anh ở lại ăn tối. Anh ăn rất nhiều. “Em sẽ đi chuẩn bị phòng”, cô em nói, khá nhẹ nhàng.

“Được rồi”, Horace nói. “Em thật tử tế.” Cô ta đi ra ngoài. Chiếc xe lăn của bà Jenny nằm trên một cái bệ có rãnh dành cho xe lăn. “Cô

ấy thật tử tế”, Horace nói. “Cháu nghĩ cháu sẽ đi ra ngoài và hút thuốc.”

“Cháu bỏ thói quen hút thuốc trong phòng từ khi nào vậy?”, bà Jenny hỏi.

“Vâng”, Horace nói. “Cô ấy thật tử tế.” Anh bước qua hàng hiên. “Mình có ý định dừng lại ở đây”, Horace nói. Anh băng qua cái hiên và sau đó giẫm lên mớ tuyết khiên tón rơi xuống từ những cây bồ kết ba gai cuối cùng, anh ra khỏi cánh cổng sắt, bước lên con đường rải sỏi. Sau khoảng một dặm, một chiếc xe ô tô chạy chậm lại và đề nghị cho anh quá giang. “Tôi chỉ đi dạo trước khi ăn tối”, anh nói, “Tôi sẽ quay về ngay.” Thêm một dặm nữa, anh có thể nhìn thấy những ánh đèn của thị trấn. Đó là thứ ánh sáng lấp lóa mờ nhạt. Nó sáng hơn khi anh đến gần. Trước khi đến thị trấn, anh bắt đầu nghe thấy những âm thanh, những tiếng nói. Rồi anh thấy một đám đông đang tràn ra trên phố, tiến về cái sân gần nhà tù, gần quảng trường. Trong sân, bên dưới cửa sổ có chấn song, một người đàn ông đang đứng đối diện với đám đông, giọng khàn khàn, khoa chân múa tay.

Viên cảnh sát trưởng đứng lẫn lộn giữa đám lang thang trước khách sạn, dọc bên lề đường. Ông ta là một người đàn ông béo phì, khuôn mặt to bự, đàn độn. “Họ sẽ không làm gì cả”, ông ta nói. “Họ chỉ nói quá nhiều. Om sòm huyền ảo.”

Đám đông ở lại đường phố cho đến khuya. Tuy nhiên, họ khá trật tự. Như thể phần lớn bọn họ đến đây để nhìn, để ngó vào nhà tù và cửa sổ hoặc để lắng nghe người đàn ông. Sau một lúc, anh tự thuyết phục mình đi ra ngoài. Rồi bọn họ bắt đầu tản ra, quay lại quảng trường và một vài người trong số họ trở về nhà, cho đến khi chỉ còn lại một nhóm nhỏ bên dưới ánh đèn chỗ lối vào quảng trường, trong đám này có hai người đại diện cho tòa án và một cảnh sát trưởng tuần đêm đội một cái mũ rộng vành nhạt màu, mang theo một đèn pin, một đồng hồ và một khẩu súng lục. “Cút về nhà ngay”, ông ta nói. “Hết tuồng rồi. Chúng mày đã coi xong trò vui rồi. Cút về nhà đi ngủ ngay.”

Mấy tên lang thang ngồi thêm một lúc dọc theo lề đường trước khách sạn, Horace cũng ở trong số đó, chuyển xe lửa về phía nam

chạy lúc một giờ. “Họ sẽ để hấn ta thoát khỏi vụ này thật ư?”, một tên lang thang nói. “Với cái lỗi ngô đó? Chúng ta có loại người gì ở đây hả?”

“Hấn ta sẽ không bao giờ đi được tới chỗ bị xử tại thị trấn của tao”, tên thứ hai nói.

“Thậm chí là đi tù”, tên thứ ba nói. “Cô ta là ai?”

“Một cô sinh viên. Trông khá được. Mà không nhìn thấy cô ta à?”

“Tao đã thấy cô ta. Cô ta là một đứa trẻ. Chúa ơi. Tao sẽ không dùng cái lỗi ngô.”

Sau đó, quảng trường im ắng. Đồng hồ đánh mười một tiếng, mấy tên lang thang đã đi vào, người gác cổng da đen đến và chuyển những chiếc ghế vào sát bức tường. “Anh đang đợi tàu hỏa à?”, ông ta nói với Horace.

“Vâng. Ông có biết giờ chạy của nó không?”

“Nó chạy đúng giờ. Nhưng vẫn còn hai tiếng nữa cơ. Anh có thể nằm nghỉ trong phòng trưng bày, nếu anh muốn.”

“Tôi có thể chứ?”, Horace nói.

“Tôi sẽ chỉ cho anh”, người da đen nói. Phòng trưng bày là nơi mấy tên lang thang đặt hàng hóa của chúng. Nó có một cái ghế sofa. Horace tắt đèn và nằm xuống. Anh có thể nhìn thấy những hàng cây xung quanh tòa án và một bên của tòa nhà vươn lên trên quảng trường yên tĩnh và vắng vẻ. Nhưng người ta không ngủ. Anh có thể cảm thấy sự thao thức, người dân của thị trấn vẫn còn thức. “Dù sao, mình cũng không thể ngủ”, anh tự nhủ.

Anh nghe thấy đồng hồ gõ mười hai tiếng. Sau đó - có thể là ba mươi phút sau hoặc lâu hơn - anh nghe tiếng ai đó băng qua bên dưới cửa sổ, đang chạy. Tiếng chân người chạy to hơn tiếng vó ngựa, vang dội trên quảng trường vắng tanh, trong giờ phút yên tĩnh dành cho giấc ngủ.

Khi đi xuôi hành lang về hướng cầu thang, anh không biết là anh đang chạy cho đến khi nghe thấy một giọng nói: “Cháy! Đó là một...”. Rồi anh vượt qua người đó. “Mình làm anh ta sợ”, Horace nói. “Có lẽ anh ta đến từ Saint Louis và chưa quen với chuyện này.”

Anh chạy ra khỏi khách sạn, ra đường. Đứng trước anh là ông chủ khách sạn lồ bịch, một người đàn ông to lớn với cái quần được túm chặt phía trước và dây đeo quần toồng teng bên dưới cái áo ngủ, một mảng tóc bù xù dựng đứng lộn xộn trên cái đầu hói của ông ta, ba người đàn ông khác chạy ngang qua khách sạn. Họ có vẻ như đột ngột hiện ra, vẫn mặc đầy đủ áo quần, đang chạy giữa đường phố.

“Đó là một đám cháy”, Horace nói. Anh có thể thấy ánh lửa, đối diện với nó là cái bóng lơ mờ ảm đạm hoang vu của nhà tù.

“Ở trong lô đất trống”, người chủ khách sạn vừa nói vừa ôm quần của ông ta. “Tôi không thể đi bởi vì không có ai ở bàn làm việc cả...”

Horace chạy. Anh thấy đứng trước là những bóng người khác đang chạy, rẽ vào trong con hẻm bên cạnh nhà tù, rồi anh nghe thấy âm thanh cuồn nổ của lửa và xăng. Anh chạy vào trong hẻm, anh có thể nhìn thấy ngọn lửa ở chính giữa một lô đất trống nơi những chiếc xe ngựa đỗ vào ngày họp chợ. Tương phản với ánh lửa bùng bùng, những bóng đen hiện ra, anh nghe thấy tiếng hò hét chói tai, lướt nhanh qua một khoảng trống, anh nhìn thấy một người đàn ông quay lưng bỏ chạy, mang theo một thùng năm gallon dầu than đá - thứ mà có thể phát nổ chỉ bằng một tia lửa.

Anh chạy vào giữa đám đông, trong vòng tròn xung quanh một đồng lửa bập bùng ở giữa khoảng đất trống. Từ một phía của vòng tròn, vang đến những tiếng thét của người đàn ông mà có thể thùng dầu đã phát nổ quanh ông ta, nhưng từ trung tâm đồng lửa lớn đó không có âm thanh nào phát ra... Horace chạy vào giữa bọn họ, họ giữ anh lại, nhưng anh không hề hay biết họ đang nói chuyện gì.

“Đó là luật sư của hấn.”

“Đây là cái tên đã bào chữa cho hấn. Cái tên đã cố chạy tội cho nó.”

“Ném cả nó vào luôn. Vẫn còn đủ dầu để hỏa thiêu một tên luật sư.”

“Hãy xử tên luật sư như bọn mình đã xử hấn. Như những gì hấn đã làm với cô gái. Chỉ có điều bọn mình không bao giờ sử dụng một cái lõi ngô.”

Horace không thể nghe thấy họ đang nói gì. Anh cũng không thể nghe thấy tiếng người đàn ông bị thiêu đang la hét và tiếng lửa cháy, mặc dù nó vẫn cuồn cuộn bốc lên không hề có dấu hiệu suy giảm.

Khách từ những chuyến tàu hỏa ở Kinston được một ông già lái một chiếc xe bảy chỗ tới đón. Ông gầy gò, với đôi mắt màu xám, bộ ria mép cũng màu xám và được bôi keo. Ngày xưa, trước khi thị trấn đột ngột trở nên lộn xộn, ông là một chủ đồn điền, một địa chủ, con trai của một trong những người đầu tiên xây dựng thị trấn. Ông đã mất hết tài sản của mình bởi tham lam và cả tin, rồi ông bắt đầu đánh xe ngựa đi đi về về giữa thị trấn và những chuyến tàu hỏa, với bộ ria bôi keo, đội một chiếc mũ chóp cao và mặc áo choàng kiểu Hoàng tử Albert sờn rách, kể cho những tên lang thang nghe ông ta đã từng đứng đầu xã hội Kinston như thế nào.

Sau khi thời kỳ của ngựa trôi qua, ông đã mua một chiếc ô tô, vẫn đón những chuyến tàu hỏa. Ông vẫn để bộ ria mép bôi keo, mặc dù cái mũ chóp cao đã được thay thế bằng một cái mũ lưỡi trai, cái áo choàng thay bằng một bộ com lê màu xám sọc đỏ do những người Do Thái ở New York may. “Anh đây rồi”, ông nói, khi Horace từ trên tàu bước xuống. “Cất túi của anh vào trong xe đi”, ông nói rồi chui vào trong xe. Horace leo vào chỗ ngồi bên cạnh ông. “Anh đã bỏ lỡ một chuyến tàu”, ông nói.

“Lỡ?”, Horace nói.

“Cô ấy tới đây sáng nay. Tôi đã đưa cô ấy về nhà. Vợ của anh.”

“Ồ”, Horace nói. “Cô ấy ở nhà?”

Ông già khởi động xe, lùi lại và rẽ. Đó là một chiếc xe tốt, khỏe, di chuyển dễ dàng. “Vậy anh nghĩ là khi nào?” Họ đi tiếp. “Tôi nghe nói họ thiêu gã đó ở Jefferson. Tôi đoán anh cũng biết.”

“Vâng”, Horace nói. “Vâng. Tôi đã nghe chuyện đó.”

“Đáng đời hắn”, người tài xế nói. “Chúng ta phải bảo vệ các cô gái.”

Họ rẽ vào một con đường, đến một góc bên dưới ánh đèn đường. “Tôi sẽ xuống ở đây”, Horace nói.

“Tôi sẽ đưa anh đến tận cửa”, người tài xế nói.

“Tôi sẽ xuống ở đây”, Horace nói. “Để ông đỡ phải quay xe.”

“Tùy anh vậy”, người tài xế nói. “Dù sao, anh đã trả tiền rồi.”

Horace xuống xe và nhắc hành lý ra, người tài xế không đề nghị xách hộ. Chiếc xe chạy đi. Horace xách hành lý lên, cái va li đã nằm trong tủ quần áo tại nhà em gái anh mười năm và là cái mà anh mang tới thị trấn vào buổi sáng cô ta hỏi tên của công tố viên quận.

Căn nhà còn mới, trên một mảnh đất cỏ mọc rậm rạp, những cây dương và những cây phong mà anh đã trồng vẫn còn non. Trước khi vào nhà, anh nhìn thấy cái chụp đèn màu hồng ở cửa sổ phòng người vợ. Anh vào nhà từ phía sau, đến bên cửa phòng cô ta và nhìn vào trong. Cô ta đang đọc báo trên giường, một tờ tạp chí khổ lớn với cái bìa rất sắc sảo. Cái đèn có chụp màu hồng. Trên bàn để một hộp kẹo sô cô la mở nắp.

“Anh đã về”, Horace nói.

Cô ta nhìn anh.

“Anh đã khóa cửa sau chưa?”, cô ta nói.

“Ừ”, anh biết con bé sẽ khóa”, Horace nói. “Tối nay em đã...”

“Em đã làm sao?”

“Belle Bé nhỏ ấy. Em đã gọi điện thoại...”

“Để làm gì? Con bé đang tham dự một bữa tiệc tại gia. Tại sao nó không được ở đó? Tại sao nó phải phá vỡ kế hoạch của nó, từ chối một lời mời?”

“Ừ”, Horace nói. “Anh biết nó nên tới đó. Em đã...”

“Em đã nói chuyện với nó vào đêm hôm kia. Đi khóa cửa sau đi.”

“Ừ”, Horace nói. “Con bé sẽ ổn thôi. Tất nhiên là nó ổn. Anh sẽ...” Điện thoại đặt trên cái bàn trong hành lang tối. Số điện thoại là của một vùng thôn dã, anh phải chờ nổi máy một lúc. Horace ngồi bên cạnh cái điện thoại, để ngỏ cánh cửa ở phía cuối hành lang. Xuyên qua nó, không khí của đêm hè đã tràn vào, mờ hồ, ám ảnh. “Màn đêm làm người già khó chịu”, anh nói nhẹ nhàng, giữ cái ống nghe.

Từ phòng mình, Belle gọi tên anh: “Em đã gọi cho nó vào đêm hôm kia. Tại sao anh phải làm phiền con bé?”.

“Anh biết”, Horace nói. “Anh sẽ không nói chuyện lâu đâu.”

Anh giữ cái ống nghe, nhìn vào cánh cửa nơi những cơn gió mờ hồ, rắc rối đang luồn qua nó, thổi vào căn nhà. Anh bắt đầu nói một điều gì đó từ một cuốn sách đã đọc: “Ít hơn thường là bình yên. Ít hơn thường là bình yên”.

Đầu dây bên kia trả lời. “A lô! A lô! Belle?”, Horace nói.

“Vâng?”, giọng của cô bé đáp lại mong manh và yếu ớt. “Chuyện gì vậy? Có chuyện gì không ổn phải không ạ?”

“Không, không”, Horace nói. “Ta chỉ muốn chào cháu và chúc cháu ngủ ngon.”

“Gì vậy? Ai đang nói vậy?” Horace giữ cái ống nghe, ngồi trong hành lang tối.

“Là ta, Horace. Horace. Ta chỉ muốn...”

Qua đường dây điện thoại vọng đến tiếng giăng co, anh có thể nghe thấy tiếng Belle Bé nhỏ thở. Rồi một giọng nói, một giọng nam: “A lô, Horace, tôi muốn ông gặp một...”.

“Im đi!”, giọng của Belle Bé nhỏ nói, mong manh và yếu ớt, một lần nữa Horace nghe thấy họ giăng co, rồi một khoảng lặng nữa. “Thôi đi!”, giọng Belle Bé nhỏ nói. “Đó là Horace! Tôi sống cùng ông ấy!” Horace giữ ống nghe bên tai. Giọng Belle Bé nhỏ hỗn hển, kìm nén, lạnh lùng, thận trọng: “A lô. Horace. Mẹ cháu có khỏe không?”.

“Ừ. Ta và mẹ cháu đều khỏe. Ta chỉ muốn nói với cháu...”

“Ồ. Chúc ông ngủ ngon.”

“Chúc cháu ngủ ngon. Cháu vui chứ?”

“Vâng. Vâng. Mai cháu sẽ viết thư. Mẹ chưa nhận được thư của cháu hôm nay sao?”

“Ta không biết. Ta chỉ...”

“Có thể cháu đã quên không gửi nó. Thế nhưng mai cháu sẽ không quên đâu. Mai cháu sẽ viết thư. Đó là tất cả những gì ông muốn phải không?”

“Ừ. Ta chỉ muốn bảo cháu...”

Anh đặt ống nghe xuống, anh nghe tiếng đường dây tắt ngấm. Ánh đèn từ phòng vợ anh hắt ra hành lang. “Khóa cửa sau đi”, cô ta

nói.

Khi đang trên đường đến Pensacola thăm mẹ, Popeye bị bắt ở Birmingham vì tội giết một cảnh sát tại một trị trấn nhỏ ở Alabama ngày Mười bảy tháng Sáu năm đó. Hắn bị bắt vào tháng Tám. Vào đêm Mười bảy tháng Sáu đó, Temple đã đi ngang qua hắn lúc hắn đang ngồi trong một chiếc xe đỗ trên đường bên cạnh căn nhà, cái đêm Red bị giết.

Mùa hè nào, Popeye cũng đi thăm mẹ. Bà ta nghĩ hắn là một thư ký ca đêm cho một khách sạn ở Memphis.

Mẹ hắn là con gái của một ông chủ nhà trọ. Cha hắn là một tay chuyên phá hoại các cuộc đình công, được công ty xe lửa thuê để phá vỡ một cuộc đình công vào năm 1900. Mẹ hắn vào thời điểm đó đang làm việc tại một cửa hàng bách hóa ở trung tâm thị trấn. Ba đêm liền, bà ngồi trên xe buýt cạnh cha Popeye - tài xế của chiếc xe đó. Một đêm, tay phá hoại đình công xuống xe ở chỗ nhà bà và cùng bà ta đi bộ về nhà.

“Anh sẽ không bị đuổi việc chứ?”, bà hỏi.

“Ai đuổi?”, tay phá hoại đình công nói. Họ đi bộ cùng nhau. Ông ta ăn mặc khá đẹp. “Phe bên kia sẽ nhanh chóng thuê anh. Họ cũng biết chuyện đó.”

“Ai sẽ thuê anh?”

“Những người đình công. Anh chả thèm quan tâm lái xe cho ai. Với ai, anh cũng vậy thôi. Tuy nhiên anh sẽ thích hơn, nếu có thể đi tuyến đường này mỗi đêm vào giờ này.”

Bà đi bên cạnh ông ta. “Anh không nghĩ như thế đâu”, bà nói.

“Chắc chắn là anh nghĩ thế.” Ông ta nắm lấy cánh tay bà.

“Em đoán anh rồi sẽ sớm kết hôn với một ai đó như cách những người khác vẫn làm.”

“Ai đã nói với em thế?”, ông ta nói. “Cái bọn khốn đó đang bàn tán về anh à?”

Một tháng sau, bà bảo ông ta rằng họ *phải* kết hôn.

“Ý em là sao, *phải ư?*”, ông ta nói.

“Em không dám nói cho họ biết. Nếu không em sẽ phải bỏ đi. Em không dám.”

“Thôi được, đừng lo lắng. Anh tự nguyện mà. Dù sao anh cũng phải đi ngang qua đây mỗi đêm.”

Họ kết hôn. Ông sẽ đi ngang qua góc phố này vào ban đêm. Ông sẽ dùng chân nhấn cái chuông. Đôi khi, ông sẽ về nhà. Ông sẽ đưa cho bà tiền. Mẹ bà thích ông, ông sẽ ồn ào đi vào trong nhà vào giờ ăn tối Chủ nhật, gọi những người khách thuê trọ khác, thậm chí những người già, bằng tên Thánh của họ. Rồi một hôm, ông không về, ông không nhấn cái chuông dưới chân khi chuyển xe lửa đi ngang qua. Khi ấy, cuộc đình công đã chấm dứt. Bà nhận được một thiệp Giáng sinh từ ông, một bức hình với một cái chuông và vòng hoa dập nổi mạ vàng, từ một thị trấn ở Georgia. Cái thiệp viết: “Người ta đang cố gắng sửa chữa nó trên này. Nhưng họ làm rất lè mè. Có lẽ mọi chuyện sẽ tiếp tục cho đến khi bọn anh đập tan được một thị trấn, ha ha ha”. Từ *đập tan* đã được gạch chân.

Ba tuần sau khi kết hôn, bà bắt đầu khó ỡ. Bà có thai. Bà không đến khám bác sĩ, bởi vì một bà lão da đen đã nói cho bà những thông tin sai lệch. Popeye được sinh ra vào ngày Giáng sinh, cái ngày mà bà mẹ hấn nhận được tấm thiệp. Lúc đầu, họ nghĩ hấn bị mù. Sau đó, họ khám phá ra là hấn không mù, mặc dù mãi đến năm bốn tuổi hấn mới học đi và nói. Cũng trong khoảng thời gian đó, người chồng thứ hai của bà ngoại hấn, một người đàn ông còi cọc, khó chịu, với bộ ria mép mềm mại và rậm rạp, người cứ luẩn quẩn làm việc vặt vãnh trong nhà, sửa những bậc thang bị hỏng, những chỗ nước rò rỉ và đại khái thế, đã bỏ đi vào một buổi chiều với tấm ngân phiếu ký sẵn, chưa ghi số tiền, để thanh toán một hóa đơn mười hai đô la của hàng thịt. Ông ta không bao giờ trở lại. Ông ta rút một ngàn bốn trăm đô la trong tài khoản tiết kiệm ở ngân hàng của bà vợ và biến mất.

Mẹ hấn vẫn làm việc ở trung tâm thành phố, trong khi bà ngoại chăm sóc đứa bé. Một buổi chiều, một trong những khách thuê trọ trở về và thấy phòng mình đang cháy. Ông ta dập tắt nó, một tuần

sau ông ta tìm thấy một miếng mồi lửa trong thùng rác của mình. Bà ngoại đang chăm sóc đứa bé. Bà hay mang nó đi với bà. Một buổi tối, không ai thấy bà đâu. Các gia đình túa ra. Một người hàng xóm bật chuông báo cháy và những người lính cứu hỏa tìm thấy bà ngoại trên gác mái, đang dập một ngọn lửa bốc lên từ một đồng mùn cưa ở giữa căn phòng, đứa bé đang ngủ trên một tấm nệm bỏ đi gần đó.

“Mấy đứa khốn kiếp đang cố gắng bắt thằng bé”, bà già nói. “Bọn chúng đốt nhà.” Ngày hôm sau, tất cả khách trọ rời đi.

Người phụ nữ trẻ bỏ việc. Mẹ hấn ở nhà suốt. “Con nên ra ngoài hít thở không khí”, bà ngoại nói.

“Con có đủ không khí rồi”, người con nói.

“Con có thể ra ngoài và mua mấy món đồ”, bà mẹ nói, “Con có thể mua chúng rẻ hơn.”

“Mình mua chúng đủ rẻ rồi.”

Bà xem xét tất cả củi lửa, bà không để một que diêm nào trong nhà. Bà cất một ít diêm sau một viên gạch ở vách tường bên ngoài. Popeye lúc đó được ba tuổi. Trông hấn chỉ giống đứa trẻ một tuổi, mặc dù được ăn uống rất khá. Một ông bác sĩ đã bảo mẹ hấn cho hấn ăn trứng rán dầu ô liu. Một buổi chiều, cậu nhỏ giao hàng tạp hóa, đi xe đạp vào sân trước, bị trượt bánh và ngã. Một cái gì đó rỉ ra từ gói hàng. “Đó không phải là trứng”, cậu nhỏ nói. “Đó là một chai dầu ô liu. Cô phải mua loại dầu này đựng trong những cái can”, cậu nhỏ nói, “Ông ta không thể nhận ra sự khác biệt đâu. Cháu sẽ mang cho cô một can khác. Và cô nên sửa cái cổng đó đi. Cô muốn cháu bị gãy cổ vì nó à?”

Tới sáu giờ, cậu ta vẫn chưa quay lại. Đó là mùa hè. Không có lửa, không có một que diêm nào trong nhà. “Con sẽ quay về trong vòng năm phút”, mẹ hấn nói.

Bà rời nhà. Bà ngoại nhìn theo cho đến khi mẹ hấn khuất bóng. Sau đó, bà ngoại bọc đứa bé trong một cái chăn mỏng và rời nhà. Đây là một đường nhánh tách ra từ đường chính nơi có khu chợ - nơi những người giàu có trong những chiếc xe sang trọng dừng lại trên đường về nhà để mua sắm. Khi bà ngoại tới góc phố, một chiếc xe vừa tấp vào lề đường. Một người phụ nữ ra khỏi xe và đi vào một

cửa hàng, để lại người tài xế da đen phía sau tay lái. Bà ngoại đi tới cái xe hơi.

“Cho tôi xin nửa đô la”, bà nói.

Người tài xế da đen nhìn bà ta. “Nửa gì?”

“Nửa đô la. Thằng bé đã làm vỡ cái chai.”

“Ồ”, người da đen nói. Anh ta thò tay vào túi. “Làm thế nào tôi biết được bà nói thật? Cô ta đã bảo bà ra xin tiền ở ngoài này phải không?”

“Tôi muốn xin nửa đô la. Thằng bé đã làm vỡ cái chai thật mà.”

“Vậy thì tôi cho là tôi nên đi vào trong”, người da đen nói.

“Nửa đô la thôi”, người đàn bà nói. Anh ta cho bà nửa đô la và đi vào cửa hàng. Người đàn bà dõi theo anh ta. Sau đó, bà đặt đứa bé lên ghế xe và đi theo người da đen. Đó là một cửa hàng tự phục vụ, nơi khách hàng từ từ di chuyển dọc một rào chắn theo hàng một. Người da đen đã đứng cạnh người phụ nữ da trắng rời khỏi xe ban nãy. Bà trông thấy người phụ nữ chuyển cho người da đen vài chai nước cốt cà chua. “Chỗ đó là một đô la hai mươi lăm xu”, bà nói. Người da đen đưa tiền cho bà. Bà lấy tiền, đi qua họ và băng ngang căn phòng. Có một chai dầu ô liu nhập khẩu của Ý, có nhãn ghi giá tiền. “Tôi còn hai mươi tám xu nữa”, bà nói. Bà đi tiếp, ngắm nhìn những cái nhãn ghi giá, cho đến khi tìm thấy một cái đề hai mươi tám xu. Đó là bảy bánh xà phòng tắm. Với hai gói đồ, bà rời cửa hàng. Có một viên cảnh sát góc đường. “Tôi hết diêm rồi”, bà nói.

Người cảnh sát tìm trong túi mình. “Tại sao bà không mua nó khi bà ở trong đó?”, ông ta nói.

“Tôi quên mất. Ông biết đi mua sắm với một đứa bé là như thế nào mà.”

“Đứa bé đâu rồi?”, người cảnh sát hỏi.

“Tôi đã bán nó”, người đàn bà nói.

“Bà nên là diễn viên hài kịch mới phải”, người cảnh sát nói. “Bà muốn mấy que diêm? Tôi không có nhiều, chỉ một, hai que thôi.”

“Một thôi”, người đàn bà nói. “Tôi chẳng bao giờ đốt lửa mà cần nhiều hơn một que diêm.”

“Bà nên đi đóng hài kịch”, người cảnh sát nói. “Bà sẽ đốt nhà à?”

“Phải”, người đàn bà nói, “Tôi đốt nhà.”

“Nhà nào?”, ông ta nhìn bà. “Cái nhà tẻ bần hả?”

“Tôi sẽ đốt nhà”, người đàn bà nói. “Ngày mai ông hãy đọc báo. Tôi hy vọng họ viết đúng tên tôi.”

“Tên bà là gì? Calvin Coolidge⁽¹²⁾ à?”

“Không, thưa ngài. Đó là con trai tôi.”

“Ồ. Đó là lý do tại sao bà gặp nhiều phiền phức khi mua sắm, phải vậy không? Hai que diêm sẽ đủ chứ?”

Sau đó, cảnh sát đã nhận được ba cuộc báo động về địa chỉ đó, vì thế họ không vội vàng. Người đầu tiên tới đó là mẹ Popeye. Cánh cửa bị khóa và khi những người lính cứu hỏa đến bẻ khóa, ngôi nhà đã bị thiêu rụi bên trong. Bà ngoại đang thò người ra ngoài trên một cửa sổ ở tầng trên nơi khói đã cuồn cuộn bốc lên. “Lũ khốn nạn”, bà nói. “Bọn chúng tưởng sẽ bắt được nó. Nhưng tôi đã nói tôi sẽ cho chúng thấy. Tôi đã bảo chúng như vậy.”

Mẹ Popeye nghĩ rằng hấn đã chết. Họ giữ chặt bà trong khi bà gào thét, trong khi khuôn mặt la hét của bà ngoại biến mất trong khói và khung căn nhà đổ bẹp rúm, người phụ nữ da trắng và người cảnh sát mang đứa bé đến và tìm thấy người phụ nữ - mẹ Popeye với khuôn mặt hoang dại, miệng mở to, nhìn đứa bé với vẻ mơ hồ, chậm chậm vuốt ngược mái tóc thưa thớt của bà từ hai bên thái dương. Bà không bao giờ bình phục hoàn toàn. Bởi công việc khó khăn và sự thiếu không khí trong lành, sự đấng trí, bệnh tật hành hạ, những tài sản mà người chồng thoáng qua đã để lại cho bà, bà đã bị sốc và có những lúc bà tin rằng đứa bé đã chết, ngay cả khi đang ôm nó trong tay, ngân nga hát ru nó.

Popeye cũng có thể suýt nữa đã chết. Hấn không có sợi tóc nào cho đến khi được năm tuổi, khi đã là học sinh tại một cơ sở giáo dục: một đứa trẻ còi cọc, với cái dạ dày quá yếu ớt đến nỗi một sai lầm nhỏ nhất với chế độ dinh dưỡng nghiêm ngặt cố định bác sĩ đã đưa ra cho hấn, sẽ khiến hấn liên tục bị co giật. “Rượu sẽ giết cậu ta giống như chất độc từ cây mã tiền”, bác sĩ nói. “Và cậu ta sẽ không

bao giờ là một người đàn ông, nói một cách đúng đắn. Nếu được chăm sóc, cậu ta sẽ sống lâu hơn một chút. Tuy nhiên, cậu ta sẽ không bao giờ lớn thêm chút nào so với hiện nay nữa.” Ông bác sĩ đang nói chuyện với người phụ nữ đã tìm thấy Popeye trong xe của cô vào ngày bà ngoại thiêu rụi căn nhà và nhờ cô mà Popeye mới có được sự chăm sóc của bác sĩ. Cô sẽ đem hấn về nhà vào các buổi chiều và ngày nghỉ lễ, hấn sẽ tự chơi một mình. Cô quyết định tổ chức một bữa tiệc của trẻ con cho hấn. Cô nói với hấn về chuyện đó, mua cho hấn một bộ đồ mới. Khi bữa tiệc bắt đầu và khách khứa đã tới, không thể tìm thấy Popeye. Cuối cùng, người giúp việc phát hiện một cánh cửa phòng tắm bị khóa. Họ gọi thằng bé, nhưng không có tiếng trả lời. Họ tìm một thợ khóa, nhưng trong khi chờ đợi, người phụ nữ vì quá hoảng sợ, đã cho phá cửa bằng một cái rìu. Phòng tắm trống không. Cửa sổ mở. Nó nhìn ra một mái nhà thấp hơn, từ đó có một ống nước dẫn xuống mặt đất. Nhưng Popeye đã đi mất. Trên sàn có một cái lồng đan bằng cây liễu gai, bên cạnh nó là xác hai con vẹt, và cây kéo đâm máu mà hấn đã dùng để giết chúng.

Ba tháng sau, theo gợi ý từ một người hàng xóm của mẹ hấn, Popeye bị gửi đến một ngôi nhà dành cho trẻ em hư. Hấn đã giết một con mèo con với cách thức tương tự.

Mẹ hấn là một người tàn phế. Người phụ nữ đã cố gắng giúp đỡ Popeye, đã hỗ trợ cho bà ta, cho bà làm công việc may vá. Sau khi Popeye được thả ra - hấn được thả ra sau năm năm, dường như hấn đã được chữa khỏi bệnh hoàn toàn - hấn viết thư cho bà hai hoặc ba lần một năm, từ Mobile và rồi New Orleans và sau đó là Memphis. Mỗi mùa hè, hấn sẽ về nhà gặp mẹ, với vẻ lạng lẽ, yếu ớt, đen đúa trong bộ com lê đen bó sát. Hấn nói với bà rằng công việc của hấn là thư ký ca đêm cho những khách sạn, rằng nghề nghiệp của hấn đòi hỏi phải di chuyển từ thị trấn này sang thị trấn khác, giống như một bác sĩ hoặc một luật sư.

Khi hấn đang trên đường về nhà mùa hè đó, cảnh sát đã bắt hấn về tội giết một người đàn ông trong một thị trấn và thời điểm đó là khi hấn đang ở trong một thị trấn khác giết một người khác - người đàn ông đó làm ra tiền và không biết phải làm gì với nó, tiêu nó ra

sao, vì ông ta biết rằng rượu sẽ giết mình như thuốc độc, người không có bạn bè và chưa bao giờ biết đến một người phụ nữ và biết rằng ông ta không bao giờ có thể làm được điều đó - và hắn nói: “Bởi ý Chúa”, nhìn quanh quất xà lim trong nhà tù của thị trấn nơi người cảnh sát đã bị giết, bàn tay tự do của hắn (bàn tay kia bị còng vào tay viên sĩ quan đưa hắn đến từ Birmingham) lấy một miếng thuốc từ áo khoác ra một cách kiểu cách.

“Hãy để anh ta mời luật sư”, họ nói, “và lấy cái đó ra khỏi ngực anh ta. Anh muốn đánh điện không?”.

“Không”, hắn nói, đôi mắt lạnh lẽo, lướt nhanh về phía cái giường, cái cửa sổ nhỏ trên cao, cái cửa lưới mà ánh sáng đang chiếu vào qua đó. Họ tháo còng tay, hắn châm thuốc và búng que diêm về phía cửa. “Tôi muốn luật sư làm gì chứ? Tôi chưa bao giờ ở trong... Tên của chỗ rác rưởi này là gì?”

Họ nói với hắn ta. “Anh quên rồi, phải không?”

“Anh ta sẽ không quên được nó nữa”, người khác nói.

“Ngoại trừ việc anh ta sẽ nhớ tên vị luật sư của mình vào buổi sáng”, người thứ nhất nói.

Họ để hắn hút thuốc trên giường. Hắn nghe tiếng cửa sập mạnh. Thi thoảng, hắn nghe thấy tiếng nói từ những xà lim khác, đâu đó trên hành lang một người da đen đang hát. Popeye nằm trên giường, chân hắn bắt chéo trong đôi giày đen nhỏ xíu bóng loáng. “Bởi ý Chúa”, hắn nói.

Sáng hôm sau, viên thẩm phán hỏi xem hắn có muốn một luật sư không.

“Để làm gì?”, hắn nói. “Tôi đã nói với họ tối qua rằng trước đây tôi chưa bao giờ ở trong này. Tôi không thích thị trấn của ông đủ để mang một người lạ tới đây chẳng vì cái gì cả.”

Viên thẩm phán và viên mõ tòa đứng qua một bên hội ý.

“Anh nên kiếm luật sư”, viên thẩm phán nói.

“Được rồi”, Popeye nói. Hắn quay lại và nói với toàn bộ căn phòng: “Có ai trong số mấy tay say rượu các anh muốn một công việc một ngày không?”.

Viên thẩm phán gõ lên mặt bàn. Popeye quay lại, hấn nhún cái vai áo nhô lên một cách yếu ớt, bàn tay lần đến cái túi nơi hấn để thuốc lá. Viên thẩm phán chỉ định cho hấn một luật sư, một tay trẻ tuổi mới ra trường.

“Và tôi sẽ không bận tâm về việc bị nổ tung đâu”, Popeye nói. “Hãy tính toán mọi chuyện một lần cho xong.”

“Anh sẽ không nhận được bất kỳ bảo lãnh tại ngoại nào từ tôi”, viên thẩm phán bảo hấn.

“VẬY sao?”, Popeye nói. “Được rồi, Jack”, hấn bảo tay luật sư của hấn, “bắt đầu nào. Tôi được hưởng quyền ở Pensacola⁽¹³⁾ ngay bây giờ”.

“Đưa tù nhân trở lại nhà tù”, thẩm phán nói.

Luật sư của hấn có một khuôn mặt xấu xí, háo hức, sốt sắng. Anh ta huyền thuyên với một vẻ nhiệt tình đáng sợ trong khi Popeye nằm trên giường hút thuốc, mũ hấn sụp xuống tận mắt, bất động như một con rắn tấm nắnng ngoại trừ những chuyển động đều đặn của bàn tay đang cầm điếu thuốc lá. Cuối cùng hấn nói: “Này. Tôi không phải quan tòa. Hãy nói với ông ta tất cả điều này”.

“Nhưng tôi phải...”

“Hãy nói điều đó với bọn họ. Tôi chẳng biết gì về nó. Tôi thậm chí không có mặt ở đó. Cút đi.”

Phiên tòa kéo dài một ngày. Trong lúc một cảnh sát địa phương, một người bán xì gà, một cô điện thoại viên làm nhân chứng, trong lúc luật sư riêng của hấn phản biện, Popeye nằm ườn trên ghế, nhìn ra ngoài cửa sổ phía trên đầu của bồi thẩm đoàn. Thỉnh thoảng hấn ngáp, bàn tay lần đến cái túi nơi cất thuốc lá, rồi lại cố kiềm chế và nằm ra trên bàn nghỉ ngơi một cách nhàn nhã.

Bồi thẩm đoàn đã đi ra được tám phút. Họ đứng nhìn hấn và nói rằng hấn có tội. Bất động, tư thế không đổi, hấn nhìn lại họ chậm rãi, câm lặng trong nhiều giây. “Được thôi, bởi ý Chúa”, hấn nói.

Viên thẩm phán gõ mạnh cái búa của ông ta, viên sĩ quan chạm vào cánh tay hấn.

“Tôi sẽ kháng cáo”, tên luật sư làm nhảm. “Tôi sẽ chiến đấu với họ trong mỗi phiên tòa...”

“Chắc chắn”, Popeye nói, nằm trên giường và châm một điếu thuốc, “nhưng không phải trong này. Hãy cút đi, ngay bây giờ. Biến đi chỗ khác”.

Viên công tố quận đã lập kế hoạch sẵn sàng cho việc kháng cáo. “Chuyện đó quá dễ dàng”, ông ta nói. “Hắn đã chấp nhận nó... Ông thấy hắn đã chấp nhận nó như thế nào. Như thể hắn đang nghe một bài hát mà do quá lười biếng nên hắn không thích cũng chẳng ghét và tòa án bảo hắn ngày nào họ sẽ treo cổ hắn. Có lẽ một luật sư Memphis đã sẵn sàng bên ngoài cửa tòa án tối cao ngay bây giờ, chờ đợi một bức điện tín. Tôi biết họ. Chính những kẻ tội phạm như thế đã biến công lý thành một trò cười.”

Popeye gọi người cai ngục đến và đưa cho anh ta từ một trăm đô la. Hắn muốn một bộ dụng cụ cạo râu và thuốc lá. “Giữ lấy tiền thừa và cho tôi biết khi nào bọn chúng xông khói tôi”, hắn nói.

“Tôi cho rằng anh bạn sẽ không được hút thuốc với tôi lâu hơn nữa”, người cai ngục nói. “Anh bạn sẽ kiếm được một luật sư giỏi, lần này.”

“Đừng quên dầu gội đầu đấy”, Popeye nói. “Ed Pinaud” Nhưng hắn ta gọi là *Py-nawd*.

Đó là một mùa hè ẩm đạm, mát mẻ. Ánh sáng ban ngày hiếm khi chạm đến xà lim và một bóng đèn luôn sáng trong hành lang, chiếu vào xà lim gần chỗ cái văng nơi hắn gác chân. Người cai ngục đưa cho hắn một cái ghế. Hắn dùng nó làm bàn, trên đó có một đồng hồ quả quýt, một tút thuốc lá và một cái bát nứt đựng xúp. Hắn nằm trên giường, hút thuốc và ngấm ngứa hai bàn chân của mình trong khi ngày lại ngày trôi qua. Về bóng loáng trên đôi giày dần mòn xỉn và quần áo hắn nhàu nhĩ, bởi vì hắn mặc nguyên quần áo mà nằm suốt ngày trong cái xà lim bằng đá lạnh lẽo.

Một ngày, người cai ngục cho biết: “Có mấy người ở đây nói rằng sự sa đọa mời gọi sự giết chóc. Hắn đã làm hai, ba việc hèn hạ mà người ta biết”. Popeye hút thuốc, mũ hắn sụp xuống mặt. Người cai ngục nói: “Có thể họ đã không gửi bức điện tín của anh bạn. Anh

bạn có muốn tôi gửi giùm một bức khác không?”. Tựa người lên song sắt, anh ta có thể thấy hai chân của Popeye, hai cái chân nhỏ bé, đen đúa, bất động, cơ thể mảnh khảnh nằm sõng soài và cái mũ sụp xuống khuôn mặt ngoảnh đi của hắn, điều thuốc lá trong bàn tay nhỏ. Hai chân hắn đang nằm trong cái bóng, cái bóng của thân hình người cai ngục. Một lúc sau, người cai ngục lặng lẽ bỏ đi.

Khi hắn còn lại sáu ngày, người cai ngục đề nghị mang cho hắn những tờ tạp chí và một bộ bài.

“Để làm gì?”, Popeye nói. Lần đầu tiên hắn nhìn người cai ngục, đầu hắn ngẩng lên, trên khuôn mặt nhẵn nhụi, xanh xao, đôi mắt hắn tròn và có vẻ ôn hòa. Rồi hắn nằm xuống trở lại. Sau đó mỗi buổi sáng, người cai ngục lại dúm một cuộn báo vào qua cánh cửa. Chúng rơi xuống sàn và nằm đó, chồng chất, dần dần trải ra và lún dần bởi chính trọng lượng của chúng theo thời gian mỗi ngày một tăng lên.

Khi hắn còn lại ba ngày, một luật sư từ Memphis đến. Ông ta tự ý xông vào xà lim. Cả buổi sáng hôm đó, người cai ngục nghe giọng ông ta lớn tiếng phê bình nhận xét, đến trưa ông ta đã khản giọng, giọng ông ta không lớn hơn tiếng thì thầm.

“Chẳng lẽ anh sẽ chỉ nằm đây và để cho...”

“Tôi ổn mà”, Popeye nói. “Tôi không mời ông đến. Đừng nhúng mũi vào.”

“Anh muốn bị treo cổ hả? Phải không? Anh đang cố tự sát à? Anh, người tinh ranh nhất...”

“Tôi đã từng nói với ông rồi.”

“Khi tôi về lại Memphis và kể với họ, họ sẽ không thể tin nổi.”

“Vậy thì đừng kể với họ.” Hắn nằm một lúc trong khi viên luật sư nhìn hắn tràn trề thất vọng. “Khốn kiếp”, Popeye nói. “Lạy Chúa Jesus... Cút đi ngay”, hắn nói. “Tôi bảo ông là tôi ổn mà.”

Đêm trước đó, một vị mục sư đã đi vào.

“Anh cho phép tôi cầu nguyện cho anh chứ?”, ông ta nói.

“Chắc chắn”, Popeye nói, “Làm đi. Đừng để ý đến tôi”.

Vị mục sư quỳ xuống bên cạnh chiếc giường nơi Popeye nằm hút thuốc. Một lúc sau, ông mục sư thấy hấn đứng lên và băng qua sàn phòng, sau đó lại trở về cái giường. Khi ông ta đứng lên thì Popeye đang nằm trên giường, hút thuốc.

Vừa qua năm giờ, viên mục sư đã quay lại. Popeye đang nằm trên giường. “Sẵn sàng đi chưa?”, hấn nói.

“Chưa đâu”, mục sư nói. “Cố gắng cầu nguyện đi”, ông ta nói. “Cố gắng.”

“Chắc chắn rồi”, Popeye nói”, “Làm đi”. Mục sư lại quỳ xuống.

Vào lúc năm giờ ba mươi phút, người cai ngục đến. “Tôi mang đến...”, anh ta nói. Anh ta chìa bàn tay nắm chặt của mình qua song sắt. “Đây là tiền thừa từ một trăm đô la đó... Tôi mang đến... Nó chỉ hết bốn mươi tám đô la thôi”, anh ta nói. “Đợi đã, tôi sẽ đếm lại một lần nữa, tôi không biết chính xác, nhưng tôi có thể đưa cho anh bạn một danh sách... những cái hóa đơn mua hàng...”

“Giữ nó đi”, Popeye nói, không cử động. “Hãy mua cho mình một cái nhẫn.”

Họ đến tìm hấn lúc sáu giờ. Viên mục sư đi cùng hấn, bàn tay ông ta đặt bên dưới khuỷu tay Popeye, ông ta đứng cầu nguyện bên dưới bức pháp trường, trong khi họ điều chỉnh sợi dây thừng, tròng nó qua cái đầu bôi keo bóng mượt của Popeye, làm hồng mái tóc được chải chuốt của hấn. Hai tay bị trói, do đó hấn ngo nguậy đầu, hất ngược tóc ra sau mỗi lần nó rũ về phía trước, trong khi viên mục sư cầu nguyện, những người khác đứng yên tại chỗ của mình, đầu cúi xuống.

Popeye bắt đầu co giật cổ về phía trước. “Psssssst!”, hấn nói, âm thanh như đâm vào cái giọng đều đều của viên mục sư, “psssssssst!”. Viên cảnh sát trưởng nhìn hấn, hấn thôi co giật cổ và đứng thẳng đơ, như thể phải giữ một quả trứng thẳng bằng trên đầu. “Sửa tóc lại cho tôi, Jack”, hấn nói.

“Chắc chắn”, cảnh sát trưởng nói. “Tôi sẽ sửa tóc cho anh bạn.”

* * *

Đó là một ngày xám xịt, một mùa hè xám xịt, một năm xám xịt. Trên đường phố, vài người già mặc áo khoác và trong vườn Luxembourg khi Temple và cha cô đi ngang qua, những người đàn bà đang ngồi đan khăn quàng và thậm chí ngay cả những người đàn ông chơi bóng vồ cũng mặc áo khoác và áo choàng không tay để chơi, trong vẻ ảm đạm của những cây dẻ, tiếng đánh bóng khô khốc, tiếng la ngẫu nhiên của trẻ con, có cái đặc trưng của mùa thu, lộng lẫy, phù du và đìu hiu. Một tiếng nhạc đều đều vọng đến. Họ tiếp tục đi, ngang qua hồ bơi nơi những đứa trẻ và một ông già mặc áo khoác màu nâu sờn rách đang thả những chiếc thuyền đồ chơi, họ lại đi vào rừng cây tìm chỗ ngồi. Ngay lập tức, một bà già bước đến với vẻ già yếu hom hem xin bốn đồng xu.

Tại nhà rạp, một ban nhạc mặc quần áo màu xanh da trời của quân đội đang chơi nhạc của Massenet, Scriabin, Berlioz và Tchaikovsky, trong khi hoàng hôn hòa tan trong những ánh sáng lập lờ ướt át từ các ngã đường, vào trong nhà rạp và những cái dù hình nấm ảm đạm. Trầm trầm và vang dội, tiếng kèn đồng vang động và lại tắt lịm trong hoàng hôn ngập sắc xanh. Temple che miệng ngáp, sau đó cô lấy ra hộp phấn, soi mình trong cái gương nhỏ với vẻ buồn bã, ảm đạm. Cha cô ngồi bên cạnh, hai bàn tay vắt chéo trên đầu cây gậy, bộ ria mép lấm tấm vài giọt nước, ẩm ướt như phủ sương. Cô đóng hộp phấn và từ bên dưới cái mũ mới hợp mốt của mình, dường như đôi mắt cô dõi theo những sóng nhạc, để hòa tan vào tiếng kèn đồng đang lịm chết, ngang qua hồ bơi, đối diện với những hàng cây nhìn lên bầu trời nằm nghiêng và bị chế ngự trong vòng ôm ghì chặt trong mùa của mưa và sự chết chóc.

Hết

(12) Tên thật là John Calvin Coolidge (04/07/1872 - 05/01/1933), là tổng thống Hoa Kỳ thứ 30.

(13) Pensacola là một thành phố rất đẹp, thu hút nhiều khách du lịch ở bang Florida, Mỹ.